

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**VY QUỐC PHÁT**

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ  
TRONG GIAI KHỞI TỐ, ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA  
TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO**

Ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự  
Mã số: 9380104

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. ĐINH THỊ MAI

**HÀ NỘI - 2026**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*“Tôi xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập do chính tôi thực hiện. Các số liệu và tư liệu được sử dụng trong luận án đảm bảo tính chính xác, trung thực và có độ tin cậy cao. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả nghiên cứu của mình”.*

**TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

**VY QUỐC PHÁT**

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
CQTHTT	Cơ quan tiến hành tố tụng
CTV	Công tố viên
KNKT	Kiến nghị khởi tố
KSV	Kiểm sát viên
QCT	Quyền công tố
TG, TBTP	Tố giác, tin báo về tội phạm
THQCT	Thực hành quyền công tố
TTHS	Tố tụng hình sự
VTC	Viện công tố
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

## DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU TRONG LUẬN ÁN

	Trang
<b>Biểu 3.1.</b> <i>Diễn biến số vụ án ma túy tại các tỉnh biên giới Việt – Lào so với toàn quốc giai đoạn 2013–2024</i>	83
<b>Biểu 3.2.</b> <i>Xu hướng số vụ án ma túy tại 4 tỉnh biên giới trọng điểm (Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Thanh Hóa) giai đoạn 2013–2024</i>	84
<b>Bảng 3.1.</b> So sánh sự khác biệt giữa giai đoạn 2013-2017 và giai đoạn 2018-2024 về số vụ án và bị can trong vụ án ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào và trên toàn quốc	85
<b>Bảng 3.2.</b> <i>Số vụ Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào</i>	117

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>7</b>
1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài .....	7
1.1.1. Nhóm các công trình phân tích mô hình công tố theo hệ thống pháp luật (so sánh mô hình).....	7
1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quyền công tố trong mối liên hệ với bảo đảm quyền con người, pháp quyền và kiểm soát quyền lực.....	8
1.1.3. Các công trình nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn và chiến lược hoạt động công tố trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm ma túy.....	9
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	11
1.2.1. Nhóm các công trình khoa học nghiên cứu về các chức năng của Viện kiểm sát, trong đó có chức năng thực hành quyền công tố.....	11
1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về tội phạm về ma túy và công tác phòng, chống ma túy trong khu vực và trong nước, bao gồm các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.....	13
1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự và trong các vụ án hình sự về ma túy.....	15
1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu .....	19
1.3.1. Những ưu điểm, những nội dung nghiên cứu đã sáng tỏ và được luận án kế thừa, phát triển trong nghiên cứu đề tài .....	19
1.3.2. Những vấn đề liên quan đến chủ đề luận án nhưng chưa được giải quyết thấu đáo hoặc chưa được đặt ra trong các công trình nghiên cứu đã công bố .....	20
1.3.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.....	21
Tiểu kết Chương 1.....	22
<b>CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO ..</b>	<b>23</b>
2.1. Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố .....	23
2.1.1. Những vấn đề lý luận về quyền công tố .....	23

2.1.2. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố.....	29
2.2. Những vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào .....	37
2.2.1. Khái niệm về giai đoạn tố tụng, giai đoạn khởi tố, giai đoạn điều tra .....	37
2.2.2. Nội dung THQCT trong giai đoạn khởi tố và giai đoạn điều tra .....	40
2.2.3. Khái niệm, đặc điểm về các tội phạm về ma túy và các vụ án về ma túy.....	44
2.2.4. Khái niệm, đặc điểm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào .....	50
2.3. Các yếu tố bảo đảm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào .....	54
2.3.1. Bảo đảm về thể chế pháp lý.....	54
2.3.2. Bảo đảm về tổ chức bộ máy và năng lực đội ngũ kiểm sát viên .....	55
2.3.3. Bảo đảm về cơ sở vật chất, điều kiện về kỹ thuật nghiệp vụ.....	56
2.3.4. Bảo đảm về cơ chế phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế .....	57
2.3.5. Bảo đảm về chính trị – xã hội – văn hóa – dân trí tại địa bàn .....	58
2.4. So sánh chính sách pháp luật hình sự về tội phạm ma túy giữa Việt Nam và Lào .....	60
2.4.1. Sự tương đồng về chính sách hình sự giữa Việt Nam và Lào đối với tội phạm ma túy .....	60
2.4.2. Những khác biệt cơ bản trong chính sách và pháp luật hình sự giữa hai quốc gia .....	62
2.4.3. Tác động của sự khác biệt chính sách pháp luật này đến hoạt động THQCT trong các vụ án về ma túy tại Việt Nam .....	63
Tiểu kết Chương 2.....	64
<b>CHƯƠNG 3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO ..</b>	<b>66</b>
3.1. Cơ sở pháp lý của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào.....	66
3.1.1. Hiến pháp năm 2013 .....	66
3.1.2. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.....	67

3.1.3. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.....	68
3.1.4. Luật Tư pháp người chưa thành niên.....	77
3.1.5. Các văn bản quy phạm pháp luật khác.....	79
3.2. Khái quát tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào trong những năm gần đây.....	81
3.3. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào .....	86
3.3.1. Kết quả thực hành quyền công tố trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố .....	86
3.3.2. Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.....	89
3.3.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.....	94
3.3.4. Thực hành quyền công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra và trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết.....	97
3.3.5. Thực hành quyền công tố trong việc kết thúc điều tra.....	101
3.4. Nhận xét, đánh giá những ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào .....	103
3.4.1. Ưu điểm.....	103
3.4.2. Tồn tại hạn chế.....	105
3.5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế .....	119
3.5.1. Nguyên nhân từ hạn chế về trình độ, nhận thức và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên .....	119
3.5.2. Hạn chế về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.....	120
3.5.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy cho Kiểm sát viên còn một số hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức .....	121
3.5.4. Hoạt động phối hợp liên ngành trong hoạt động điều tra và THQCT việc khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy còn hạn chế.....	122

3.5.5. Cán bộ, Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy còn thiếu rất nhiều so với số lượng án phải thụ lý, .....	123
3.5.6. Chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy còn hạn chế .....	123
3.5.7. Nguyên nhân từ những vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật hình sự .....	125
3.5.8. Nguyên nhân từ những vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật tố tụng hình sự .....	129
3.5.9. Nguyên nhân từ những khó khăn, vướng mắc khác .....	138
Tiểu kết Chương 3 .....	139
<b>CHƯƠNG 4. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO .....</b>	<b>140</b>
4.1. Yêu cầu thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào trong bối cảnh cải cách tổ chức bộ máy và tình hình mới .....	140
4.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp .....	141
4.1.2. Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào .....	142
4.1.3. Yêu cầu bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự .....	143
4.1.4. Yêu cầu gắn với nội dung tăng cường hơn nữa trách nhiệm của Viện kiểm sát mà trực tiếp là cán bộ, Kiểm sát viên .....	143
4.1.5. Yêu cầu hoạt động thực hành quyền công tố phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bảo đảm tính khả thi .....	145
4.1.6. Yêu cầu tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hành quyền công tố đối với các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào .....	146
4.2. Giải pháp về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào .....	147

4.2.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổng kết rút kinh nghiệm nghiệp vụ về thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy .....	147
4.2.2. Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ của ngành Kiểm sát nhân dân .....	151
4.2.3. Tăng cường và đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy.....	152
4.2.4. Nâng cao, đổi mới phong pháp thực hành quyền công tố .....	154
4.2.5. Tăng cường trang bị cơ sở, vật chất và bảo đảm chế độ đãi ngộ cho ngành Kiểm sát nhân dân.....	158
4.2.6. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.....	159
4.2.7. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên toàn tuyến biên giới.....	161
4.2.8. Tăng cường hợp tác quốc tế trong điều tra và thực hành quyền công tố đối với tội phạm ma túy xuyên biên giới .....	161
4.2.9. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật và phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực biên giới.....	162
4.2.10. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm ma túy.....	162
4.2.11. Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong giai đoạn khởi tố, điều tra.....	163
Tiêu kết Chương 4.....	169
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>170</b>
<b>DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ .....</b>	<b>172</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>173</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>182</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thì các cơ quan tư pháp nói chung, trong đó có VKSND luôn đóng vai trò quan trọng. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang bước vào Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, với nhiều đổi mới mang tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và tư pháp đã đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động của các CQTHTT nói chung và VKSND nói riêng, đặc biệt là trong việc thực hiện chức năng THQCT.

Những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, công cuộc cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước, trong đó có hoạt động TTHS, đang được triển khai một cách đồng bộ, sâu sắc và toàn diện. Trong bối cảnh ấy, yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các CQTHTT, đặc biệt là VKSND, ngày càng trở nên cấp thiết. Trong đó, một trong những trọng tâm cần được làm rõ và hoàn thiện chính là hoạt động THQCT – chức năng trung tâm của VKS, đặc biệt là trong giai đoạn khởi tố và điều tra, giai đoạn xác lập cơ sở, nền tảng cho toàn bộ quá trình xử lý vụ án hình sự, đồng thời trong thực tiễn, đây cũng là giai đoạn dễ phát sinh sai phạm và có nguy cơ cao xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân. Điều này càng cho thấy tầm quan trọng của hoạt động THQCT trong giai đoạn này, chúng không chỉ đơn thuần là việc thực hiện một chức năng pháp lý được luật định để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội mà còn là một cơ chế bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người ngay từ khi nhà nước bắt đầu can thiệp vào đời sống cá nhân bằng các biện pháp TTHS. Do đó, chất lượng THQCT ở giai đoạn này có ý nghĩa quyết định trong việc phòng ngừa oan, sai, bỏ lọt tội phạm cũng như bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình tội phạm ma túy đang diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng cả về quy mô, tính chất, mức độ tinh vi và tổ chức, yêu cầu đặt ra đối với hoạt động THQCT càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết. Tội phạm ma túy là loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, có liên quan đến nhiều tội phạm khác như rửa tiền, buôn bán vũ khí, tổ chức đánh bạc, mua bán người... và thường có yếu tố xuyên quốc gia. Trong nhiều trường hợp, các vụ án ma túy không chỉ đòi hỏi sự vào cuộc kịp thời và kiên quyết của CQĐT, mà cần sự bảo đảm về tính định hướng đúng đắn từ cơ quan THQCT, với vai trò trung tâm trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội ngay từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm. Trên thực tế, *tuyến biên giới Việt Nam – Lào* là một trong những địa bàn “nóng” về tình hình tội phạm ma túy ở nước ta. Đây là khu vực có đường biên giới dài, hiểm trở, dân cư phân bố thưa, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, đồng thời có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ, tập quán riêng biệt. Các tuyến giao thông qua khu vực này, đặc biệt là các tuyến đường bộ và đường mòn

lối mở, thường xuyên bị các đường dây ma túy lợi dụng để vận chuyển trái phép chất ma túy từ Tam giác vàng qua Lào vào Việt Nam. Theo số liệu của ngành Kiểm sát, các tỉnh biên giới Việt – Lào chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng số vụ án và bị can ma túy trên cả nước, đặc biệt tập trung tại các tỉnh như Sơn La, Điện Biên, Nghệ An và Thanh Hóa. Trong khi đó, điều kiện tổ chức và thực hiện chức năng THQCT tại khu vực này còn gặp nhiều khó khăn, cả về nhân lực, vật lực, kỹ thuật nghiệp vụ, sự phối hợp liên ngành và nhiều yếu tố khác.

Trước yêu cầu đó, việc nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống và toàn diện về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào không chỉ có ý nghĩa lý luận sâu sắc mà còn mang tính thực tiễn cấp thiết. Đây là yêu cầu xuất phát từ chính thực tiễn TTHS, từ sự gia tăng của tội phạm về ma túy, từ yêu cầu cải cách tư pháp. Do đó, việc nghiên cứu đề tài **“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào”** là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về THQCT; nâng cao chất lượng thực tiễn hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn, đồng thời, góp phần; góp phần làm rõ vai trò của VKSND trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới với nhiều đổi mới chiến lược về chính trị, kinh tế, xã hội và tư pháp.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Luận án hướng tới mục đích tổng quát là làm sáng tỏ một cách có hệ thống cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào; trên cơ sở đó, đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng hoạt động này trong thời gian tới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích trên, Luận án có nhiệm vụ là:

- Hệ thống hóa, phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, bao gồm khái niệm, đặc điểm, nội dung và mối quan hệ với các hoạt động tố tụng có liên quan.

- Phân tích, làm rõ các quy định pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, đồng thời xem xét sự vận động, thay đổi của các quy định này trong bối cảnh pháp luật hiện hành.

- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào; làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân.

- Xác định các yếu tố đặc thù của tội phạm ma túy và của địa bàn nghiên cứu có tác động đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy của VKSND hai cấp tại các tỉnh trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào. Phạm vi nghiên cứu bao quát cả ba phương diện: lý luận, pháp luật và thực tiễn tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, để bảo đảm tính tập trung và khả thi trong triển khai, luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu trên các phương diện cụ thể như sau:

- Về không gian: Luận án nghiên cứu trong phạm vi 10 tỉnh, thành phố biên giới của Việt Nam có đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, gồm: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam và Kon Tum (các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào). Tại phần phân tích, đánh giá thực tiễn THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, có so sánh với số liệu tương ứng của toàn quốc và một số tỉnh thành khác.

- Về giai đoạn tố tụng: Luận án chỉ tập trung nghiên cứu giai đoạn khởi tố và điều tra trong quá trình TTHS, từ khi giải quyết TG, TBTP, KNKT cho đến khi CQĐT ban hành kết luận điều tra vụ án. Luận án không nghiên cứu các giai đoạn truy tố, xét xử và thi hành án.

- Về chủ thể của hoạt động THQCT: Luận án chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu hoạt động THQCT của VKS và KSV nói chung (không nghiên cứu riêng đối với hoạt động của KSV giữ chức vụ Viện trưởng, Phó Viện trưởng); hoạt động THQCT của VKSND hai cấp tại địa phương (không bao gồm hoạt động của hệ thống VKS quân sự).

- Về thời gian:

+ Luận án tập trung phân tích, đánh giá thực trạng THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào trong khoảng thời

gian từ năm 2018 đến 30/6/2025 (Giai đoạn trước khi thực hiện việc sáp nhập các tỉnh thành tại Việt Nam theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội).

+ Từ 01/7/2025, trên cơ sở phân tích bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đặc biệt là những thay đổi về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, sự điều chỉnh của chính sách hình sự, chính sách tư pháp, luận án tiến hành đánh giá các tác động dự báo đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại các tỉnh thành biên giới Việt Nam - Lào. Qua đó, làm cơ sở khoa học để luận giải các yêu cầu mới đặt ra, đồng thời đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng THQCT của Kiểm sát viên, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

+ Phân khái quát tình hình tội phạm ma túy có so sánh với giai đoạn trước đó (2013 - 2017) để làm rõ bối cảnh phát sinh, diễn biến và xu hướng phát triển của loại tội phạm này, từ đó tạo cơ sở đánh giá đầy đủ hơn về hoạt động THQCT trong bối cảnh hiện nay.

#### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp luận của luận án dựa trên nền tảng triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với những quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm ma túy nói riêng.

Luận án này thuộc chuyên ngành Luật hình sự và Luật TTHS, sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- Phương pháp thu thập và phân tích tài liệu liên quan: Phương pháp này giúp làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu và xây dựng các cơ sở lý luận về việc THQCT trong quá trình điều tra các tội phạm ma túy.

- Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh và điều tra xã hội học: Được áp dụng để thống kê dữ liệu, phân tích tài liệu, báo cáo tổng kết và hồ sơ vụ án liên quan đến các tội phạm ma túy. Từ đó, tổng hợp các ưu, nhược điểm và các khó khăn, vướng mắc trong công tác THQCT tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào và so sánh với thực tiễn ở một số quốc gia khác.

- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: Phương pháp này được dùng để phân tích các vụ án cụ thể tại một số địa phương, qua đó nhận diện các ưu và khuyết điểm phổ biến trong công tác THQCT liên quan đến điều tra các tội phạm ma túy.

- Phương pháp trao đổi với chuyên gia: Nhằm thu thập kinh nghiệm và kiến thức từ các chuyên gia trong lĩnh vực THQCT trong điều tra các vụ án ma túy thông qua các buổi tọa đàm và thảo luận chuyên sâu.

- Phương pháp khảo sát thực tế: được tiến hành thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp người tiến hành tố tụng (chủ yếu là Kiểm sát viên tại một số tỉnh biên giới Việt Nam – Lào). Thông qua khảo sát này, luận án ghi nhận những đánh giá thực tế về những khó khăn

khi THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Đây là nguồn thông tin định tính quan trọng, góp phần củng cố các lập luận và giải pháp của luận án từ góc nhìn thực tiễn ngành.

## **5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

Luận án là công trình chuyên khảo nghiên cứu một cách hệ thống và tương đối hoàn thiện về lý luận và thực tiễn của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào. Những kết quả từ nghiên cứu đã mang lại các đóng góp mới cho khoa học chuyên ngành. Cụ thể:

- Bổ sung và hoàn thiện các vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào, xây dựng những khái niệm, nội dung và phương pháp cơ bản về THQCT trong giai đoạn này; làm rõ các dấu hiệu đặc trưng và những yếu tố đặc thù của các tội phạm ma túy tại khu vực biên giới.

- Phân tích và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về THQCT trong khởi tố, điều tra các vụ án ma túy, đặc biệt trong điều kiện phức tạp của địa bàn biên giới Việt Nam - Lào, nơi có sự giao thoa về văn hóa, tập quán và các hoạt động buôn bán ma túy xuyên biên giới.

- Khảo sát, thống kê và đánh giá tình hình thực tiễn công tác THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào từ năm 2018 – 2024. Qua đó, rút ra những kết quả đã đạt được, đồng thời làm rõ các hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của chúng. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả THQCT trong công tác điều tra các tội phạm ma túy tại khu vực biên giới.

- Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan chức năng, bao gồm VKSND và CQĐT, trong việc khởi tố, điều tra và xử lý các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

- Ý nghĩa lý luận: Luận án này đã góp phần bổ sung, phát triển những vấn đề lý luận về khoa học hình sự, TTHS và khoa học pháp lý chuyên ngành kiểm sát, đặc biệt là trong THQCT trong quá trình khởi tố và điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào; thống nhất nhận thức về THQCT trong khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, đồng thời phân tách rõ ràng giữa nhiệm vụ của THQCT với kiểm sát trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

- Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo trong đào tạo nghiệp vụ kiểm sát tại các cơ sở giáo dục chuyên ngành như Trường Đại học Kiểm sát, Học viện Tư pháp. Luận án cũng là cơ sở để CQĐT và VKS xây dựng quy chế hợp tác liên ngành, hướng tới nâng cao hiệu quả trong công tác điều tra và xét xử các vụ án ma túy. Ngoài ra, luận án cung cấp cho các KSV kiến thức và kỹ năng

cần thiết trong hoạt động THQCT khi xử lý các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào.

Những giải pháp được đề xuất trong luận án có giá trị tham khảo cho các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình sửa đổi, bổ sung BLHS và BLTTHS. Đồng thời, đây cũng là tài liệu quan trọng giúp các cơ quan tố tụng, cơ quan thực thi pháp luật và sinh viên ngành luật vận dụng trong thực tiễn công tác điều tra, truy tố tội phạm ma túy, góp phần bảo vệ pháp luật và quyền lợi hợp pháp của công dân, cũng như tăng cường năng lực phòng, chống tội phạm ma túy.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm 04 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

Chương 3: Cơ sở pháp lý và thực tiễn THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

Chương 4: Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

##### *1.1.1. Nhóm các công trình phân tích mô hình công tố theo hệ thống pháp luật (so sánh mô hình)*

Nhóm các công trình này tiêu biểu bằng các công trình của Kalman Gyorgy, Julia Fionda, Minoru Shikita, và Philip Riechel & Richard Vogler. Các công trình này tập trung vào việc phân tích so sánh mô hình cơ quan công tố trong các hệ thống TTHS khác nhau trên thế giới, góp phần hình thành cơ sở lý luận về tổ chức và vận hành QCT. Cụ thể:

Một trong những nghiên cứu quan trọng về mô hình công tố là công trình của TS. Kalman Gyorgy, trong đó ông đã tiến hành một nghiên cứu so sánh sâu rộng về tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố tại các nước phát triển như Pháp, Đức, Hoa Kỳ và các nước Đông Âu. Ông chia hệ thống công tố thành hai mô hình chính: mô hình tập trung (Pháp, Đức) nơi CTV giám sát và chỉ đạo điều tra; và mô hình độc lập (Hoa Kỳ) nơi CTV chủ yếu giám sát kết quả điều tra của cảnh sát. Nghiên cứu có giá trị lý luận đối với đề tài luận án, giúp đối chiếu thực trạng tại Việt Nam – nơi CTV mới chỉ kiểm sát điều tra mà chưa thực sự có quyền chỉ đạo – và từ đó rút ra bài học về tăng cường vai trò của CTV trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực biên giới [106].

Bên cạnh nghiên cứu của Gyorgy, công trình “*Chỉ dẫn về công tác công tố*” [108] của Minoru Shikita cũng là một tài liệu quan trọng giúp làm rõ vai trò của CTV trong quá trình điều tra, khởi tố và truy tố các vụ án hình sự. Cuốn sách này tổng hợp và phân tích hoạt động của cơ quan công tố tại gần 50 quốc gia trên thế giới, trong đó nhấn mạnh rằng hiệu quả của hoạt động công tố phụ thuộc rất lớn vào mức độ phối hợp giữa CTV và CQĐT. Shikita lập luận rằng ở những quốc gia mà CTV có quyền tham gia sâu vào quá trình điều tra, tỷ lệ thành công trong truy tố tội phạm thường cao hơn, do CTV có thể giám sát việc thu thập chứng cứ ngay từ đầu, tránh tình trạng thu thập chứng cứ không hợp lệ hoặc vi phạm tố tụng. Nghiên cứu này có tính ứng dụng cao đối với đề tài, bởi trong thực tiễn điều tra tội phạm ma túy tại khu vực biên giới, việc thu thập chứng cứ đóng vai trò quyết định đến kết quả xử lý vụ án. Do đó, việc nghiên cứu mô hình CTV tham gia trực tiếp vào điều tra như trong công trình của Shikita có thể giúp đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công tố tại Việt Nam [107].

Trong khi đó, Julia Fionda trong tác phẩm “*CTV và quyền quyết định: Nghiên cứu so sánh*” đã thực hiện một nghiên cứu so sánh chi tiết về quyền hạn và cơ chế ra quyết định của CTV tại Scotland, Hà Lan, Đức, Anh và xứ Wales. Bà cho rằng có sự khác biệt lớn giữa vai trò của CTV ở các hệ thống pháp luật khác nhau: trong khi CTV ở các nước châu Âu lục địa có quyền kiểm soát chặt chẽ hoạt động điều tra thì CTV ở các nước theo hệ thống common law chỉ đóng vai trò phản biện và đánh giá tính hợp pháp của quá trình điều tra do cảnh sát thực hiện. Fionda nhấn mạnh rằng việc trao quyền hạn lớn hơn cho CTV trong giai đoạn điều tra không chỉ giúp đảm bảo tính khách quan mà còn giúp nâng cao tỷ lệ kết án thành công. Đối với đề tài, công trình này có ý

nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ tham gia của CTV Việt Nam trong giai đoạn điều tra các vụ án ma túy. Hiện nay, CTV Việt Nam có trách nhiệm kiểm sát hoạt động điều tra nhưng không có quyền trực tiếp chỉ đạo điều tra, dẫn đến một số hạn chế trong quá trình thu thập chứng cứ và xử lý vụ án. Việc nghiên cứu mô hình công tố tại các nước châu Âu có thể giúp đưa ra đề xuất cải tiến hệ thống TTHS Việt Nam theo hướng tăng cường vai trò của CTV trong điều tra tội phạm ma túy [102].

Một nghiên cứu mang tính so sánh nổi bật là cuốn “*Tư pháp hình sự so sánh*” của Philip L. Riechel và Richard Vogler, trong đó hai tác giả đã tiến hành phân tích mô hình tố tụng của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt nhấn mạnh sự khác biệt giữa hệ thống tố tụng thẩm vấn và hệ thống tố tụng tranh tụng. Công trình này làm rõ rằng trong mô hình tố tụng tranh tụng như ở Mỹ hay Anh, CTV có vai trò độc lập trong điều tra, không chịu sự chi phối của thẩm phán, trong khi ở các nước theo mô hình tố tụng thẩm vấn, CTV chủ yếu thực hiện chức năng kiểm soát điều tra. Đối với Việt Nam, nơi hệ thống TTHS có nhiều điểm tương đồng với mô hình thẩm vấn nhưng cũng đang có xu hướng tăng cường yếu tố tranh tụng, nghiên cứu này giúp làm rõ những cải cách cần thiết trong THQCT trong điều tra tội phạm ma túy để nâng cao hiệu quả tố tụng và bảo đảm quyền con người [108].

Từ nhóm các công trình này, luận án có thể kế thừa nhiều giá trị về mô hình lý luận về tổ chức và vai trò của CTV trong giai đoạn điều tra. Các nghiên cứu đã góp phần xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động công tố và đưa ra bài học về việc cần tăng cường vai trò thực chất của CTV trong thu thập chứng cứ, giám sát điều tra. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu phân tích ở tầm vĩ mô hình và chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào tổ chức THQCT ở Việt Nam, đặc biệt trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới. Luận án có thể kế thừa phương pháp so sánh và cách tiếp cận mô hình hóa của các công trình để lý giải về các yếu tố tổ chức, quyền hạn, và mối quan hệ với CQĐT trong hoạt động THQCT ở Việt Nam.

### ***1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quyền công tố trong mối liên hệ với bảo đảm quyền con người, pháp quyền và kiểm soát quyền lực***

Nhóm công trình này tập trung vào việc làm rõ vai trò của CTV trong mối quan hệ với bảo đảm quyền con người, nguyên tắc pháp quyền và cơ chế kiểm soát quyền lực trong TTHS. Các tác phẩm tiêu biểu như của Angela J. Davis, Hội đồng châu Âu, Jeremy McBride hay Martijn Zwiers đã phân tích sâu sắc những nguy cơ lạm quyền, tính tùy nghi trong hoạt động công tố và yêu cầu tăng cường cơ chế giám sát, minh bạch hóa quyền lực công tố. Các công trình này góp phần bổ sung nền tảng lý luận hiện đại cho luận án, đặc biệt trong việc xác định ranh giới giữa quyền năng buộc tội và trách nhiệm pháp lý, đạo đức của CTV trong các vụ án ma túy – lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm quyền con người do tính chất phức tạp và cường chế cao của quá trình điều tra.

Một công trình quan trọng khác là tác phẩm “*Tư pháp tùy nghi: Quyền lực của CTV Mỹ*” của Angela J. Davis, trong đó tác giả đi sâu vào phân tích quyền lực của CTV trong hệ thống tư pháp Hoa Kỳ, đặc biệt là quyền quyết định khởi tố, truy tố và đề xuất mức án. Davis chỉ ra rằng trong hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, CTV có quyền hạn rất lớn

trong việc quyết định một vụ án có được đưa ra xét xử hay không, mức độ nghiêm trọng của cáo trạng cũng như việc đề nghị hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, quyền lực này cũng đi kèm với những rủi ro, đặc biệt là nguy cơ lạm dụng QCT hoặc ra quyết định thiên lệch do ảnh hưởng từ yếu tố chính trị, truyền thông hoặc áp lực từ các cơ quan hành pháp. Tác giả lập luận rằng để đảm bảo tính công bằng trong hệ thống tư pháp hình sự, cần có các cơ chế giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của CTV, đồng thời đề xuất các biện pháp cải cách nhằm hạn chế tình trạng lạm quyền trong quá trình THQCT [103].

Ngoài ra, công trình “*Nhân quyền và TTTHS*” của Jeremy McBride (2009) do Hội đồng châu Âu xuất bản là một tài liệu quan trọng bàn về mối quan hệ giữa QCT và quyền con người trong TTTHS. McBride phân tích thực trạng vi phạm nhân quyền trong quá trình điều tra, trong đó đề cập đến quyền được suy đoán vô tội, quyền không bị tra tấn, ép cung và các tiêu chuẩn quốc tế về thu thập chứng cứ hợp pháp. Công trình này đặc biệt có ý nghĩa khi nghiên cứu THQCT trong điều tra các vụ án về ma túy, bởi vì loại tội phạm này thường có tính chất phức tạp, dễ dẫn đến việc sử dụng các biện pháp điều tra mang tính cưỡng chế cao, đòi hỏi CTV phải có vai trò giám sát chặt chẽ để bảo đảm không vi phạm quyền bị can [109].

Cuốn sách “*Văn phòng CTV Châu Âu: Phân tích hệ thống tư pháp hình sự nhiều cấp*” của Martijn Zwiers là một nghiên cứu quan trọng về quá trình thành lập và hoạt động của Văn phòng CTV Châu Âu (EPPO). Tác phẩm này không chỉ cung cấp thông tin về mô hình tổ chức của EPPO mà còn đi sâu vào các vấn đề pháp lý, những thách thức lý luận và thực tiễn trong việc triển khai hoạt động của cơ quan này. Cuốn sách của Zwiers có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên cứu về THQCT trong điều tra tội phạm ma túy tại biên giới Việt Nam – Lào. Tương tự như EPPO, cơ quan công tố tại Việt Nam phải làm việc với hệ thống pháp luật của Lào khi điều tra các vụ án ma túy liên quan đến nhiều quốc gia. Việc nghiên cứu cách thức EPPO giải quyết các xung đột pháp lý và điều phối hoạt động điều tra có thể giúp đề xuất mô hình hợp tác hiệu quả hơn giữa CTV Việt Nam và CTV Lào.

### ***1.1.3. Các công trình nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn và chiến lược hoạt động công tố trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm ma túy***

Các công trình thuộc nhóm này chủ yếu phản ánh kinh nghiệm thực tiễn của CTV trong điều tra, truy tố tội phạm có tổ chức và tội phạm xuyên quốc gia, với trọng tâm là ma túy. Tiêu biểu có thể kể đến các tác phẩm của John Kroger, Shawn Boyne, John L. Worrall và M. Elaine Nugent-Borakove. Nhóm công trình này phân tích cụ thể cách CTV thiết kế chiến lược điều tra, phối hợp liên ngành, sử dụng biện pháp đặc biệt (ví dụ: nghe lén, bảo vệ nhân chứng, hợp tác quốc tế) để truy tố thành công các tổ chức tội phạm phức tạp. Những nghiên cứu này có giá trị đặc biệt đối với luận án, giúp cung cấp góc nhìn chiến thuật – nghiệp vụ sâu sắc cho hoạt động THQCT trong môi trường pháp lý đa quốc gia như biên giới Việt Nam – Lào.

Một số nghiên cứu thực tiễn về hoạt động công tố trong điều tra các vụ án phức tạp cũng cung cấp những bài học kinh nghiệm quan trọng. Cuốn sách “*CTV Đức: Người*

*bảo vệ pháp luật?*” của Shawn Boyne là một nghiên cứu điển hình về hệ thống công tố Đức, nơi mà CTV được trao quyền hạn rộng rãi trong việc điều tra tội phạm. Boyne phân tích chi tiết về cơ cấu tổ chức của cơ quan công tố Đức, mối quan hệ giữa CTV và các CQĐT, cũng như cách thức CTV Đức đảm bảo tính khách quan trong quá trình truy tố. Một trong những điểm nổi bật của hệ thống công tố Đức là CTV không chỉ giám sát mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình điều tra, có quyền yêu cầu cơ quan cảnh sát tiến hành các biện pháp điều tra cụ thể để thu thập chứng cứ. Điều này giúp đảm bảo rằng việc điều tra không chỉ tập trung vào chứng cứ buộc tội mà còn xem xét cả các yếu tố có lợi cho bị can, từ đó giúp nâng cao tính công bằng trong xét xử. Công trình của Boyne có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên cứu về THQCT trong điều tra các vụ án ma túy tại biên giới Việt Nam – Lào. Do tính chất đặc thù của các vụ án ma túy, trong đó các đối tượng phạm tội thường có tổ chức chặt chẽ, sử dụng các phương thức tinh vi để che giấu hành vi phạm tội, việc thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra đóng vai trò quyết định đến kết quả truy tố. Mô hình công tố của Đức, nơi mà CTV có quyền tham gia trực tiếp vào điều tra, có thể là một hướng tham khảo quan trọng cho việc cải cách hoạt động công tố tại Việt Nam. Việc trao quyền hạn lớn hơn cho CTV trong quá trình điều tra không chỉ giúp nâng cao chất lượng chứng cứ mà còn giúp đảm bảo tính khách quan trong xét xử, tránh tình trạng kết án oan hoặc bỏ lọt tội phạm [99].

Tác phẩm *“Cuộc chiến của CTV chống lại mafia, trùm ma túy và những vụ án kinh tế lớn”* của John Kroger là một trong những nghiên cứu thực tiễn tiêu biểu về hoạt động của CTV trong điều tra và truy tố tội phạm có tổ chức, đặc biệt là tội phạm ma túy. Kroger, với kinh nghiệm là CTV liên bang Hoa Kỳ, đã mô tả chi tiết cách thức CTV phối hợp với các CQĐT để thu thập chứng cứ, bảo vệ nhân chứng và triển khai các chiến lược truy tố nhằm đảm bảo kết án thành công đối với những tổ chức tội phạm lớn. Ông cho rằng một trong những thách thức lớn nhất khi truy tố tội phạm ma túy là việc các đối tượng phạm tội thường hoạt động theo mô hình tổ chức chặt chẽ, có sự phân công vai trò rõ ràng và sử dụng các phương thức tinh vi để che giấu hành vi phạm tội. Công trình của Kroger có ý nghĩa quan trọng đối với đề tài, bởi tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, các tổ chức tội phạm ma túy cũng hoạt động theo mô hình chặt chẽ, đòi hỏi CTV phải có những chiến lược phù hợp để đấu tranh hiệu quả [106].

Cuốn sách về *“Sự thay đổi vai trò của CTV Mỹ”* của John L. Worrall và M. Elaine Nugent-Borakove là một nghiên cứu chuyên sâu về sự thay đổi trong vai trò của CTV Hoa Kỳ khi đối mặt với các loại tội phạm ngày càng phức tạp. Các tác giả không chỉ phân tích về chức năng truyền thống của CTV mà còn nhấn mạnh cách họ thích nghi với sự phát triển của xã hội, áp dụng các chiến lược mới để đối phó với những loại tội phạm tinh vi hơn, bao gồm tội phạm có tổ chức, tội phạm công nghệ cao và tội phạm ma túy xuyên quốc gia. Một trong những điểm đáng chú ý trong công trình này là việc CTV Hoa Kỳ ngày càng đóng vai trò chủ động hơn trong quá trình điều tra, thay vì chỉ đơn thuần thực hiện chức năng truy tố như trước đây. Điều này có nghĩa là CTV không chỉ xem xét kết quả điều tra do cảnh sát cung cấp mà còn tham gia vào quá trình xây dựng chiến lược điều tra, đảm bảo rằng các chứng cứ được thu thập đầy đủ và có thể sử dụng hiệu quả trước tòa án [110].

Tổng quan tình hình nghiên cứu nước ngoài cho thấy lĩnh vực THQCT, đặc biệt trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án hình sự nghiêm trọng như ma túy, đã và đang thu hút sự quan tâm sâu sắc của giới học giả quốc tế. Các công trình nghiên cứu không chỉ góp phần xây dựng nền tảng lý luận vững chắc về tổ chức và vận hành QCT trong các hệ thống pháp luật khác nhau, mà còn phản ánh rõ sự đa dạng trong cách thức thiết kế mô hình công tố và quyền hạn thực tế của CTV trong quá trình điều tra. Qua việc phân tích các đặc điểm của mô hình tập trung – độc lập, tố tụng tranh tụng – thẩm vấn, các nghiên cứu này đã mở ra hướng tiếp cận so sánh có giá trị đối với việc đánh giá vai trò của CTV trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đồng thời, nhiều nghiên cứu quốc tế đã tiếp cận QCT từ góc độ bảo đảm quyền con người, pháp quyền và kiểm soát quyền lực nhà nước, qua đó xác lập các giới hạn cần thiết nhằm phòng ngừa lạm quyền, bảo vệ công lý và đề cao trách nhiệm nghề nghiệp của CTV – đặc biệt trong các vụ án có tính chất cưỡng chế cao như ma túy. Bên cạnh đó, kinh nghiệm thực tiễn trong điều tra, truy tố tội phạm có tổ chức và xuyên quốc gia, cũng như các mô hình hợp tác công tố quốc tế, đã cung cấp những bài học quý giá về chiến lược nghiệp vụ, phối hợp liên ngành, áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt và nâng cao năng lực hợp tác tư pháp – những nội dung đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh điều tra, truy tố các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Tuy nhiên, nhìn chung các công trình này vẫn chủ yếu tiếp cận ở cấp độ mô hình lý thuyết, so sánh hệ thống hoặc chiến lược áp dụng, mà chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp về tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố Việt Nam. Do đó, những thành quả nghiên cứu này chủ yếu mang tính tham chiếu, có thể kế thừa và vận dụng trong luận án với tư cách là cơ sở lý luận và phương pháp tiếp cận, từ đó góp phần làm rõ đặc thù của hoạt động THQCT ở Việt Nam, đồng thời đề xuất những giải pháp cải cách phù hợp với bối cảnh thực tiễn của Việt Nam.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước**

### ***1.2.1. Nhóm các công trình khoa học nghiên cứu về các chức năng của Viện kiểm sát, trong đó có chức năng thực hành quyền công tố***

Trong nhóm các công trình nghiên cứu lý luận nền tảng về quyền công tố và VKSND, nhiều công trình đã có những đóng góp quan trọng trong việc hình thành hệ thống lý luận cơ bản, làm rõ vị trí, vai trò, chức năng của VKS trong hệ thống cơ quan nhà nước, đồng thời đặt nền móng cho việc nhận thức và hoàn thiện mô hình THQCT tại Việt Nam. Tiêu biểu có thể kể đến công trình quy mô về “Cơ quan công tố một số nước: Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Úc, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan” (2006) do TS. Lê Hữu Thê chủ trì đã cung cấp bức tranh khái quát về mô hình công tố ở các quốc gia khác nhau, tạo tiền đề quan trọng cho việc nghiên cứu cải cách VKS và xác lập vai trò của QCT trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam [40]. Điểm chung của các công trình trong nhóm này là chủ yếu tập trung vào lý luận chung với phạm vi nghiên cứu rộng, tiếp cận ở tầm vĩ mô, chưa đi sâu vào thực tiễn THQCT trong từng giai đoạn tố tụng, đặc biệt là khởi tố và điều tra, nơi vai trò của THQCT có tính quyết định. Các nghiên cứu cũng chưa phân tích mối liên hệ giữa QCT và các loại tội phạm cụ thể như tội phạm ma túy, cũng như chưa đặt trong bối cảnh đặc

thù của địa bàn biên giới Việt Nam – Lào với tính chất xuyên quốc gia, đa dân tộc và pháp lý phức tạp. Do đó, mặc dù có giá trị lý luận nền tảng, các công trình này vẫn còn thiếu chiều sâu thực chứng. Luận án sẽ kế thừa những giá trị đó, đồng thời bổ khuyết bằng cách tiếp cận chuyên biệt theo loại tội phạm, đặc điểm địa bàn và từng giai đoạn tố tụng cụ thể.

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu về THQCT, gắn với hoạt động thực tiễn của VKSND, chiếm một tỷ trọng quan trọng trong hệ thống tài liệu khoa học pháp lý tại Việt Nam và có giá trị tham khảo cao đối với đề tài luận án. Các công trình tiêu biểu trong nhóm này bao gồm: “THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp” (TS. Lê Hữu Thê chủ biên, 2008, Nxb Tư pháp); sách chuyên khảo “THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra” (TS. Lê Hữu Thê chủ biên, 2005) và Đề tài khoa học cấp Bộ “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của VKS quân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp” của VKS Quân sự trung ương [41],[42],[97].

Các công trình trong nhóm này chủ yếu tập trung tổng kết thực tiễn, phản ánh rõ hoạt động tổ chức và thực hiện QCT tại VKS các cấp, qua từng giai đoạn tố tụng hoặc hệ thống cơ quan cụ thể. Về nội dung, nhiều nghiên cứu đã làm rõ mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, khẳng định vai trò trung tâm của THQCT trong TTHS. Tuy nhiên, phần lớn công trình vẫn thiên về thực tiễn ngành, chưa hệ thống hóa lý luận một cách chuyên sâu, thiếu khảo sát theo loại tội phạm cụ thể hoặc đặc điểm địa bàn, nhất là đối với tội phạm ma túy xuyên biên giới – đối tượng trung tâm của luận án. Luận án có thể kế thừa các kết quả nghiên cứu về thực trạng tổ chức và hoạt động công tố, từ đó mở rộng sang phân tích chuyên biệt hơn về giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, với các yêu cầu đặc thù về pháp lý, nghiệp vụ và hợp tác quốc tế.

Ngoài ra, đề tài khoa học cấp bộ “QCT và thực hiện QCT ở Việt Nam trong giai đoạn mới – Nhận thức và thực tiễn” do VKSND tối cao thực hiện năm 2018 là một trong những công trình có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với hệ thống nghiên cứu về QCT tại Việt Nam. Với mục đích làm rõ cơ sở lý luận về QCT và THQCT, đồng thời tổng kết thực tiễn thực hiện quyền này trong suốt tiến trình lịch sử từ năm 1945 đến nay, đề tài đã cung cấp một nền tảng tư tưởng quan trọng để hoạch định định hướng cải cách, đổi mới phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Một trong những đóng góp quan trọng của đề tài là phân tích quá trình chuyển biến về pháp lý và nhận thức đối với QCT trong bối cảnh cải cách tư pháp, từ đó chỉ ra những vướng mắc trong quy định và thực tiễn tổ chức thực hiện QCT, đồng thời đề xuất giải pháp về tổ chức bộ máy, cơ sở pháp lý và phương thức thực hiện. Tuy nhiên, với định hướng nghiên cứu mang tính tổng quát, đề tài chưa đi sâu vào các tình huống pháp lý cụ thể hay khảo sát thực tiễn THQCT trong những loại tội phạm đặc thù như tội phạm ma túy ở khu vực biên giới. Đây chính là khoảng trống mà luận án hướng tới bổ sung, bằng cách tiếp cận chuyên sâu hơn, tập trung vào loại tội phạm nghiêm trọng, xuyên

quốc gia và điều kiện thực tiễn đặc biệt. Qua đó, luận án kế thừa nền tảng lý luận của đề tài, đồng thời phát triển theo hướng ứng dụng, thực tiễn và chuyên biệt hơn.

Có thể thấy, nhóm các công trình khoa học nghiên cứu về các chức năng của VKSND, trong đó có chức năng THQCT, dù phần lớn được thực hiện từ giai đoạn những năm 1990 đến đầu thập niên 2010, vẫn giữ vai trò nền tảng lý luận quan trọng trong hệ thống pháp lý hiện hành. Các công trình này đã góp phần đặt nền móng cho việc xác lập khái niệm, phân định chức năng và xác định vị trí của VKS trong bộ máy nhà nước, đặc biệt trong tiến trình cải cách tư pháp ở Việt Nam. Mặc dù vậy, điểm chung của các công trình thuộc nhóm này là còn tập trung ở cấp độ khái quát, nghiên cứu lý luận rộng, chưa đi sâu vào THQCT theo từng giai đoạn tổ tụng cụ thể như khởi tố hay điều tra, cũng như chưa khảo sát các loại tội phạm có tính chất đặc thù, phức tạp như tội phạm về ma túy tại địa bàn biên giới. Một số công trình đã mở rộng cách tiếp cận bằng việc nghiên cứu mô hình công tố ở các quốc gia khác hoặc trong bối cảnh lịch sử Việt Nam, góp phần cung cấp góc nhìn so sánh, đối chiếu nhằm hoàn thiện chức năng công tố trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Từ đó có thể thấy, các công trình trong nhóm này có ý nghĩa tham khảo lớn đối với luận án tiến sĩ, đặc biệt là ở khía cạnh lý luận cơ bản, khái niệm học thuật và phương pháp tiếp cận. Tuy nhiên, luận án cần tiếp tục phát triển theo hướng chuyên sâu hơn, bằng cách tập trung phân tích thực tiễn THQCT trong những điều kiện cụ thể – đặc biệt là ở giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn biên giới Việt Nam – Lào – để khắc phục những khoảng trống còn tồn tại trong hệ thống nghiên cứu hiện nay.

### ***1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về tội phạm về ma túy và công tác phòng, chống ma túy trong khu vực và trong nước, bao gồm các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào***

Đến nay, đã có nhiều các công trình nghiên cứu về tội phạm ma túy và công tác phòng, chống ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, trong đó có Luận án tiến sĩ “*Xây dựng, sử dụng cộng tác viên mật trong phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội Biên phòng các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào*” [17] của Trần Minh Đông nghiên cứu các chuyên án trinh sát và các biện pháp phòng, chống tội phạm ma túy có vũ trang tại biên giới Việt – Lào... Tuy nhiên, công trình nghiên cứu nêu trên và một số công trình nghiên cứu tương tự phần lớn các nghiên cứu tập trung vào các biện pháp trinh sát, xây dựng cộng tác viên mật, hoặc các hoạt động đặc nhiệm biên phòng, chưa đi sâu vào phân tích về tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn này cũng như vai trò của các CQTHTT, trong đó có VKS đối với việc phát hiện, xử lý tội phạm vụ án ma túy.

Một trong những công trình nổi bật và có tính liên quan chặt chẽ nhất với Luận án là đề tài khoa học cấp Bộ “*Tình hình tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt - Lào - Những giải pháp đấu tranh phòng, chống*” [96] năm 2018 của Vụ THQCT và kiểm sát điều tra án ma túy VKSND tối cao; đây là một công trình có giá trị thực tiễn cao, tập trung nghiên cứu tình hình tội phạm ma túy tại khu vực biên giới Việt – Lào, đánh giá hiệu quả các biện pháp đấu tranh, đồng thời đề xuất giải pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Công trình có liên hệ chặt chẽ với đề tài luận án khi cùng đề cập đến

tuyên biên giới trọng điểm về ma túy. Đặc biệt, nghiên cứu này cung cấp cái nhìn toàn diện về đặc điểm, thủ đoạn phạm tội, những khó khăn trong phối hợp giữa các lực lượng chức năng hai nước – đây là khía cạnh có ý nghĩa quan trọng khi xem xét hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra trong các vụ án ma túy. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ tổng kết tình hình và đề xuất giải pháp chung, chưa đi sâu vào phân tích hoạt động TTHS. Do đó, luận án có thể kế thừa các dữ liệu thực tiễn, từ đó cụ thể hóa vào phân tích vai trò của VKS và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả THQCT trong đấu tranh chống tội phạm ma túy tại khu vực biên giới Việt – Lào.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu tổng quan về tình hình tội phạm ma túy trên toàn tuyến biên giới Việt Nam – Lào, còn có một số nghiên cứu chuyên sâu tại từng tỉnh cụ thể. Những công trình này cung cấp dữ liệu thực tiễn sâu sát, giúp luận án đánh giá hiệu quả các biện pháp đấu tranh ở từng địa phương, đồng thời tạo cơ sở so sánh, đối chiếu để làm rõ điểm chung và khác biệt trong công tác THQCT. Đây là nền tảng quan trọng để luận án đề xuất giải pháp phù hợp với thực tiễn từng tỉnh và toàn tuyến biên giới. Trong đó có thể kể đến một số công trình nổi bật như: Luận án tiến sĩ "*Các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*" [44] năm 2017 của Đỗ Thành Trường hay Luận văn thạc sĩ "*Tình hình tội phạm về ma túy tại tỉnh Quảng Nam*" [92] năm 2019 của Võ Văn Ta... là những nghiên cứu chuyên sâu về thực trạng tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới giáp Lào, cũng là những điểm nóng về ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam – Lào. Các công trình này phân tích chi tiết tình hình tội phạm ma túy, nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của loại tội phạm này và đề xuất các giải pháp phòng ngừa hiệu quả; cung cấp những dữ liệu thực tiễn quan trọng về đặc điểm, phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy tại một địa phương trọng điểm cụ thể, từ đó giúp làm rõ bức tranh tổng thể về tình trạng tội phạm ma túy trên tuyến biên giới Việt – Lào. Những phân tích về nguyên nhân và các yếu tố tác động đến sự gia tăng tội phạm ma túy tại từng tỉnh cụ thể có thể giúp luận án xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra tại khu vực này. Bên cạnh đó, công trình này có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu đề tài khi cung cấp số liệu thực tiễn phong phú về tình hình tội phạm ma túy và hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa tại một tỉnh biên giới điển hình. Luận án của bạn có thể kế thừa những phân tích này để so sánh với các địa phương khác, làm rõ các đặc điểm chung và riêng của từng khu vực, từ đó đề xuất các giải pháp cho hoạt động THQCT tổ trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy.

Bên cạnh các công trình nêu trên, một số sách chuyên khảo cũng đã cung cấp cái nhìn toàn diện về tình hình tội phạm ma túy trên thế giới và trong khu vực, bao gồm biên giới Việt Nam – Lào. Sách chuyên khảo "*Tình hình ma túy thế giới và khu vực - Những xu hướng mới*" (NXB Công an nhân dân, 2021) đã phân tích xu hướng ma túy tổng hợp tại Đông Nam Á và tiểu vùng sông Mê Kông; Sách chuyên khảo "*Những vấn đề về công tác phòng, chống ma túy ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*" (NXB Công an nhân dân, 2019) của tác giả Phan Thị Mỹ Hạnh đã trình bày thực trạng tệ nạn ma túy tại Việt Nam và đề xuất giải pháp. Mặc dù các công trình này cung cấp cái nhìn sâu sắc về

tình hình ma túy, nhưng chưa có sự phân tích cụ thể về việc phối hợp điều tra giữa các cơ quan tư pháp trong xử lý tội phạm ma túy tại khu vực biên giới [20],[26].

### ***1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự và trong các vụ án hình sự về ma túy***

THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra là một nhiệm vụ then chốt của VKSND nhằm bảo đảm xử lý tội phạm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Với các vụ án về ma túy – loại tội phạm nguy hiểm, có tổ chức và biến hóa thủ đoạn – vai trò của VKS càng trở nên quan trọng. Nhiều công trình nghiên cứu trong nước đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động này, đề cập đến chức năng, nguyên tắc, nhiệm vụ của VKS, thực trạng áp dụng pháp luật cũng như các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác. Nhóm công trình này có ý nghĩa đặc biệt đối với luận án khi cung cấp nền tảng nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn, từ đó hỗ trợ làm rõ thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào. Sau đây là tổng quan một số nhóm công trình tiêu biểu:

*Thứ nhất*, về các công trình nghiên cứu về THQCT trong vụ án hình sự nói chung:

Về THQCT trong vụ án hình sự nói chung, có nhiều công trình nghiên cứu trong nước, trong đó phải kể đến Luận án tiến sĩ “*THQCT trong TTHS từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*” [29] năm 2017 của Tôn Thiện Phương là một nghiên cứu chuyên sâu về vai trò của VKSND trong quá trình TTHS, đặc biệt tập trung vào việc đảm bảo tính khách quan, chính xác trong hoạt động công tố. Nghiên cứu đã phân tích những hạn chế trong hoạt động THQCT như tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa chưa cao và những bất cập trong phối hợp giữa các CQTTT. Trong đó, Nghệ An là một địa phương trọng điểm về tội phạm ma túy, là một tỉnh có đường biên giới giáp Lào. Những hạn chế chung mà công trình đã đề cập cũng chính là những vấn đề nổi bật trong hoạt động THQCT đối với loại tội phạm này, như việc thu thập chứng cứ, đảm bảo quyền của bị can, bị cáo và trách nhiệm của VKSND trong TTHS. Kết quả nghiên cứu của công trình này là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa và phát triển các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả THQCT trong các vụ án ma túy. Với những giá trị khoa học và dữ liệu thực tiễn của đề tài này, Luận án sẽ tiếp tục làm rõ những đặc thù của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới giáp Lào, trong đó có tỉnh Nghệ An.

Về THQCT trong vụ án hình sự đối với các vụ án ma túy, có một số công trình nghiên cứu từ thực tiễn của một số địa phương cụ thể, như:

- Đề tài cấp cơ sở về THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong vụ án hình sự về ma túy từ thực tiễn công tác của VKSND tỉnh Nghệ An, năm 2023 do VKSND tỉnh Nghệ An chủ trì thực hiện. Công trình tập trung phản ánh thực trạng hoạt động THQCT và kiểm sát tư pháp trong các vụ án ma túy tại Nghệ An, một địa bàn trọng điểm về tội phạm ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam – Lào. Mục tiêu chính của nghiên cứu là tổng kết thực tiễn công tác kiểm sát, xác định khó khăn, nguyên nhân hạn chế và đề xuất kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy chưa đi sâu hệ thống hóa lý luận, công trình có điểm mạnh là phản ánh sinh động từ thực tiễn, nhất là những khó khăn đặc thù ở khu vực

biên giới như địa hình, phối hợp liên ngành và năng lực cán bộ. Do là đề tài cấp cơ sở, nghiên cứu còn hạn chế về phạm vi, chưa làm rõ quan hệ giữa các giai đoạn tố tụng cũng như phân biệt rõ giữa THQCT và kiểm sát tư pháp. Tuy vậy, đề tài vẫn có giá trị tham khảo cho luận án, ở khía cạnh thực tiễn áp dụng pháp luật và những khó khăn mà KSV địa phương phải đối mặt. Đây là nguồn tư liệu thực tiễn quan trọng giúp luận án tiếp cận sâu sắc hơn về bối cảnh áp dụng QCT tại các địa bàn biên giới phức tạp, từ đó làm cơ sở để đối chiếu, phát triển lý luận và đề xuất giải pháp phù hợp ở cấp độ quốc gia [87].

- Luận văn thạc sĩ với đề tài “*THQCT trong các vụ án ma túy theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*” [39] năm 2019 của Nguyễn Trần Thanh nghiên cứu về công tác THQCT trong các vụ án ma túy tại một địa phương cụ thể, từ đó làm rõ những đặc thù của hoạt động này trong thực tiễn. Công trình đã phản ánh một cách cụ thể tình hình tội phạm ma túy tại huyện Xuyên Mộc – địa phương có tỷ lệ người nghiện cao và diễn biến tội phạm phức tạp. Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng THQCT trong toàn bộ quá trình tố tụng đối với loại tội phạm này, từ khởi tố, điều tra đến truy tố và xét xử, đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý. Mặc dù phạm vi nghiên cứu còn giới hạn trong một địa phương, nhưng công trình có giá trị thực tiễn cao, cung cấp cái nhìn rõ nét về những khó khăn mà KSV phải đối mặt trong môi trường đặc thù. Đối với luận án, đây là nguồn tham khảo quý báu, giúp làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của THQCT trong các vụ án ma túy, đặc biệt tại các địa bàn có tình trạng người nghiện và tội phạm ma túy ở mức báo động như Xuyên Mộc. Luận án sẽ kế thừa các kiến nghị từ công trình này và phát triển theo hướng khái quát hóa, mở rộng ứng dụng cho các địa phương tương tự trên tuyến biên giới Việt Nam – Lào.

*Thứ hai*, về các công trình nghiên cứu về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự:

Về *THQCT trong giai đoạn khởi tố* - giai đoạn đầu tiên trong quá trình TTHS, đóng vai trò quan trọng trong việc xác định có hay không dấu hiệu tội phạm để khởi động quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Đây cũng là giai đoạn tiềm ẩn nhiều nguy cơ sai sót, bởi việc xác định sai có thể dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Về khía cạnh này, đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị cao về cả lý luận và thực tiễn như: Đề tài khoa học cấp bộ “*Đổi mới công tác THQCT, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT của VKSND theo quy định của BLTTHS năm 2015*” của Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học VKSND tối cao; Luận văn thạc sĩ “*Vai trò của VKSND với việc tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Thái Bình*” năm 2017 của Ngô Long Khánh và Luận văn thạc sĩ “*THQCT trong giải quyết TG, TBTP, KNKT theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*” năm 2019 của Nguyễn Ngọc Tĩnh... [24],[43],[93].

Về THQCT trong giai đoạn khởi tố đối với vụ án về ma túy, có luận văn thạc sĩ với đề tài “*THQCT trong việc khởi tố bị can về tội mua bán trái phép chất ma túy từ thực tiễn quận Ba Đình, thành phố Hà Nội*” [23] năm 2023 của Lê Ngọc Điệp đã tập trung nghiên cứu về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố bị can đối với tội mua

bán trái phép chất ma túy tại một địa bàn trọng điểm của thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu này góp phần làm rõ vai trò của VKS trong giai đoạn khởi tố bị can – một thời điểm then chốt trong quá trình TTHS, đặc biệt đối với các vụ án ma túy. Tác giả đã chỉ ra những thách thức đặc thù khi thực hiện hoạt động THQCT tại quận Ba Đình – một địa bàn đô thị lớn, nơi tình hình tội phạm ma túy bị chi phối bởi yếu tố kinh tế, xã hội và dân cư phức tạp. Mặc dù khác biệt về địa bàn và phạm vi nghiên cứu, nhưng công trình có giá trị tham khảo thiết thực cho luận án khi cùng phân tích các khó khăn trong việc đánh giá chứng cứ, kiểm soát các quyết định khởi tố bị can và bảo đảm tính hợp pháp trong hoạt động buộc tội. Luận án sẽ kế thừa những nội dung phân tích này và phát triển theo hướng toàn diện hơn, mở rộng sang điều kiện thực tiễn đặc thù tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, nơi có nhiều yếu tố phức tạp về địa lý, dân cư, và hợp tác pháp lý quốc tế trong phòng, chống tội phạm ma túy.

Về THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, có Luận án tiến sĩ “*THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*” [10] của Hoàng Xuân Đàn (năm 2018) tập trung nghiên cứu chức năng THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Công trình này phân tích thực trạng hoạt động THQCT, chỉ ra những bất cập, hạn chế cũng như nguyên nhân của những hạn chế đó trong hệ thống TTHS Việt Nam. Công trình này có mối liên hệ chặt chẽ với đề tài luận án “*THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào*”; đều tập trung vào hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra, tuy nhiên, công trình trên chỉ nghiên cứu tổng quan về THQCT trong điều tra các vụ án hình sự nói chung. Luận án trên cung cấp nền tảng lý luận vững chắc về khái niệm, phạm vi, nguyên tắc và các vấn đề thực tiễn liên quan đến THQCT trong giai đoạn điều tra. Đây là cơ sở quan trọng để kế thừa trong nghiên cứu, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích trong việc đánh giá thực trạng THQCT thời gian qua. Tuy nhiên, do công trình này không tập trung vào các vụ án ma túy và đặc thù của tội phạm ma túy tại biên giới Việt Nam - Lào, luận án này sẽ tiếp tục làm rõ, bổ sung và phát triển các vấn đề này.

Bên cạnh đó, Luận văn thạc sĩ “*THQCT của KSV trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự từ thực tiễn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh*” [12] năm 2019 của Hoàng Nguyên Đán là một nghiên cứu góp phần làm rõ vai trò của THQCT trong giai đoạn điều tra. Luận văn đã chỉ ra những hạn chế trong thực tiễn THQCT tại địa phương, như tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung, đình chỉ điều tra do không đủ căn cứ buộc tội, cũng như những khó khăn về năng lực chuyên môn và tính chủ động của KSV. Dù phạm vi nghiên cứu khác nhau, nhưng những phát hiện từ công trình này sẽ là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa và mở rộng phân tích những vấn đề lý luận, so sánh những vấn đề thực tiễn với các tỉnh biên giới giáp Lào, nhất là hoạt động THQCT của VKSND cấp huyện - cấp hành chính tương đương với phạm vi lãnh thổ nghiên cứu của công trình nêu trên.

Ngoài các công trình trên, cũng có một số công trình nghiên cứu về THQCT trong giai đoạn điều tra về tội phạm ma túy, điển hình như: (1) Luận văn thạc sĩ “*THQCT trong giai đoạn điều tra các tội phạm về ma túy từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh*” [19] của

Trần Minh Hảo (2019) đã cung cấp một góc nhìn quan trọng đối với các vụ án ma túy ở một tỉnh biên giới. Đây là công trình có giá trị thực tiễn cao, phản ánh sâu sắc vai trò của VKSND trong THQCT đối với các vụ án ma túy tại Quảng Ninh, một tỉnh biên giới có đặc điểm tương đồng với các địa phương dọc tuyến Việt Nam – Lào. Mặc dù không nằm trong phạm vi nghiên cứu trực tiếp của luận án, song các nội dung về đặc điểm tội phạm, phương thức thu thập chứng cứ, và cơ chế phối hợp giữa các CQTHTT tại Quảng Ninh có thể cung cấp những gợi mở quan trọng cho việc hoàn thiện công tác THQCT tại khu vực biên giới nói chung. Luận án sẽ kế thừa những kết quả nghiên cứu này, đồng thời mở rộng và cụ thể hóa trong bối cảnh địa bàn Việt Nam – Lào với các yếu tố dân cư, địa lý và hợp tác quốc tế đặc thù hơn, từ đó đề xuất các giải pháp có tính bao quát và khả thi trong phòng, chống tội phạm ma túy xuyên biên giới; (2) Luận văn thạc sĩ “THQCT trong giai đoạn điều tra các tội phạm về ma túy trên địa bàn Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái” [25] của Hà Minh Loan (2018). Công trình này đã cung cấp những phân tích thực tiễn đáng chú ý, dù địa phương này không nằm trên tuyến biên giới. Với đặc điểm địa hình hiểm trở, dân cư phân tán và tình trạng vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy diễn biến phức tạp, Yên Bái có nhiều điểm tương đồng với các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào. Luận văn đã làm rõ vai trò của VKS trong giai đoạn điều tra, nhất là những khó khăn trong phối hợp liên ngành và thu thập chứng cứ. Mặc dù phạm vi nghiên cứu mang tính địa phương, song kết quả của công trình này có ý nghĩa tham khảo quan trọng cho luận án tiến sĩ, đặc biệt trong việc nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả THQCT tại các địa bàn miền núi. Trên cơ sở đó, luận án có thể kế thừa, mở rộng và điều chỉnh các kinh nghiệm, giải pháp được đề xuất để vận dụng phù hợp hơn với bối cảnh thực tiễn và tính chất phức tạp của tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào...

*Về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về một số loại tội phạm khác*, cũng có nhiều công trình trong nước nghiên cứu về đa dạng các loại tội phạm khác nhau. Trong đó, một trong những công trình đáng chú ý nhất là luận án tiến sĩ với đề tài “*THQCT trong điều tra các tội giết người theo pháp luật TTHS Việt Nam*” (năm 2019) của Nguyễn Quốc Hân đã nghiên cứu chuyên sâu về vai trò của VKSND trong hoạt động THQCT đối với tội giết người. Công trình nghiên cứu về THQCT trong điều tra tội phạm giết người đã phân tích sâu các nguyên tắc, yêu cầu và trách nhiệm của KSV trong việc đảm bảo hoạt động khởi tố, điều tra và truy tố được thực hiện đúng pháp luật, hạn chế oan sai và bỏ lọt tội phạm. Mặc dù đối tượng nghiên cứu là tội phạm giết người – một loại tội đặc biệt nghiêm trọng có tính chất khác với tội phạm ma túy nhưng các kết quả nghiên cứu vẫn có giá trị tham khảo quan trọng đối với luận án, đặc biệt ở khía cạnh nâng cao khả năng đánh giá chứng cứ và đề ra yêu cầu điều tra của KSV. Công trình góp phần cung cấp góc nhìn hữu ích về các tiêu chí cần đảm bảo trong hoạt động THQCT, từ đó giúp luận án mở rộng phân tích để làm rõ những yêu cầu riêng biệt đối với THQCT trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới – nơi có đặc thù tội phạm tinh vi, có tổ chức và tiềm ẩn nhiều khó khăn trong kiểm sát điều tra [29].

### 1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu

#### 1.3.1. Những ưu điểm, những nội dung nghiên cứu đã sáng tỏ và được luận án kế thừa, phát triển trong nghiên cứu đề tài

Các công trình nghiên cứu hiện tại, dù ở trong nước hay nước ngoài, đã cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, giúp nghiên cứu sinh có nền tảng để tiếp tục phát triển và đi sâu vào đề tài. Mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến THQCT trong TTTHS là rất phong phú và đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, cụ thể về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

- Các ưu điểm và cơ sở nghiên cứu được kế thừa và phát triển bao gồm:

Về VKS và KSV trong quá trình THQCT: Hầu hết các nghiên cứu đã đề cập đến VKS như là chủ thể quan trọng trong THQCT, đặc biệt là trong giai đoạn khởi tố và điều tra. Tuy nhiên, QCT thực chất được thực hiện thông qua vai trò của KSV. Các công trình này tạo tiền đề để nghiên cứu sinh làm rõ khái niệm về vai trò của KSV trong việc thực hiện QCT, từ đó có cái nhìn chi tiết về hoạt động này trong bối cảnh các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Đây là cơ sở lý luận quan trọng, giúp tác giả luận án có nền tảng để phân tích sâu hơn về chức năng và vai trò của VKS và KSV trong quá trình THQCT tại các tỉnh biên giới này.

Về những nghiên cứu cụ thể về hoạt động của KSV trong giai đoạn khởi tố, điều tra, mặc dù chỉ một số ít công trình tập trung nghiên cứu về hoạt động của KSV trong quá trình thực hiện QCT, những nghiên cứu này vẫn mang lại những đóng góp quan trọng. Các nghiên cứu này, dù chỉ dừng lại ở một số hoạt động cụ thể hoặc một giai đoạn nhỏ của quy trình tố tụng, đã cung cấp nền tảng quan trọng để tác giả luận án có thể mở rộng và phát triển nội dung, làm rõ hơn quá trình THQCT trong các vụ án ma túy phức tạp tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

Về các công trình nghiên cứu nước ngoài về cơ quan công tố và THQCT: Những nghiên cứu quốc tế cung cấp một cái nhìn toàn diện và so sánh về cơ quan công tố và các hoạt động THQCT trong hệ thống pháp luật khác nhau. Mặc dù mỗi quốc gia có hệ thống pháp luật và mô hình tố tụng khác nhau, các tài liệu này giúp tác giả có cơ sở để so sánh và đối chiếu, từ đó khái quát hóa được cách thức THQCT trong TTTHS tại Việt Nam hiện nay. Đây là yếu tố quan trọng để nghiên cứu sinh phát triển cách tiếp cận đa chiều và so sánh khi nghiên cứu vấn đề THQCT trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới, nơi có đặc thù về địa lý và pháp lý.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận cần thiết để luận án kế thừa và phát triển, từ đó mở rộng phạm vi nghiên cứu sang việc THQCT trong giai đoạn khởi tố và điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, một lĩnh vực mà chưa có công trình nghiên cứu nào phân tích toàn diện.

### ***1.3.2. Những vấn đề liên quan đến chủ đề luận án nhưng chưa được giải quyết thấu đáo hoặc chưa được đặt ra trong các công trình nghiên cứu đã công bố***

Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu đã thực hiện, có thể thấy rằng đề tài “THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào” vẫn chưa được giải quyết một cách thỏa đáng. Có một số nội dung chính liên quan đến đề tài mà các nghiên cứu hiện tại chưa tập trung làm rõ, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, khái niệm THQCT của VKS còn có nhiều quan điểm khác nhau, một số công trình khoa học chưa phân biệt rõ giữa QCT với THQCT, thậm chí có sự đồng nhất hai khái niệm này trong cách diễn giải. Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất trong việc xác định bản chất, phạm vi, nội dung và phương thức thực hiện QCT trong TTHS.

*Thứ hai*, khái niệm “THQCT của VKS trong giai đoạn khởi tố, điều tra” chưa được làm rõ một cách hệ thống. Trong quá trình nghiên cứu và tổng hợp tài liệu, không có tài liệu nào đưa ra khái niệm rõ ràng về THQCT trong giai đoạn này. Hầu hết các nghiên cứu chỉ đề cập đến “hoạt động của VKS” hoặc các “nhiệm vụ, quyền hạn” của KSV trong TTHS, mà không đi sâu vào việc phân tích QCT trong từng giai đoạn cụ thể của quy trình tố tụng. Đây là một khoảng trống về lý luận mà luận án cần phải làm rõ và phát triển.

*Thứ ba*, có sự tranh luận về mô hình và chức năng của VKS trong TTHS. Hiện tại, có nhiều quan điểm trái chiều về việc duy trì mô hình VKS với cả hai chức năng: THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, hoặc chuyển đổi sang mô hình VTC. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng đây là một vấn đề cần được xem xét kỹ lưỡng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến cơ chế THQCT trong giai đoạn khởi tố và điều tra. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu hiện nay chưa có sự đồng thuận hoặc giải quyết thấu đáo vấn đề này.

*Thứ tư*, thiếu những nghiên cứu đánh giá thực trạng THQCT trong giai đoạn khởi tố và điều tra một cách chi tiết và cụ thể. Các nghiên cứu hiện tại phần lớn chỉ tập trung vào việc đánh giá hoạt động của VKS hoặc KSV qua các số liệu chung như số lượng vụ án đình chỉ hay tuyên không phạm tội. Chưa có nhiều công trình tiến hành khảo sát thực tiễn và đưa ra các chỉ số đánh giá cụ thể về hiệu quả của quá trình THQCT trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, một khu vực có tính chất đặc thù và phức tạp.

*Thứ năm*, các giải pháp mà các nghiên cứu trước đây đã đề xuất phần lớn không còn cập nhật với thực tiễn hiện nay. Với việc BLTTHS, cùng với các luật tổ chức VKS, CQĐT, và Tòa án cũng đang trong quá trình nghiên cứu sửa đổi, những thay đổi về pháp lý này sẽ có tác động lớn đến cơ chế THQCT. Do đó, các giải pháp được đưa ra trong các nghiên cứu trước đây cần phải được phân tích lại, cập nhật, và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh pháp luật hiện nay. Điều này đòi hỏi các nghiên cứu phải tiếp tục đánh giá, phân tích sâu hơn để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian tới.

Tóm lại, mặc dù các nghiên cứu hiện tại đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề liên quan đến đề tài luận án chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng và hệ thống. Điều này đặt ra nhiệm vụ cho luận án cần phải làm rõ, bổ sung và phát triển các khái niệm, cơ sở lý luận, và giải pháp để hoàn thiện hơn nữa quy trình THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

### ***1.3.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án***

Từ phân tích tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, có thể thấy rằng còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết thỏa đáng, để lại những khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu và làm rõ trong luận án. Cụ thể, các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu bao gồm:

*Thứ nhất*, cần làm rõ khái niệm, đặc điểm của “QCT” và “THQCT”, trên cơ sở đó, xác định rõ ranh giới và mối quan hệ giữa hai khái niệm này; Đồng thời, làm rõ những vấn đề lý luận như bản chất, phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức... của THQCT. Làm rõ khái niệm, đặc điểm của thực hành quyền công trong giai đoạn khởi tố, điều tra với đặc thù về yếu tố loại tội phạm ma túy và đặc thù về địa bàn. Việc nghiên cứu, so sánh và phân tích mối quan hệ giữa các khái niệm này sẽ giúp xác định rõ hơn vai trò và nhiệm vụ của KSV trong quá trình THQCT.

*Thứ hai*, cần lý giải và làm rõ cơ sở pháp lý cho hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Một trong những nội dung trọng tâm là phân tích địa vị pháp lý của VKS và mối quan hệ giữa VKS với CQĐT. Qua đó, luận án sẽ có cơ sở để đánh giá thực trạng, khó khăn và thách thức trong việc THQCT của KSV trong TTHS tại Việt Nam, đặc biệt là trong các vụ án ma túy gắn với yếu tố địa bàn.

*Thứ tư*, nghiên cứu thực trạng THQCT của KSV trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Đây là nhiệm vụ chính của luận án, nhằm làm sáng tỏ thực trạng hoạt động này thông qua các vụ án cụ thể. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cái nhìn tổng thể về việc THQCT, từ đó đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề lý luận còn tồn tại.

*Thứ năm*, tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Việc nghiên cứu thực trạng hoạt động THQCT của KSV trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào cần làm rõ các nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện chức năng này. Các yếu tố có thể liên quan đến cơ cấu tổ chức, quá trình phối hợp giữa VKS và CQĐT, hoặc do những bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành...

*Thứ sáu*, làm rõ những yêu cầu và đề xuất các và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Luận án sẽ đưa ra các giải pháp mang tính chiến lược để hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả THQCT của KSV, đồng thời xây dựng hệ thống giải pháp tổng thể đảm bảo tính thực tiễn và khả thi. Các giải pháp này sẽ được đề xuất và phát triển gắn với nhu cầu cải cách pháp luật hiện nay.

Những vấn đề nêu trên là các nội dung quan trọng cần được tiếp tục nghiên cứu, nhằm đảm bảo luận án có thể làm sáng tỏ và đóng góp vào việc hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

Việc tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy lĩnh vực THQCT đã được nhiều học giả, nhà nghiên cứu và cơ quan thực tiễn quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ: từ chức năng, vai trò của VKS trong TTHS, đến kỹ năng, phương pháp THQCT trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố. Một số công trình đã tiếp cận từ

hướng cải cách tư pháp, bảo đảm quyền con người trong TTHS, hoặc phân tích mô hình công tố ở các quốc gia khác, đặc biệt trong các bối cảnh pháp lý khác nhau. Đây là nguồn tư liệu quý báu để luận án kế thừa và phát triển.

Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống rõ rệt trong nghiên cứu, đặc biệt là việc thiếu vắng các công trình chuyên sâu về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Đây là địa bàn có tính chất đặc thù, phức tạp, đòi hỏi sự tham gia chặt chẽ, chủ động và có trách nhiệm cao của KSV ngay từ đầu tiến trình tố tụng. Mặt khác, nhiều công trình hiện hành mới dừng ở việc phân tích chung về QCT, chưa đi sâu vào tính chất đặc thù của tội phạm ma túy cũng như bối cảnh pháp lý, thực tiễn của từng khu vực cụ thể.

Việc xác lập rõ khoảng trống trong nghiên cứu không chỉ là cơ sở để luận án xác định phạm vi và hướng tiếp cận riêng biệt, mà còn khẳng định tính cấp thiết và đóng góp mới của đề tài. Luận án sẽ kế thừa có chọn lọc những giá trị khoa học từ các công trình trước, đồng thời bổ sung các luận cứ mang tính thực tiễn và chuyên sâu, nhằm hoàn thiện hơn lý luận và giải pháp nâng cao hiệu quả THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và phòng, chống tội phạm hiện nay.

### **Tiểu kết Chương 1**

Việc tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy lĩnh vực THQCT đã được nhiều học giả, nhà nghiên cứu và cơ quan thực tiễn quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ: từ chức năng, vai trò của cơ quan thực hành quyền công tố trong TTHS, đến kỹ năng, phương pháp THQCT trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố. Một số công trình đã tiếp cận từ hướng cải cách tư pháp, bảo đảm quyền con người trong TTHS, hoặc phân tích mô hình công tố ở các quốc gia khác, đặc biệt trong các bối cảnh pháp lý khác nhau. Đây là nguồn tư liệu quý báu để luận án kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống rõ rệt trong nghiên cứu, cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhất là lý luận về THQCT tại Việt Nam cũng như việc thiếu vắng các công trình chuyên sâu về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra và THQCT trong các vụ án về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Việc xác lập rõ khoảng trống trong nghiên cứu không chỉ là cơ sở để luận án xác định phạm vi và hướng tiếp cận riêng biệt, mà còn khẳng định tính cấp thiết và đóng góp mới của đề tài. Luận án sẽ kế thừa có chọn lọc những giá trị khoa học từ các công trình trước, đồng thời bổ sung các luận cứ mang tính thực tiễn và chuyên sâu, nhằm hoàn thiện hơn lý luận và giải pháp nâng cao hiệu quả THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và phòng, chống tội phạm hiện nay.

## CHƯƠNG 2

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO

#### 2.1. Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố

##### 2.1.1. Những vấn đề lý luận về quyền công tố

###### 2.1.1.1. Khái niệm quyền công tố

Cụm từ “công tố” có nguồn gốc từ tiếng Hán-Việt, được hình thành bởi hai từ đơn “công” và “tố”. Theo Đại từ điển tiếng Việt, từ “công” có nghĩa là “thuộc về Nhà nước, tập thể, trái với tư”, trong khi “tố” có nghĩa là “nói về những sai phạm, tội lỗi của người khác một cách công khai trước người có thẩm quyền”. Theo chúng tôi, về mặt ngữ pháp, “công tố” là một cụm động từ ghép, trong đó, “tố” là động từ chủ đạo của cụm động từ này, mang nghĩa nói về những sai phạm, tội lỗi của người khác; “công” là tính từ mang nghĩa thuộc về nhà nước (trái với tư), với vai trò bổ nghĩa cho động từ “tố”. Do đó, có thể hiểu “công tố” trong tiếng Việt là hành động của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan nhà nước thực hiện việc tố cáo, cáo buộc hành vi phạm tội của một cá nhân hoặc pháp nhân, truy cứu để buộc các chủ thể này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình [98].

Tương tự, từ “prosecution” trong tiếng Anh cũng mang một ý nghĩa tương tự, dùng để chỉ hành động kiện tụng hoặc truy tố một cá nhân hoặc nhóm vì hành vi vi phạm pháp luật. Từ này có nguồn gốc từ Latin, “prosecutio”, có nghĩa là “*the action of pursuing a case in a court of law*” (hành động theo đuổi một vụ án tại tòa án). Từ điển Oxford English Dictionary định nghĩa “prosecution” là việc “tiến hành hành động pháp lý chống lại ai đó trong tòa án, để chứng minh rằng họ phạm tội”.

Như vậy, “công tố” theo cách hiểu chung nhất, là hoạt động của nhà nước tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong một vụ án hình sự của một cá nhân hoặc pháp nhân và chứng minh, làm rõ, buộc chủ thể đó phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước xã hội trên cơ sở quy định của pháp luật, hoạt động này được nhà nước giao cho một cơ quan nhà nước cụ thể thực hiện.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng “*công tố và QCT là hai khái niệm đồng nhất với nhau*” [94, tr21]. Tuy nhiên, theo chúng tôi, khái niệm “công tố” và “quyền công tố” tuy có liên quan nhưng lại có sự khác biệt cơ bản. Trong khi công tố là khái niệm đề cập đến hành động, hoạt động của nhà nước hoặc quá trình truy cứu trách nhiệm của một hành vi phạm tội trước các cơ quan có thẩm quyền, thường là tòa án (là một cụm động từ chỉ hành động tố cáo và đưa ra các bằng chứng để chứng minh tội phạm, buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm trước pháp luật) thì “quyền công tố” là một cụm danh từ chỉ quyền lực của nhà nước, quyền được phép chính thức thực hiện các hoạt động công tố trong các vụ án hình sự trên cơ sở sự công nhận của xã hội thông qua quy định

của pháp luật. Quyền này được trao cho cơ quan công tố, là cơ quan có thẩm quyền và độc lập trong việc thực hiện các hoạt động liên quan đến việc buộc tội người phạm tội. Vì vậy, công tố đề cập đến hành động buộc tội một cá nhân hay pháp nhân, QCT là quyền lực chính thức mà Nhà nước trao cho các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các hành động đó trong khuôn khổ pháp lý.

QCT là một khái niệm pháp lý xuất hiện từ sớm trong lịch sử phát triển của nền tư pháp hiện đại và giữ vị trí trung tâm trong TTHS ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, do sự khác biệt về mô hình tổ tụng và truyền thống pháp luật, khái niệm QCT được hiểu và thể hiện dưới những hình thức đa dạng, với cách tiếp cận không hoàn toàn thống nhất.

Trong hệ thống pháp luật thuộc mô hình tổ tụng tranh tụng (common law) như Anh, Hoa Kỳ..., QCT thường được thể hiện thông qua chức năng của các CTV (prosecutor), với vai trò là “bên buộc tội” độc lập trong quá trình tố tụng. CTV có quyền quyết định khởi tố, truy tố, tham gia tranh tụng tại tòa án, đồng thời thực hiện vai trò định hướng điều tra. Ở các nước này, QCT không gắn liền với chức năng kiểm sát như ở Việt Nam, mà mang tính độc lập, phản ánh mô hình tư pháp phân quyền rõ rệt. Trong khi đó, ở các quốc gia theo mô hình tổ tụng thẩm vấn (civil law) như Pháp, Đức, Nhật Bản..., QCT thường gắn liền với hệ thống cơ quan công tố nhà nước (Ministère public, Staatsanwaltschaft...) – là cơ quan nằm trong hệ thống hành chính tư pháp, có mối liên hệ mật thiết với CQĐT. Ở đây, QCT không chỉ dừng lại ở vai trò truy tố mà còn bao hàm cả chức năng giám sát tính hợp pháp trong hoạt động điều tra và xét xử, tương tự mô hình Kiểm sát ở Việt Nam.

Trong khoa học pháp lý Việt Nam, khái niệm QCT được tiếp cận chủ yếu dưới góc nhìn là quyền năng TTHS đặc thù của Nhà nước, giao cho VKSND thực hiện, nhằm đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội được tiến hành đúng pháp luật, đúng người, đúng tội và không bỏ lọt tội phạm. Theo đó, QCT không chỉ là quyền khởi tố hay truy tố, mà là tập hợp các quyền năng pháp lý nhằm thực hiện chức năng buộc tội trong toàn bộ quá trình TTHS. Quan niệm này được phát triển mạnh mẽ kể từ khi Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi 2001) và đặc biệt là Hiến pháp năm 2013 xác lập rõ ràng VKS là cơ quan THQCT (Điều 107), đồng thời được cụ thể hóa trong Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và BLTTHS. Thực tiễn áp dụng tại Việt Nam còn cho thấy sự phát triển nội dung của QCT ngày càng mang tính chủ động và tích cực hơn, đặc biệt từ giai đoạn tiếp nhận TG, TBTP, KNKT đến truy tố và tham gia xét xử. Điều này đã khẳng định QCT không đơn thuần là “quyền truy tố” như một số quốc gia theo hệ thống tranh tụng, mà là quyền năng pháp lý toàn diện nhằm hiện thực hóa quyền buộc tội của Nhà nước trong TTHS, phù hợp với đặc điểm mô hình tổ tụng thẩm vấn đang được áp dụng tại Việt Nam.

Trên cơ sở tìm hiểu những vấn đề liên quan, có thể đưa ra khái niệm về QCT như sau: *“Quyền công tố là quyền năng TTHS đặc thù của Nhà nước, tồn tại độc lập trong mối quan hệ với các quyền tư pháp khác, được trao cho cơ quan có thẩm quyền nhằm*

*thực hiện hoạt động buộc tội đối với cá nhân hoặc pháp nhân có hành vi phạm tội và bảo vệ quan điểm buộc tội đó trước tòa án, thông qua việc thực hiện các quyền tố tụng trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự”.*

#### *2.1.1.2. Đặc điểm của quyền công tố*

Trên cơ sở phân tích và xác định khái niệm QCT, có thể thấy QCT là một trong những quyền lực quan trọng trong hệ thống tư pháp hình sự của mỗi quốc gia. Quyền này không chỉ phản ánh vai trò của cơ quan công tố trong việc bảo vệ trật tự xã hội, mà còn thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc duy trì pháp luật và công lý. Đặc điểm của QCT là những yếu tố quan trọng giúp phân biệt quyền này với các quyền lực khác trong bộ máy nhà nước, đồng thời đảm bảo chức năng truy tố và giám sát các hoạt động liên quan đến TTHS diễn ra một cách công bằng và minh bạch. Từ đó, chúng tôi xác định những đặc điểm chính của QCT như sau:

##### *a) Quyền công tố mang tính quyền lực nhà nước*

QCT, với vai trò quan trọng trong hệ thống quyền lực của mỗi nhà nước, không chỉ đại diện cho quyền lực nhà nước để bảo vệ công lý mà còn mang tính quyền lực nhà nước sâu sắc. Tính quyền lực nhà nước của QCT không chỉ nằm ở mặt hình thức mà còn thể hiện rõ trong các nguyên tắc, mục tiêu hoạt động của quyền này; mặt khác, còn được thể hiện qua một số khía cạnh sau: (1) QCT được nhà nước giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (2) QCT gắn liền với quyền lực cưỡng chế của nhà nước; (3) QCT là công cụ của nhà nước trong việc bảo vệ lợi ích công cộng; (4) tính quyền lực nhà nước của QCT thể hiện qua mối quan hệ giữa QCT và các quyền lực khác của nhà nước.

##### *b) Quyền công tố có tính liên tục trong chiều dài lịch sử của mỗi nhà nước và trong suốt quá trình tố tụng hình sự*

Tính liên tục của QCT là một đặc điểm quan trọng trong hệ thống pháp lý, và nó thể hiện rõ rệt ở hai khía cạnh cơ bản: (1) tính liên tục trong chiều dài lịch sử của mỗi nhà nước và (2) tính liên tục trong quá trình TTHS. Hai khía cạnh này không chỉ phản ánh sự ổn định của QCT mà còn đảm bảo rằng QCT luôn gắn liền với sự phát triển và bảo vệ công lý trong xã hội, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, tính liên tục trong chiều dài lịch sử của mỗi nhà nước: QCT không phải là một quyền năng tạm thời mà là yếu tố xuyên suốt trong lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước. QCT phát sinh từ nhu cầu bảo vệ lợi ích công cộng, công lý, quyền con người và bảo đảm xử lý nghiêm minh hành vi phạm tội. Ngay từ các nền văn minh cổ đại như La Mã, QCT đã tồn tại dưới nhiều hình thức, được thực hiện bởi các chức quan có thẩm quyền truy tố, tạo nền tảng cho hệ thống pháp lý hiện đại. Trong các quốc gia như Anh, Pháp, QCT tiếp tục phát triển và đóng vai trò then chốt trong nhà nước pháp quyền. Dù qua các cuộc cách mạng hay thay đổi thể chế, QCT vẫn giữ vai trò cốt lõi trong việc bảo vệ công lý và bảo đảm pháp luật được thực thi công bằng.

*Thứ hai*, tính liên tục trong quá trình TTHS: QCT hiện diện trong toàn bộ quá trình TTHS, từ khởi tố đến kết thúc vụ án, thể hiện tính liên tục không chỉ về thời gian mà còn về chức năng. QCT không mang tính chất can thiệp tạm thời mà là quá trình gắn

bó xuyên suốt, bảo đảm các vụ án hình sự được xử lý đúng đắn, khách quan và minh bạch. Tính liên tục này góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống pháp luật và khẳng định vai trò trung tâm của QCT trong việc bảo vệ công lý và trật tự xã hội.

*c) Quyền công tố có tính độc lập tương đối*

Tính độc lập của QCT là một trong những đặc điểm quan trọng trong hệ thống tư pháp, phản ánh sự độc lập của VKS/ VTC trong việc thực hiện các chức năng tố tụng. Tuy nhiên, QCT mặc dù có tính độc lập, nhưng đó là tính độc lập tương đối, chứ không tuyệt đối như quyền xét xử. Trước hết, QCT có tính độc lập trong việc đưa ra các quyết định mang theo quy định của pháp luật như quyết định khởi tố vụ án, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án, truy tố bị cáo trước tòa... VKS/ VTC có quyền đánh giá chứng cứ, quyết định việc truy tố hay không truy tố, và có thể quyết định đình chỉ vụ án nếu không có, không đủ hoặc không còn cơ sở để buộc tội. Quyết định này không bị chi phối trực tiếp bởi các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Tuy nhiên, tính độc lập này là tương đối, vì QCT vẫn chịu sự phụ thuộc vào kết quả điều tra của các CQĐT trong việc thu thập chứng cứ. VKS/ VTC có quyền kiểm sát/ giám sát công tác điều tra, nhưng các CQĐT mới là nơi thực hiện việc thu thập chứng cứ. Việc này tạo ra một sự phụ thuộc nhất định giữa QCT và quyền điều tra của các CQĐT, điều này khác với quyền xét xử, khi Tòa án hoàn toàn độc lập trong việc đưa ra phán quyết dựa trên các chứng cứ và pháp luật.

*d) Quyền công tố là một loại quyền đặc thù, chỉ tồn tại trong lĩnh vực tố tụng hình sự*

Đặc điểm này của QCT phản ánh rõ rệt sự phân biệt giữa các lĩnh vực pháp lý khác nhau trong hệ thống tư pháp, và chỉ khi có hành vi phạm tội, QCT mới được thực thi. QCT được hiểu là quyền của cơ quan công tố trong việc quyết định việc khởi tố vụ án, truy tố để buộc tội người phạm tội trong các vụ án hình sự ra trước tòa án. Điều này có nghĩa là QCT không áp dụng trong các lĩnh vực pháp lý khác như dân sự, hành chính hay lao động. Trong lĩnh vực hình sự, QCT đảm nhận vai trò chủ chốt trong việc bảo vệ công bằng xã hội, nhất là bảo vệ quyền lợi của nạn nhân hoặc các khách thể bị tội phạm xâm phạm đến, đồng thời bảo đảm rằng những hành vi phạm tội được xử lý đúng pháp luật. QCT chỉ xuất hiện khi có hành vi phạm tội phát sinh trên thực tế, một trong những nhiệm vụ quan trọng của QCT là bảo đảm các hành vi phạm tội sẽ được đưa ra xét xử truy cứu công minh, không bị bao che hay bỏ qua.

Tính đặc thù của QCT xuất phát từ việc quyền này có một phạm vi hoạt động rõ ràng và gắn liền với các vụ án hình sự, nơi có những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng (hành vi nguy hiểm cho xã hội) đến các khách thể trong cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật mỗi quốc gia. Khi một vụ án hình sự xảy ra, VKS/ VTC đóng vai trò là cơ quan chủ động trong việc quyết định khởi tố vụ án, truy tố và tham gia phiên tòa xét xử hình sự để thực hiện việc buộc tội, điều này là một khía cạnh thể hiện rõ tính đặc thù của QCT trong lĩnh vực TTHS. Do vậy, QCT là một quyền lực đặc thù, chỉ tồn tại trong lĩnh vực TTHS vì nó gắn liền với việc bảo vệ công lý, bảo vệ trật tự xã

hội, an ninh quốc gia cũng như các khách thể khác khỏi sự xâm phạm từ các hành vi nguy hiểm thông qua việc xử lý, cáo buộc các hành vi đó bằng một thủ tục đặc thù của mỗi quốc gia - thủ tục TTHS.

#### *2.1.1.3. Phạm vi của quyền công tố*

*Thứ nhất*, phạm vi theo lĩnh vực (không gian pháp lý): QCT là một khái niệm mang tính đặc thù của TTHS, xuất phát từ chính bản chất là quyền buộc tội. Trong khi một số quan điểm từng cho rằng QCT có thể xuất hiện trong các lĩnh vực khác như dân sự, hành chính hoặc kinh tế, thì nhận định này không phù hợp về mặt lý luận. Bởi lẽ, QCT chỉ tồn tại trong lĩnh vực hình sự, nơi duy nhất có sự hiện diện của Nhà nước với tư cách là chủ thể buộc tội, thể hiện thông qua việc điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội. Trái lại, trong các lĩnh vực dân sự hay hành chính, quyền lực tố tụng không mang tính buộc tội, mà thiên về giải quyết tranh chấp hoặc điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể ngang bằng về địa vị pháp lý. Do đó, phạm vi không gian của QCT chỉ tồn tại trong phạm vi TTHS.

*Thứ hai*, phạm vi theo thời gian (thời điểm pháp lý trong quá trình tố tụng): một điểm cần được làm rõ trong lý luận về QCT là thời điểm bắt đầu và kết thúc của QCT. Có quan điểm cho rằng QCT bắt đầu từ khi truy tố (ra cáo trạng) và kết thúc sau phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, cách hiểu này là chưa đầy đủ và làm thu hẹp bản chất của QCT. Thực tiễn và pháp luật Việt Nam hiện hành cho thấy rằng QCT không bắt đầu từ khi truy tố mà đã hình thành từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT và kéo dài đến khi kết thúc quá trình xét xử. Điều này thể hiện rõ qua các quyền năng pháp lý được ghi nhận trong BLTTHS như: quyền trực tiếp khởi tố, trực tiếp giải quyết TG, TBTP, KNKT... Tất cả các hoạt động này đều thuộc nội dung buộc tội và là biểu hiện thực tế của QCT. Mặt khác, QCT kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, bởi sau thời điểm này, hoạt động TTHS chuyển sang giai đoạn thi hành án – nơi mà Nhà nước không còn thực hiện việc buộc tội, mà tập trung vào việc cưỡng chế thi hành bản án đã tuyên. Do vậy, QCT không tồn tại trong giai đoạn thi hành án. Vì vậy, có thể xác định rằng phạm vi thời gian của QCT bắt đầu từ khi phát sinh dấu hiệu tội phạm và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không phụ thuộc vào việc đã ra quyết định khởi tố hay chưa. Cách hiểu này vừa bảo đảm tính toàn diện, vừa phản ánh đúng bản chất của QCT là quyền nhân danh Nhà nước trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự một cách liên tục và chủ động.

#### *2.1.1.4. Đối tượng của quyền công tố*

Đối tượng của QCT không phải là mọi hành vi vi phạm pháp luật, mà chỉ giới hạn ở những hành vi bị coi là tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự và người thực hiện những hành vi đó. Đây là những hành vi xâm phạm đến các quan hệ xã hội quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, và có tính chất nguy hiểm cho xã hội. Khác với các quan hệ tranh chấp dân sự hay hành chính, nơi mà việc giải quyết chủ yếu dựa trên cơ chế thỏa thuận, QCT chỉ tồn tại trong TTHS và mang tính cưỡng chế nhà nước, thể hiện vai trò buộc tội của Nhà nước. Vì vậy, có thể khẳng định: tội phạm và người phạm

tội chính là đối tượng duy nhất của QCT, là trung tâm của mọi hoạt động buộc tội mà VKS nhân danh Nhà nước thực hiện nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được xử lý kịp thời, đúng pháp luật và không bỏ lọt tội phạm.

#### *2.1.1.5. Bản chất, nội dung của quyền công tố*

Xét về bản chất, QCT là một quyền năng TTHS của Nhà nước, được trao cho cơ quan có thẩm quyền nhằm thực hiện việc buộc tội đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội. Đây là một biểu hiện điển hình của quyền lực nhà nước trong lĩnh vực tư pháp hình sự, được thể chế hóa thông qua các quy phạm tố tụng, nhằm bảo đảm cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự được tiến hành khách quan, công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong mô hình tố tụng của Việt Nam, chịu ảnh hưởng từ hệ thống pháp luật dân luật (civil law) – QCT được hiểu là chức năng mang tính pháp lý, công quyền của VKSND trong việc thực hiện các hoạt động tố tụng buộc tội. Không giống như khái niệm “truy tố” trong hệ thống tố tụng tranh tụng (chỉ bắt đầu từ khi nộp cáo trạng ra tòa), QCT ở Việt Nam bao hàm toàn bộ các quyền năng buộc tội được thực hiện từ trước khi khởi tố cho đến khi bản án có hiệu lực. Tính chất buộc tội của QCT không đối lập với nguyên tắc suy đoán vô tội, mà là một cơ chế pháp lý để bảo đảm việc buộc tội diễn ra trong khuôn khổ pháp luật và có sự kiểm soát chặt chẽ.

Từ bản chất của QCT, có thể xác định nội dung cốt lõi của QCT chính là việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân hoặc pháp nhân đã có hành vi phạm tội, được thực hiện thông qua các quyền năng tố tụng cụ thể như: khởi tố vụ án, truy tố bị can, buộc tội tại phiên tòa và thực hiện các quyền tố tụng khác bảo đảm cho hoạt động buộc tội được tiến hành khách quan, đúng pháp luật. Từ góc độ lý luận và pháp luật hiện hành, QCT không chỉ là sự "tuyên bố buộc tội" tại phiên tòa, mà còn bao hàm toàn bộ quá trình pháp lý nhằm xác lập, kiểm chứng và bảo vệ quyết định buộc tội của Nhà nước, kể từ khi phát hiện dấu hiệu tội phạm cho đến khi kết thúc quá trình xét xử. Nội dung này khẳng định tính chất chủ động, nhân danh quyền lực nhà nước và mang tính cưỡng chế pháp lý cao của QCT – một đặc trưng quan trọng phân biệt nó với các quyền năng tố tụng khác như quyền bào chữa, quyền xét xử...

#### *2.1.1.6. Phân biệt quyền công tố với một số quyền tư pháp khác*

Trong mối quan hệ với các quyền tư pháp khác, mặc dù cùng tồn tại trong quá trình TTHS, QCT có bản chất, mục đích và cơ chế vận hành khác biệt so với các quyền tố tụng khác như quyền điều tra, quyền xét xử và quyền bào chữa. Việc so sánh, phân biệt những quyền năng này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định rõ vai trò, chức năng và giới hạn pháp lý của từng chủ thể trong hoạt động tố tụng:

*Thứ nhất*, QCT và quyền điều tra đều xuất hiện ở giai đoạn đầu của TTHS và có chung mục tiêu là làm rõ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, quyền điều tra là quyền tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ, khám nghiệm, lấy lời khai... nhằm xác minh, tìm kiếm thông tin về sự thật của vụ án, do CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện. Trong khi đó, QCT là quyền buộc tội nhân danh Nhà nước, do VKS thực hiện, với nhiệm vụ đánh giá tính hợp pháp, tính có căn cứ của các

hoạt động điều tra, định hướng, điều tiết hoạt động điều tra và đưa ra quyết định truy tố. Như vậy, quyền điều tra mang tính kỹ thuật nghiệp vụ, còn QCT mang tính định hướng pháp lý và là trung tâm của trách nhiệm buộc tội.

*Thứ hai*, QCT và quyền xét xử đều có chức năng quyết định đối với trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, nhưng hoàn toàn khác biệt về bản chất. Quyền xét xử thuộc về Tòa án, là quyền năng độc lập, chỉ được thực hiện tại phiên tòa nhằm đưa ra phán quyết khách quan, công bằng về việc người bị cáo buộc có tội hay không. Trong khi đó, QCT thể hiện quan điểm buộc tội của Nhà nước, được VKS thực hiện suốt quá trình tố tụng. Nếu quyền xét xử là trung tâm của quyền tư pháp thì QCT là trung tâm của hoạt động buộc tội trong TTHS.

*Thứ ba*, QCT và quyền bào chữa là hai quyền năng đối lập trong TTHS. Quyền bào chữa, do luật sư hoặc chính người bị buộc tội thực hiện, nhằm bảo vệ quyền con người, đưa ra các lập luận, chứng cứ nhằm phủ nhận hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngược lại, QCT thể hiện sự khẳng định từ phía Nhà nước rằng người đó đã thực hiện hành vi phạm tội và cần bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là sự đối trọng cần thiết để bảo đảm tính tranh tụng trong tố tụng, qua đó góp phần bảo vệ sự thật khách quan và công lý.

Như vậy, QCT tuy có liên hệ chặt chẽ với các quyền tố tụng khác trong cùng một hệ thống, nhưng là một quyền năng pháp lý độc lập, đặc thù, mang tính quyền lực nhà nước rõ nét, có vai trò trung tâm trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự và bảo đảm nguyên tắc không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội trong nền tư pháp hình sự.

### ***2.1.2. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố***

#### ***2.1.2.1. Khái niệm thực hành quyền công tố***

Trong khoa học pháp lý, bất kỳ một quyền năng pháp lý nào cũng chỉ thực sự có ý nghĩa khi được hiện thực hóa trong thực tiễn thông qua hành vi của chủ thể có thẩm quyền. Điều này đặc biệt đúng đối với QCT, một loại quyền năng tố tụng đặc thù của Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Nếu QCT được hiểu là quyền năng pháp lý do pháp luật quy định, trao cho VKSND nhằm buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội, thì THQCT chính là quá trình hiện thực hóa quyền năng đó thông qua các hoạt động tố tụng cụ thể, do KSV thực hiện trong từng giai đoạn của quá trình giải quyết vụ án hình sự. Nói cách khác, THQCT là “phần động” của QCT, là sự vận hành có chủ đích, có định hướng và tuân theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền buộc tội của Nhà nước được triển khai đúng đắn, hợp pháp, kịp thời và hiệu quả. Nếu QCT mang tính trừu tượng và có tính chất tiềm năng thì THQCT lại mang tính vận dụng cụ thể, phản ánh sự hiện diện thực tế của quyền lực công tố trong hoạt động tố tụng. Chính vì vậy, vai trò của THQCT là đặc biệt quan trọng trong việc hiện thực hóa QCT, góp phần đảm bảo cho pháp luật hình sự và TTHS được thực thi một cách nghiêm chỉnh, đồng thời giữ vững các nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Theo Từ điển Tiếng Việt, khái niệm “thực hành” được hiểu là việc làm nhằm áp dụng lý thuyết vào thực tiễn. Nghĩa là, khi nói đến “thực hành”, ta nhấn mạnh đến sự

chuyển hóa từ nhận thức lý thuyết sang hành động cụ thể, từ những gì mang tính trừu tượng, khái quát thành những hoạt động cụ thể trong đời sống. Tuy nhiên, Từ điển Tiếng Việt không định nghĩa cụ thể cụm từ “THQCT”, vì đây là một khái niệm pháp lý chuyên ngành, vượt ra ngoài phạm vi ngôn ngữ học thông thường.

Trong khi đó, theo Từ điển Luật học, cụm từ “THQCT” được định nghĩa rõ ràng hơn, mang tính chuyên ngành và gắn liền với hệ thống pháp luật. Cụ thể, *“THQCT là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung QCT để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử”* [7].

Khái niệm THQCT đã được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật cũng như trong lý luận pháp lý hình sự, tuy nhiên cách hiểu về khái niệm này vẫn có sự khác biệt nhất định tùy theo hệ thống pháp luật và bối cảnh pháp lý cụ thể. Trong một số tài liệu nước ngoài, hoạt động THQCT thường gắn liền với chức năng buộc tội của CTV tại phiên tòa, với phạm vi hẹp hơn, chủ yếu là giai đoạn truy tố và xét xử. Tại Việt Nam, đến nay, vẫn còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm này:

Có quan điểm xác định phạm vi THQCT quá rộng, xác định QCT được thực hiện trong mọi giai đoạn TTHS bao gồm cả điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Ngược lại, một số nhà khoa học lại xác định phạm vi THQCT quá hẹp, chỉ là một số hoạt động pháp lý cụ thể mang tính chất buộc tội của cơ quan có thẩm quyền như lập cáo trạng và luận tội trước phiên tòa sơ thẩm hình sự, thậm chí có người còn cho rằng THQCT chỉ là sự buộc tội trước phiên tòa sơ thẩm.

Bên cạnh đó, có quan điểm xác định đúng phạm vi về THQCT là được thực hiện trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, và xét xử: *“THQCT là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung QCT để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử”* [94, tr48]. Quan điểm này đồng nhất với định nghĩa “THQCT” trong từ điển Luật học như đã nêu trên. Tuy nhiên, quan điểm này lại tồn tại một thiếu sót cơ bản khi cho rằng *“THQCT là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung QCT”*. Để làm rõ sự thiếu sót của nhận định này, trước hết, cần xác định QCT và THQCT là hai khái niệm có mối liên hệ mật thiết nhưng không đồng nhất. Cụ thể, QCT là một phạm trù lý luận - tức là một khái niệm mang tính chính trị - pháp lý trừu tượng. Nó đề cập đến quyền năng của Nhà nước, cụ thể là thông qua cơ quan được giao nhiệm vụ (thường là VKS/ VCT), nhân danh quyền lực công để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Trong khi đó, THQCT lại là một phạm trù thực tiễn - nó thể hiện việc cụ thể hóa, tổ chức, triển khai, thực hiện QCT trên thực tế. Từ đó, có thể hiểu rằng, để triển khai, thực hiện QCT trên thực tế, không chỉ dừng lại ở việc thực hiện các hoạt động thuộc nội dung của QCT, mà phải đòi hỏi phải tiến hành nhiều hoạt động có tính tổ chức, nghiệp vụ và pháp lý ngoài phạm vi nội dung của QCT, đó là các hoạt động mặc dù không thuộc nội dung của QCT, không mang tính chất quyết định đến việc buộc tội nhưng đóng vai trò phụ trợ, hỗ trợ nhằm đảm bảo cho QCT được thực thi trên thực tế. Cụ thể như việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp

cưỡng chế; phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam... Những hoạt động này không có tính chất buộc tội, do đó không thể thuộc nội dung của QCT mà chúng được thực hiện để tạo điều kiện cho QCT được thực thi hiệu quả, bảo đảm người bị buộc tội không bỏ trốn, không cản trở hoặc gây khó khăn cho việc thực hiện QCT trên thực tế...

Như vậy, QCT trong mối quan hệ với khái niệm “THQCT” là một khái niệm mang tính lý luận pháp lý, là quyền lực của Nhà nước cho phép cơ quan có thẩm quyền (thường là VCT/ VKS) tiến hành việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội. QCT biểu thị quyền lực của Nhà nước trong việc quyết định liệu một vụ án có bị khởi tố hay không, có được đưa ra xét xử hay không... Trong khi đó, THQCT là việc thực tế hoá QCT trong thực tiễn TTTHS, không chỉ bao gồm các hành động pháp lý trực tiếp buộc tội, truy cứu trách nhiệm hình sự mà còn phải bao gồm các hoạt động tổ chức, nghiệp vụ và pháp lý mang tính hỗ trợ khác để thực thi quyền này một cách có hiệu quả trong từng giai đoạn tố tụng (từ khởi tố vụ án, điều tra, truy tố đến xét xử). THQCT có tính chất thực tiễn, không phải là lý thuyết, vì nó yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động cụ thể để thực hiện quyền lực của Nhà nước. Điều này đòi hỏi một sự phối hợp chặt chẽ giữa lý thuyết pháp lý và thực tiễn tố tụng, cũng như sự tổ chức, thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật TTTHS để đảm bảo QCT được thực hiện triệt để, công bằng, khách quan và đúng pháp luật. Vì vậy, QCT có thể được coi là nền tảng lý luận pháp lý, trong khi THQCT là quá trình cụ thể, hiện thực hóa quyền lực đó thông qua các hành động thực tế trong các giai đoạn TTTHS.

Trên cơ sở làm rõ khái niệm, đặc điểm QCT và kế thừa có chọn lọc những giá trị khoa học cốt lõi của các quan điểm khoa học cũng như xác định những vấn đề còn thiếu sót, chưa toàn diện trong nhận thức, quan điểm khoa học về hoạt động này cũng như những vấn đề liên quan, chúng tôi đưa ra khái niệm về THQCT như sau: *“THQCT là việc cơ quan, người có thẩm quyền nhân danh nhà nước thực hiện các hoạt động tố tụng cần thiết trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật TTTHS để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và bảo vệ quan điểm buộc tội của mình trước tòa án”*.

#### 2.1.2.2. Đặc điểm của thực hành quyền công tố

Trên cơ sở hệ thống hóa các quan điểm lý luận và phân tích khái niệm THQCT dưới góc độ pháp lý và thực tiễn tố tụng, chúng tôi xác định những đặc điểm cơ bản làm nên tính chất đặc thù của hoạt động này như sau:

*Thứ nhất*, THQCT là hoạt động mang tính pháp lý sâu sắc. Để thực hiện QCT, các cơ quan có thẩm quyền phải dựa vào các quy định pháp luật cụ thể trong hệ thống TTTHS. Nếu không có cơ sở pháp lý, QCT không thể thực hiện được. Mặt khác, các hoạt động liên quan đến THQCT phải luôn nằm trong khuôn khổ pháp lý đã được quy định. Các hành động của cơ quan nhà nước nếu không được pháp luật quy định, dù được cho là cần thiết, cũng không thể thực hiện, không được coi là hợp pháp và không có giá trị thực thi, và chính vì vậy, những hành động đó không được coi là THQCT.

*Thứ hai*, THQCT là hoạt động đặc thù của lĩnh vực TTHS, chỉ được thực hiện trong lĩnh vực TTHS để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Nó không chỉ đơn thuần là hành động buộc tội và bảo vệ quan điểm buộc tội mà còn bao gồm việc áp dụng các quyền năng pháp lý liên quan để hỗ trợ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Trong thực tiễn quy định pháp luật và thực tiễn thi hành, THQCT cũng không được thực hiện trong các lĩnh vực tố tụng khác như tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; chỉ có yêu cầu thực tiễn, cơ sở pháp lý và có giá trị trong TTHS.

*Thứ ba*, THQCT thường được nhà nước giao cho một cơ quan nhà nước duy nhất, chuyên biệt trong hệ thống nhà nước có thẩm quyền thực hiện, thường là VKS/VCT. Xuất phát từ việc QCT là quyền lực công của nhà nước và THQCT là một hoạt động mang tính pháp lý sâu sắc. Do đó, hoạt động này chỉ được phép thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền được nhà nước trao quyền. Mặt khác, hoạt động THQCT thường được nhà nước giao cho một cơ quan chuyên biệt bởi đây là hoạt động của lĩnh vực chuyên biệt là TTHS. Tính hiệu quả của hoạt động này có tác động mạnh mẽ đến việc hạn chế vi phạm pháp luật cũng như bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan. Vì vậy, THQCT không chỉ yêu cầu sự chuyên môn, nghiệp vụ cao mà còn đòi hỏi sự chặt chẽ trong các quy trình pháp lý, bảo đảm tính khách quan và công bằng trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Những yếu tố này giúp đảm bảo rằng mọi quyết định được đưa ra dựa trên căn cứ pháp lý rõ ràng và không bị ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài, góp phần vào sự công bằng và minh bạch của hệ thống pháp luật. Chính vì thế, THQCT cần thiết phải được giao cho một cơ quan chuyên biệt và đặc thù, như VKS/ VCT.

*Thứ tư*, THQCT được thực hiện xuyên suốt từ khi vụ án được khởi tố, qua các giai đoạn điều tra, truy tố cho đến giai đoạn xét xử. Mỗi giai đoạn này đều có sự tham gia của cơ quan THQCT, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật, như khi vụ án bị đình chỉ, hoạt động THQCT sẽ dừng lại. Quyết định đình chỉ vụ án có thể được đưa ra khi có yếu tố pháp lý làm cho vụ án không thể tiếp tục. Trong trường hợp này, dù cơ quan THQCT có thể đã thực hiện một phần hoạt động, nhưng khi vụ án bị đình chỉ, hoạt động THQCT sẽ dừng lại, vì không có cơ sở pháp lý cũng như nhu cầu thực tiễn để tiếp tục việc truy cứu trách nhiệm hình sự.

### *2.1.2.3. Chủ thể của thực hành quyền công tố*

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, chủ thể duy nhất có thẩm quyền THQCT là VKSND, mà trực tiếp là KSV, người được bổ nhiệm theo quy định của Luật Tổ chức VKSND và các văn bản pháp luật liên quan. Khác với các chủ thể THTT khác như Điều tra viên, Thẩm phán hay Luật sư, KSV khi THQCT hoạt động nhân danh Nhà nước, nhân danh pháp luật, và chịu trách nhiệm về việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. KSV không chỉ thực hiện các quyền năng tố tụng theo quy định của pháp luật TTHS, mà còn thực hiện nhiệm vụ chính trị – pháp lý của cơ quan đại diện quyền lực nhà nước trong lĩnh vực buộc tội. Việc xác định rõ chủ thể của hoạt động

THQCT có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tính hợp pháp và chính danh cho mọi hành vi tố tụng liên quan đến quyền buộc tội. Chỉ những hành vi do KSV thực hiện trong phạm vi quyền hạn được pháp luật trao cho thì mới được coi là THQCT theo nghĩa pháp lý. Điều này giúp phân biệt rạch ròi giữa các hoạt động kiểm sát tư pháp nói chung với hoạt động công tố nói riêng, một hoạt động có tính chất quyết định và chủ động.

#### *2.1.2.4. Bản chất của thực hành quyền công tố*

Bản chất của THQCT là hoạt động nhân danh Nhà nước nhằm thực hiện chức năng buộc tội trong TTHS, thông qua việc áp dụng các quyền năng pháp lý được pháp luật quy định đối với VKSND. Đây không chỉ là sự hiện diện hình thức của cơ quan công tố trong quá trình tố tụng, mà là một chuỗi hoạt động chủ động, có trách nhiệm và mang tính quyền lực nhà nước, nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội, trên cơ sở pháp luật hình sự và TTHS. Với bản chất đó, THQCT thể hiện rõ đặc điểm quyền lực công, mang tính đơn phương, cưỡng chế và không phụ thuộc vào ý chí của người bị tác động. Khác với các chủ thể khác trong tố tụng như người bào chữa, bị can, bị cáo, vốn tham gia tố tụng trên cơ sở quyền và nghĩa vụ cá nhân, KSV khi THQCT đại diện cho ý chí nhà nước, thực thi quyền lực tố tụng trong khuôn khổ pháp luật để thực hiện việc buộc tội một cách khách quan, toàn diện và đúng pháp luật.

Bản chất của THQCT còn thể hiện ở tính trách nhiệm kép: vừa buộc tội để bảo vệ lợi ích công, đấu tranh phòng, chống tội phạm; vừa phải bảo đảm tôn trọng quyền con người, không làm oan sai, không bỏ lọt tội phạm. Đây là biểu hiện cụ thể của yêu cầu “buộc tội đúng người, đúng tội, đúng pháp luật”, cũng là một trong những nguyên tắc nền tảng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong các vụ án hình sự nói chung và vụ án ma túy nói riêng, bản chất của THQCT không chỉ thể hiện ở quyền năng buộc tội, mà còn đòi hỏi KSV phải có bản lĩnh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và trách nhiệm chính trị – pháp lý cao, bởi những quyết định tố tụng trong suốt quá trình này có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, công lý và niềm tin của xã hội vào hệ thống tư pháp.

#### *2.1.2.5. Nội dung, hình thức thực hành quyền công tố*

##### *a) Nội dung thực hành quyền công tố*

Về nội dung của THQCT, chúng tôi cho rằng chính là các hoạt động tố tụng cụ thể do KSV tiến hành để hiện thực hóa quyền buộc tội của Nhà nước trong TTHS. Theo quy định của BLTTHS và Luật Tổ chức VKSND năm 2014, nội dung của hoạt động THQCT bao gồm một chuỗi các hành vi tố tụng chủ động, có hệ thống và được thực hiện trong tất cả các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Cụ thể, trong giai đoạn khởi tố và điều tra, KSV có quyền phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng quan trọng như bắt người, tạm giữ, khám xét; đề ra yêu cầu điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ chứng cứ buộc tội hoặc chứng cứ gỡ tội, khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án, bị can... (căn cứ các Điều 161 và 165 BLTTHS). Như vậy, nội dung của THQCT thể hiện ở việc triển khai cụ thể quyền năng

buộc tội bằng các hoạt động tố tụng thực tế. Các hoạt động này không tồn tại rời rạc mà có sự kế thừa, gắn kết chặt chẽ giữa các giai đoạn của quá trình TTHS, đòi hỏi KSV phải có năng lực tư duy pháp lý hệ thống, đồng bộ và trách nhiệm cao với từng quyết định buộc tội.

*b) Hình thức thực hành quyền công tố*

Hình thức THQCT là biểu hiện cụ thể, trực tiếp quyền năng công tố của VKSND thông qua các hành vi tố tụng do KSV tiến hành trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Khác với nội dung, vốn là các quyền năng pháp lý và hoạt động mang tính bản chất, thì hình thức chính là biểu hiện ra bên ngoài của các hoạt động này, thông qua văn bản, lời nói hoặc hành vi tố tụng được pháp luật quy định. Trên thực tế, THQCT được thể hiện chủ yếu qua hai hình thức cơ bản là:

*Thứ nhất*, bằng văn bản tố tụng: đây là hình thức phổ biến và chủ yếu, trong đó THQCT sử dụng các quyết định, yêu cầu, bản cáo trạng, kháng nghị, kiến nghị... để thể hiện quan điểm buộc tội, xác lập hoặc thay đổi các căn cứ buộc tội. Các văn bản này có giá trị pháp lý bắt buộc đối với các cơ quan có thẩm quyền THTT khác và là phương tiện quan trọng để thực hiện QCT trong suốt quá trình tố tụng (ví dụ: quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bản cáo trạng truy tố bị can, yêu cầu điều tra bổ sung...);

*Thứ hai*, bằng lời nói: trong quá trình THQCT, hình thức lời nói đóng vai trò quan trọng, không chỉ giới hạn ở phiên tòa mà còn xuất hiện ở các giai đoạn tố tụng trước đó. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, THQCT có thể trực tiếp đưa ra các yêu cầu điều tra, yêu cầu kiểm tra, xác minh hoặc yêu cầu áp dụng, thay đổi biện pháp tố tụng thông qua lời nói trong quá trình làm việc với CQĐT, đây là một hình thức thực thi QCT mang tính chủ động và linh hoạt, đặc biệt trong các tình huống khẩn trương, cần phản ứng kịp thời. Đặc biệt, trong giai đoạn xét xử, lời nói của THQCT thể hiện ở mức cao nhất thông qua việc trình bày bản luận tội, tham gia xét hỏi, tranh luận và đối đáp với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Đây là hình thức thể hiện rõ vai trò buộc tội của Nhà nước, đòi hỏi KSV phải thể hiện lập luận chặt chẽ, kỹ năng trình bày thuyết phục, đồng thời bảo đảm sự khách quan, công bằng trong toàn bộ quá trình truy tố tại tòa án.

Ngoài ra, trong một số trường hợp, hoạt động THQCT còn được thể hiện trực tiếp bằng hành vi tác nghiệp như việc KSV tham gia khám nghiệm hiện trường, hỏi cung bị can, tham gia đối chất hoặc trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo luật định (khoản 7 Điều 165 BLTTHS). Những hành vi này vừa là phương thức tác động đến quá trình điều tra, vừa là biểu hiện cụ thể của quyền buộc tội trong thực tiễn tố tụng.

Như vậy, hình thức THQCT không chỉ dừng lại ở mặt hình thức trình bày, mà còn gắn liền với giá trị pháp lý và hiệu lực tác động thực tế của hoạt động buộc tội. Việc nhận diện đúng và vận dụng hiệu quả các hình thức này là yếu tố then chốt để KSV phát huy được vai trò trung tâm của QCT trong TTHS hiện nay.

### *2.1.2.6. Phạm vi, đối tượng của thực hành quyền công tố*

#### *a) Phạm vi thực hành quyền công tố*

Phạm vi của THQCT được xác định trên cả hai phương diện, phạm vi về lĩnh vực pháp lý và phạm vi về thời điểm pháp lý tố tụng: (i) về phạm vi lĩnh vực pháp lý, THQCT chỉ tồn tại và được thực hiện trong lĩnh vực TTHS, lĩnh vực Nhà nước sử dụng quyền lực công để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Đây là điểm phân biệt rõ rệt giữa QCT và các quyền tố tụng khác, như quyền xét xử trong lĩnh vực tư pháp, hay quyền yêu cầu, quyền bào chữa trong các lĩnh vực tố tụng dân sự, hành chính; (ii) về phạm vi thời điểm pháp lý tố tụng, THQCT được triển khai xuyên suốt quá trình TTHS, bắt đầu từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT, kéo dài qua giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và kết thúc khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Nền tảng của hoạt động này đặt ở giai đoạn khởi tố, điều tra, giai đoạn mà KSV không chỉ bảo đảm tính có căn cứ, tính đúng đắn, khách quan của các hoạt động điều tra mà còn chủ động đề xuất, định hướng, trực tiếp thực hiện các biện pháp tố tụng cần thiết nhằm đảm bảo căn cứ buộc tội vững chắc, khách quan.

THQCT không kéo dài đến giai đoạn thi hành án hình sự, bởi ở giai đoạn này, việc buộc tội đã hoàn tất và chức năng công tố của VKS không còn tiếp tục được triển khai dưới hình thức QCT, mà chủ yếu là kiểm sát việc thi hành án để bảo đảm bản án được thực hiện đúng pháp luật. Do đó, việc xác định đúng phạm vi của THQCT có ý nghĩa thiết thực trong việc phân định chức năng, nhiệm vụ của VKS ở từng giai đoạn TTHS.

#### *b) Đối tượng của thực hành quyền công tố*

THQCT là hoạt động buộc tội của Nhà nước trong TTHS, vì vậy đối tượng trung tâm mà hoạt động này hướng đến chính là người bị buộc tội – tức người thực hiện hành vi bị coi là tội phạm theo quy định của BLHS. Đây là cá nhân (hoặc pháp nhân thương mại) đã bị các CQTHTT phát hiện, xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, và là chủ thể của các quyết định tố tụng như khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, xét về mặt bản chất pháp lý và phạm vi tác động thực tiễn, hoạt động THQCT không chỉ tác động đến người phạm tội mà còn hướng đến việc đánh giá hành vi bị coi là tội phạm. Điều này có nghĩa rằng VKSND, thông qua KSV, phải tiến hành xác định một cách toàn diện các yếu tố cấu thành tội phạm, gồm cả mặt khách quan lẫn chủ quan, hậu quả, nguyên nhân, động cơ... để xác định xem hành vi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không. Nói cách khác, đối tượng của hoạt động THQCT bao gồm cả người bị buộc tội và hành vi bị coi là tội phạm. Hai yếu tố này có mối liên hệ mật thiết và không thể tách rời: không thể xác định hành vi là tội phạm nếu không gắn với một chủ thể cụ thể, đồng thời việc buộc tội một người cũng không thể thiếu căn cứ pháp lý xác đáng về hành vi phạm tội mà họ bị cáo buộc thực hiện.

Việc xác định rõ đối tượng này có ý nghĩa quan trọng trong quá trình THQCT, giúp KSV tập trung đúng trọng tâm, đánh giá để xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời, điều này cũng là cơ sở để đảm bảo nguyên tắc không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm, những yêu cầu tối thượng trong quá trình THQCT.

### *2.1.2.7. Mục đích của thực hành quyền công tố*

Mục đích “tối thượng” của hoạt động này là bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội được thực hiện đúng pháp luật, đúng người, đúng tội. Bên cạnh đó, theo khoản 2 Điều 3 Luật Tổ chức VKSND năm 2014, việc THQCT nhằm bảo đảm: “*Mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội*” [36]. Như vậy, mục đích của THQCT không chỉ là thực hiện quyền buộc tội trên danh nghĩa Nhà nước, mà còn nhằm bảo vệ công lý, pháp luật và quyền con người, thông qua việc kiểm soát chặt chẽ tính hợp pháp, có căn cứ của mọi quyết định tố tụng mang tính buộc tội. Việc thực hiện mục đích này đặt ra yêu cầu cao về năng lực, bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm của KSV, đặc biệt trong những vụ án phức tạp, có dấu hiệu oan sai hoặc nguy cơ bỏ lọt tội phạm. Nói cách khác, mục đích của hoạt động THQCT không chỉ là truy tố người phạm tội, mà còn là góp phần bảo vệ trật tự pháp lý, công bằng xã hội và niềm tin của nhân dân vào công lý – những giá trị cốt lõi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

*2.1.2.8. Mối quan hệ của thực hành quyền công tố với hoạt động điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn khởi tố, điều tra.*

#### *a) Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và hoạt động điều tra*

Trong TTTHS, hoạt động điều tra và THQCT là hai hoạt động có mối quan hệ mật thiết, tương hỗ và gắn bó chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo việc phát hiện, xử lý tội phạm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nếu như hoạt động điều tra là quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án, thì THQCT là quá trình định hướng và bảo đảm việc buộc tội của nhà nước đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Về mặt chức năng, VKS không trực tiếp tiến hành điều tra toàn bộ vụ án, nhưng lại đóng vai trò trung tâm trong việc định hướng, điều tiết hoạt động điều tra. Thông qua THQCT, KSV có quyền đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu khởi tố, thay đổi tội danh, khởi tố bị can, trực tiếp thực hiện một số hoạt động điều tra cần thiết hoặc hủy bỏ các quyết định điều tra trái pháp luật (khoản 1, 6, 7 Điều 165 BLTTTHS. Do đó, hoạt động điều tra không tách rời mà diễn ra dưới sự kiểm soát và định hướng từ hoạt động THQCT [33]. Trong mối quan hệ này, THQCT có vai trò định hướng hoạt động điều tra để làm rõ tội phạm và người phạm tội, còn hoạt động điều tra cung cấp căn cứ chứng cứ để THQCT một cách khách quan, chính xác.

Trong các vụ án về ma túy – đặc biệt là những vụ án có yếu tố phức tạp, tổ chức, xuyên biên giới – mối quan hệ giữa THQCT và hoạt động điều tra càng trở nên chặt chẽ. KSV phải theo sát quá trình điều tra, kịp thời phát hiện các thiếu sót trong thu thập chứng cứ, định hướng mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi điều tra, đánh giá toàn diện chứng cứ buộc tội và gỡ tội, từ đó bảo đảm cho việc truy tố được chính xác, khách quan.

Như vậy, mối quan hệ giữa THQCT và hoạt động điều tra không chỉ đơn thuần là mối quan hệ phối hợp, mà là mối quan hệ nội tại trong cơ chế buộc tội của Nhà nước,

bảo đảm cho quá trình xử lý tội phạm được thực hiện một cách hiệu quả, đúng pháp luật, đồng thời hạn chế tối đa các sai sót như bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội.

*b) Mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong vụ án hình sự*

THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp là hai chức năng hiến định của VKSND (khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013), được pháp luật quy định là đồng hành và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý. Trong vụ án hình sự, hai chức năng này không tồn tại độc lập tuyệt đối, mà có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất nhưng vẫn có sự phân biệt về bản chất, mục tiêu và cách thức triển khai. Theo đó, THQCT là hoạt động đại diện cho Nhà nước trong việc buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thông qua các quyền năng pháp lý trực tiếp tác động đến quyền con người cũng như trách nhiệm của người bị buộc tội trước Nhà nước như khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn, truy tố... Trong khi đó, kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động giám sát việc tuân theo pháp luật trong toàn bộ quá trình tố tụng, bảo đảm cho các CQTHTT và người THTT không vi phạm pháp luật trong hoạt động TTHS.

Trong một vụ án hình sự, VKS thực hiện cả hai chức năng nói trên. Tuy nhiên, THQCT là chức năng chủ đạo, đặc biệt trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Trong khi đó, kiểm sát hoạt động tư pháp đóng vai trò hỗ trợ, bảo đảm việc THQCT được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời kiểm soát các hoạt động tố tụng khác không thuộc quyền năng công tố, như hoạt động điều tra của CQĐT, hoạt động xét xử của tòa án, hoặc việc thi hành các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế... Mối quan hệ giữa hai chức năng này trong TTHS được thể hiện ở chỗ: KSV trong quá trình THQCT đồng thời kiểm sát hoạt động tư pháp, để bảo đảm rằng hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự không chỉ đúng người, đúng tội mà còn đúng pháp luật, không xâm phạm quyền con người. Do đó, trong thực tiễn TTHS, ranh giới giữa hai chức năng này là tương đối mềm dẻo, có thể đan xen về mặt hoạt động nhưng vẫn phân biệt rõ về mặt mục tiêu: THQCT nhằm buộc tội; kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng.

**2.2. Những vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào**

**2.2.1. Khái niệm về giai đoạn tố tụng, giai đoạn khởi tố, giai đoạn điều tra**

**2.2.1.1. Khái niệm về giai đoạn tố tụng**

Trong tố tụng hình sự, “giai đoạn tố tụng” được hiểu là một bộ phận cấu thành có tính độc lập tương đối, phản ánh sự phân chia logic và khoa học của toàn bộ quá trình xử lý vụ án hình sự. Khái niệm này trước hết gắn với tính mục đích: mỗi giai đoạn được thiết kế nhằm đạt tới một mục tiêu nhất định trong chuỗi hoạt động tố tụng; đồng thời gắn với phạm vi nhiệm vụ, cách thức hành động và cấu trúc chủ thể tham gia được chuyên biệt hóa cho mục tiêu đó. Về bản chất, giai đoạn tố tụng mang tính “đơn vị chức năng” trong toàn bộ hệ thống, vừa chịu sự chi phối của mục tiêu chung của tố tụng hình sự, vừa có quy luật vận hành riêng trong phạm vi nhiệm vụ của mình.

Với tư cách là các bộ phận cấu thành của tiến trình tố tụng, các giai đoạn tố chức thành một trình tự logic: từ khởi tố để xác định sự tồn tại của dấu hiệu tội phạm, đến điều tra nhằm thu thập và kiểm chứng chứng cứ, tiếp theo là truy tố để xác định giới hạn trách nhiệm hình sự và xét xử để phán quyết có hay không có tội, quyết định tội danh và hình phạt. Sự nối tiếp giữa các giai đoạn thể hiện rõ tính kế thừa: kết quả của giai đoạn trước tạo tiền đề mang tính định hướng, căn cứ và điều kiện cho giai đoạn tiếp theo. Như vậy, giai đoạn tố tụng không tồn tại biệt lập mà diễn ra thống nhất và liên tục.

Một giai đoạn tố tụng được nhận diện thông qua các dấu hiệu đặc trưng gồm: (i) có thời điểm khởi đầu được xác định rõ ràng bởi một hoạt động tố tụng mang tính chất mở đầu; (ii) có thời điểm kết thúc bằng một hoặc một số quyết định mang tính chất kết thúc giai đoạn; (iii) có mục tiêu riêng, được thể hiện qua yêu cầu nội dung phải đạt được trước khi chuyển sang giai đoạn liền kề tiếp theo; (iv) có hệ thống chủ thể, cơ chế phối hợp và cơ chế kiểm soát quyền lực đặc thù bảo đảm cho giai đoạn vận hành đúng chức năng. Chính các dấu hiệu này làm cho mỗi giai đoạn tố tụng có ranh giới rõ rệt, tránh sự chồng lấn hoặc kéo dài không cần thiết giữa các hoạt động tố tụng.

Xét từ góc nhìn chức năng thực hành quyền công tố, mỗi giai đoạn tố tụng là một môi trường thực hành nhiệm vụ công tố khác nhau, với mức độ can thiệp và phạm vi kiểm soát quyền lực được thiết kế theo đặc trưng của từng giai đoạn. Do đó, việc hiểu đúng khái niệm “giai đoạn tố tụng” cũng là điều kiện để nhận diện đầy đủ không gian thực hành và mức độ vận hành của quyền công tố trong từng nấc của quá trình tố tụng hình sự.

#### *2.2.1.2. Khái niệm về giai đoạn khởi tố*

Trong quá trình tố tụng hình sự, giai đoạn khởi tố giữ vị trí mở đầu và mang bản chất của một “cửa ngõ” chuyển tiếp từ quan hệ pháp lý phi hình sự sang quan hệ tố tụng hình sự. Đây là giai đoạn Nhà nước thực hiện việc xác minh, đánh giá ban đầu về sự tồn tại của dấu hiệu tội phạm trước khi quyết định mở ra một quy trình tố tụng. Do đó, giai đoạn này không chỉ mang tính thủ tục mở đầu mà còn có chức năng sàng lọc, bảo đảm việc xử lý tội phạm được đặt trên nền tảng căn cứ xác đáng, tránh “khởi động” không cần thiết quyền lực nhà nước trong việc buộc tội cũng như ngăn ngừa nguy cơ oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Mục đích trọng tâm của giai đoạn khởi tố là xác định liệu có sự tồn tại thực tế của dấu hiệu tội phạm đủ để chuyển vụ việc sang giai đoạn điều tra hay không. Mỗi nguồn tin tiếp nhận được sẽ được đánh giá về tính xác thực, đầy đủ và khả năng phản ánh hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trên cơ sở đó, giai đoạn khởi tố tạo ra ranh giới quyết định giữa việc khởi động quyền lực điều tra và việc kết thúc tố tụng ngay từ ban đầu. Nói cách khác, giai đoạn khởi tố chính là cơ chế “sàng lọc” đầu tiên, nhằm bảo đảm rằng chỉ những vụ việc có căn cứ vững chắc mới bước vào cơ chế điều tra vốn là cơ chế có tính chất can thiệp mạnh và tác động lớn đến quyền con người của người bị buộc tội.

Về thời điểm bắt đầu, giai đoạn khởi tố được khởi sự khi Nhà nước chính thức tiếp nhận một thông tin về khả năng có hành vi phạm tội, đó có thể là tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố. Đây là thời điểm quyền lực nhà nước trong quá trình tố tụng hình sự

bắt đầu được kích hoạt, nhằm xác minh tính xác thực của nguồn tin. Khởi đầu này thể hiện bản chất thận trọng của Nhà nước: chưa can thiệp sâu nhưng đã bắt đầu vận hành trách nhiệm phát hiện và xử lý tội phạm. Thời điểm kết thúc của giai đoạn khởi tố được đánh dấu bằng việc cơ quan có thẩm quyền đưa ra một trong các loại quyết định mang tính kết thúc thủ tục theo nghĩa logic: quyết định khởi tố vụ án để chuyển sang điều tra; quyết định không khởi tố vụ án để chấm dứt tiến trình tố tụng.

Giai đoạn khởi tố cũng mang những đặc trưng riêng biệt so với các giai đoạn khác: tại thời điểm này, chưa xuất hiện tư cách bị can; các hoạt động mang tính cưỡng chế sâu rộng của điều tra chưa được triển khai, ngoại trừ một số biện pháp đặc thù trong trường hợp thật sự cấp thiết. Trong khi đó, quyền công tố thể hiện vai trò định hướng quan trọng thông qua việc bảo đảm quá trình xác minh, đánh giá tính hợp lý của việc áp dụng biện pháp hạn chế quyền con người, hủy bỏ quyết định trái pháp luật và bảo đảm rằng chỉ những vụ việc đủ căn cứ mới được chuyển sang điều tra. Chính những đặc trưng này tạo nên tính độc lập tương đối của giai đoạn khởi tố trong quá trình tố tụng hình sự. Như vậy, từ những phân tích trên, có thể khái quát rằng: *“giai đoạn khởi tố là giai đoạn mở đầu của tiến trình tố tụng hình sự, trong đó Nhà nước tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và đánh giá các thông tin về dấu hiệu tội phạm nhằm xác định việc có mở hay không mở ra quá trình điều tra; bắt đầu từ thời điểm tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và kết thúc bằng quyết định khởi tố, không khởi tố vụ án hình sự”*.

#### 2.2.1.3. Khái niệm về giai đoạn điều tra

Giai đoạn điều tra là giai đoạn trung tâm trong tiến trình tố tụng hình sự, nơi Nhà nước triển khai các hoạt động có tính cưỡng chế và kỹ thuật tố tụng chuyên sâu nhằm thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Nếu giai đoạn khởi tố mang bản chất “sàng lọc ban đầu”, thì giai đoạn điều tra là giai đoạn “xác lập nền tảng chứng minh” cho toàn bộ các quyết định truy tố và xét xử tiếp theo. Do đó, giai đoạn điều tra vừa thể hiện mức độ can thiệp mạnh mẽ nhất của quyền lực công, vừa đòi hỏi cơ chế kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo vệ quyền con người và bảo đảm tính công bằng của quá trình tố tụng.

Về bản chất, giai đoạn điều tra là quá trình áp dụng các phương pháp chứng minh hình sự có hệ thống, phục vụ mục tiêu làm rõ hành vi phạm tội, chủ thể thực hiện, công cụ, phương tiện, động cơ, hậu quả và các tình tiết liên quan. Điểm đặc trưng của giai đoạn này là sự hiện diện chính thức của tư cách bị can, chủ thể trung tâm của quan hệ buộc tội, đồng thời là thời điểm mà các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, các kỹ thuật điều tra đặc biệt và nghiệp vụ thu thập chứng cứ được triển khai trong khuôn khổ pháp luật. Chính sự đa dạng và chiều sâu của các hoạt động tố tụng tạo nên tính chất phức tạp cũng như yêu cầu cao về kiểm soát quyền lực trong giai đoạn này.

Về thời điểm bắt đầu, giai đoạn điều tra bắt đầu ngay sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Khi quyết định này được ban hành, quyền lực điều tra mới chính thức được kích hoạt một cách đầy đủ, cho phép Nhà nước triển khai các biện pháp cưỡng chế và các hoạt động thu thập chứng cứ mang tính nghiệp vụ cao. Thời điểm bắt đầu này

đánh dấu sự chuyển dịch rõ rệt từ giai đoạn “đánh giá dấu hiệu tội phạm” sang giai đoạn “chứng minh tội phạm”.

Thời điểm kết thúc của giai đoạn điều tra được xác định khi cơ quan có thẩm quyền ban hành một trong hai kết quả tố tụng quan trọng: kết luận điều tra kèm đề nghị truy tố (trong trường hợp chứng cứ đã đủ để xác định trách nhiệm hình sự), hoặc quyết định đình chỉ điều tra (khi không còn căn cứ để tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự). Đây là thời điểm giai đoạn điều tra hoàn tất chức năng của mình và tạo tiền đề cho hoạt động truy tố hoặc chấm dứt tiến trình tố tụng.

Đặc trưng của giai đoạn điều tra thể hiện ở ba yếu tố: (1) tính cưỡng chế cao, do sự xuất hiện của các biện pháp hạn chế tự do thân thể, tài sản và quyền riêng tư; (2) tính chủ động của cơ quan điều tra trong việc thu thập và kiểm tra chứng cứ; và (3) vai trò công tố nhằm bảo đảm mọi biện pháp điều tra đều tuân thủ pháp luật, khách quan và hướng tới làm rõ sự thật vụ án. Các yếu tố này cho thấy giai đoạn điều tra vừa là giai đoạn mang tính chứng minh cốt lõi, vừa là giai đoạn có nguy cơ phát sinh vi phạm quyền con người cao nhất, do đó đòi hỏi cơ chế kiểm sát công tố chặt chẽ và hiệu quả. Từ các phân tích trên, có thể đưa ra định nghĩa khái quát: *“giai đoạn điều tra là giai đoạn trung tâm của tiến trình tố tụng hình sự, bắt đầu từ quyết định khởi tố vụ án và kết thúc bằng kết luận điều tra hoặc quyết định đình chỉ điều tra; trong giai đoạn này, Nhà nước triển khai các biện pháp điều tra và biện pháp cưỡng chế nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để làm rõ sự thật khách quan và xác định trách nhiệm hình sự của người phạm tội, đồng thời đặt dưới sự kiểm sát của cơ quan công tố nhằm bảo đảm tính hợp pháp, khách quan và tôn trọng quyền con người”*.

### **2.2.2. Nội dung THQCT trong giai đoạn khởi tố và giai đoạn điều tra**

#### **2.2.2.1. Nội dung THQCT trong giai đoạn khởi tố**

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là một chuỗi hoạt động mang tính nền tảng. Xuyên suốt giai đoạn này, Kiểm sát viên giữ vai trò định hướng, kiểm soát và điều chỉnh nhằm bảo đảm quá trình đánh giá dấu hiệu tội phạm diễn ra khách quan, đúng đắn và bảo đảm quyền con người. Các nội dung THQCT trong giai đoạn này gồm:

a) THQCT đối với các biện pháp tố tụng có hạn chế quyền con người, quyền công dân

Trong giai đoạn xác minh nguồn tin, các biện pháp cưỡng chế có khả năng tác động trực tiếp đến quyền tự do cá nhân, vì vậy yêu cầu đặt ra đối với Kiểm sát viên là phải xem xét toàn diện tính cần thiết, tính tương xứng của từng biện pháp. Nội dung THQCT ở đây thể hiện qua việc phân tích bản chất sự việc, mức độ khẩn cấp và nguy cơ phát sinh từ đối tượng để xác định liệu biện pháp cưỡng chế có là lựa chọn cuối cùng và phù hợp hay không. Đồng thời, Kiểm sát viên phải đánh giá sự chặt chẽ và hợp lý của các tài liệu, chứng cứ được cung cấp để làm căn cứ cho việc áp dụng. Trọng tâm của hoạt động này là bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu xác minh dấu hiệu tội phạm và yêu cầu bảo vệ quyền con người, ngăn ngừa lạm quyền và hạn chế tối đa nguy cơ xâm phạm quyền con người một cách bất hợp pháp.

b) THQCT trong việc đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh nguồn tin

Hoạt động này phản ánh rõ tính chủ động của công tố trong việc định hình hướng xác minh. Kiểm sát viên phải nắm bắt bản chất thông tin tiếp nhận, nhận diện yếu tố nghi vấn cần làm rõ, từ đó xác lập trọng tâm xác minh để tránh tình trạng thực hiện dàn trải hoặc bỏ sót dấu hiệu tội phạm. Bên cạnh đó, KSV không chỉ xác định nội dung mà còn định hướng phương pháp, loại tài liệu cần thu thập và hoạt động nghiệp vụ cần tiến hành, giúp cơ quan điều tra có một “trục nhiệm vụ” rõ ràng. Trong suốt quá trình thực hiện, KSV theo dõi tiến độ, đối chiếu kết quả với yêu cầu ban đầu để kịp thời điều chỉnh, bảo đảm hoạt động xác minh diễn ra hiệu quả và bám sát mục tiêu làm rõ sự thật khách quan.

c) THQCT trong quyết định gia hạn thời hạn giải quyết nguồn tin

Việc gia hạn giải quyết nguồn tin là một nội dung quan trọng trong hoạt động THQCT ở giai đoạn này bởi nó gắn trực tiếp với quyền và lợi ích của người liên quan. Nội dung THQCT trong tuyến này tập trung vào việc đánh giá tính cần thiết thực sự của việc kéo dài thời hạn. Kiểm sát viên phải phân tích mức độ phức tạp của vụ việc, những khó khăn khách quan trong quá trình xác minh và khả năng hoàn thành trong thời gian bổ sung. Một mặt, việc gia hạn phải đáp ứng yêu cầu làm rõ sự thật; mặt khác, không được trở thành công cụ để kéo dài hoạt động tố tụng một cách tùy tiện. Sau khi quyết định gia hạn được đưa ra, KSV tiếp tục theo sát để bảo đảm thời gian gia hạn được sử dụng đúng mục đích và không trở thành khoảng thời gian “chờ đợi thụ động”.

d) THQCT trong việc trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố

Trong những trường hợp cần thiết, nhất là khi có dấu hiệu chậm trễ, thiếu khách quan hoặc vụ việc mang tính phức tạp cao, Kiểm sát viên có thể trực tiếp tham gia các hoạt động xác minh. Việc trực tiếp thu thập tài liệu, ghi lời khai, yêu cầu trưng cầu giám định hoặc xác minh các tình tiết liên quan giúp KSV nắm bắt bản chất của vụ việc một cách trực tiếp, thay vì chỉ phụ thuộc vào kết quả báo cáo của cơ quan điều tra. Với những vụ án như ma túy ở địa bàn biên giới, nơi chứng cứ khó thu thập, đối tượng thường hoạt động theo đường dây và có yếu tố xuyên quốc gia, hoạt động trực tiếp của KSV còn giúp định hình rõ cấu trúc vụ việc và xác định chính xác khả năng khởi tố, tránh bỏ lọt hoặc đánh giá sai bản chất sự việc.

e) THQCT trong kiểm tra, đánh giá và hủy bỏ các quyết định tố tụng trái pháp luật

Nội dung này thể hiện vai trò bảo vệ pháp chế của chức năng THQCT. Theo đó, Kiểm sát viên phải phân tích toàn bộ tài liệu, đối chiếu lập luận và kết luận trong các quyết định giải quyết nguồn tin như không khởi tố, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ để đánh giá tính hợp lý, khách quan và phù hợp với bản chất vụ việc. Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm rõ ràng nhưng cơ quan điều tra chưa khởi tố, KSV có trách nhiệm đưa ra yêu cầu khởi tố và theo dõi việc thực hiện. Trong những trường hợp quyết định giải quyết nguồn tin có dấu hiệu trái pháp luật, KSV cần hủy bỏ, qua đó khẳng định vai trò của THQCT trong giai đoạn tiền tố tụng, bảo đảm mọi quyết định tố tụng phải dựa trên sự thật khách quan.

g) THQCT đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự

Quyết định khởi tố vụ án đánh dấu sự chuyên hóa từ giai đoạn xác minh ban đầu sang điều tra chính thức, vì vậy nội dung THQCT tại đây mang tính then chốt. Kiểm sát viên phải đánh giá kỹ lưỡng độ tin cậy của các chứng cứ ban đầu, xem xét các tài liệu, lời khai, kết quả xác minh để xác định liệu cơ sở chuyển giai đoạn có đủ vững chắc hay không. Đồng thời, KSV phân tích hướng xử lý, tội danh dự kiến và mức độ phù hợp giữa bản chất hành vi với việc khởi tố. Khi nhận thấy còn điểm chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ, KSV có thể yêu cầu điều chỉnh quyết định khởi tố, bổ sung tội danh hoặc mở rộng phạm vi hành vi, đối tượng để bảo đảm quá trình điều tra sau này diễn ra đúng hướng.

h) THQCT đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự

Đây là tuyên nội dung bảo đảm nguyên tắc “không oan, không bỏ lọt tội phạm”. Khi cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố, Kiểm sát viên phải xem xét toàn bộ lập luận và hệ thống chứng cứ đã được kiểm tra để xác định cơ sở loại trừ trách nhiệm hình sự có thực sự thuyết phục hay không. Trong nhiều trường hợp, việc đánh giá sơ sài hoặc nhận định chủ quan có thể dẫn đến bỏ sót dấu hiệu tội phạm, vì vậy KSV có vai trò rà soát lại từ đầu, phát hiện những tình tiết chưa được xem xét hoặc được xem xét chưa đúng mức. Khi thấy cần thiết, KSV có thể yêu cầu khởi tố hoặc hủy bỏ các quyết định không phù hợp, qua đó bảo đảm tính nghiêm minh và thống nhất trong xử lý tội phạm.

i) THQCT trong phê chuẩn quyết định khởi tố bị can

Đây là nội dung xác lập trách nhiệm hình sự đối với từng cá nhân cụ thể, nên đòi hỏi Kiểm sát viên phải đánh giá nghiêm ngặt hệ thống chứng cứ buộc tội đối với từng bị can. Việc phân tích phải làm rõ mối liên hệ giữa hành vi, vai trò và mức độ tham gia của từng người, đặc biệt trong các vụ án có đồng phạm hoặc vụ án ma túy xuyên biên giới, nơi mạng lưới đối tượng thường phức tạp. Ngoài việc cân nhắc tính chính xác của việc định danh tội danh, KSV còn phải đánh giá tính đầy đủ và hợp lý của các tình tiết liên quan để quyết định phê chuẩn, hoặc yêu cầu thay đổi, bổ sung hay hủy bỏ quyết định khởi tố bị can.

#### 2.2.2.2. Nội dung THQCT trong giai đoạn điều tra

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là quá trình công tố kiểm sát toàn diện các hoạt động điều tra, định hướng thu thập chứng cứ và bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự được tiến hành dựa trên sự thật khách quan. Về bản chất, đây là giai đoạn vừa bảo đảm tính hiệu quả trong làm rõ sự thật vụ án, vừa bảo đảm quyền con người và quyền công dân. Nội dung THQCT trong giai đoạn này được thể hiện qua các hoạt động sau:

a) Thực hành quyền công tố trong việc áp dụng, thay đổi và hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

Một trong những tuyên nội dung cốt lõi là THQCT trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế, đây là những biện pháp tác động trực tiếp đến quyền tự do thân thể của con người. THQCT trong hoạt động này thể hiện trước hết ở việc KSV đánh giá mức độ cần thiết, tính tương xứng và sự hợp lý của các biện pháp mà cơ quan điều tra đề nghị áp dụng. Khi xét đến việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, KSV cần chú trọng phân tích tính cấp bách trong trường hợp cụ thể, mức độ nguy hiểm của đối tượng và nguy cơ bỏ trốn hay tiêu hủy chứng cứ... Đây là quá trình đánh giá dựa trên tổng hợp thông tin ban đầu, nhằm bảo đảm việc áp dụng biện pháp tước tự do không trở thành tùy tiện.

Đối với việc bắt bị can để tạm giam hoặc phê chuẩn lệnh tạm giam, nội dung THQCT thể hiện ở việc KSV xem xét yêu cầu điều tra, tính chất và mức độ nguy hiểm của loại tội phạm, nhân thân bị can, vai trò của họ trong vụ án, từ đó quyết định việc phê chuẩn hay không phê chuẩn. Bên cạnh đó, KSV theo dõi sát việc thực hiện biện pháp tạm giam, bảo đảm thời hạn được tuân thủ và mọi yêu cầu gia hạn đều xuất phát từ nhu cầu khách quan của hoạt động điều tra.

Hoạt động THQCT trong quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế thể hiện rõ vai trò quản lý quyền lực nhà nước trong lĩnh vực hình sự. KSV phải phân tích toàn diện nguy cơ bị can bỏ trốn, thông cung, tiêu hủy chứng cứ hoặc gây khó khăn cho hoạt động điều tra, qua đó đánh giá sự tương xứng của biện pháp đang được áp dụng. Việc này góp phần bảo đảm các biện pháp hạn chế tự do thân thể luôn nằm trong giới hạn cần thiết, không vượt quá mục tiêu phục vụ điều tra.

b) Thực hành quyền công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra

Đây là nội dung thể hiện rõ tính chủ động và vai trò định hướng điều tra của hoạt động thực hành quyền công tố. Kiểm sát viên phải căn cứ vào bản chất vụ án, xác định rõ “trọng tâm điều tra”, tức là những tình tiết cốt lõi liên quan đến hành vi phạm tội, nguồn gốc và mục đích của tội phạm, vai trò của từng đối tượng tham gia. Đối với án ma túy hoặc tội phạm có tổ chức, trọng tâm điều tra có thể nằm ở việc làm rõ đường dây, mối liên hệ giữa các đối tượng, nguồn gốc chất ma túy, dòng tiền hay phương thức vận chuyển...

Từ việc xác định trọng tâm, KSV đề ra các yêu cầu điều tra tương ứng, bao gồm yêu cầu thu thập chứng cứ, trung cầu giám định, định giá tài sản, tổ chức đối chất, nhận dạng hoặc thực nghiệm điều tra. Yêu cầu điều tra không chỉ đơn thuần liệt kê hoạt động yêu cầu mà phải thể hiện được tư duy logic và sự định hướng: hoạt động nào nhằm làm rõ yếu tố nào trong cấu trúc của vụ án.

Nội dung THQCT còn thể hiện ở việc kiểm sát viên theo dõi, đôn đốc và đánh giá quá trình thực hiện các yêu cầu điều tra. Việc này nhằm bảo đảm yêu cầu được thực hiện đúng thời hạn, đúng phương pháp và không bị bỏ sót.

c) Thực hành quyền công tố thông qua việc trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra khi cần thiết

Trong những trường hợp cần thiết, đặc biệt khi vụ án phức tạp, có dấu hiệu bỏ lọt chứng cứ hoặc CQĐT thực hiện chưa đầy đủ, KSV có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra. Hoạt động này cho thấy vai trò chủ động, không lệ thuộc của công tố trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan. Các hoạt động mà KSV có thể trực tiếp tiến hành bao gồm lấy lời khai người làm chứng, hỏi cung bị can, đối chất, thu thập tài liệu, khám nghiệm hiện trường hoặc các hoạt động điều tra khác phục vụ mục đích củng cố chứng cứ. Việc trực tiếp điều tra giúp KSV có nhận thức đầy đủ và khách quan về bản chất vụ án, từ đó đưa ra các quyết định chính xác về hướng điều tra tiếp theo.

Đối với các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới, việc KSV trực tiếp điều tra càng có ý nghĩa, vì tính chất tổ chức, liên kết và tính nguy hiểm cao của tội phạm đòi hỏi khả năng đánh giá chứng cứ sâu, nhanh và chính xác. Hoạt động này tạo điều kiện để công tố kịp thời điều chỉnh hướng điều tra, không để vụ án rơi vào tình trạng thiếu chứng cứ hoặc bị động.

d) Thực hành quyền công tố đối với kết luận điều tra và bản kết luận đề nghị truy tố

Khi nhận được kết luận điều tra, KSV bước vào giai đoạn đánh giá toàn diện kết quả điều tra nhằm xác định tính đầy đủ, khách quan và hợp lý của hồ sơ. Nội dung THQCT ở tuyên này trước hết thể hiện ở việc KSV xem xét sự cân đối giữa chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, bảo đảm cả hai loại chứng cứ đều được thu thập đầy đủ, không thiên lệch và không bỏ sót yếu tố có lợi cho bị can.

Một nội dung quan trọng khác là việc đánh giá sự phù hợp giữa chứng cứ, các tình tiết trong vụ án với tội danh, khung hình phạt được đề xuất. KSV phải phân tích bản chất hành vi, vai trò của từng bị can, mức độ nguy hiểm, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xác định xem hướng áp dụng pháp luật mà CQĐT đề nghị có tương thích với bản chất vụ án hay không.

Ngoài ra, KSV phải xem xét tính hợp lý và tuân thủ trình tự tố tụng trong toàn bộ quá trình điều tra. Nếu phát hiện vi phạm hoặc kết quả điều tra chưa đầy đủ, KSV có quyền yêu cầu điều tra bổ sung nhằm làm rõ các mâu thuẫn, thu thập thêm chứng cứ hoặc kiểm tra lại các hoạt động tố tụng. Đây là bước quyết định bảo đảm việc truy tố sau này dựa trên nền tảng chứng cứ vững chắc, khách quan và đầy đủ.

### **2.2.3. Khái niệm, đặc điểm về các tội phạm về ma túy và các vụ án về ma túy**

#### **2.2.3.1. Khái niệm, đặc điểm về các tội phạm về ma túy**

##### **a. Khái niệm về tội phạm ma túy**

Tội phạm ma túy là một trong những loại tội phạm nguy hiểm, có tính chất đặc thù, thường gắn với các yếu tố phức tạp như tổ chức tội phạm xuyên quốc gia, sử dụng vũ khí, công nghệ cao và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội cũng như sức khỏe cộng đồng.

Về bản chất, tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy và các hoạt động liên quan, bị luật hình sự nghiêm cấm và quy định là tội phạm. Các hành vi này chủ yếu được người phạm tội thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện ý chí chủ động vi phạm pháp luật, thường mang mục đích vụ lợi, nhiều trường hợp có tổ chức, có tính chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm hoặc liên quan đến yếu tố xuyên quốc gia. Tội phạm ma túy không chỉ thể hiện mức độ nguy hiểm ở hậu quả trực tiếp đối với sức khỏe cộng đồng mà còn gây tổn hại nghiêm trọng đến trật tự xã hội, an ninh quốc gia. Do đó, Đảng và Nhà nước ta coi tội phạm ma túy là một trong những loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, cần phải được đấu tranh, xử lý bằng những chế tài pháp lý nghiêm khắc nhất để bảo đảm rắn đẽ, phòng ngừa và giữ vững an ninh trật tự. Quan điểm này được thể hiện nhất quán qua các văn bản của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy, thể hiện sự kiên quyết, kiên trì, chủ động tấn công, xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội ma túy, đặc biệt là các đường dây, tổ chức tội phạm xuyên quốc gia, có tổ chức, có vũ trang hoặc tái phạm nguy hiểm.

Thể chế hóa quan điểm này, BLHS quy định tội phạm về ma túy là nhóm các hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định cụ thể từ Điều 247 đến Điều 259, bao gồm các hành vi như: sản xuất trái phép chất ma túy, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chiếm đoạt chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và các hành vi khác liên quan đến việc quản lý, kiểm soát chất ma túy. BLHS quy định hình phạt cao nhất đối với nhiều tội danh về ma túy là tù chung thân hoặc tử hình, áp dụng đối với các trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, như mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy ở khối lượng đặc biệt lớn, phạm tội có tổ chức hoặc tái phạm nguy hiểm. Điều này phản ánh rõ mức độ nghiêm khắc và quyết tâm của Nhà nước trong việc trấn áp tội phạm ma túy, coi đây là một trong những mặt trận trọng điểm của công tác bảo vệ pháp luật, bảo vệ cuộc sống bình yên và sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ góc độ TTHS, tội phạm ma túy không chỉ là đối tượng điều chỉnh của pháp luật hình sự mà còn là khởi nguồn của quá trình TTHS khi hành vi phạm tội được phát hiện, khởi tố để xử lý theo quy định pháp luật. Do đó, việc nhận diện đúng tội phạm ma túy đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, từ khởi tố, điều tra, truy tố cho đến xét xử. Đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra, việc xác định chính xác hành vi phạm tội có thuộc nhóm tội phạm ma túy hay không, thuộc loại tội danh cụ thể nào (ví dụ: tàng trữ, vận chuyển, mua bán hay sản xuất trái phép

chất ma túy...) là cơ sở để KSV thực hiện đầy đủ, đúng đắn nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nếu nhận diện sai hành vi, áp dụng sai tội danh hoặc đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, sẽ dẫn đến việc khởi tố không đúng người, không đúng tội hoặc bỏ lọt tội phạm – làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính nghiêm minh của pháp luật cũng như những vấn đề khác, nhất là quyền con người của người bị buộc tội. Bên cạnh đó, các tội phạm ma túy thường có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng, có tổ chức chặt chẽ, sử dụng thủ đoạn tinh vi, gây khó khăn trong việc thu thập chứng cứ. Điều này đòi hỏi KSV phải nắm vững bản chất pháp lý của từng loại tội danh về ma túy, để từ đó kiểm sát chặt chẽ các quyết định tố tụng của CQĐT, cũng như trực tiếp tham gia vào việc đề xuất hướng điều tra, yêu cầu bổ sung chứng cứ, đảm bảo hoạt động điều tra diễn ra đúng trọng tâm, hiệu quả và hợp pháp.

Từ đó, có thể đưa ra định nghĩa khái quát về tội phạm ma túy như sau: *“Tội phạm ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy và bị xử lý bởi các chế tài nghiêm khắc theo quy định của Bộ luật Hình sự, trong đó một số tội danh có mức hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình”*.

#### *b. Đặc điểm về các tội phạm về ma túy*

Tội phạm về ma túy là một loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, có những đặc điểm riêng biệt so với các nhóm tội phạm khác, thể hiện cả ở tính chất hành vi, chủ thể thực hiện, động cơ phạm tội và hậu quả để lại. Việc nhận diện rõ các đặc điểm này là cơ sở quan trọng để THQCT hiệu quả ngay từ giai đoạn khởi tố, điều tra:

*Thứ nhất*, tội phạm ma túy có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội. Ma túy không chỉ phá hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm khác, như trộm cắp, cướp giật, giết người,... Sự gia tăng và phát triển của tội phạm ma túy kéo theo sự bất ổn về trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia, đặc biệt ở các khu vực biên giới – nơi thường xuyên xảy ra các hoạt động buôn bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia với số lượng lớn.

*Thứ hai*, tội phạm ma túy thường được thực hiện có tổ chức, có tính chuyên nghiệp và xuyên quốc gia. Nhiều vụ án cho thấy các đối tượng phạm tội tổ chức thành đường dây, ô nhóm chặt chẽ, có sự phân công vai trò rõ ràng (người mua, người bán, vận chuyển, cảnh giới...). Các đường dây này có sự liên kết giữa các tỉnh, thậm chí vượt qua biên giới quốc gia. Tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, hoạt động của các đối tượng phạm tội thường có yếu tố nước ngoài, gây khó khăn cho hoạt động phát hiện, truy bắt, khởi tố, điều tra, truy tố, đặc biệt là khi phải phối hợp liên ngành hoặc quốc tế.

*Thứ ba*, tội phạm ma túy có thủ đoạn phạm tội tinh vi, khó phát hiện. Các đối tượng thường sử dụng công nghệ cao, phương tiện hiện đại, hóa trang, giấu ma túy trong hàng hóa, hành lý, thực phẩm, thậm chí giấu trong cơ thể. Ngoài ra, chúng còn lợi dụng mạng xã hội, các ứng dụng nhắn tin mã hóa để trao đổi, giao dịch, gây khó khăn trong việc thu thập chứng cứ và theo dõi hành vi phạm tội. Gần đây, một số vụ án đã phát hiện

các đối tượng sử dụng flycam (thiết bị bay không người lái) để thăm dò tuyến đường, địa điểm, thời gian hoạt động của lực lượng chức năng ở khu vực biên giới hoặc nội địa. Không chỉ dùng để do thám, flycam còn được lợi dụng để vận chuyển ma túy qua biên giới, vượt qua địa hình hiểm trở hoặc khu vực kiểm soát nghiêm ngặt. Đây là thủ đoạn mới, tinh vi, khó phát hiện, gây khó khăn lớn cho hoạt động điều tra, bắt giữ và kiểm sát tố tụng. Những thủ đoạn tinh vi của loại tội phạm này đặt ra yêu cầu rất cao đối với CQTHTT, đặc biệt là KSV trong việc kiểm tra tính hợp pháp, chính xác của tài liệu chứng cứ, cũng như trong việc đề xuất các biện pháp điều tra đặc biệt, phù hợp với tính chất công nghệ cao của hành vi phạm tội.

*Thứ tư*, động cơ chủ yếu của tội phạm ma túy là vụ lợi. Phần lớn các đối tượng phạm tội ma túy bị thúc đẩy bởi lợi ích kinh tế rất lớn từ hoạt động này. Do vậy, họ thường liều lĩnh, manh động, thậm chí sẵn sàng chống trả bằng vũ lực để thoát thân khi bị phát hiện. Điều này dẫn đến tính chất bạo lực cao trong nhiều vụ án ma túy, đặc biệt là các vụ án lớn có yếu tố xuyên biên giới.

*Thứ năm*, đối tượng phạm tội ma túy có tính chất đa dạng và thường có tiền án, tiền sự. Tội phạm ma túy không chỉ bao gồm người nghiện mà còn có cả người bình thường, người từng phạm tội ma túy, đối tượng có tiền án, tiền sự, hoặc người bị lôi kéo, dụ dỗ, thậm chí cả phụ nữ, trẻ vị thành niên. Điều này đòi hỏi KSV phải có sự đánh giá khách quan, toàn diện khi xem xét vai trò, hành vi của từng bị can, bị cáo trong vụ án.

Những đặc điểm trên cho thấy tính chất đặc biệt phức tạp và nguy hiểm của tội phạm ma túy, từ đó đặt ra yêu cầu rất cao đối với hoạt động khởi tố, điều tra và THQCT trong các giai đoạn này. Việc nắm rõ các đặc điểm này không chỉ giúp KSV đánh giá chính xác hành vi phạm tội, mà còn chủ động đề ra các yêu cầu điều tra phù hợp, bảo đảm việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không bỏ lọt tội phạm.

### 2.2.3.2. *Khái niệm, đặc điểm về các vụ án ma túy*

#### *a. Khái niệm về các vụ án về ma túy*

Trong khoa học pháp lý hình sự, “vụ án hình sự” được hiểu là một quá trình tố tụng do các CQTHTT (CQĐT, VKS, Tòa án) thực hiện nhằm phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử một hành vi bị coi là tội phạm theo quy định của BLHS. Vụ án hình sự được khởi đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Từ khái niệm chung đó, vụ án về ma túy được hiểu là vụ án hình sự có đối tượng điều tra, truy tố và xét xử là hành vi phạm tội liên quan đến ma túy, được quy định từ Điều 247 đến Điều 259 tại Chương XX của BLHS. Đó có thể là các hành vi như tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sản xuất, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, dụ dỗ người khác sử dụng; hoặc các hành vi vi phạm quy định về quản lý tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần,...

Khác với việc nghiên cứu riêng lẻ hành vi tội phạm, vụ án ma túy là quá trình tố tụng xử lý toàn diện, bao gồm nhiều yếu tố như: hành vi phạm tội, người thực hiện, chứng cứ, các quyết định tố tụng của CQTHTT và các biện pháp điều tra, truy tố, xét xử được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án... Như vậy, vụ án ma túy không chỉ phản

ánh hành vi tội phạm đã được hình sự hóa mà còn bao hàm cả tiến trình pháp lý để xử lý hành vi đó theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật TTHS.

Đặc biệt, các vụ án về ma túy hiện nay có xu hướng ngày càng phức tạp, quy mô lớn, thường liên quan đến nhiều bị can, có tổ chức chặt chẽ và sử dụng các phương thức, thủ đoạn phạm tội tinh vi. Nhiều vụ án còn có yếu tố xuyên quốc gia, nhất là tại các địa bàn biên giới như khu vực Việt Nam – Lào, làm phát sinh yêu cầu cao đối với việc phối hợp giữa các lực lượng chức năng, cũng như đặt ra thách thức lớn đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

Vụ án hình sự về ma túy, cũng như các vụ án hình sự khác, được giải quyết theo một quy trình tố tụng chặt chẽ, thống nhất và có tính liên tục, bắt đầu từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành. Đây là một tiến trình pháp lý thống nhất, được điều chỉnh bởi BLTTHS, thể hiện sự gắn kết giữa các giai đoạn: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Tương tự như các vụ án hình sự nói chung, chủ thể của một vụ án về ma túy được cấu thành bởi hai nhóm chủ thể chính là các chủ thể THPT và các chủ thể tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Trong đó, chủ thể có trách nhiệm giải quyết vụ án là các cơ quan có thẩm quyền THPT, bao gồm: Cơ quan có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra, CQĐT, VKS và Tòa án, được tổ chức và hoạt động theo quy định về trình tự, thủ tục của BLTTHS. Đây là những chủ thể đóng vai trò trung tâm trong việc thực hiện các hoạt động tố tụng từ khởi tố, điều tra, truy tố cho đến xét xử, đồng thời có thẩm quyền ban hành các quyết định tố tụng quan trọng như khởi tố bị can, phê chuẩn biện pháp ngăn chặn, ra bản cáo trạng hoặc tuyên án. Bên cạnh đó, các chủ thể tham gia tố tụng trong vụ án ma túy bao gồm: người bị buộc tội (người bị bắt, bị can, bị cáo), người bào chữa, bị hại, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch, người đại diện hợp pháp, và các chủ thể khác có quyền và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án. Sự tham gia của các chủ thể này vừa bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của các bên, vừa góp phần bảo đảm tính hợp pháp, khách quan và toàn diện của quá trình tố tụng.

Từ khái niệm tội phạm về ma túy và các nội dung đã phân tích trên, có thể đưa ra định nghĩa khái quát về vụ án về ma túy như sau: *“Vụ án về ma túy là vụ án hình sự có đối tượng bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự, do Cơ quan có thẩm quyền THPT giải quyết, cùng với sự tham gia của các chủ thể liên quan theo quy định của pháp luật TTHS kể từ khi tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành”*.

Việc nhận diện và làm rõ khái niệm vụ án về ma túy là cơ sở để KSV xác định đúng phạm vi, tính chất và nội dung công việc phải thực hiện khi tham gia vào giai đoạn đầu của quá trình tố tụng, từ đó đảm bảo việc THQCT được thực hiện đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, và đạt hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

### *b. Đặc điểm của các vụ án về ma túy*

Vụ án ma túy là một loại vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng và có nhiều đặc điểm riêng biệt so với các loại vụ án hình sự khác. Những đặc điểm này không chỉ xuất phát từ tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, mà còn thể hiện rõ trong toàn bộ quá trình tố tụng – từ khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử. Nhận diện đúng những đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc THQCT, đặc biệt trong giai đoạn khởi tố và điều tra vụ án:

*Thứ nhất*, các vụ án ma túy thường có tính chất phức tạp, quy mô lớn và có tổ chức.

Khác với các loại án thông thường, nhiều vụ án ma túy diễn ra trong phạm vi rộng, liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố, thậm chí xuyên biên giới. Các đối tượng thường cấu kết thành đường dây, ổ nhóm chặt chẽ, có sự phân công vai trò cụ thể như vận chuyển, giao nhận, cảnh giới, chỉ đạo từ xa. Cá biệt có những vụ án mà việc điều hành tổ chức phạm tội được thực hiện từ trại giam hoặc từ nước ngoài thông qua các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại. Tính chất tổ chức và quy mô của vụ án khiến quá trình điều tra và kiểm sát điều tra trở nên khó khăn, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều lực lượng, trong đó vai trò của KSV là đặc biệt quan trọng, nhất là trong việc đề ra yêu cầu điều tra. Trước tính chất có tổ chức, quy mô lớn của các vụ án ma túy, KSV cần chủ động ngay từ khi khởi tố vụ án để xác định rõ hướng điều tra, làm rõ vai trò của từng mắt xích trong đường dây. Việc đề ra yêu cầu điều tra có trọng tâm, trọng điểm nhằm không bỏ lọt hành vi phạm tội, đồng thời bảo đảm khởi tố đúng người, đúng tội là yêu cầu then chốt thể hiện vai trò chủ động của KSV trong giai đoạn đầu của quá trình tố tụng đối với loại vụ án đặc thù này.

*Thứ hai*, các vụ án ma túy thường có các thủ đoạn phạm tội tinh vi, khó phát hiện và thu thập chứng cứ.

Tội phạm thường sử dụng các phương thức cất giấu ma túy khéo léo như giấu trong hành lý, hàng hóa, thực phẩm, thậm chí cấy trong cơ thể người vận chuyển. Bên cạnh đó, các đối tượng còn lợi dụng mạng xã hội, ví điện tử, ứng dụng mã hóa tin nhắn hoặc thiết bị công nghệ cao như flycam để do thám hoạt động của lực lượng chức năng và thậm chí để vận chuyển ma túy qua các khu vực biên giới hiểm trở. Điều này khiến quá trình thu thập, đánh giá và kiểm tra tính hợp pháp của chứng cứ trở nên phức tạp, đòi hỏi KSV THQCT trong các vụ án này phải có trình độ chuyên môn cao và am hiểu các thủ đoạn phạm tội hiện đại; cần chủ động đánh giá tính chất hành vi phạm tội ngay từ khi xem xét khởi tố, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra cụ thể nhằm làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm; chú trọng việc xác định phạm vi cần thu thập chứng cứ; phối hợp chặt chẽ với CQĐT để áp dụng đúng biện pháp nghiệp vụ, nhất là việc bảo đảm các thuộc tính của chứng cứ đối với các chứng cứ điện tử, công nghệ cao.

*Thứ ba*, nhiều vụ án ma túy liên quan đến yếu tố xuyên quốc gia và các địa bàn trọng điểm, trong đó có các tỉnh biên giới giáp Lào.

Hoạt động buôn bán, vận chuyển ma túy thường bắt nguồn từ khu vực “tam giác vàng” qua Lào, rồi xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam thông qua các tuyến biên giới

đường bộ, đường rừng. Điều này làm phát sinh nhiều khó khăn cho hoạt động khởi tố, điều tra, đặc biệt khi có bị can, vật chứng, lời khai hoặc hành vi phạm tội nằm ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia. Trong bối cảnh đó, vai trò chủ động của KSV trong yêu cầu thu thập chứng cứ, phối hợp với lực lượng biên phòng, hải quan, công an và cả các cơ quan tố tụng nước ngoài trở nên rất quan trọng để đảm bảo tính hiệu quả trong giải quyết vụ án. KSV THQCT cần chủ động xác định phạm vi tội phạm có yếu tố nước ngoài ngay từ khi khởi tố, từ đó đề ra yêu cầu điều tra phù hợp, nhất là trong việc thu thập chứng cứ từ bên ngoài lãnh thổ hoặc phối hợp với lực lượng chức năng ở khu vực biên giới; bảo đảm việc khởi tố và điều tra các hành vi có yếu tố nước ngoài vẫn tuân thủ đúng quy định pháp luật TTHS Việt Nam.

*Thứ tư*, người phạm tội trong các vụ án ma túy thường có tính chất mạnh động, nguy hiểm, có tính chống đối cao.

Nhiều đối tượng phạm tội ma túy có tiền án, tiền sự, sử dụng vũ khí nóng, sẵn sàng chống trả khi bị phát hiện hoặc bắt giữ. Điều này không chỉ gây nguy hiểm cho lực lượng chức năng mà còn làm tăng tính phức tạp trong việc thu thập lời khai, khám xét, tạm giữ và bảo vệ hiện trường. Trước tính chất mạnh động, nguy hiểm của người phạm tội ma túy, đòi hỏi KSV THQCT cần đề ra yêu cầu điều tra phù hợp, chú trọng xem xét việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn để vừa bảo đảm thuận lợi cho quá trình giải quyết vụ án, vừa bảo đảm hạn chế quyền con người của người bị buộc tội ở mức cần thiết; kịp thời yêu cầu CQĐT tiến hành khám xét khẩn cấp; kịp thời đánh giá sự hợp pháp, chính xác của các biện pháp tố tụng được áp dụng trong điều kiện cụ thể của từng vụ án; đặc biệt chú trọng đến tính hợp pháp của chứng cứ...

*Thứ năm*, số lượng bị can, bị cáo trong vụ án ma túy thường đông và có vai trò, mức độ tham gia khác nhau.

Một vụ án ma túy thường liên quan đến nhiều đối tượng với hành vi, vai trò khác nhau, do đó, việc phân hóa trách nhiệm hình sự là một nội dung quan trọng trong quá trình THQCT, đòi hỏi KSV phải đánh giá khách quan, toàn diện chứng cứ; chủ động phân hóa hành vi, xác định rõ vai trò từng đối tượng; đề ra yêu cầu điều tra đúng trọng tâm; làm rõ được mối liên hệ giữa các bị can, là cơ sở để truy tố chính xác, tránh tình trạng xác định sai vai trò dẫn đến sai mức độ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, cũng là yếu tố then chốt trong bảo đảm không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Những đặc điểm nêu trên cho thấy các vụ án ma túy luôn tiềm ẩn nhiều thách thức trong hoạt động TTHS, đòi hỏi KSV phải có bản lĩnh, kinh nghiệm và tư duy pháp lý sắc bén khi THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Việc nhận diện đúng đặc điểm của vụ án là tiền đề quan trọng để tổ chức hiệu quả hoạt động THQCT, bảo đảm xử lý vụ án ma túy một cách toàn diện, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

#### **2.2.4. Khái niệm, đặc điểm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào**

##### **2.2.4.1. Khái niệm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào**

Trong giai đoạn khởi tố và điều tra, THQCT không đơn thuần là việc tham gia tố tụng với tư cách một bên buộc tội, mà là sự hiện diện chủ động và tích cực của KSV trong suốt quá trình xác lập căn cứ của vụ án hình sự. Do đó, ngay từ giai đoạn khởi tố, VKS đã là chủ thể chủ động trong việc đánh giá dấu hiệu tội phạm, xác định tính hợp pháp, tính có căn cứ của quyết định khởi tố, đồng thời tham gia định hướng hoạt động điều tra qua việc đề ra yêu cầu điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết, và đánh giá chứng cứ phục vụ việc buộc tội. Trong đó, Hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra bao gồm các hoạt động pháp lý tố tụng được thực hiện trong giai đoạn khởi tố và điều tra một vụ án hình sự, kể từ khi giải quyết TG, TBTP, KNKT cho đến khi CQĐT ra kết luận điều tra. Các hoạt động pháp lý tố tụng này được pháp luật TTHS quy định cụ thể, như phê chuẩn, quyết định việc khởi tố vụ án, khởi tố vụ án đối với bị can, đề ra yêu cầu điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra... Đây chính là các quyền năng pháp lý tố tụng thuộc nội dung của hoạt động THQCT trong quá trình xác lập căn cứ buộc tội.

Trước ngày 01/7/2025, các tỉnh biên giới Việt Nam Lào là các tỉnh của Việt Nam có đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, trải dài từ Bắc xuống Nam, gồm 10 tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam và Kon Tum.

Các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào trải dài qua nhiều vùng địa lý khác nhau, từ vùng núi Tây Bắc đến dãy Trường Sơn và Tây Nguyên, với địa hình hiểm trở, chia cắt mạnh, nhiều rừng núi, sông suối, và hạ tầng giao thông còn hạn chế. Địa bàn này có văn hóa và dân cư rất đa dạng, là nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số như H'Mông, Thái, Khơ Mú, Bru – Vân Kiều, Cơ Tu, Xê Đăng... với tập quán sinh hoạt, ngôn ngữ, nhận thức pháp luật khác nhau. Đây là khu vực có mối quan hệ truyền thống lâu đời giữa các cộng đồng cư dân hai bên biên giới, dẫn đến tình trạng di cư tự do, kết hôn không đăng ký, giao thương không kiểm soát, là những điều kiện tiềm ẩn nguy cơ cao cho việc lợi dụng địa bàn để vận chuyển, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Những đặc điểm địa lý – xã hội đặc thù nêu trên tạo nên nhiều khó khăn cho công tác THQCT tại khu vực này. Việc tiếp cận hiện trường, thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng hoặc tiến hành các hoạt động điều tra bị hạn chế bởi điều kiện địa hình, giao thông khắc nghiệt. Sự đa dạng về dân tộc, phong tục tập quán và trình độ dân trí không đồng đều cũng ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp cận pháp luật và hợp tác với CQTHTT của người dân địa phương. Ngoài ra, các đường dây tội phạm ma túy xuyên quốc gia thường lợi dụng địa hình hiểm trở, địa bàn giáp ranh, vùng sâu vùng xa để tổ chức hoạt động phạm tội, gây nhiều thách thức cho việc phối hợp liên ngành, liên quốc gia trong quá trình khởi tố, điều tra cũng như quá trình giải quyết vụ án nói chung.

Từ ngày 01/7//2025, thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, một số đơn vị hành chính cấp tỉnh có đường biên giới giáp Lào được điều chỉnh địa giới hành chính theo hướng sáp nhập để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm đầu mối và tinh giản biên chế. Theo các đề xuất đang được xem xét, cơ cấu hành chính các tỉnh biên giới giáp Lào có những thay đổi như sau [3],[50]:

*Thứ nhất*, tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị sáp nhập thành một đơn vị hành chính mới, lấy tên là tỉnh Quảng Trị.

*Thứ hai*, tỉnh Quảng Nam sáp nhập với thành phố Đà Nẵng (Đà Nẵng là một đơn vị hành chính trước đây không có đường biên giới giáp Lào) hình thành đơn vị hành chính mới lấy tên là thành phố Đà Nẵng.

*Thứ ba*, tỉnh Kon Tum sáp nhập với tỉnh Quảng Ngãi (Quảng Ngãi là một đơn vị hành chính trước đây không có đường biên giới giáp Lào), hình thành đơn vị hành chính mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi.

Những điều chỉnh này sẽ dẫn đến 10 đơn vị hành chính cấp tỉnh có biên giới giáp Lào trước đây giảm xuống còn 9 đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó có 07 tỉnh (Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi) và 02 thành phố trực thuộc trung ương là Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng. Về cơ bản, mặc dù giảm về số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh, tuy nhiên, các đơn vị hành chính có đường biên giới giáp Lào sắp tới sẽ tăng về diện tích và dân số do có thêm thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi (trước đây). Nếu được triển khai, sẽ dẫn đến sự thay đổi đáng kể về cơ cấu địa giới hành chính cũng như tổ chức bộ máy của các CQTHTT, bao gồm VKSND. Việc sáp nhập các tỉnh không chỉ làm thay đổi địa bàn quản lý mà còn ảnh hưởng đến phương thức phân công, phối hợp và thực hiện QCT. Với các tỉnh mới hình thành có diện tích rộng hơn, dân số đông hơn và tính chất địa bàn phức tạp hơn, yêu cầu đặt ra đối với công tác tổ chức, quản lý, điều hành và đặc biệt là THQCT trong các vụ án về ma túy sẽ ngày càng cao. Những thay đổi này nếu được thực hiện sẽ tác động trực tiếp đến cơ cấu tổ chức của các CQTHTT, bao gồm cả VKSND, từ việc tổ chức bộ máy, phân công địa bàn, đến việc phối hợp liên ngành trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, THQCT ở địa bàn này không chỉ đòi hỏi năng lực chuyên môn vững vàng mà còn yêu cầu sự hiểu biết sâu sắc về điều kiện thực tế địa phương, kỹ năng phối hợp liên ngành, liên quốc gia, và khả năng chủ động THQCT trong bối cảnh phức tạp. Mỗi đặc điểm của địa bàn, từ địa lý, dân cư, phong tục tập quán, đến yếu tố chính trị – xã hội đều là những yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả THQCT. Do đó, việc nhận diện, phân tích và đánh giá đầy đủ các yếu tố này là điều kiện tiên quyết để xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng THQCT, đặc biệt trong đấu tranh với tội phạm ma túy tại tuyến biên giới Việt Nam – Lào.

Như vậy, xét về yếu tố điều kiện đặc thù của vụ án và địa bàn, tội phạm ma túy là loại tội phạm có tính tổ chức, xuyên quốc gia, phức tạp và nguy hiểm; khu vực biên

giới Việt Nam – Lào là địa bàn có đặc thù về địa lý, dân cư, an ninh và pháp lý. Do đó, THQCT trong bối cảnh này không chỉ mang tính chất tố tụng thông thường mà còn là quá trình tương tác chặt chẽ giữa THQCT với điều kiện thực tiễn cụ thể, đòi hỏi sự am hiểu chuyên sâu, sự phối hợp liên ngành và năng lực pháp lý, nghiệp vụ cao từ phía KSV. Bên cạnh đó, trong điều kiện khu vực biên giới Việt Nam – Lào có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, một số bị can không sử dụng được tiếng Việt, thì hoạt động THQCT của KSV còn phải đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa, sử dụng người phiên dịch... Điều này thể hiện rõ tính chất “kép” của THQCT: vừa là thực hiện việc buộc tội, vừa là trách nhiệm bảo vệ pháp luật, bảo đảm quyền con người... Từ đó, có thể coi THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào là một quá trình pháp lý đặc biệt, mang tính chủ động cao, có vai trò định hướng cho toàn bộ tiến trình giải quyết vụ án. Khái niệm này không chỉ được hiểu dưới góc độ tố tụng thuần túy, mà còn cần được nhìn nhận trong mối quan hệ thực tiễn với tính chất đặc thù của loại tội phạm ma túy và điều kiện địa lý – chính trị của khu vực biên giới, từ đó đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực, bản lĩnh, tư duy pháp lý của KSV trong thực tiễn THQCT hiện nay.

Từ góc độ pháp lý và thực tiễn TTHS, THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào có thể được hiểu là *“các hoạt động TTHS cần thiết theo quy định của pháp luật, do KSV thực hiện ngay từ khi giải quyết TG, TBTP, KNKT cho đến khi có kết luận điều tra của CQĐT nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người đã thực hiện hành vi phạm tội về ma túy theo quy định của Bộ luật Hình sự được VKSND hai cấp tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh có đường biên giới giáp Lào”*.

*2.2.4.2. Đặc điểm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào*

Từ khái niệm đã được xác lập, có thể nhận diện một số đặc điểm của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Đây là những biểu hiện cụ thể của bản chất pháp lý và vai trò thực tiễn của THQCT trong điều kiện địa lý, xã hội, pháp lý và tội phạm đặc thù của loại án và địa bàn này:

*Thứ nhất*, hoạt động này gắn liền với trách nhiệm buộc tội của Nhà nước nhưng đồng thời bảo đảm quyền con người trong điều kiện đặc biệt. THQCT là biểu hiện tập trung nhất của quyền buộc tội nhà nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh khu vực biên giới có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, nhiều bị can không sử dụng tiếng Việt hoặc có hoàn cảnh đặc biệt, hoạt động này còn đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt trong việc tuân thủ quyền con người và các bảo đảm tố tụng cơ bản, như: quyền bào chữa, quyền được giải thích, dịch thuật, quyền không bị cưỡng bức nhận tội... Do đó, THQCT trong điều kiện này mang tính “kép”: vừa thực hiện quyền lực công tố để buộc tội đối với người phạm tội, vừa bảo vệ công lý, công bằng và pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

*Thứ hai*, hoạt động này vừa mang tính tố tụng – pháp lý, vừa mang tính chính trị – xã hội sâu sắc. Đấu tranh với tội phạm ma túy tại khu vực biên giới Việt – Lào là nhiệm vụ không chỉ đơn thuần về pháp luật, mà còn liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, mối quan hệ đối ngoại và ổn định chính trị vùng biên giới. Do đó, THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án này không chỉ là công việc tố tụng khô cứng, thể hiện quyền lực buộc tội của nhà nước đối với người phạm tội mà còn là một hoạt động có ý nghĩa chính trị, văn hoá. Bằng việc thực thi nghiêm minh nhưng nhân văn QCT, KSV không chỉ bảo vệ pháp luật mà còn gián tiếp củng cố ổn định xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa – dân tộc, và thúc đẩy sự phát triển bền vững tại khu vực biên giới. Đây chính là chiều sâu văn hóa – chính trị đặc biệt mà THQCT trong các vụ án này mang theo, vượt xa khuôn khổ tính chất nghiệp vụ - pháp lý tố tụng thông thường.

*Thứ ba*, đây là hoạt động tố tụng có tính chủ động cao, có tính định hướng toàn bộ tiến trình xử lý vụ án ngay từ giai đoạn đầu. Trong các vụ án ma túy xảy ra tại khu vực biên giới, nơi tình hình tội phạm phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng, tuyến đường, việc tổ chức, hoạt động THQCT của KSV mang tính chủ động và có tính định hướng đối với quá trình xử lý vụ án. KSV phải kịp thời đánh giá, nhận diện hành vi phạm tội, quyết định việc khởi tố, đề ra yêu cầu điều tra phù hợp với tính chất vụ án, đồng thời tham gia trực tiếp vào một số hoạt động điều tra. Chính từ giai đoạn này, định hướng tố tụng được hình thành, ảnh hưởng sâu sắc đến các giai đoạn truy tố và xét xử sau đó.

*Thứ tư*, hoạt động này phải thích ứng với loại tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, thủ đoạn tinh vi, diễn biến nhanh. Tội phạm ma túy tại khu vực biên giới Việt – Lào thường có yếu tố xuyên quốc gia, sử dụng phương tiện công nghệ cao, vũ khí, lợi dụng địa hình rừng núi, giáp ranh và các tuyến giao thông quốc tế. Các đối tượng phạm tội có sự phân công vai trò, có thể bị điều hành từ xa hoặc liên kết với các đường dây lớn. Điều này khiến THQCT không thể chỉ dựa trên các thủ tục thông thường mà phải linh hoạt, nhanh nhạy, cập nhật các biện pháp điều tra hiện đại, đồng thời phối hợp chặt chẽ với nhiều cơ quan chức năng như bộ đội biên phòng, hải quan, công an, và thậm chí cả cơ quan tư pháp nước ngoài trong các trường hợp có yếu tố nước ngoài.

*Thứ năm*, hoạt động này mang tính liên ngành, liên kết và gắn với điều kiện địa bàn đặc thù. Trong điều kiện địa bàn phức tạp như các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào, hoạt động THQCT không thể tách rời khỏi sự phối hợp liên ngành, liên lực lượng. KSV không chỉ phối hợp với CQĐT, mà còn phải kết nối chặt chẽ với các lực lượng chuyên trách phòng chống ma túy tại khu vực biên giới, chính quyền địa phương và thậm chí với các tổ chức quốc tế hoặc lực lượng pháp lý nước ngoài (trong các vụ có yếu tố xuyên quốc gia). Bên cạnh đó, KSV phải có hiểu biết nhất định về địa bàn, tập quán, văn hoá dân tộc, ngôn ngữ và tình hình an ninh – xã hội tại khu vực biên giới để xử lý vụ án hiệu quả, đúng pháp luật và phù hợp thực tiễn.

### **2.3. Các yếu tố bảo đảm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào**

THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào là một quá trình pháp lý đặc biệt, đòi hỏi sự tham gia chủ động và chính xác của KSV trong việc xác lập căn cứ pháp lý buộc tội và định hướng hoạt động điều tra. Tuy nhiên, hiệu quả, chất lượng và tính đúng đắn của hoạt động này không chỉ phụ thuộc vào bản thân trình độ của người thực hiện, mà còn chịu ảnh hưởng của hàng loạt yếu tố có tính hệ thống, từ thể chế pháp lý, tổ chức bộ máy, điều kiện tác nghiệp, cho đến môi trường chính trị – xã hội tại địa phương. Việc phân tích các yếu tố bảo đảm giúp luận án củng cố cơ sở khoa học cho việc nhận diện bản chất nguyên nhân của kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế của hoạt động THQCT trong thực tiễn thi hành. Đồng thời, có ý nghĩa định hướng đối với việc tổ chức thực hiện QCT một cách chủ động và phù hợp với đặc thù của tội phạm ma túy và điều kiện khu vực biên giới – nơi có tình hình phức tạp về an ninh, tội phạm và đòi hỏi hợp tác pháp lý xuyên quốc gia.

#### **2.3.1. Bảo đảm về thể chế pháp lý**

Thể chế pháp lý là nền tảng cốt lõi để bảo đảm cho việc thực hiện bất kỳ quyền năng nhà nước nào được tiến hành đúng hướng, đúng chức năng và đạt mục đích, hiệu quả thực tiễn. Trong TTTHS, đặc biệt là đối với chức năng THQCT của VKSND, hệ thống quy phạm pháp luật có vai trò định hình rõ phạm vi quyền hạn, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của chủ thể THTT, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa quyền lực buộc tội và quyền con người. Đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, yêu cầu về một khuôn khổ pháp lý đầy đủ, rõ ràng và khả thi lại càng trở nên bức thiết hơn do loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, có tổ chức, xuyên biên giới, và địa bàn thực hiện có nhiều yếu tố phức tạp về dân cư, ngôn ngữ, phong tục, tập quán và điều kiện xã hội. Theo đó, yếu tố này được thể hiện qua những khía cạnh chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, việc bảo đảm thể chế pháp lý cho THQCT trước hết phải thể hiện ở sự đầy đủ, minh bạch và khả thi của hệ thống quy định pháp luật về TTTHS nói chung và QCT nói riêng. BLTTTHS cần có quy định rõ ràng, cụ thể, dễ áp dụng về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, trình tự và cơ chế thực thi các hoạt động về công tố trong giai đoạn khởi tố và điều tra, đặc biệt là trong các vụ án phức tạp như án ma túy. Bên cạnh đó, cần có các văn bản hướng dẫn chi tiết chuyên ngành, liên ngành để thống nhất cách hiểu và áp dụng trong thực tiễn tố tụng, hạn chế tình trạng “mỗi nơi, mỗi vụ làm một kiểu” hoặc lúng túng trong xử lý các tình huống pháp lý chưa được quy định rõ ràng trong luật.

*Thứ hai*, hệ thống pháp luật cần bao quát đầy đủ các quy định chuyên ngành về phòng, chống ma túy và xử lý tội phạm ma túy – không chỉ về hành vi, cấu thành tội phạm, mà còn về các biện pháp nghiệp vụ, tố tụng đặc biệt có thể được áp dụng trong các vụ án có tính chất nghiêm trọng, xuyên biên giới. Bên cạnh đó, các văn bản dưới luật như thông tư liên tịch quy định về thẩm quyền, phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các

cơ quan tố tụng và lực lượng chuyên trách cũng cần được thể chế hóa chặt chẽ, làm cơ sở để KSV có thể phối hợp hiệu quả trong thực tiễn THQCT.

*Thứ ba*, cần bảo đảm sự tương thích giữa quy định pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là các hiệp định song phương giữa Việt Nam và Lào về tương trợ tư pháp, dẫn độ, kiểm soát tội phạm ma túy xuyên biên giới. Trong bối cảnh hội nhập pháp lý quốc tế ngày càng sâu rộng, việc xử lý các vụ án ma túy có yếu tố nước ngoài đòi hỏi KSV không chỉ nắm chắc pháp luật quốc nội mà còn phải hiểu biết và áp dụng hiệu quả các quy định quốc tế, bảo đảm việc THQCT không bị “vênh” giữa các hệ thống pháp luật và không tạo ra rào cản cho hoạt động hợp tác điều tra, xử lý tội phạm chung giữa hai quốc gia.

*Thứ tư*, hệ thống pháp luật tố tụng cần đồng thời bảo đảm các quyền con người, quyền công dân trong quá trình xử lý vụ án. Đối với các bị can là người dân tộc thiểu số, không sử dụng được tiếng Việt, hoặc thuộc nhóm dễ bị tổn thương, thì pháp luật cần có quy định cụ thể và cơ chế hiệu quả để bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý, quyền được giải thích bằng ngôn ngữ mẹ đẻ. Bảo đảm bị can không bị ép cung, mớm cung, quyền được bào chữa và các quyền tố tụng cơ bản khác. Đây là cơ sở quan trọng để KSV THQCT vừa đúng pháp luật, vừa phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, bảo đảm công bằng và minh bạch trong TTHS.

Tóm lại, thể chế pháp lý không chỉ là điều kiện cần mà còn là điều kiện đủ để bảo đảm việc THQCT diễn ra hợp pháp, đúng vai trò và có hiệu quả thực tiễn. Trong bối cảnh đấu tranh với tội phạm ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, việc hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống pháp luật tố tụng, pháp luật nội dung cũng như pháp luật về phòng chống ma túy và pháp luật quốc tế là cơ sở quyết định cho chất lượng và hiệu lực của THQCT ngay từ giai đoạn đầu tiên của TTHS.

### **2.3.2. Bảo đảm về tổ chức bộ máy và năng lực đội ngũ kiểm sát viên**

Bên cạnh hệ thống thể chế pháp lý, yếu tố về tổ chức bộ máy và chất lượng đội ngũ KSV là điều kiện mang tính quyết định trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động THQCT, đặc biệt trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào – nơi đòi hỏi sự phối hợp nhanh nhạy, chính xác và bản lĩnh nghề nghiệp cao. Đây không chỉ là yếu tố tổ chức – nhân sự thuần túy, mà còn là biểu hiện cụ thể của năng lực Nhà nước trong việc hiện thực hóa quyền lực công tố tại những địa bàn phức tạp về địa lý, dân cư và tội phạm.

*Thứ nhất*, cần bảo đảm cơ cấu tổ chức hợp lý và hiệu quả của VKSND tại các tỉnh biên giới. Trong thực tiễn hiện nay, VKS tại nhiều địa phương biên giới thường gặp khó khăn về nhân lực, địa bàn được phân công THQCT rộng, điều kiện làm việc hạn chế, dẫn đến áp lực lớn trong việc bao quát, nắm bắt và xử lý kịp thời tố giác, tin báo về tội phạm ma túy. Việc bố trí, sắp xếp tổ chức cần căn cứ vào tình hình thực tế về tội phạm tại từng địa phương, ưu tiên tăng cường lực lượng tại các đơn vị cấp cơ sở có đường biên giới giáp Lào – nơi thường xuyên phát sinh các vụ án ma túy lớn, xuyên biên giới, có tổ chức.

*Thứ hai*, cần có chế độ linh hoạt trong phân công KSV chuyên trách hoặc chuyên sâu về án ma túy tại các địa bàn trọng điểm về loại án này. Tội phạm ma túy có cấu trúc tổ chức tinh vi, tính chất nguy hiểm cao, thường sử dụng các phương thức, thủ đoạn hiện đại và biến hóa liên tục. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải có những KSV có năng lực chuyên môn vững, am hiểu sâu về đặc thù của loại án này, được đào tạo bài bản, thường xuyên cập nhật tình hình tội phạm và phương thức điều tra, xử lý mới. Việc bố trí KSV không chuyên sâu, thiếu kinh nghiệm, hoặc luân chuyển thường xuyên giữa các lĩnh vực công tác khác nhau có thể làm giảm hiệu quả và độ chuẩn xác của việc THQCT trong các vụ án ma túy phức tạp tại địa bàn đặc thù này.

*Thứ ba*, cần bảo đảm nâng cao toàn diện trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị – nghề nghiệp và kỹ năng thực hành tố tụng của đội ngũ KSV. Đối với án ma túy tại địa bàn biên giới, KSV không chỉ cần nắm vững pháp luật tố tụng và hình sự, mà còn phải có bản lĩnh vững vàng, tư duy sắc bén, khả năng độc lập trong đánh giá chứng cứ, xác định hướng điều tra và đề xuất hướng giải quyết vụ án. Đây là môi trường dễ phát sinh tình huống phức tạp, bị can mạnh động, tổ chức tội phạm có thể tìm cách tác động, gây khó khăn cho hoạt động tố tụng. Do đó, KSV cần có khả năng phản ứng linh hoạt, giải quyết tình huống pháp lý một cách thận trọng nhưng kiên quyết, đồng thời phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện và đúng pháp luật trong việc buộc tội.

*Thứ tư*, đội ngũ KSV THQCT tại địa bàn biên giới cần được trang bị thêm kiến thức về địa bàn, phong tục, tập quán, văn hoá dân tộc và trình độ ngôn ngữ, nhằm bảo đảm hiệu quả trong quá trình giao tiếp, xác minh, lấy lời khai, tham gia các hoạt động điều tra tại địa phương. Trong nhiều vụ án, bị can hoặc người liên quan là người dân tộc thiểu số không thông thạo tiếng Việt, có phong tục riêng, khó tiếp cận với quy trình tố tụng chuẩn. Điều này đòi hỏi KSV cần có khả năng tiếp cận linh hoạt, đồng thời phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, người có uy tín trong cộng đồng, lực lượng biên phòng, hải quan hoặc CQĐT để nắm bắt tình hình, thu thập chứng cứ và xử lý vụ án một cách chính xác, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế.

Tóm lại, việc bảo đảm tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ KSV đủ phẩm chất, năng lực và chuyên môn là yếu tố có tính nền tảng để hoạt động THQCT được triển khai đúng chức năng, đạt hiệu quả trong thực tiễn. Với đặc thù địa bàn biên giới Việt Nam – Lào và tính chất phức tạp của tội phạm ma túy, yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ không chỉ là yêu cầu cấp bách trước mắt mà còn là định hướng chiến lược lâu dài nhằm khẳng định vai trò trung tâm của VKS trong chuỗi hoạt động TTHS.

### **2.3.3. Bảo đảm về cơ sở vật chất, điều kiện về kỹ thuật nghiệp vụ**

Trong bất kỳ hoạt động tố tụng nào, yếu tố con người và thể chế pháp lý luôn giữ vai trò trung tâm, song nếu không được hỗ trợ bởi các điều kiện vật chất, kỹ thuật và phương tiện tác nghiệp phù hợp thì hiệu quả thực hiện chức năng tố tụng, đặc biệt là THQCT sẽ khó đạt được một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác. Đối với các vụ án về ma túy tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, nơi địa hình hiểm trở, giao thông cách trở, hạ tầng thông tin còn hạn chế, việc bảo đảm cơ sở vật chất và phương tiện nghiệp vụ

cho KSV không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ kỹ thuật mà còn là điều kiện tất yếu để THQCT một cách thực chất và hiệu quả.

*Thứ nhất*, cần chú trọng trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin, thiết bị số và công cụ hỗ trợ cho hoạt động THQCT. Trong điều kiện tội phạm ma túy ngày càng sử dụng các phương thức công nghệ cao, giao dịch ẩn danh qua mạng xã hội, ví điện tử, ứng dụng mã hóa..., KSV muốn thực hiện tốt việc định hướng điều tra, đánh giá chứng cứ và kiểm tra tính hợp pháp của hoạt động tố tụng buộc phải có sự hỗ trợ từ hệ thống phân tích dữ liệu điện tử, thiết bị số, phần mềm quản lý và tra cứu thông tin nghiệp vụ chuyên ngành. Đồng thời, hệ thống lưu trữ hồ sơ điện tử, công cụ chia sẻ thông tin nội bộ cũng cần được hiện đại hóa để đảm bảo tiến độ và độ tin cậy của quá trình xử lý vụ án.

*Thứ hai*, cần bảo đảm điều kiện di chuyển, sinh hoạt và làm việc cho KSV tại địa bàn rừng núi, xa xôi, thời tiết khắc nghiệt. Việc THQCT ở địa bàn biên giới không chỉ diễn ra tại trụ sở mà còn yêu cầu KSV trực tiếp xuống hiện trường, tham gia lấy lời khai, khám nghiệm, thực nghiệm điều tra trong điều kiện thiếu thốn về cơ sở vật chất, khó khăn về phương tiện đi lại, thời gian làm việc kéo dài và tiềm ẩn nguy cơ va chạm với đối tượng phạm tội. Vì vậy, việc đầu tư xe chuyên dụng, thiết bị tác nghiệp cầm tay (ghi âm, ghi hình, định vị, bảo mật...), cơ sở lưu trú tạm thời tại các địa bàn vùng sâu vùng xa và hỗ trợ tài chính, hậu cần cho lực lượng KSV làm việc tại tuyến biên giới cần được coi là một phần của chính sách bảo đảm thực thi công vụ có hiệu quả, công bằng và an toàn.

*Thứ ba*, cần xây dựng hệ thống thông tin liên lạc và chia sẻ dữ liệu đồng bộ giữa VKSND và các lực lượng chức năng như Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Chính quyền địa phương. Tội phạm ma túy có xu hướng tổ chức theo mạng lưới, xuyên quốc gia và hoạt động lưu động, do đó KSV muốn thực hiện tốt vai trò định hướng điều tra, đề xuất biện pháp xử lý, phê chuẩn các quyết định quan trọng... cần được tiếp cận nhanh chóng, đầy đủ và chính xác các thông tin về đối tượng, tuyến đường vận chuyển, phương thức hoạt động, kết quả khám xét, bắt giữ, giám định... Điều này đòi hỏi phải có hệ thống kết nối dữ liệu nghiệp vụ giữa các cơ quan chức năng, đồng thời quy định rõ cơ chế phối hợp cung cấp và tiếp nhận thông tin phục vụ cho hoạt động THQCT.

Như vậy, cơ sở vật chất và kỹ thuật nghiệp vụ là yếu tố không thể thiếu trong việc tạo điều kiện thực tiễn cho KSV triển khai các quyền năng pháp lý trong môi trường TTHS đặc thù tại khu vực biên giới. Trong bối cảnh tội phạm ma túy ngày càng có tổ chức, tinh vi và nguy hiểm, thì việc đầu tư đồng bộ, hiện đại và phù hợp với điều kiện địa bàn cho hoạt động công tố là một trong những giải pháp căn bản để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sự kịp thời trong quá trình xử lý vụ án.

#### ***2.3.4. Bảo đảm về cơ chế phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế***

Trong bối cảnh tội phạm ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia, sử dụng thủ đoạn tinh vi và hoạt động linh hoạt qua nhiều tuyến, nhiều vùng địa lý, thì hoạt động THQCT, đặc biệt trong giai đoạn khởi tố, điều tra không thể vận hành “độc lập, đơn tuyến”. Tại khu vực các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào, nơi địa bàn rộng, khó kiểm soát, dân cư đa

dạng và hệ thống chính trị – hành chính phân cấp sâu, việc bảo đảm một cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả trong nước, đồng thời thiết lập kênh hợp tác thực chất với các cơ quan tổ tụng nước bạn, là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm cho hoạt động THQCT, phát hiện và xử lý triệt để các vụ án ma túy.

*Thứ nhất*, cần xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa VKSND với CQĐT, lực lượng chuyên trách phòng chống ma túy, tòa án, hải quan, bộ đội biên phòng và chính quyền địa phương. Việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án ma túy ở khu vực biên giới đòi hỏi sự phối hợp liên tục và đồng bộ giữa các lực lượng ngay từ thời điểm tiếp nhận TG, TBTP, KNKT. Nếu thiếu cơ chế phối hợp cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm, quy trình, đầu mối liên hệ và chế độ báo cáo, rất dễ xảy ra tình trạng chùng chèo, chậm trễ hoặc bỏ lọt thông tin, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình THQCT của KSV.

*Thứ hai*, cần thiết lập và duy trì hợp tác xuyên biên giới giữa VKSND Việt Nam với các cơ quan tổ tụng và lực lượng chức năng của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đây là yếu tố mang tính đặc thù và có ý nghĩa chiến lược đối với các tỉnh có đường biên giới tiếp giáp, nơi nhiều vụ án ma túy có sự móc nối, điều hành từ lãnh thổ nước bạn. Việc THQCT trong các vụ án như vậy đòi hỏi phải có sự hỗ trợ tích cực từ phía cơ quan chức năng của Lào trong các hoạt động như: xác minh nhân thân đối tượng, cung cấp thông tin, thu thập lời khai, bắt giữ hoặc dẫn độ đối tượng phạm tội trốn ra nước ngoài. Để bảo đảm điều đó, các thỏa thuận hợp tác, bản ghi nhớ, cơ chế trao đổi nghiệp vụ giữa hai bên cần tiếp tục được cụ thể hóa và vận hành hiệu quả, đặc biệt là trong khâu thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự.

*Thứ ba*, cần xây dựng cơ chế xử lý và chia sẻ thông tin nghiệp vụ, chứng cứ, tài liệu tố tụng, dẫn độ, bản giao vật chứng, phiên dịch và hỗ trợ pháp lý quốc tế một cách bài bản và đồng bộ. KSV khi THQCT trong các vụ án ma túy có yếu tố nước ngoài thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn thông tin ngoài lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là khi cần sử dụng lời khai, tài liệu, chứng cứ từ cơ quan chức năng Lào. Trong khi đó, các yêu cầu về hợp pháp hóa tài liệu, phiên dịch, xác minh chứng cứ còn có những hạn chế nhất định do thiếu quy định hướng dẫn cụ thể hoặc do vướng mắc về ngoại giao pháp lý. Do đó, cần thiết phải hình thành các tuyến chia sẻ thông tin và quy trình phối hợp xuyên biên giới được luật hóa, gắn liền với hệ thống điều ước quốc tế song phương, đa phương mà Việt Nam và Lào cùng tham gia.

Vì vậy, trong điều kiện địa bàn phức tạp và loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm như ma túy, THQCT không thể phát huy hiệu quả nếu thiếu nền tảng phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong nước và thiếu kênh hợp tác thực chất với quốc gia láng giềng có liên quan đến vụ án. Việc hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế chính là yếu tố bảo đảm cho KSV có đầy đủ thông tin, tài liệu và sự hỗ trợ cần thiết cho hoạt động THQCT.

### ***2.3.5. Bảo đảm về chính trị – xã hội – văn hóa – dân trí tại địa bàn***

Để THQCT được thực hiện hiệu quả trong thực tiễn, bên cạnh yếu tố pháp lý, tổ chức, kỹ thuật nghiệp vụ, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế thì yếu tố môi trường

chính trị – xã hội – văn hóa tại địa phương nơi phát sinh tội phạm cũng là một yếu tố bảo đảm có ý nghĩa nền tảng. Đối với các vụ án ma túy xảy ra tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, việc THQCT trong giai đoạn khởi tố và điều tra càng bị chi phối mạnh bởi các điều kiện đặc thù của địa bàn: tỷ lệ dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số cao, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống kinh tế – xã hội còn hạn chế, phong tục tập quán khác biệt và hệ thống tổ chức chính trị – xã hội ở cơ sở còn hạn chế về năng lực pháp lý TTHS.

*Thứ nhất*, cần chú trọng nâng cao nhận thức pháp luật của người dân tại khu vực biên giới, đặc biệt là về quyền và nghĩa vụ tố tụng, hậu quả pháp lý của hành vi liên quan đến ma túy, cũng như vai trò của người dân trong phòng, chống tội phạm. Trong thực tế, nhiều vụ án ma túy có sự tham gia của người dân địa phương dưới hình thức bị dụ dỗ, thuê mướn vận chuyển hoặc chứa chấp ma túy, do thiếu hiểu biết pháp luật, nhận thức sai lệch về tính chất nguy hiểm của hành vi, hoặc vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Việc phổ biến pháp luật, tư vấn pháp lý cộng đồng và truyền thông pháp luật cần được coi là hoạt động thường xuyên, có trọng tâm, trong đó VKS có thể phối hợp với chính quyền cơ sở, đoàn thể, nhà trường, già làng, trưởng bản... để tổ chức các mô hình phù hợp với đặc điểm văn hóa – ngôn ngữ tại địa phương.

*Thứ hai*, hiệu quả THQCT còn phụ thuộc vào mức độ tin tưởng và ủng hộ của cộng đồng dân cư đối với CQTHTT, trong đó có VKS. Sự ủng hộ này không chỉ giúp KSV thu thập thông tin, chứng cứ, tài liệu một cách thuận lợi, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh hành vi phạm tội, phát hiện tội phạm mới, cũng như phòng ngừa hành vi trả thù, cản trở tố tụng từ phía các đối tượng phạm tội có tổ chức. Để làm được điều này, cần tăng cường tính công khai, minh bạch, giải thích pháp luật rõ ràng trong quá trình tố tụng, cũng như củng cố hình ảnh người KSV gần dân, hiểu dân và vì công lý, qua đó từng bước xây dựng “nền công tố gần gũi, thân thiện” trong mắt người dân phù hợp với đặc điểm vùng miền.

*Thứ ba*, cần phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư như già làng, trưởng bản và các tổ chức đoàn thể, nhà trường tại địa phương trong hỗ trợ pháp luật và tố giác tội phạm ma túy. Tại nhiều địa bàn biên giới, đây là những người có ảnh hưởng lớn đến nhận thức và hành vi của cộng đồng dân cư. Nếu được vận động, tập huấn, cung cấp thông tin pháp luật, họ có thể trở thành cầu nối hiệu quả giữa CQTHTT và cộng đồng, góp phần hỗ trợ KSV trong công tác tuyên truyền, thu thập chứng cứ, vận động người phạm tội đầu thú hoặc khai báo thành khẩn. Họ cũng có thể là người trung gian giúp KSV tiếp cận hiện trường, người làm chứng hoặc bị can trong điều kiện ngôn ngữ, phong tục khác biệt.

*Thứ tư*, cần quan tâm đúng mức đến các chính sách dân tộc và chính sách xã hội trong phòng, chống tội phạm ma túy, bởi đây là những yếu tố có tính định hướng dài hạn và bền vững trong việc tạo lập môi trường thuận lợi cho việc THQCT. Các chính sách như hỗ trợ sinh kế bền vững, phát triển giáo dục, xóa đói giảm nghèo, cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người dân tộc thiểu số hoặc hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người phạm tội sau thời gian chấp hành hình phạt tù... đều có vai trò gián tiếp nhưng

thiết thực trong việc phòng ngừa tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan tố tụng, trong đó có VKS, thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả, nhân văn và có chiều sâu.

Tóm lại, môi trường chính trị – xã hội – văn hóa – dân trí tại địa bàn biên giới không chỉ là bối cảnh thực hiện QCT mà còn là yếu tố tác động song hành đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động này. Việc nhận diện và chủ động khai thác các nguồn lực xã hội trong hoạt động THQCT, kết hợp hài hòa giữa pháp luật và văn hóa, giữa chuyên môn tố tụng và hoạt động “xã hội hóa pháp lý”, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm ma túy một cách bền vững, nhân văn và phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng biên giới Việt Nam – Lào.

#### **2.4. So sánh chính sách pháp luật hình sự về tội phạm ma túy giữa Việt Nam và Lào**

Việc so sánh chính sách pháp luật hình sự giữa hai nước là cần thiết để làm rõ tác động của yếu tố pháp lý bên ngoài đến hoạt động THQCT tại Việt Nam. Những khác biệt này không chỉ liên quan đến mức hình phạt, mà còn ảnh hưởng đến phối hợp điều tra, dẫn độ, chia sẻ chứng cứ và áp dụng các biện pháp tố tụng xuyên biên giới... Từ góc độ nghiên cứu, so sánh chính sách hình sự giúp luận án tiếp cận vấn đề trong bối cảnh pháp lý – thực tiễn đa chiều, đồng thời nhận diện rõ hơn những khó khăn đối với hoạt động THQCT trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới khi pháp luật hai nước có những điểm tương đồng nhất định nhưng chưa hoàn toàn tương thích. Đây cũng là cơ sở quan trọng để xác định các vấn đề pháp lý - thực tiễn cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ ở các chương tiếp theo.

##### ***2.4.1. Sự tương đồng về chính sách hình sự giữa Việt Nam và Lào đối với tội phạm ma túy***

Từ góc độ THQCT, sự tương đồng chính sách hình sự giữa Việt Nam và Lào góp phần giảm thiểu xung đột pháp luật, tạo điều kiện cho KSV Việt Nam thuận lợi hơn trong tiếp nhận, sử dụng chứng cứ, đề ra yêu cầu điều tra có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Về lâu dài, đây còn là nền tảng để từng bước hài hòa hóa pháp luật và nâng cao hiệu quả hợp tác tư pháp giữa hai quốc gia trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy. Chính sách hình sự giữa hai nước đối với tội phạm ma túy có những nét tương đồng chính như:

*Thứ nhất*, cả hai quốc gia đều xác định ma túy là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và sức khỏe cộng đồng.

Một trong những điểm tương đồng cơ bản giữa Việt Nam và Lào trong chính sách hình sự đối với tội phạm ma túy là quan điểm chính trị – pháp lý hình sự thống nhất trong việc xác định đây là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, cần ưu tiên đấu tranh, xử lý và phòng ngừa bằng các công cụ pháp lý mạnh. Cả hai quốc gia đều nhận thức rõ rằng tội phạm ma túy là một trong những nguyên nhân chính làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác như giết người, cướp tài sản, buôn bán người, rửa tiền... đồng thời làm gia tăng nguy cơ mất ổn định về an ninh, trật tự.

Tại Việt Nam, quan điểm này được khẳng định rõ trong nhiều văn bản quan trọng của Đảng và Nhà nước, như Kết luận số 132-KL/TW ngày 18/3/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy xác định tội phạm và tệ nạn ma túy, trong đó, đặt ra nhiệm vụ là “*khẩn trương nghiên cứu áp dụng chính sách hình sự nghiêm khắc hơn để giảm cầu ma túy, chặn đứng mối quan hệ cung, cầu ma túy*” [5]. Về phía Lào, Đảng và Nhà nước Lào cũng coi phòng, chống ma túy là một nhiệm vụ trọng yếu. Cụ thể: Nghị quyết Đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ XI (năm 2021) nhấn mạnh nhiệm vụ “*xây dựng xã hội không có ma túy, bảo vệ sự phát triển ổn định của đất nước*” [11]; Chiến lược quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2021–2025 của Ủy ban Quốc gia Phòng, chống Ma túy Lào xác định rõ tội phạm ma túy là “*mối đe dọa nghiêm trọng đến sự ổn định của đất nước, phá hoại tương lai của thanh thiếu niên và sự phát triển kinh tế - xã hội*” [51].

Việc cả Việt Nam và Lào đều xác lập rõ ràng lập trường chính trị – pháp lý trong việc coi ma túy là tội phạm nghiêm trọng là cơ sở quan trọng cho hợp tác song phương trong phòng, chống loại tội phạm này. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để VKSND Việt Nam THQCT trong các vụ án ma túy có yếu tố nước ngoài với sự hỗ trợ từ chính sách pháp luật có tính chất tương đồng của nước bạn.

*Thứ hai*, cả Việt Nam và Lào đều hình sự hóa các hành vi phổ biến như vận chuyển, mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng, sản xuất trái phép chất ma túy, với hình phạt chính cao nhất là tù có thời hạn hoặc tù chung thân, tử hình.

Tại Việt Nam, các hành vi này được quy định một cách hệ thống và chặt chẽ trong Chương XX của BLHS, từ Điều 247 đến Điều 259. Với mỗi tội danh, Bộ luật quy định khung hình phạt bao gồm tù có thời hạn đến tù chung thân hoặc tử hình, tùy theo số lượng, chủng loại ma túy, mức độ nguy hiểm của hành vi và vai trò của người phạm tội. Bộ luật Hình sự năm 2017 của Lào cũng quy định nhóm tội phạm về ma túy tại các điều từ 146 đến 155, với các tội danh chính tương đương: vận chuyển, buôn bán, sản xuất, tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy... Bên cạnh đó, BLHS Lào cũng phân hóa hình phạt theo mức độ nghiêm trọng, hoàn cảnh thực hiện hành vi và số lượng chất ma túy bị phát hiện. Mức hình phạt cao nhất cho một số tội danh nghiêm trọng cũng có thể lên tới tù chung thân hoặc tử hình, mặc dù trên thực tế việc áp dụng hình phạt tử hình tại Lào khá hiếm.

Việc cả hai nước cùng hình sự hóa nhóm hành vi phổ biến liên quan đến ma túy là điều kiện pháp lý thuận lợi để hợp tác xử lý tội phạm xuyên biên giới đối với hầu hết các hành vi phạm tội về ma túy xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, mức độ nghiêm khắc và phạm vi áp dụng các chế tài hình sự lại có sự khác biệt nhất định, ảnh hưởng trực tiếp đến việc THQCT trong các vụ án ma túy có yếu tố liên quan đến nước bạn – đây sẽ là vấn đề tiếp tục được phân tích ở tiểu mục sau.

*Thứ ba*, một điểm tương đồng có ý nghĩa đặc biệt giữa Việt Nam và Lào trong chính sách xử lý tội phạm ma túy là cả hai quốc gia đều là thành viên của các điều ước

quốc tế quan trọng trong lĩnh vực kiểm soát và phòng, chống ma túy, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc năm 1988 về chống buôn bán bất hợp pháp chất ma túy và các chất hướng thần (Công ước Vienna), cùng với hai công ước nền tảng khác là Công ước đơn nhất về ma túy năm 1961 (sửa đổi năm 1972) và Công ước về các chất hướng thần năm 1971. Ngoài ra, Việt Nam và Lào còn tham gia nhiều diễn đàn, sáng kiến khu vực như Chương trình Tam giác vàng mở rộng (GTI), Ủy ban kiểm soát ma túy khu vực ASEAN, và hợp tác song phương về phòng, chống ma túy, trong đó hai nước thường xuyên ký kết các biên bản ghi nhớ (MOU), thỏa thuận hợp tác pháp lý và dẫn độ, tạo điều kiện cho các cơ quan tố tụng phối hợp xác minh, điều tra, truy bắt đối tượng hoặc xử lý chứng cứ có nguồn gốc từ bên kia biên giới.

Việc cùng tham gia các công ước này thể hiện cam kết chính trị – pháp lý của cả hai nước trong cuộc chiến chống tội phạm ma túy ở cấp độ khu vực và toàn cầu, đồng thời xác lập nền tảng pháp lý chung cho việc phối hợp tư pháp hình sự. Đây là cơ sở quan trọng, thuận lợi cho hoạt động THQCT của Việt Nam, đặc biệt là tại các tỉnh biên giới giáp Lào, có thể triển khai trong điều kiện hợp tác pháp lý tương đối ổn định và có thể dự liệu được.

#### ***2.4.2. Những khác biệt cơ bản trong chính sách và pháp luật hình sự giữa hai quốc gia***

Một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa Việt Nam và Lào trong chính sách hình sự về tội phạm ma túy thể hiện rõ ở mức độ nghiêm khắc của khung hình phạt. Trong khi Việt Nam áp dụng chính sách hình sự mang tính trấn áp cao, với các chế tài nghiêm khắc, bao gồm cả hình phạt tử hình cho nhiều tội danh liên quan đến ma túy, thì hệ thống pháp luật hình sự của Lào có xu hướng nhẹ hơn, đặc biệt là trong xử lý các hành vi phổ biến như vận chuyển, tàng trữ hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể, tại Việt Nam, theo quy định tại Điều 249, 250 và 251 BLHS, các hành vi sản xuất, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy có thể bị áp dụng mức hình phạt cao nhất là tử hình. Chính sách hình sự này phản ánh quan điểm nhất quán của Nhà nước Việt Nam trong việc răn đe, xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội ma túy có tính chất nguy hiểm, có tổ chức, và mang yếu tố chuyên nghiệp. Trong khi đó, theo BLHS Lào năm 2017, mặc dù các tội danh liên quan đến vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy cũng được hình sự hóa và xử lý với tinh thần nghiêm khắc, nhưng khung hình phạt cao nhất được áp dụng ở nhiều trường hợp chỉ dừng lại ở mức tù chung thân, trừ những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có tổ chức, hoặc liên quan đến lượng ma túy cực lớn mới xem xét hình phạt tử hình.

Bên cạnh đó, trong khi Việt Nam có xu hướng áp dụng chính sách hình sự nghiêm khắc thì pháp luật hình sự của Lào thể hiện rõ quan điểm xử lý mang tính giáo dục, cải tạo như có thể áp dụng các biện pháp như giáo dục, cải tạo, điều trị bắt buộc hoặc cảnh cáo... thay vì khởi tố hình sự ngay từ đầu, nhất là trong các trường hợp người phạm tội lần đầu hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Trường hợp tái phạm hoặc có các tình tiết tăng nặng mới xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự với hình phạt tù cảnh cáo, phạt tiền

hoặc tù ngắn hạn. Quy định này cho thấy rõ xu hướng xử lý “nhẹ” hơn – khác biệt căn bản với pháp luật hình sự Việt Nam, vốn đặt trọng tâm xử lý hình sự sớm hơn và nghiêm khắc hơn.

Không chỉ trong lập pháp, chính sách cải tạo và nhân đạo hóa còn được phản ánh trong thực tiễn áp dụng pháp luật và văn bản chiến lược của Nhà nước Lào. Cụ thể, Chiến lược quốc gia về phòng, chống ma túy giai đoạn 2021–2025 xác định rõ phương châm: “*ngăn chặn từ xa, phục hồi từ gốc, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng, xây dựng xã hội không ma túy*” [51].

Mặt khác, một điểm đáng chú ý trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự tại Lào là xu hướng xử lý mềm dẻo, khoan dung hơn đối với người dân tộc thiểu số, xuất thân từ vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn và nhận thức pháp luật hạn chế. Trong Luật Phòng chống ma túy của Lào năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), tại các điều về phục hồi, giáo dục và hỗ trợ người vi phạm, cũng thể hiện rõ tinh thần “kết hợp trấn áp với hỗ trợ xã hội” hay Chiến lược quốc gia về phòng, chống ma túy giai đoạn 2021–2025, nhấn mạnh nguyên tắc “không hình sự hóa người nghiện ma túy hoặc người vi phạm có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn”, trong đó có nhấn mạnh tới đối tượng là “người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa”. Điều này cho thấy quan điểm của Nhà nước Lào rằng việc xử lý quá nghiêm khắc đối với những đối tượng này sẽ không mang lại hiệu quả bền vững, mà còn có thể làm gia tăng sự bất mãn, xa rời pháp luật trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

Những sự khác biệt căn bản trên cho thấy sự định hướng rõ ràng trong chính sách hình sự của Lào thiên về phục hồi và ngăn chặn “từ sớm, từ xa”, trái ngược với xu hướng trừng trị mạnh của Việt Nam đối với các vụ án ma túy. Trong khi phía Việt Nam thường áp dụng chính sách hình sự nghiêm khắc, thì phía Lào có thể không truy cứu hoặc xử lý nhẹ hơn, nhất là với đối tượng có lý lịch dân tộc thiểu số hoặc có hoàn cảnh khó khăn. Sự khác biệt này dẫn đến khó khăn trong phối hợp, tương trợ tư pháp, dẫn độ hoặc xử lý vấn đề về đồng phạm trong các vụ án ma túy giữa hai nước.

#### ***2.4.3. Tác động của sự khác biệt chính sách pháp luật này đến hoạt động THQCT trong các vụ án về ma túy tại Việt Nam***

Sự khác biệt về chính sách và pháp luật hình sự giữa Việt Nam và Lào trong xử lý tội phạm ma túy, xét trên thực tiễn khu vực biên giới giữa hai nước, không chỉ là vấn đề lý luận đơn thuần, mà còn tác động trực tiếp đến hoạt động THQCT của KSV Việt Nam, đặc biệt trong các vụ án có yếu tố xuyên biên giới. Những khác biệt này có thể dẫn đến các thách thức pháp lý, nghiệp vụ và tổ chức, làm ảnh hưởng đến tính liên tục, hiệu quả và toàn diện của quá trình tố tụng, nhất là từ giai đoạn khởi tố đến truy tố. Có thể nhận diện một số tác động chủ yếu như sau:

*Thứ nhất*, KSV Việt Nam gặp khó khăn trong việc định hướng, đề ra yêu cầu điều tra và xác định vai trò đồng phạm trong các đường dây tội phạm ma túy có liên quan đến đối tượng cư trú hoặc thực hiện hành vi phạm tội tại Lào. Nếu phía Lào không xử lý hình sự đối với đối tượng do chính sách nhẹ hơn hoặc do không đủ căn cứ khởi tố

theo pháp luật nước bạn, thì hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, nhất là vấn đề định tội và phân hóa trách nhiệm hình sự phía Việt Nam có thể bị ảnh hưởng, thiếu đồng bộ hoặc bỏ lọt tội phạm, đặc biệt là đối với người phạm tội có vai trò quan trọng hoặc là “mắt xích” chính để giải quyết toàn diện, triệt để vụ án.

*Thứ hai*, sự không tương thích giữa hai hệ thống pháp luật có thể làm suy giảm tinh thần hợp tác điều tra, dẫn độ hoặc trao đổi thông tin tư pháp. Ví dụ, trong các trường hợp Việt Nam yêu cầu dẫn độ bị can để truy tố về tội danh có thể bị tuyên án tử hình, phía Lào (vốn hạn chế áp dụng hình phạt này và đề cao nguyên tắc nhân đạo, giáo dục, cải tạo) có thể từ chối dẫn độ hoặc yêu cầu Việt Nam cam kết không áp dụng án tử hình, từ đó ảnh hưởng đến tính chủ động, tính răn đe cũng như kết quả chung của hoạt động THQCT.

*Thứ ba*, KSV Việt Nam cũng gặp khó khăn trong việc thu thập và hợp thức hóa chứng cứ từ phía Lào, đặc biệt khi hành vi phạm tội bắt đầu từ lãnh thổ nước bạn. Trong nhiều trường hợp, lời khai, tài liệu, kết quả khám xét hoặc thu giữ tang vật từ phía Lào có thể không đủ giá trị pháp lý để sử dụng tại Việt Nam nếu không được hợp pháp hóa lãnh sự, xác minh nguồn gốc rõ ràng, hoặc không phù hợp với trình tự, thủ tục của BLTTHS Việt Nam. Điều này làm giảm khả năng buộc tội và tăng nguy cơ phát sinh những vấn đề mâu thuẫn liên quan đến chứng cứ trong quá trình truy tố và bảo vệ quan điểm buộc tội tại Tòa án.

*Thứ tư*, sự chênh lệch trong chính sách hình sự cũng tạo ra tâm lý lợi dụng khoảng trống pháp lý để trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự từ phía Việt Nam. Không ít trường hợp đối tượng sau khi phạm tội tại Việt Nam đã trốn sang Lào để ẩn náu, lợi dụng sự mềm dẻo trong xử lý hoặc khó khăn trong dẫn độ để né tránh việc truy tố, thi hành án. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực thực tế của QCT tại Việt Nam.

Từ những tác động nêu trên, có thể thấy rằng sự khác biệt trong chính sách và pháp luật hình sự giữa Việt Nam và Lào không chỉ là vấn đề song phương, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với hoạt động THQCT tại khu vực biên giới: đó là phải thích ứng linh hoạt, chủ động đưa ra các giải pháp phối hợp, đồng thời từng bước thúc đẩy hoàn thiện thể chế hợp tác pháp lý quốc tế giữa hai quốc gia.

## **Tiểu kết Chương 2**

Chương 2 của luận án đã tập trung phân tích một cách có hệ thống những vấn đề lý luận cốt lõi liên quan đến hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Trên nền tảng tiếp cận toàn diện, chương đã làm rõ nội hàm của khái niệm, bản chất, đối tượng, phạm vi, nội dung, hình thức và phương thức THQCT; qua đó làm rõ mối quan hệ giữa THQCT với các hoạt động có liên quan mật thiết trong cùng giai đoạn là điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp; đồng thời khẳng định rõ vai trò trung tâm của KSV trong quá trình kiểm soát quyền lực tư pháp, bảo đảm việc xử lý tội phạm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không làm oan người vô tội. Bên cạnh đó, chương cũng đã phân tích khái niệm, đặc điểm của tội phạm ma túy và của các vụ án ma túy, đồng thời làm rõ những đặc trưng

của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án loại này tại khu vực biên giới, nơi có điều kiện địa lý, dân cư và tình hình an ninh trật tự đặc thù, làm phát sinh nhiều yêu cầu đặc biệt đối với năng lực nghiệp vụ, kỹ năng và bản lĩnh chính trị của KSV. Mặt khác, việc nghiên cứu các yếu tố bảo đảm hoạt động THQCT, bao gồm cả cơ chế pháp lý, nguồn nhân lực, điều kiện tổ chức và phối hợp liên ngành, đã giúp luận án xác định được những điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu quả áp dụng quyền năng công tố trong thực tiễn. Đáng chú ý, chương cũng đã thực hiện đối chiếu chính sách pháp luật hình sự về tội phạm ma túy giữa Việt Nam và Lào, một vấn đề có tác động sâu sắc đến THQCT trên địa bàn; từ đó rút ra một số nhận định có giá trị quan trọng cho việc nghiên cứu của Luận án cũng như thực tiễn thi hành. Toàn bộ nội dung chương này đã cung cấp cơ sở lý luận vững chắc cho việc đánh giá thực tiễn, phân tích nguyên nhân và đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng THQCT trong các chương tiếp theo của luận án.

### CHƯƠNG 3

## CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO

### 3.1. Cơ sở pháp lý của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào

#### 3.1.1. Hiến pháp năm 2013

Việc xác lập cơ sở pháp lý cho hoạt động THQCT của VKSND được khởi nguồn từ chính nền tảng hiến định. Hiến pháp năm 2013 – văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức hoạt động của VKSND đã được ghi nhận và xác định một cách rõ ràng, nhất quán.

Khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*VKSND THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp*” [34]. Quy định này đã khẳng định hai chức năng của VKSND, trong đó THQCT là một trong hai chức năng trung tâm, độc lập, có vị trí pháp lý riêng biệt bên cạnh chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Việc hiến định chức năng THQCT thể hiện sự nhận thức rõ ràng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về vai trò của cơ quan công tố trong bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý và bảo đảm trật tự pháp lý trong TTHS.

Bên cạnh việc quy định về chức năng THQCT, khoản 3 Điều 107 Hiến pháp năm 2013 còn quy định rõ nhiệm vụ chính trị - pháp lý quan trọng của VKSND, đó là: “*VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất*” [34]. Quy định này thể hiện rõ rằng hoạt động THQCT không đơn thuần là thực hiện quyền buộc tội, mà còn gắn liền với trách nhiệm bảo vệ toàn diện các giá trị pháp lý – chính trị – xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó, trách nhiệm bảo vệ pháp luật và bảo vệ quyền con người, quyền công dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giai đoạn đầu của quá trình tố tụng (khởi tố và điều tra) khi mà quyền con người của người bị buộc tội dễ bị xâm phạm nhất. Đối với các vụ án ma túy, vốn có tính chất nghiêm trọng cao, thường liên quan đến nhiều đối tượng, có yếu tố xuyên biên giới hoặc dân tộc thiểu số, KSV trong vai trò chủ thể THQCT càng phải thực hiện trách nhiệm kép: vừa kiên quyết đấu tranh với tội phạm; vừa bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa, quyền không bị buộc tội sai... thông qua việc bảo đảm thực hiện chặt chẽ căn cứ của các quyết định quan trọng trong quá trình THQCT như quyết định khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn...

Bên cạnh các quy định về chức năng, nhiệm vụ, Điều 109 Hiến pháp năm 2013 xác lập những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và vận hành của VKSND, quy định có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo đảm tính thống nhất, tập trung và hiệu lực của hoạt động THQCT trên phạm vi toàn quốc. Theo đó, khoản 1 Điều 109 quy định: “*VKSND do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng VKSND cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng VKSND cấp trên; Viện trưởng các VKS cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống*

*nhất của Viện trưởng VKSND tối cao”* [34]. Quy định này phản ánh rõ nguyên tắc tổ chức tập trung, thống nhất của ngành Kiểm sát, một đặc điểm riêng có trong hệ thống cơ quan tư pháp, nhằm bảo đảm cho việc THQCT được triển khai một cách đồng bộ, nhất quán và thống nhất về chuyên môn, nghiệp vụ, quan điểm xử lý trong toàn ngành. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng trong các vụ án ma túy nghiêm trọng, có tính chất phức tạp, đặt ra yêu cầu về phối hợp liên ngành, liên địa phương, liên quốc gia là rất lớn và cần có sự chỉ đạo thống nhất từ cấp trên.

Khoản 2 Điều 109 tiếp tục khẳng định nguyên tắc chỉ đạo nghiệp vụ trong hoạt động công tố: *“Khi THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, KSV tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo của Viện trưởng VKSND”* [34]. Nguyên tắc này đặt ra trách nhiệm kép đối với KSV: vừa phải tuân thủ pháp luật một cách khách quan, trung lập, vừa chịu sự điều hành thống nhất về chuyên môn, tổ chức và nghiệp vụ từ Viện trưởng. Trong thực tiễn xử lý án ma túy, đặc biệt tại các địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, nơi có tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, dễ phát sinh vướng mắc về thẩm quyền, chuyên môn, nghiệp vụ, chính sách xử lý thì sự lãnh đạo thống nhất từ VKSND tối cao và Viện trưởng các cấp đóng vai trò trọng yếu trong việc đảm bảo định hướng công tố thống nhất và tránh sai lệch trong nhận định, quan điểm truy tố.

### ***3.1.2. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014***

Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 là văn bản pháp lý quan trọng điều chỉnh trực tiếp tổ chức và hoạt động của VKSND trong hệ thống cơ quan nhà nước. Liên quan trực tiếp đến hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra, có thể khái quát một số điểm chính của đạo luật này như sau:

*Thứ nhất*, về chức năng và nhiệm vụ tổng quát, Điều 2 của Luật xác định VKSND là cơ quan THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. VKS có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Điều này khẳng định rõ ràng rằng QCT không chỉ là quyền năng tố tụng buộc tội của cơ quan THQCT mà còn là trách nhiệm chính trị – pháp lý – xã hội [36].

*Thứ hai*, về nội dung THQCT, Điều 3 của Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã xác định rõ ràng phạm vi và nội hàm của hoạt động THQCT. Theo đó, THQCT được hiểu là hoạt động của VKSND trong TTHS để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết TG, TBTP, KNKT và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Mục tiêu của việc THQCT là để bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 3 Luật này cũng đã liệt kê cụ thể 12 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT. Trong đó có những quyền năng mang tính chủ động cao như: yêu cầu khởi tố, phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng của CQĐT; quyết định truy tố; đề ra yêu cầu điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động

điều tra; hủy bỏ quyết định trái pháp luật; yêu cầu cung cấp tài liệu... Đây là cơ sở pháp lý đặc biệt quan trọng đối với KSV khi THQCT trong các vụ án ma túy, bởi quy định này đã xác định một cách rõ ràng, đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn tổ tụng cụ thể, cần thiết mà KSV được giao khi THQCT. Việc liệt kê rõ các nhóm quyền năng này không chỉ giúp xác định các hành vi tổ tụng mà KSV phải thực hiện, mà còn xác định những việc cần thực hiện và được thực hiện, từ đó làm rõ nội dung, phạm vi cụ thể của hoạt động THQCT, tránh được tình trạng KSV bị lúng túng trong việc xác định giới hạn can thiệp, mức độ chủ động, cũng như căn cứ pháp lý của các quyết định tổ tụng quan trọng.

*Thứ ba*, Luật cũng thiết lập rõ thẩm quyền và trách nhiệm của VKS trong từng giai đoạn đầu của tố tụng, theo đó, Điều 12 Luật này quy định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong giai đoạn giải quyết TG, TBTP, KNKT; Điều 14 quy định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong giai đoạn điều tra. Hai điều luật này thể hiện rõ tính chất “đồng hành pháp lý” của VKS cùng CQĐT, qua đó thể chế hóa nguyên tắc “gắn công tố với hoạt động điều tra”. Trong đó, KSV có nhiệm vụ, quyền hạn: trực tiếp giải quyết tin báo, đề ra yêu cầu xác minh, kiểm tra, hủy bỏ quyết định trái luật, yêu cầu truy nã, trực tiếp điều tra khi phát hiện dấu hiệu bỏ lọt tội phạm... Những quyền năng này càng trở nên thiết yếu trong các vụ án ma túy có yếu tố phức tạp về chứng cứ, liên quan đến bị can người nước ngoài hoặc xảy ra ở vùng dân tộc thiểu số nơi khả năng tiếp cận pháp lý còn hạn chế.

Ngoài việc quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong hoạt động THQCT, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 còn đóng vai trò là văn bản pháp lý điều chỉnh toàn diện về tổ chức và bảo đảm hoạt động của hệ thống VKSND. Văn bản này không chỉ bao gồm các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND, mà còn mở rộng đến cơ cấu tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của KSV và các chức danh khác trong VKSND, cũng như cơ chế bảo đảm điều kiện hoạt động của toàn ngành Kiểm sát. Những quy định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thực tiễn THQCT, bởi chúng tạo ra nền tảng tổ chức, con người và điều kiện bảo đảm, giúp KSV thực hiện đầy đủ, đúng đắn và hiệu quả các quyền năng tổ tụng của mình. Trong bối cảnh đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy tại các khu vực biên giới như Việt Nam – Lào, đặt ra yêu cầu về bản lĩnh, kỹ năng, sự phối hợp và điều kiện tác nghiệp của KSV là rất cao, thì việc xác lập rõ ràng mô hình tổ chức và cơ chế bảo đảm hoạt động trong Luật chính là tiền đề pháp lý cần thiết để KSV được thực hiện một cách chủ động, thống nhất, hiệu lực và hiệu quả.

### **3.1.3. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015**

BLTTHS là đạo luật tố tụng trung tâm của hệ thống pháp luật TTHS Việt Nam, có vai trò định hình toàn bộ cơ chế tổ chức và vận hành của quá trình TTHS. Bộ luật này điều chỉnh những vấn đề cốt lõi như trình tự, thủ tục tiếp nhận và giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; quy định cụ thể về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan và người THTT; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; và hợp tác quốc tế trong TTHS. Với phạm vi điều chỉnh rộng

và toàn diện như vậy, BLTTHS không chỉ là công cụ pháp lý điều hành hoạt động tư pháp hình sự, mà còn là nền tảng pháp lý trực tiếp và duy nhất quy định cụ thể về hoạt động KSV của VKSND trong từng giai đoạn tố tụng, đặc biệt là trong giai đoạn khởi tố và điều tra.

Ý nghĩa của BLTTHS đối với hoạt động THQCT không chỉ nằm ở việc xác định quyền hạn, trách nhiệm của KSV, mà còn ở việc thiết lập khuôn khổ pháp lý để bảo đảm tính khách quan, minh bạch, công bằng trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với các vụ án ma túy, loại tội phạm có tính chất nguy hiểm, phức tạp và thường phát sinh ở các địa bàn đặc thù như biên giới Việt Nam – Lào thì việc THQCT của KSV càng đòi hỏi phải bám sát quy định pháp luật về trình tự, thủ tục, biện pháp tố tụng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực tư pháp. BLTTHS với các quy định cụ thể, chi tiết, là căn cứ trực tiếp và bắt buộc để KSV định hướng hành vi nghiệp vụ, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng một cách hợp pháp, đúng chức năng và đúng thẩm quyền trong từng tình huống pháp lý cụ thể.

Ngoài ra, Bộ luật cũng thể hiện rõ nguyên tắc tố tụng và mối quan hệ giữa các CQTHTT, từ đó xác lập nền tảng pháp lý cho việc phối hợp, kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa VKS, CQĐT và các chủ thể khác. Đây là cơ sở quan trọng để bảo đảm hoạt động THQCT không bị hình thức hóa hay lệ thuộc, mà luôn mang tính chủ động, định hướng, kiểm soát trong suốt quá trình khởi tố và điều tra vụ án hình sự, đặc biệt là với những vụ án có tính chất nghiêm trọng cao như ma túy.

*a) Quy định của BLTTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV khi THQCT trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm*

Điều 159 BLTTHS quy định một hệ thống đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Đây là các hoạt động trong giai đoạn mở đầu của quá trình TTTHS, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi phạm tội. Các quyền năng này không chỉ là công cụ pháp lý giúp KSV chủ động bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp của hoạt động tố tụng ban đầu, mà còn là cơ sở bảo đảm quyền con người, phòng ngừa oan, sai và bỏ lọt tội phạm ngay từ giai đoạn đầu tiên. Có thể hệ thống hóa các nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong giai đoạn này thành các nhóm chính như sau:

*Thứ nhất*, nhóm nhiệm vụ, quyền hạn nhằm bảo đảm chặt chẽ trong việc thực hiện các biện pháp tố tụng có tính chất hạn chế quyền con người, quyền công dân (*khoản 1 Điều 159 BLTTHS*). Đây là một trong những nhóm quyền năng quan trọng, thể hiện bản chất của THQCT trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước ngay từ giai đoạn đầu tiên của quá trình TTTHS. Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, nhiều biện pháp tố tụng có thể xâm phạm đến quyền tự do thân thể, tài sản, đời tư của công dân – như bắt người trong trường hợp khẩn cấp, khám xét, thu giữ, tạm giữ thư tín, tạm giữ đồ vật... Việc phê chuẩn các biện pháp này không đơn thuần là hình thức, mà là hành vi tố tụng độc lập của VKS, nhằm cân bằng giữa yêu cầu xử lý triệt để tội phạm, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội với bảo đảm quyền con người theo Hiến pháp. THQCT trong nhóm nhiệm vụ

này vừa mang ý nghĩa để bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện QCT của nhà nước, bảo vệ công lý vừa bảo đảm kiểm soát quyền lực, bảo đảm rằng việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có căn cứ xác đáng, được kiểm soát chặt chẽ để không bị lạm dụng.

*Thứ hai*, nhóm nhiệm vụ, quyền hạn thể hiện vai trò chủ động, định hướng trong hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm (*khoản 2 Điều 159 BLTTHS*). Việc đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh là biểu hiện rõ nét cho tính chủ động của KSV trong kiểm soát nội dung, hướng đi và trọng tâm của hoạt động xác minh ban đầu. Nhóm quyền năng này giúp VKS không chỉ “ngồi chờ” kết quả từ CQĐT, mà có thể chủ động kiến tạo tiến trình xác minh, từ đó rút ngắn thời gian xử lý, tránh bỏ sót dấu hiệu tội phạm, đặc biệt là trong các vụ án có tính chất phức tạp như ma túy, có yếu tố xuyên quốc gia hoặc liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Về bản chất, đây là công cụ để bảo đảm về nội dung, không phải chỉ về mặt thủ tục, hình thức, qua đó bảo đảm việc ra quyết định khởi tố hay không khởi tố được đặt trên nền tảng chứng cứ thực tế vững chắc.

*Thứ ba*, nhóm nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc gia hạn thời hạn giải quyết nguồn tin và quyết định khởi tố vụ án (*khoản 3 Điều 159 BLTTHS*). Thẩm quyền quyết định gia hạn là cơ chế pháp lý đặc biệt, cho phép VKS can thiệp tích cực trong những vụ việc mà việc xác minh ban đầu cần thêm thời gian, do tính chất phức tạp, yếu tố nước ngoài hoặc do khó khăn khách quan. Đây là biểu hiện của tính thận trọng tố tụng, tránh việc xử lý vội vàng khi chưa có đủ chứng cứ. Quyền khởi tố vụ án trong trường hợp cần thiết cho thấy VKS không tham gia một cách bị động mà còn có quyền “hành động” trực tiếp, khẳng định vai trò chủ động phát hiện và đấu tranh với tội phạm ngay từ giai đoạn “tiền khởi tố”.

*Thứ tư*, nhóm nhiệm vụ, quyền hạn trong việc yêu cầu, kiểm tra và hủy bỏ các quyết định tố tụng không đúng pháp luật (*khoản 4 và khoản 6 Điều 159 BLTTHS*). Đây là nhóm quyền năng phản ánh vai trò mang tính kiểm soát mạnh mẽ của VKS đối với hoạt động tố tụng. Việc yêu cầu CQĐT khởi tố trong trường hợp bỏ lọt tội phạm (*khoản 4*) hoặc hủy bỏ các quyết định khởi tố, không khởi tố, tạm đình chỉ... trái pháp luật (*khoản 6*), cho phép KSV điều chỉnh tiến trình tố tụng, khắc phục sai sót hoặc lạm quyền của CQĐT. Về mặt lý luận, nhóm quyền năng này tạo ra cơ chế kiểm tra – đối trọng quyền lực trong giai đoạn khởi đầu, bảo đảm mọi quyết định hình sự hóa hành vi phải được đặt trong khuôn khổ luật định, có “sự thẩm định” độc lập, khách quan.

*Thứ năm*, nhóm nhiệm vụ, quyền hạn mang tính hỗ trợ, bổ trợ linh hoạt nhằm bảo đảm THQCT toàn diện (*khoản 5 và khoản 7 Điều 159 BLTTHS*). Việc trực tiếp giải quyết TG, TBTP, KNKT (*khoản 5*) và thực hiện các nhiệm vụ khác để chống oan sai, bỏ lọt tội phạm (*khoản 7*) là sự mở rộng cần thiết cho việc tổ chức, thực hiện QCT, thể hiện khả năng can thiệp sâu, chủ động cao và trách nhiệm trực tiếp của KSV khi cần thiết. Nhóm quyền năng này không bị giới hạn bởi hình thức pháp lý cứng nhắc, mà được thiết kế mở để KSV linh hoạt xử lý trong những vụ việc nhạy cảm, phức tạp hoặc có biểu hiện vi phạm nghiêm trọng trong quá trình xử lý ban đầu.

Tóm lại, Điều 159 BLTTHS đã thiết kế một khuôn khổ pháp lý toàn diện, khoa học và có tính hệ thống cao, thể hiện rõ bản chất chủ động – trách nhiệm của VKS trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm. Đối với loại tội phạm về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, nơi mà các hành vi phạm tội thường xuyên biến hóa, có yếu tố xuyên quốc gia và tình tiết pháp lý phức tạp, việc vận dụng đúng và đầy đủ các quyền năng này là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người.

*b) Quy định của BLTTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV trong việc khởi vụ án hình sự*

Khoản 1 Điều 161 BLTTHS quy định một hệ thống các quyền năng cơ bản của VKS khi THQCT trong việc khởi tố vụ án hình sự. Các quyền năng này được thiết kế chặt chẽ, phản ánh rõ vai trò trung tâm, chủ động của cơ quan công tố trong việc khởi động quá trình THQCT trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Có thể hệ thống hóa các quyền và nhiệm vụ của VKS trong việc khởi tố thành các nhóm nhiệm vụ, quyền hạn sau:

*Thứ nhất*, những nhiệm vụ, quyền hạn được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, nhằm thể hiện vai trò chủ động, khởi xướng của VKS. Theo đó, KSV có quyền yêu cầu CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải ra quyết định khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa được xử lý đúng (điểm a khoản 1 Điều 161). Đồng thời, trong các trường hợp luật định, như khi trực tiếp tiếp nhận và xác minh tố giác, tin báo về tội phạm hoặc khi yêu cầu khởi tố không được cơ quan có thẩm quyền chấp hành, KSV còn có quyền trực tiếp khởi tố vụ án hình sự, hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố (điểm d khoản 1 Điều 161). Hai quyền năng này là cơ sở pháp lý cốt lõi để VKS phát huy vai trò chủ động trong xác lập tiến trình tố tụng, ngăn chặn tình trạng bỏ lọt tội phạm ngay từ giai đoạn đầu.

*Thứ hai*, những nhiệm vụ, quyền hạn được thực hiện khi đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự, thể hiện vai trò bảo đảm tính có căn cứ, tính đúng đắn và tính hợp pháp của các quyết định tố tụng ban đầu. Theo đó, VKS có quyền hủy bỏ các quyết định khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố, hoặc quyết định không khởi tố của CQĐT nếu những quyết định này không có căn cứ hoặc trái pháp luật (điểm b khoản 1 Điều 161). Trong thực tiễn, việc thực hiện thẩm quyền này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong các vụ án phức tạp như án ma túy, nhằm bảo đảm rằng không có cá nhân nào bị khởi tố tùy tiện hoặc hành vi phạm tội nào bị bỏ qua vì sai sót nghiệp vụ của CQĐT.

*Thứ ba*, những nhiệm vụ, quyền hạn được thực hiện trong trường hợp đặc biệt, khi Hội đồng xét xử tại phiên tòa quyết định khởi tố vụ án hình sự, một quyền hiếm khi xảy ra trên thực tế nhưng có giá trị và thể hiện vai trò rất quan trọng của chức năng THQCT của VKS. Nếu VKS thấy quyết định khởi tố của Hội đồng xét xử là không có căn cứ thì có quyền kháng nghị quyết định đó lên Tòa án cấp trên để bảo đảm việc khởi tố phải tuân thủ đúng các căn cứ pháp lý và nguyên tắc tố tụng (điểm c khoản 1 Điều 161). Trong bối cảnh các vụ án ma túy thường phát sinh thêm đối tượng liên quan trong

quá trình xét xử, quyền năng này giúp KSV bảo đảm tính chặt chẽ của các quyết định khởi tố và tránh việc mở rộng vụ án một cách thiếu căn cứ.

*Thứ ba*, những nhiệm vụ, quyền hạn mang tính dự liệu, bổ trợ để hoàn thiện vai trò THQCT của VKS. Cụ thể, BLTTHS quy định VKS được thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác để bảo đảm việc THQCT trong giai đoạn khởi tố được thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật (điểm đ khoản 1 Điều 161). Quy định này mang tính bao quát, cho phép KSV có thể chủ động thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ như yêu cầu cung cấp tài liệu, phối hợp xác minh, làm việc với cơ quan chức năng... phù hợp với tính chất và yêu cầu của từng vụ án cụ thể.

Nhìn chung, hệ thống quyền năng của VKS được quy định tại khoản 1 Điều 161 không chỉ bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, mà còn tạo nên cơ chế pháp lý chủ động, linh hoạt cho KSV. Đối với các vụ án ma túy – loại án có tính chất nguy hiểm, phức tạp và nhạy cảm, việc vận dụng đúng, đầy đủ và hiệu quả các quyền năng này là điều kiện tiên quyết để kiểm soát chất lượng điều tra, tránh oan, sai, bỏ lọt tội phạm và bảo đảm quyền con người trong TTHS.

*c) Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*

Trong TTHS, giai đoạn điều tra là giai đoạn có tính chất nền tảng - trọng tâm và kéo dài, diễn ra quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Trong giai đoạn này, hoạt động THQCT của VKSND không chỉ dừng lại ở việc phê chuẩn các quyết định tố tụng của CQĐT, mà còn mở rộng đến việc chủ động điều hành, định hướng, kiểm tra và trực tiếp tham gia vào một số hoạt động điều tra, điều này thể hiện rõ chủ trương tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra. Điều 165 BLTTHS đã quy định tương đối đầy đủ và toàn diện các nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra. Các quy định này không chỉ cụ thể hóa nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các CQTHTT mà còn là cơ sở pháp lý then chốt để KSV thực hiện hiệu quả vai trò buộc tội, bảo vệ pháp luật và bảo đảm quyền con người trong quá trình điều tra. Theo quy định tại Điều 165 BLTTHS, có thể chia thành năm nhóm quyền năng lớn của VKS như sau:

*Thứ nhất*, những nhiệm vụ, quyền hạn can thiệp đối với quyết định khởi tố trong giai đoạn điều tra, một trong những nhóm quyền năng trọng yếu của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra là quyền kiểm soát và can thiệp đối với các quyết định khởi tố, nhằm bảo đảm tính có căn cứ và hợp pháp của việc truy cứu trách nhiệm hình sự. BLTTHS đã trao cho VKS những quyền hạn phong phú và linh hoạt trong lĩnh vực này, thể hiện rõ vai trò chủ động, trung tâm của cơ quan công tố trong toàn bộ tiến trình tố tụng:

Trước hết, theo khoản 1 Điều 165 BLTTHS, VKS có quyền yêu cầu CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự, hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để KSV chủ động đối với việc thực hiện nhiệm vụ khởi tố của CQĐT, đồng thời

đề xuất điều chỉnh phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự nếu thấy việc khởi tố chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác, nhất là trong các vụ án ma túy thường có nhiều hành vi, nhiều đối tượng phạm tội liên quan.

Bên cạnh đó, VKS có quyền phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can nếu xét thấy không có căn cứ hoặc trái pháp luật (khoản 2 Điều 165). Đây là một trong những quyền năng then chốt giúp VKS kiểm soát, bảo đảm tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định khởi tố hướng đến các quyết định mang tính buộc tội trong các giai đoạn sau; góp phần ngăn ngừa việc khởi tố sai người, sai tội danh – một nguy cơ có thể phát sinh trong các vụ án phức tạp như án ma túy có nhiều đồng phạm, vai trò của đồng phạm trong vụ án thường chồng lán, khó xác định rõ ràng.

VKS còn được trao quyền trực tiếp khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can nếu có đủ căn cứ theo luật định (khoản 3 Điều 165). Thẩm quyền này thể hiện rõ tính chủ động và trách nhiệm độc lập của VKS trong THQCT – đặc biệt quan trọng trong những trường hợp CQĐT không thực hiện yêu cầu của VKS, hoặc trong các vụ án có tình tiết phức tạp, hành vi phạm tội bị che giấu.

Đáng chú ý, trong những trường hợp đặc biệt, VKS còn có quyền khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi phạm tội của người có thẩm quyền trong quá trình giải quyết TG, TBTP, KNKT hoặc trong quá trình điều tra (khoản 8 Điều 165). Điều này khẳng định rằng VKS không chỉ THQCT đối với bị can trong vụ án, mà còn thực hiện vai trò giám sát pháp lý đối với cả chính các chủ thể THTT khác, bảo đảm không để xảy ra tình trạng dung túng, bỏ lọt tội phạm trong hệ thống.

Tổng thể, nhóm quyền kiểm soát và can thiệp vào hoạt động khởi tố trong giai đoạn điều tra là nhóm quyền then chốt, giúp VKS khẳng định vai trò của cơ quan buộc tội trong việc xác lập phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc vận dụng hiệu quả các quyền này không chỉ góp phần bảo đảm chất lượng điều tra mà còn là điều kiện tiên quyết để tránh oan sai, lọt tội – đặc biệt trong các vụ án ma túy, nơi mà tính tổ chức chặt chẽ và thủ đoạn che giấu tinh vi của đối tượng phạm tội đòi hỏi công tố phải có vai trò chủ động ngay từ đầu.

*Thứ hai*, nhóm quyền phê chuẩn, hủy bỏ và ra quyết định các biện pháp tố tụng có tính cưỡng chế. Một nhóm nhiệm vụ, quyền hạn đặc biệt quan trọng của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra là quyền phê chuẩn, hủy bỏ hoặc ra quyết định về các biện pháp tố tụng có tính cưỡng chế và hạn chế quyền con người, quyền công dân. Đây là những quyền năng thể hiện rõ nét nhất vai trò của THQCT trong việc bảo đảm tính hợp pháp và cần thiết trong việc bảo đảm quyền con người trong giai đoạn điều tra, qua đó bảo đảm sự cân bằng giữa quyền lực nhà nước trong truy cứu trách nhiệm hình sự với nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

Theo khoản 4 Điều 165 BLTTHS, VKS có thẩm quyền phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của CQĐT về bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, áp dụng tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ

vật, thư tín, điện tín, bưu phẩm, và áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Đồng thời, trong trường hợp xét thấy các quyết định tố tụng này không có căn cứ hoặc trái pháp luật, VKS còn có quyền hủy bỏ các quyết định đó và phải nêu rõ lý do trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ. Đây là một trong những công cụ pháp lý then chốt để KSV thực hiện trách nhiệm bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ tài sản và đời sống riêng tư của cá nhân theo các nguyên tắc cơ bản trong TTHS, đặc biệt là các nguyên tắc suy đoán vô tội và bảo đảm quyền con người.

Ngoài ra, theo khoản 5 Điều 165 BLTTHS, VKS có quyền ra quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác theo quy định của pháp luật. Trong thực tiễn, đây là những quyết định mang tính chất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do của người bị buộc tội trong suốt quá trình điều tra. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn không đúng đối tượng, không đúng thời điểm hoặc kéo dài không cần thiết có thể gây thiệt hại nặng nề cho người bị buộc tội, ảnh hưởng đến niềm tin vào công lý, đồng thời làm phát sinh nguy cơ trách nhiệm pháp lý cho các CQTHTT. Do đó, các quyết định nêu trên của VKS cần được thực hiện dựa trên đánh giá khách quan, toàn diện chứng cứ và bám sát yêu cầu thực tiễn của vụ án.

Đối với các vụ án ma túy, thường có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, liên quan đến nhiều đối tượng, thủ đoạn phạm tội tinh vi và khả năng lẩn trốn cao, việc bảo đảm tính chặt chẽ, kịp thời và hợp pháp các biện pháp ngăn chặn, khám xét, thu giữ vật chứng là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm hiệu quả điều tra và tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, trong bối cảnh thực thi QCT ở khu vực biên giới Việt Nam – Lào, việc áp dụng hoặc phê chuẩn, không phê chuẩn các biện pháp cưỡng chế còn phải bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia với nghĩa vụ tôn trọng quyền con người trong môi trường pháp lý nhạy cảm.

Như vậy, nhóm quyền phê chuẩn, hủy bỏ và quyết định các biện pháp tố tụng có tính cưỡng chế là một trụ cột trong THQCT ở giai đoạn điều tra, cho phép KSV không chỉ bảo đảm tính hợp pháp trong hoạt động điều tra, mà còn chủ động điều tiết quá trình áp dụng các biện pháp hạn chế quyền công dân, từ đó góp phần giữ gìn sự cân bằng giữa quyền lực nhà nước và quyền tự do của cá nhân, một yêu cầu ngày càng cấp thiết trong tố tụng hiện đại.

*Thứ ba*, nhóm quyền có tính định hướng, điều chỉnh đối với hoạt động điều tra

Bên cạnh các quyền năng giám sát và phê chuẩn, một nội dung đặc biệt quan trọng trong THQCT là khả năng định hướng, điều chỉnh đối với quá trình điều tra. Nhóm quyền này cho thấy VKS không chỉ là cơ quan bảo đảm tính hợp pháp bị động, mà còn tiếp cận một cách chủ động đối với hoạt động điều tra theo hướng phục vụ hiệu quả của việc truy tố và bảo đảm sự thật khách quan của vụ án.

Trước hết, theo khoản 6 Điều 165 BLTTHS, VKS có quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội. Đồng thời, VKS cũng có quyền yêu cầu truy nã bị can, hoặc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Đây là

những công cụ quan trọng để KSV điều chỉnh phạm vi, nội dung, trọng tâm điều tra, đảm bảo không bỏ lọt chứng cứ quan trọng, và kịp thời xác minh những điểm mấu chốt phục vụ cho việc truy tố đúng người, đúng tội.

Tiếp đó, theo khoản 9 Điều 165 BLTTHS, VKS có quyền quyết định gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam, cũng như chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, quyết định biện pháp bắt buộc chữa bệnh, hủy bỏ quyết định tách hoặc nhập vụ án. Những quyền năng này mang tính điều phối, giúp KSV điều chỉnh tiến độ và cách thức tiến hành điều tra phù hợp với tính chất, mức độ và yêu cầu tố tụng của từng vụ án cụ thể. Trong các vụ án ma túy phức tạp, nhất là các vụ án xuyên quốc gia có sự tham gia của nhiều đối tượng tại nhiều địa phương, việc gia hạn thời hạn điều tra hoặc chuyển vụ án đúng thẩm quyền là điều kiện cần thiết để bảo đảm quá trình xử lý được thông suốt và đúng quy định.

Việc điều hành, định hướng điều tra có ý nghĩa đặc biệt trong các vụ án về ma túy xảy ra tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Đây là những địa bàn có điều kiện tự nhiên phức tạp, đặc điểm dân cư đặc thù và yếu tố quốc tế đan xen, khiến cho hoạt động điều tra dễ gặp khó khăn trong tiếp cận chứng cứ, xác định đối tượng và phối hợp liên ngành. Trong bối cảnh đó, việc KSV nắm quyền điều chỉnh chiến lược điều tra chính là cơ chế để kiểm soát rủi ro pháp lý, tăng cường hiệu quả công tố và đảm bảo xử lý tội phạm một cách chính xác, không để xảy ra tình trạng oan sai hoặc bỏ lọt đối tượng.

Tóm lại, nhóm quyền điều hành, định hướng hoạt động điều tra cho phép VKS đóng vai trò không chỉ là “người gác công pháp lý” mà còn là trung tâm định hướng, điều tiết toàn bộ tiến trình làm rõ sự thật vụ án. Việc sử dụng hiệu quả các quyền này là cơ sở để nâng cao chất lượng truy tố, đặc biệt trong các vụ án ma túy vốn đòi hỏi trình độ điều phối nghiệp vụ cao, tính hệ thống và phản ứng nhanh trước những tình huống pháp lý phức tạp.

*Thứ tư*, quyền trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp pháp luật quy định.

Một trong những điểm thể hiện rõ sự phát triển của chức năng công tố trong TTHS hiện đại là việc trao cho VKS quyền trực tiếp thực hiện một số hoạt động điều tra trong những tình huống đặc biệt. Đây là một sự đổi mới quan trọng trong BLTTHS, làm sâu sắc thêm vai trò chủ động của VKSND trong việc xác lập căn cứ buộc tội và bảo đảm tính khách quan, toàn diện của hoạt động điều tra. Cụ thể, theo khoản 7 Điều 165 BLTTHS, VKS có quyền trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong ba trường hợp: (i) khi cần kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để xem xét việc phê chuẩn các lệnh, quyết định của CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; (ii) khi phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục; (iii) khi cần kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ trước khi quyết định truy tố [33].

Quy định này có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, giúp KSV trực tiếp tiếp cận sự thật khách quan của vụ án, không chỉ dựa vào kết quả điều tra do CQĐT cung cấp. Điều này đặc biệt

quan trọng trong bối cảnh một số vụ án có dấu hiệu vi phạm tố tụng, bỏ lọt hành vi hoặc có mâu thuẫn giữa tài liệu, chứng cứ và thực tiễn vụ án. Trong các vụ án ma túy vốn có đặc điểm là thường xuyên phát sinh các vấn đề như lời khai mâu thuẫn, tang vật bị tẩu tán, hoặc bị can khai báo quanh co, việc KSV trực tiếp xác minh một số tài liệu, tình tiết quan trọng có thể giúp củng cố hồ sơ buộc tội hoặc ngăn ngừa nguy cơ truy tố sai.

Ngoài ra, trong điều kiện thực tế tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào, nơi địa bàn rộng, dân cư phân tán, điều kiện thu thập chứng cứ gặp nhiều khó khăn, quyền trực tiếp điều tra của KSV càng trở nên thiết thực và cần thiết. Nó giúp KSV chủ động ứng phó với các tình huống đột xuất, khẩn cấp trong điều tra, đồng thời tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành để bảo đảm chất lượng chứng cứ, tránh bỏ sót các hành vi phạm tội có liên quan.

Như vậy, việc trao quyền cho VKS trực tiếp thực hiện một số hoạt động điều tra trong những trường hợp đặc biệt là minh chứng rõ ràng cho việc nâng cao vai trò trung tâm của cơ quan công tố trong TTHS. Nhóm quyền này không chỉ giúp KSV củng cố hồ sơ buộc tội một cách khách quan, mà còn tạo điều kiện để phát hiện và phòng ngừa các vi phạm tố tụng ngay trong giai đoạn điều tra, điều này đặc biệt cần thiết đối với các vụ án ma túy có nhiều phức tạp về hành vi, chứng cứ và cả yếu tố nhân thân người phạm tội lẫn đồng phạm.

*Thứ năm*, nhóm quyền hỗ trợ và các quyền năng khác

Bên cạnh các quyền cụ thể về khởi tố, điều hành điều tra, phê chuẩn tố tụng và trực tiếp thu thập chứng cứ, pháp luật còn trao cho VKSND một nhóm quyền bổ sung có tính hỗ trợ và mở rộng, được quy định tại khoản 10 Điều 165 BLTTHS. Đây là nhóm quyền có phạm vi bao quát và linh hoạt, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho KSV ứng phó kịp thời với những tình huống phát sinh ngoài các quy trình tố tụng thông thường, đặc biệt trong các vụ án có yếu tố phức tạp như ma túy xuyên biên giới, đa đối tượng, đa hành vi. Cụ thể, khoản 10 Điều 165 BLTTHS quy định: “*VKS thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc THQCT theo quy định của Bộ luật này*” [33]. Dù không liệt kê cụ thể, nhưng điều khoản này cho phép KSV vận dụng linh hoạt các quyền tố tụng khác được quy định rải rác trong các chương, điều của BLTTHS.

Trong các vụ án ma túy xảy ra tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, nhóm quyền này càng phát huy giá trị thực tiễn. Đây là môi trường pháp lý phức tạp, thường xuyên có sự phối hợp giữa nhiều lực lượng như công an, biên phòng, hải quan và nhiều khi có liên hệ với các cơ quan tố tụng nước bạn. Việc vận dụng các quyền bổ sung một cách chủ động, đúng pháp luật và linh hoạt sẽ giúp KSV nâng cao hiệu lực THQCT, đồng thời bảo đảm sự điều hành thống nhất trong toàn bộ tiến trình giải quyết vụ án.

Chính vì vậy, nhóm quyền hỗ trợ và quyền năng khác không chỉ đóng vai trò “bổ sung” cho các nhóm quyền đã phân tích ở trên, mà còn là khoảng mở pháp lý quan trọng để VKSND có thể thích ứng với các tình huống đặc biệt trong thực tiễn TTHS, đặc biệt là trong điều kiện THQCT đối với các vụ án ma túy.

### ***3.1.4. Luật Tư pháp người chưa thành niên***

*a) Khái quát về Luật Tư pháp người chưa thành niên và ý nghĩa đối với hoạt động thực hành quyền công tố*

Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 là đạo luật mới, thể hiện sự đổi mới căn bản trong chính sách tư pháp hình sự của Nhà nước đối với người chưa thành niên. Khác với các quy định trước đây vốn được thiết kế phân tán trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Luật Tư pháp người chưa thành niên đã xây dựng một khuôn khổ pháp lý thống nhất, toàn diện và chuyên biệt cho hoạt động tư pháp liên quan đến người chưa thành niên, trong đó có hoạt động thực hành quyền công tố.

Đối với VKSND, Luật Tư pháp người chưa thành niên không chỉ là cơ sở pháp lý bổ sung cho việc thực hiện chức năng công tố theo Bộ luật Tố tụng hình sự, mà còn đặt ra những yêu cầu, chuẩn mực mới đối với KSV khi THQCT trong các vụ án hình sự có người chưa thành niên tham gia tố tụng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh giải quyết các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào, người chưa thành niên thường bị lôi kéo, dụ dỗ tham gia vận chuyển, cất giấu trái phép chất ma túy, với vai trò thứ yếu, nhận thức pháp luật hạn chế và chịu tác động mạnh từ yếu tố gia đình, dân tộc, phong tục, tập quán...

*b) Phạm vi và nguyên tắc áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với hoạt động thực hành quyền công tố*

Theo Điều 1 và Điều 2 Luật Tư pháp người chưa thành niên, việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố và điều tra vụ án hình sự có người chưa thành niên tham gia tố tụng được thực hiện theo quy định của Luật này, đồng thời áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các luật khác có liên quan, với điều kiện không trái với quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Quy định này xác lập vị trí pháp lý của Luật Tư pháp người chưa thành niên là đạo luật có tính định hướng chính sách tư pháp, giữ vai trò ưu tiên áp dụng khi giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố người chưa thành niên.

Đối với hoạt động thực hành quyền công tố, các nguyên tắc cơ bản của Luật Tư pháp người chưa thành niên, đặc biệt là nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên, ưu tiên áp dụng xử lý chuyển hướng, hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, có tác động trực tiếp đến cách thức Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

Các nguyên tắc này đòi hỏi KSV khi THQCT không chỉ dừng lại ở việc đánh giá tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định tố tụng, mà còn phải cân nhắc đầy đủ các yếu tố về độ tuổi, mức độ nhận thức, vai trò của người chưa thành niên trong vụ án, khả năng giáo dục, phục hồi và điều kiện áp dụng các biện pháp xử lý thay thế trách nhiệm hình sự. Đây là sự điều chỉnh quan trọng trong tư duy thực hành quyền công tố, nhất là

đối với các vụ án ma túy có tính chất phức tạp, nhiều đối tượng tham gia, trong đó người chưa thành niên thường giữ vai trò thứ yếu, bị lợi dụng bởi các đối tượng chủ mưu.

*c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn khởi tố, điều tra theo Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên*

Trong giai đoạn khởi tố, Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên đặt ra những yêu cầu cụ thể đối với việc thực hành quyền công tố của KSV, thể hiện rõ ở trách nhiệm xem xét căn cứ khởi tố và định hướng xử lý ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng.

Trước hết, KSV có trách nhiệm thực hành quyền công tố trong việc đánh giá việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm liên quan đến người chưa thành niên trên cơ sở áp dụng đồng thời các quy định của BLTTHS và Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Trong quá trình này, KSV phải đặc biệt chú trọng việc xác định chính xác độ tuổi của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố theo quy định tại Điều 25 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, bởi việc xác định sai độ tuổi có thể dẫn đến việc áp dụng sai chế độ pháp lý, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên.

Đối với các vụ án ma túy trên địa bàn biên giới Việt Nam - Lào, việc xác minh tuổi và nhân thân của người chưa thành niên gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý, yếu tố dân tộc thiểu số, giấy tờ tùy thân không đầy đủ hoặc không thống nhất. Trong bối cảnh đó, vai trò chủ động của KSV trong việc định hướng hoạt động xác minh của Cơ quan điều tra có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm việc khởi tố được thực hiện đúng căn cứ, đúng đối tượng.

Bên cạnh đó, khi quyết định việc khởi tố bị can là người chưa thành niên, KSV phải xem xét đầy đủ khả năng áp dụng các biện pháp xử lý chuyên hướng theo quy định của Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Luật quy định thẩm quyền của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng tại cộng đồng, trừ trường hợp vụ án có yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại hoặc tịch thu tài sản. Quy định này đặt Kiểm sát viên vào vị trí trung tâm trong việc định hướng xử lý vụ án ngay từ giai đoạn khởi tố, góp phần hạn chế việc áp dụng thủ tục tố tụng hình sự không cần thiết đối với người chưa thành niên.

Trong giai đoạn điều tra, Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên tiếp tục xác lập những định hướng pháp lý quan trọng đối với hoạt động THQCT của KSV. Một trong những nội dung nổi bật là việc Luật cho phép và khuyến khích áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng trong suốt quá trình điều tra.

Theo quy định của Luật, sau khi nhận được hồ sơ vụ án và kết luận điều tra đề nghị truy tố, trong thời hạn luật định, Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS phải căn cứ vào các điều kiện áp dụng xử lý chuyên hướng để ra thông báo áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng. Điều này đòi hỏi KSV khi THQCT phải đánh giá toàn diện chứng cứ, vai trò của người chưa thành niên trong vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và khả năng giáo dục, phục hồi của người chưa thành niên.

Đối với các vụ án ma túy, Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định rõ các trường hợp không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, trong đó có nhiều tội phạm về ma túy như sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy đối với một số nhóm độ tuổi và tính chất hành vi nhất định. Do đó, KSV phải THQCT một cách thận trọng, bảo đảm việc áp dụng xử lý chuyển hướng đúng đối tượng, đúng điều kiện, đồng thời không làm suy giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn biên giới.

Ngoài ra, Luật Tư pháp người chưa thành niên còn đặt ra yêu cầu hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, đặc biệt là biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên. Khi THQCT trong giai đoạn điều tra, KSV phải cân nhắc việc phê chuẩn, đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn phù hợp với nguyên tắc của Luật, ưu tiên các biện pháp thay thế như giám sát tại nhà, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, nhất là trong các trường hợp người chưa thành niên có nơi cư trú rõ ràng, vai trò thứ yếu trong vụ án.

### ***3.1.5. Các văn bản quy phạm pháp luật khác***

Bên cạnh Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hệ thống pháp luật Việt Nam còn bao gồm nhiều đạo luật và văn bản quy phạm pháp luật khác có vai trò quan trọng trong việc xác lập cơ sở pháp lý cho hoạt động thực hành quyền công tố (THQCT) trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, đặc biệt là trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào. Trong đó, đáng chú ý là các văn bản như BLHS, Luật Giám định tư pháp, Luật Tương trợ tư pháp và một số quy định khác có liên quan.

Trong đó, BLHS là nguồn luật hình sự thực định duy nhất của pháp luật hình sự Việt Nam, quy định cụ thể các hành vi bị coi là tội phạm và hình phạt tương ứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó. Đối với các vụ án về ma túy, các điều khoản trong Bộ luật Hình sự xác định rõ ranh giới giữa hành vi vi phạm hành chính và hành vi phạm tội, từ đó làm căn cứ pháp lý cho việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can. Việc VKS THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra phải dựa vào các quy định về cấu thành tội phạm trong BLHS để đánh giá tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định tố tụng, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) là văn bản quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện giám định tư pháp. Trong các vụ án về ma túy, kết quả giám định thành phần, hàm lượng chất ma túy là căn cứ đặc biệt quan trọng để định tội danh và khởi tố bị can. Các quy định của Luật Giám định tư pháp giúp KSV bảo đảm chặt chẽ hoạt động giám định, đánh giá tính có căn cứ, hợp pháp, khách quan của chứng cứ, từ đó thực hiện tốt vai trò của hoạt động THQCT ngay từ đầu của quá trình tố tụng.

Cùng với đó, Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 là cơ sở pháp lý quan trọng trong các trường hợp có yếu tố nước ngoài hoặc cần phối hợp điều tra qua biên giới. Trong bối cảnh các vụ án ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam – Lào thường có yếu

tổ xuyên quốc gia, sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hai nước, bao gồm cả hoạt động tương trợ tư pháp, là hết sức cần thiết. Luật Tương trợ tư pháp quy định rõ nguyên tắc, hình thức, nội dung và thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp hình sự, giúp VKS chủ động phối hợp, kiến nghị hoặc đề xuất thực hiện các biện pháp phù hợp để thu thập chứng cứ, truy bắt đối tượng, xác minh thông tin phục vụ hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố.

Ngoài các đạo luật nêu trên, còn có các văn bản quy phạm pháp luật khác như: Luật Phòng chống ma túy (năm 2021), Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật An ninh mạng... cùng các thông tư liên tịch, thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành cũng đóng vai trò hỗ trợ, tạo cơ sở pháp lý toàn diện cho hoạt động THQCT. Các văn bản này góp phần làm rõ trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng; quy định cụ thể về các vấn đề chi tiết như tiếp nhận, phân loại, xử lý tin báo tố giác tội phạm; thu thập, bảo quản vật chứng, dữ liệu điện tử; xử lý đối tượng sử dụng công nghệ cao để phạm tội ma túy...

#### *\* Đánh giá chung*

Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật hiện hành, có thể đưa ra một số nhận định khái quát về mức độ đầy đủ, tính tương thích và khả thi của hệ thống pháp lý hiện nay đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra, đặc biệt các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào như sau:

*Thứ nhất*, về tính đầy đủ: Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay đã thiết lập được một khung pháp lý tương đối toàn diện, rõ ràng và nhất quán cho hoạt động THQCT. Từ Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đến BLTTHS đều khẳng định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của VKSND trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án hình sự. Đặc biệt, các quy định tại Điều 161 và 165 BLTTHS đã cụ thể hóa nội dung THQCT qua từng giai đoạn tố tụng, phản ánh được sự chuyển dịch từ chức năng kiểm sát truyền thống sang vai trò chủ động, trung tâm của cơ quan công tố. Ngoài ra, hệ thống văn bản dưới luật, thông tư liên tịch, quy chế nghiệp vụ của ngành Kiểm sát cũng góp phần hướng dẫn thực hiện thống nhất trong thực tiễn.

*Thứ hai*, về tính tương thích: Hệ thống pháp luật Việt Nam về THQCT bảo đảm tương thích với các nguyên tắc pháp lý quốc tế hiện đại, đặc biệt là các nguyên tắc tôn trọng quyền con người trong TTHS, bảo đảm quyền bào chữa, quyền suy đoán vô tội, quyền không bị bắt, giam, giữ trái pháp luật... Các điều ước quốc tế mà Việt Nam và Lào cùng tham gia như Công ước 1988 về chống buôn bán trái phép chất ma túy, hay các thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp, hợp tác điều tra cũng đặt nền móng cho sự hài hòa pháp lý trong việc xử lý tội phạm ma túy xuyên biên giới. Tuy nhiên, một số bất cập vẫn còn tồn tại do sự khác biệt về hệ thống hình phạt và chính sách xử lý tội phạm giữa hai nước, nhất là khi Việt Nam áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn, có thể gây khó khăn trong phối hợp dẫn độ, trao đổi chứng cứ hoặc khởi tố đối tượng bỏ trốn sang nước bạn.

*Thứ ba*, về tính khả thi: Tính khả thi của hệ thống pháp lý hiện hành trong hoạt động THQCT đã được khẳng định qua thực tiễn xử lý nhiều vụ án ma túy lớn tại các

tỉnh biên giới. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn không ít khó khăn trong triển khai, đặc biệt là tại các địa bàn có đặc điểm địa lý, dân cư và tình hình an ninh phức tạp. Một số quy định pháp luật mang tính nguyên tắc nhưng thiếu hướng dẫn cụ thể, ví dụ như quy trình phối hợp với cơ quan tổ tụng nước ngoài trong thu thập chứng cứ hoặc dẫn độ bị can. Cùng với đó là sự chông chéo trong thẩm quyền giữa các lực lượng (công an, biên phòng, hải quan, kiểm sát...), tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, phương tiện nghiệp vụ hạn chế, và rào cản về ngôn ngữ, văn hóa tại các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số – tất cả đều ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động công tố.

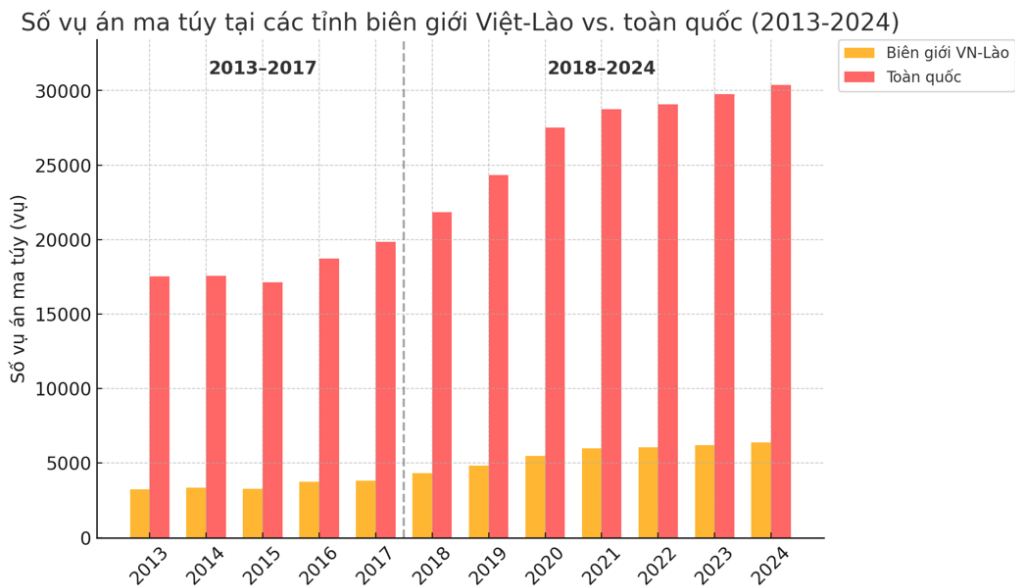
Như vậy, có thể thấy rằng hệ thống pháp lý hiện hành về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại Việt Nam đã có nền tảng tương đối đầy đủ, phù hợp và tương thích về mặt lý luận và pháp lý. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu lực thực thi trên thực tế, đặc biệt là trong bối cảnh tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng cụ thể hóa, tăng cường tính khả thi, đồng thời bảo đảm sự đồng bộ giữa pháp luật quốc gia và các cam kết quốc tế, cũng như giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hệ thống TTHS.

### **3.2. Khái quát tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào trong những năm gần đây**

Tình hình tội phạm về ma túy tại tuyến biên giới Việt - Lào trong thời gian qua (từ năm 2018 đến 2024) vẫn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, liên tục tăng về số vụ, quy mô, tính chất và mức độ phạm tội. Theo số liệu thống kê cho thấy [59],[60]:

*Thứ nhất*, về xu hướng thay đổi số vụ án và bị can theo năm

Giai đoạn 2013–2017, số vụ án ma túy tại 10 tỉnh biên giới Việt–Lào dao động từ 3.232 vụ năm 2013 lên 3.835 vụ năm 2017. Bình quân mỗi năm, các tỉnh biên giới xảy ra khoảng 3.486 vụ án ma túy. Sang giai đoạn 2018–2024, xu hướng tăng mạnh liên tục: từ 4.328 vụ năm 2018 tăng lên đến 6.378 vụ năm 2024. Trung bình hàng năm giai đoạn sau lên tới 5.610 vụ – tăng khoảng 61% so với giai đoạn trước. Mức tăng này cao hơn tốc độ tăng bình quân toàn quốc (xấp xỉ 50% tăng từ trung bình 18.161 vụ/năm lên 27.376 vụ/năm). Biểu đồ dưới đây cho thấy xu hướng số vụ án ma túy tăng dần đều qua các năm ở cả tuyến biên giới và phạm vi toàn quốc, đặc biệt tăng tốc sau năm 2017:



*Biểu đồ 3.1. Diễn biến số vụ án ma túy tại các tỉnh biên giới Việt-Lào so với toàn quốc giai đoạn 2013–2024.*

*Nguồn: Cục Thống kê tội phạm và Chuyển đổi số VKSND tối cao*

Về số vụ án ma túy, nhìn chung, giai đoạn 2013–2017 có xu hướng tăng nhẹ: tổng vụ án ở 10 tỉnh biên giới tăng khoảng 19% trong 5 năm (từ 3.232 lên 3.835 vụ). Giai đoạn 2018–2024 tăng mạnh hơn nhiều: tổng vụ án biên giới tăng khoảng 47% trong 7 năm (từ 4.328 lên 6.378 vụ). Đặc biệt, các năm gần đây đều đạt mức cao mới, ví dụ năm 2023 và 2024 số vụ án ma túy biên giới vượt mốc 6.000 vụ/năm, phản ánh tình hình ngày càng phức tạp. Xu hướng toàn quốc cũng tương tự, tăng khoảng 17 nghìn đến 19 nghìn vụ/năm (2013–2017) lên khoảng 28 nghìn đến 30 nghìn vụ/năm (2018–2024). Điều này cho thấy tội phạm ma túy gia tăng trên phạm vi cả nước, trong đó riêng các tỉnh nằm trên tuyến biên giới Việt Nam – Lào chiếm tỷ trọng ngày càng lớn (chi tiết so sánh bên dưới).

Về số bị can, song song với số vụ án, số bị can bị khởi tố cũng tăng mạnh. Giai đoạn 2013–2017, trung bình mỗi năm các tỉnh biên giới khởi tố 4.344 bị can, tăng lên 7.496 bị can/năm trong giai đoạn 2018–2024 (tăng 72%). Toàn quốc, số bị can tăng từ khoảng 23,5 nghìn lên khoảng 37,2 nghìn người/năm (tăng 58%). Đặc biệt, số bị can tăng nhanh hơn số vụ án, điều đó cho thấy trong mỗi vụ án, ngày có nhiều bị can hơn trước. Bình quân tại 10 tỉnh biên giới, số bị can/vụ tăng từ xấp xỉ 1,25 (giai đoạn 2013–2017) lên xấp xỉ 1,34 (giai đoạn 2018–2024); toàn quốc tăng từ xấp xỉ 1,30 lên xấp xỉ 1,36. Như vậy, ngày càng nhiều đường dây, ổ nhóm tội phạm có tổ chức bị triệt phá, thay vì các vụ nhỏ, riêng lẻ. Ví dụ, năm 2024 Thanh Hóa khởi tố 993 vụ nhưng tới 1.691 bị can (xấp xỉ 1,7 bị can/vụ), điều đó cho thấy nhiều vụ án lớn với số đối tượng đông.

*Thứ hai, về sự khác biệt cơ bản giữa hai giai đoạn 2013–2017 và 2018–2024*

Bảng sau tóm tắt sự khác biệt giữa hai giai đoạn nghiên cứu về số vụ án và bị can ma túy tại tuyến biên giới và trên toàn quốc:

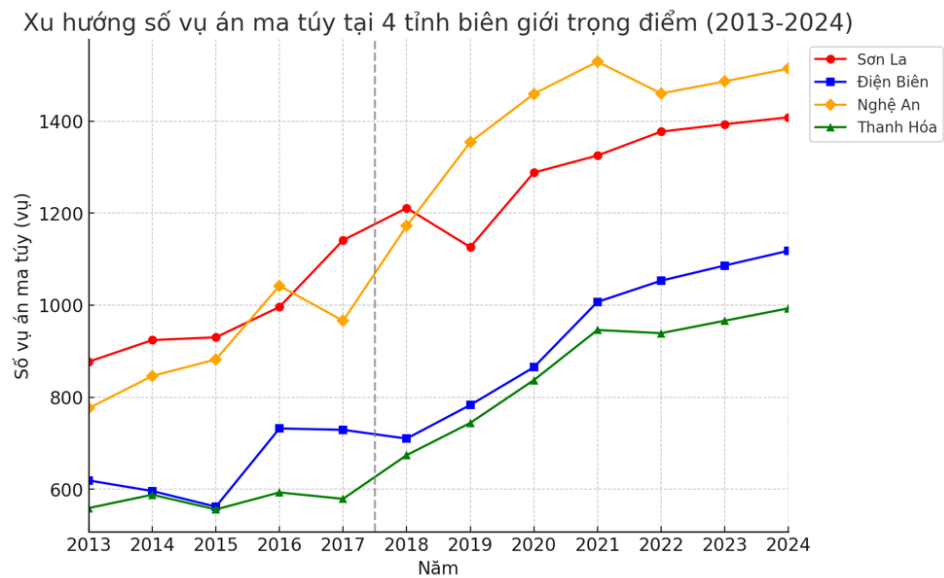
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2013–2017 (bình quân/năm)</b>	<b>2018–2024 (bình quân/năm)</b>	<b>Tăng giữa hai giai đoạn (%)</b>
<b>Tổng số vụ án (10 tỉnh)</b>	3.486 vụ/năm	5.610 vụ/năm	+60,9%
<b>Tổng số bị can (10 tỉnh)</b>	4.344 người/năm	7.496 người/năm	+72,5%
<b>Tổng số vụ án (toàn quốc)</b>	18.161 vụ/năm	27.376 vụ/năm	+50,7%
<b>Tổng số bị can (toàn quốc)</b>	23.551 người/năm	37.213 người/năm	+58,0%
<b>Tỷ trọng vụ án (biên giới/toàn quốc)</b>	19,2%	20,5%	+1,3 %
<b>Tỷ trọng bị can (biên giới/toàn quốc)</b>	18,4%	20,1%	+1,7 %

*Nguồn: Cục Thống kê tội phạm và Chuyển đổi số VKSND tối cao*

Giai đoạn 2018–2024 nổi bật với số vụ án và bị can tăng cao rõ rệt so với giai đoạn 2013–2017 trên mọi phương diện. Mỗi năm, các tỉnh biên giới xảy ra nhiều vụ án hơn 2.124 vụ (+61%), số bị can tăng 3.152 người (+72%) so với trước đó. Tương ứng, bình quân toàn quốc mỗi năm cũng tăng khoảng 9.215 vụ (+51%) và 13.662 bị can (+58%). Điều này cho thấy sự bùng nổ hoạt động tội phạm ma túy trong giai đoạn sau. Đáng chú ý, tỷ trọng đóng góp của 10 tỉnh biên giới so với cả nước cũng tăng lên: từ chiếm xấp xỉ 19% tổng số vụ và xấp xỉ 18% bị can (2013–2017) lên lần lượt tương ứng là xấp xỉ 20% và 21% (2018–2024). Như vậy, các tỉnh biên giới Việt–Lào ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong bức tranh tội phạm ma túy của cả nước.

*Thứ ba*, về các tỉnh được coi là địa bàn trọng điểm về án ma túy: Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Thanh Hóa

Bốn tỉnh biên giới phía Bắc (Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Thanh Hóa) từ lâu được coi là “điểm nóng” về ma túy của cả nước do vị trí địa lý hiểm trở, giáp “Tam giác vàng” và tuyến vận chuyển ma túy xuyên quốc gia [9]. Dữ liệu cho thấy nhóm tỉnh này luôn dẫn đầu về số vụ án ma túy, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vụ của tuyến biên giới. Giai đoạn 2013–2017, bốn tỉnh này cộng lại chiếm xấp xỉ 89% vụ án toàn tuyến; đến 2018–2024 vẫn chiếm xấp xỉ 81% mặc dù các tỉnh khác có tăng lên. Diễn biến cụ thể từng năm như biểu đồ sau:



*Biểu đồ 3.2. Xu hướng số vụ án ma túy tại 4 tỉnh biên giới trọng điểm (Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Thanh Hóa) giai đoạn 2013–2024 (Đường nét đứt màu xám phân tách hai giai đoạn 2013–2017 và 2018–2024).*

*Nguồn: Cục Thống kê tội phạm và Chuyển đổi số VKSND tối cao*

Nhóm 4 tỉnh này có xu hướng tăng liên tục qua các năm, chỉ gián đoạn nhẹ vào 2019–2020 (Sơn La giảm năm 2019, Nghệ An giảm năm 2017 và 2022), điều này có thể do yếu tố bất thường của đại dịch Covid-19. Tổng thể, đường biểu diễn của cả bốn tỉnh đều đi lên rõ rệt, phản ánh “*tình hình tội phạm ma túy tại các địa bàn trọng điểm này ngày càng phức tạp và nóng bỏng*” [9]. Các tỉnh này cũng là nơi tập trung nhiều chuyên án ma túy lớn trong cả nước thời gian qua, với sự phối hợp đấu tranh quyết liệt của lực lượng chức năng.

*Thứ tư, so sánh số liệu giữa các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào với toàn quốc*

Mức độ phạm tội ma túy tại các tỉnh thuộc tuyến biên giới Việt Nam - Lào cao hơn mức trung bình chung của cả nước. Tính trung bình năm 2018–2024, mỗi tỉnh biên giới Việt–Lào có 561 vụ án ma túy/năm, cao hơn xấp xỉ 29% so với mức bình quân xấp xỉ 434 vụ/năm của một tỉnh trên toàn quốc. Giai đoạn trước, mỗi tỉnh biên giới xấp xỉ 349 vụ/năm so với xấp xỉ 289 vụ/năm bình quân một tỉnh toàn quốc – (cao hơn xấp xỉ 21%). Điều này cho thấy các tỉnh biên giới gánh chịu gánh nặng tội phạm ma túy lớn hơn so với mặt bằng chung của toàn quốc.

Xét tổng thể, dù 10 tỉnh biên giới chỉ chiếm xấp xỉ 16% dân số cả nước, song lại chiếm trên 20% số vụ án ma túy của cả nước giai đoạn 2018–2024 (19% trong giai đoạn 2013–2017). Bình quân, mỗi tỉnh biên giới Việt Nam - Lào có số vụ án ma túy gấp xấp xỉ 1,3 lần so với các tỉnh không nằm trên tuyến biên giới này. Sự chênh lệch này phần lớn do vị trí địa lý bởi các tỉnh giáp Lào nằm trên các tuyến đường vận chuyển ma túy quốc tế từ “Tam giác vàng” qua Lào vào Việt Nam.

Qua việc phân tích số liệu nêu trên, có thể rút ra một số nhận định quan trọng về xu hướng gia tăng, phân bố địa lý và những đặc điểm đáng chú ý trong tình hình tội phạm ma túy tại tuyến biên giới Việt–Lào giai đoạn 2018–2024, cụ thể như sau:

- Xu hướng tăng mạnh và lan rộng: Tội phạm ma túy tại tuyến biên giới Việt–Lào có chiều hướng gia tăng rõ rệt trong giai đoạn 2018–2024. Số liệu cho thấy mức tăng xảy ra ở tất cả các tỉnh, không chỉ các điểm nóng truyền thống. Đặc biệt, các tỉnh Bắc Trung Bộ và Tây Trung Bộ trước đây tương đối “dịu” thì nay tăng vọt về số vụ. Điều này cho thấy tội phạm ma túy đang có xu hướng dịch chuyển và phân tán mạnh hơn dọc tuyến biên giới, không còn tập trung tuyệt đối ở vài tỉnh phía Bắc như trước. Các đường dây có xu hướng mở rộng địa bàn hoạt động xuống khu vực Bắc Trung Bộ, lợi dụng địa hình rừng núi hiểm trở và tuyến biên giới ở Quảng Bình, Quảng Trị... để vận chuyển ma túy sâu vào nội địa.

- Về không gian phân bố: Mặc dù mức độ gia tăng ở các tỉnh miền Trung rất cao về tỷ lệ, nhưng về số tuyệt đối, khu vực Tây Bắc (Sơn La, Điện Biên) và Bắc Trung Bộ (Nghệ An, Thanh Hóa) vẫn là trọng điểm hàng đầu. Năm 2024, 04 tỉnh này chiếm 81% tổng số vụ án ma túy toàn tuyến biên giới. Các tỉnh nhỏ hơn như Kon Tum, Quảng Nam (Tây Nguyên và Trung Bộ) có số vụ tăng nhưng vẫn ở mức thấp so với các tỉnh khác. Do đó, “điểm nóng ma túy” vẫn tập trung ở vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, nơi giáp các trung tâm sản xuất, trung chuyển ma túy lớn ở Lào và Myanmar. Tuy vậy, khoảng cách giữa nhóm tỉnh top đầu và nhóm sau đã thu hẹp hơn trước: tỷ trọng 4 tỉnh lớn giảm từ xấp xỉ 89% xuống xấp xỉ 81% như đề cập. Xu hướng này cảnh báo rằng mọi tỉnh biên giới đều đứng trước nguy cơ trở thành điểm nóng nếu không kiểm soát chặt chẽ.

- Đặc điểm đáng chú ý khác: Số liệu cũng cho thấy quy mô các vụ án có xu hướng tăng, thể hiện qua số bị can/vụ tăng và những vụ án với nhiều đối tượng. Trong giai đoạn 2018–2024, trung bình mỗi vụ án ma túy ở tuyến biên giới có xấp xỉ 1,34 bị can, cao hơn so với xấp xỉ 1,25 bị can/vụ của giai đoạn 2013–2017. Nhiều chuyên án lớn được triệt phá tại Sơn La, Nghệ An, Điện Biên... thu giữ hàng trăm kilogram ma túy, bắt giữ hàng chục đối tượng trong một vụ [8]. Điều này cho thấy sự quyết liệt của lực lượng chức năng và cũng phản ánh tính chất có tổ chức, manh động của tội phạm ma túy hiện nay.

Như vậy, có thể thấy rằng từ 2018 đến 2024, tình hình tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới Việt–Lào đã gia tăng mạnh về cả số vụ và số đối tượng, vượt trội so với giai đoạn trước. Mặc dù “các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Thanh Hóa vẫn là trọng điểm phức tạp nhất” [9], sự gia tăng nhanh ở các tỉnh khác cho thấy mức độ nguy hiểm của ma túy phủ khắp các tỉnh trên tuyến biên giới này. Xu hướng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về tăng cường phối hợp phòng chống ma túy trên toàn tuyến, tập trung vào các địa bàn trọng điểm đồng thời không bỏ trống các địa bàn “vùng đệm” mới nổi, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cho cả khu vực biên giới và nội địa.

### **3.3. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào**

#### **3.3.1. Kết quả thực hành quyền công tố trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố**

##### **3.3.1.1. Thực hành quyền công tố liên quan đến các biện pháp tố tụng có hạn chế quyền con người, quyền công dân**

Viện kiểm sát thực hiện chức năng THQCT bắt đầu từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của cơ quan có thẩm quyền. Hoạt động THQCT trong giai đoạn này thể hiện trước hết ở việc phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng liên quan đến việc hạn chế các quyền con người, quyền công dân như: phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ; hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, bắt khẩn cấp, tạm giữ hình sự là những biện pháp ngăn chặn do CQĐT áp dụng đối với người chưa bị khởi tố hoặc bị can bị truy nã nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, bảo đảm cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn liên quan đến quyền cơ bản của con người, quyền công dân ngày càng được quy định chặt chẽ cả về căn cứ, thẩm quyền và phạm vi. Đây là xu thế tất yếu của quá trình mở rộng dân chủ, tôn trọng giá trị quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự, góp phần thực hiện thành công công cuộc cải cách tư pháp. Vì vậy, việc xác định căn cứ cũng như quá trình thực hiện, áp dụng biện pháp ngăn chặn này phải luôn thận trọng, khách quan. Thống kê cho thấy, trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2024, VKSND hai cấp các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 42 trường hợp (trung bình 4,2 trường hợp/tỉnh), trên tổng số 156.294 người bị tạm giữ; trong đó, hủy bỏ quyết định tạm giữ trong các vụ án về ma túy là 04 trường hợp. Số lượng quyết định tạm giữ bị hủy bỏ trung bình trong 07 năm qua tại các tỉnh thuộc phạm vi nghiên cứu là không lớn, ở mức thấp hơn mức trung bình của cả nước và thấp hơn nhiều so với các tỉnh, thành phố không có đường biên giới giáp với Lào như: VKSND thành phố Hà Nội hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 117 trường hợp, VKSND thành phố Đà Nẵng hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 57 trường hợp, VKSND tỉnh Đồng Nai hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 12 trường hợp [59], [60].

Số liệu thống kê nêu trên cho thấy, trong 07 năm (từ 2018 đến 2024), đã có tới 156.294 người bị tạm giữ hình sự, trong số đó, VKS hai cấp trên địa bàn đã phát hiện nhiều trường hợp bắt, tạm giữ không có căn cứ, trái pháp luật hoặc không cần thiết, đã không phê chuẩn bắt khẩn cấp 72 trường hợp, không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 61 trường hợp và trả tự do cho 56 trường hợp. Tổng số người bị bắt, tạm giữ hình sự hàng năm tập trung chủ yếu ở các nhà tạm giữ Công an cấp huyện, thuộc trách nhiệm của VKS cấp huyện. VKS hai cấp đã kiểm sát hàng ngày nhà tạm giữ theo quy định của

ngành, trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt, bị tạm giữ trong những trường hợp cần thiết trước khi quyết định phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ... Như vậy, với khối lượng công việc lớn nhưng về cơ bản, VKS các cấp đã thực hiện tốt chức năng THQCT, phát hiện kịp thời các trường hợp tạm giữ không có căn cứ, trái pháp luật, góp phần giảm thiểu oan sai và chống bỏ lọt tội phạm trong tố tụng hình sự, chấn chỉnh ngay từ đầu sai phạm của cơ quan có thẩm quyền, bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được Hiến pháp quy định [60].

### *3.3.1.2. Thực hành quyền công tố trong việc đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện*

Trong giai đoạn 2018–2024, trên toàn địa bàn đã ghi nhận khoảng 40.929 lượt yêu cầu kiểm tra, xác minh được ban hành để làm rõ các nguồn tin về tội phạm có dấu hiệu liên quan đến ma túy, trung bình mỗi năm có khoảng 5.847 bản yêu cầu [60]. Các địa phương có tần suất ban hành yêu cầu kiểm tra, xác minh cao nhất là Nghệ An, Sơn La, Điện Biên và Thanh hoá, cũng là các tỉnh có số lượng án ma túy lớn nhất trong toàn tuyến cũng như trên toàn quốc, góp phần làm rõ căn cứ xử lý đối với nhiều vụ việc có dấu hiệu ban đầu chưa rõ ràng. Kết quả thực tiễn cho thấy, việc ban hành yêu cầu kiểm tra, xác minh từ phía VKS đã thể hiện rõ vai trò chủ động, nhạy bén và trách nhiệm trong kiểm soát, định hướng hoạt động điều tra ngay từ giai đoạn tiền khởi tố. Đặc biệt, đối với các vụ án về ma túy, loại tội phạm có tính chất nghiêm trọng, thủ đoạn tinh vi, thường xuyên biến hóa và thường có yếu tố xuyên quốc gia, việc kịp thời đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh ban đầu đã giúp xác định chính xác bản chất hành vi, làm rõ dấu hiệu tội phạm, từ đó bảo đảm cho quyết định khởi tố được thực hiện đúng thời điểm, đúng người, đúng tội danh và đúng pháp luật. Trong thực tiễn áp dụng tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào, hoạt động này bước đầu đã được VKSND các cấp quan tâm triển khai đồng bộ, nghiêm túc, phát huy hiệu quả thiết thực, góp phần khắc phục tình trạng khởi tố vội vàng hoặc bỏ lọt hành vi phạm tội. Nhiều vụ án đã được phát hiện, xử lý kịp thời, đúng quy định, chính nhờ kết quả xác minh ban đầu do VKS chủ động đề ra. Qua đó, hoạt động THQCT của VKS trên địa bàn không chỉ khẳng định vai trò trung tâm trong giai đoạn khởi tố, điều tra, mà còn góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy nói chung trên địa bàn trọng điểm này.

Tuy nhiên, hoạt động này vẫn còn gặp phải một số khó khăn trong thực tiễn triển khai như: nhiều nguồn tin về tội phạm ma túy tại địa bàn biên giới thường có thông tin ban đầu không đầy đủ, không rõ ràng hoặc được cung cấp từ người dân tộc thiểu số, người không sử dụng tiếng Việt phổ thông, khiến việc đánh giá, ghi nhận, sàng lọc thông tin trở nên khó khăn. Trong điều kiện như vậy, việc xây dựng các bản yêu cầu kiểm tra, xác minh của VKS dễ rơi vào tình trạng chưa thật sự sát với thực tế vụ việc, ảnh hưởng đến hiệu quả xác minh, xử lý ban đầu và làm giảm tính chủ động của KSV.

### *3.3.1.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố*

Trong thực tiễn, nhiều nguồn tin về các vụ việc có dấu hiệu tội phạm ma túy tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, thường cần thời gian xác minh dài hơn do các yếu tố phức tạp về loại tội và địa bàn, thông tin ban đầu thiếu rõ ràng hoặc chưa xác định được đối tượng cụ thể. Để đáp ứng yêu cầu đó, trong những trường hợp cần thiết, VKS đã chủ động thực hiện quyền gia hạn nhằm bảo đảm đủ thời gian giải quyết, đánh giá toàn diện trước khi đưa ra các quyết định tiếp theo trong quá trình tố tụng.

Theo số liệu tổng hợp, trong giai đoạn 2018–2024, đã có tổng cộng khoảng 3.584 quyết định gia hạn thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm liên quan đến ma túy được ban hành. Trong đó, tỉnh Sơn La ghi nhận số lượng cao nhất với 642 lượt gia hạn, tiếp đến là Nghệ An với 579 lượt và Thanh Hóa với 533 lượt. Các trường hợp được gia hạn chủ yếu liên quan đến các nguồn tin có yếu tố nước ngoài, nhiều đối tượng tham gia hoặc cần xác minh các mối liên hệ phức tạp, nhất là các trường hợp vượt biên giới bất hợp pháp. Việc VKS chủ động gia hạn trong những trường hợp này đã góp phần quan trọng vào việc xử lý thận trọng, tránh tình trạng xử lý thiếu căn cứ hoặc bỏ lọt tội phạm ngay từ giai đoạn đầu.

Điển hình như vụ việc xảy ra vào tháng 3/2022, Công an huyện K. (tỉnh NA) tiếp nhận nguồn tin phản ánh nhóm đối tượng người Việt Nam và người Lào thường xuyên qua lại khu vực biên giới xã T để vận chuyển các gói hàng nghi là ma túy. Nguồn tin không rõ danh tính, chỉ mô tả sơ bộ ngoại hình và phương tiện. Qua rà soát, phát hiện 3 đối tượng nghi vấn, trong đó có 1 người vượt biên trái phép từ Lào. Do vụ việc có yếu tố xuyên quốc gia, nhiều đối tượng tham gia, nghi vấn phạm tội có tổ chức, quá trình xác minh gặp nhiều khó khăn, phải phối hợp liên ngành và làm việc với cơ quan chức năng phía Lào. Gần hết thời hạn giải quyết, thông tin vẫn chưa đủ căn cứ để khởi tố. Trước tình hình đó, VKSND huyện K. đã kịp thời quyết định gia hạn, tạo điều kiện cho CQĐT tiếp tục xác minh. Sau khi gia hạn, cơ quan chức năng phía Lào đã xác định được danh tính một đối tượng từng có tiền án về ma túy; đồng thời, CQĐT trong nước củng cố thêm chứng cứ, xác định rõ vai trò của cả ba đối tượng và đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Trường hợp này cho thấy việc VKSND huyện K. chủ động gia hạn đã phát huy hiệu quả rõ rệt, giúp xử lý vụ việc thận trọng, đúng pháp luật, đồng thời ngăn chặn nguy cơ bỏ lọt hành vi phạm tội ngay từ giai đoạn đầu.

### *3.3.1.4. Thực hành quyền công tố trong việc trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố*

BLTTHS trao cho VKS nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp giải quyết TG, TBTP, KNKT trong một số trường hợp nhất định, đặc biệt khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của CQĐT hoặc trong các tình huống phức tạp, nhạy cảm mà việc giao cho cơ quan khác xử lý có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện của quá trình xác minh. Thẩm quyền này là một biểu hiện quan trọng của chức năng THQCT, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm, chủ động của VKS trong kiểm soát quyền lực tư pháp

ngay từ giai đoạn khởi đầu của TTHS. Trên thực tế, hoạt động trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm của VKS tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào tuy không chiếm tỷ lệ lớn, nhưng lại chủ yếu tập trung vào các vụ việc nhạy cảm, có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng trong xử lý tin báo của CQĐT hoặc liên quan đến cán bộ thuộc cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm. Giai đoạn 2018–2024, trên địa bàn ghi nhận 67 trường hợp VKS các cấp trực tiếp thụ lý, xác minh và kết luận nguồn tin về tội phạm liên quan đến ma túy, chủ yếu được thực hiện tại các tỉnh Nghệ An, Điện Biên, Sơn La và Thanh Hoá.

Điển hình như năm 2021, VKSND tỉnh Đ đã trực tiếp tiếp nhận và giải quyết một tố giác liên quan đến hành vi bảo kê, tiếp tay cho tội phạm ma túy của một cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát tại cửa khẩu biên giới. Do tính chất nghiêm trọng, có dấu hiệu vi phạm từ phía cơ quan chức năng và có nguy cơ giải quyết không khách quan nếu nguồn tin này do chính cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nơi cán bộ này công tác, VKSND tỉnh đã thành lập tổ công tác để kiểm tra, xác minh và giải quyết nguồn tin độc lập, kết quả đã thu được chứng cứ rõ ràng về hành vi cấu kết giữa đối tượng buôn bán ma túy với không chỉ một cán bộ ban đầu mà còn liên quan đến một số cán bộ khác thuộc cơ quan này. Vụ việc sau đó được VKSND tỉnh trực tiếp khởi tố và chuyển cho CQĐT cùng cấp tiếp tục xử lý theo thẩm quyền.

Thực tiễn này cho thấy, việc VKS trực tiếp giải quyết nguồn tin tội phạm không chỉ là biện pháp kịp thời để bảo đảm tính khách quan, không bỏ lọt tội phạm trong các vụ việc đặc biệt phức tạp, mà còn giúp tăng cường trách nhiệm, nâng cao năng lực chủ động ngay từ ban đầu của đội ngũ KSV. Tuy nhiên, quá trình thực hiện nhiệm vụ này cũng đặt ra một số khó khăn nhất định. Thứ nhất, do số lượng vụ việc trực tiếp giải quyết không nhiều và thường mang tính chất phức tạp, nên KSV cần có kinh nghiệm, kỹ năng và bản lĩnh nghiệp vụ vững vàng. Thứ hai, cơ sở vật chất, điều kiện kỹ thuật và nhân lực của VKS tại một số huyện vùng sâu, vùng xa vẫn còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng triển khai việc giải quyết nguồn tin độc lập, bảo đảm kịp thời, hiệu quả. Thứ ba, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các ngành trong những trường hợp này đôi khi chưa kịp thời, gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ và bảo vệ nguồn tin.

### ***3.3.2. Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can***

*3.3.2.1. Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, không khởi tố vụ án hình sự, việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự.*

#### *a) Thực hành quyền công tố đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự*

Sau khi nhận được quyết định khởi tố vụ án hình sự của CQĐT hoặc các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố vụ án đối với các vụ án về ma túy, các VKS hai cấp trên địa bàn đã tập trung nghiên cứu, xác định tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án, thẩm quyền của cơ quan tiến hành khởi tố vụ án... Trên cơ sở các tài liệu điều tra thu thập được, VKS sử dụng các quyền năng thuộc chức năng THQCT để bảo đảm việc khởi tố vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với những quyết định khởi tố không

căn cứ, trái pháp luật, VKS đã kiên quyết ra quyết định hủy bỏ theo đúng quy định tại Điều 104 BLTTHS.

Để thực hiện tốt hoạt động THQCT, bảo đảm việc khởi tố vụ án có căn cứ, đúng luật định, các KSV trên địa bàn đã nắm vững hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, cẩn thận trong việc đánh giá chứng cứ, hành vi, hậu quả, từ đó đối chiếu với quy định pháp luật mới có thể phát hiện ra sai sót trong hoạt động khởi tố vụ án ma túy. Trong hoạt động này, nếu không nắm vững những vấn đề lý luận về các giai đoạn thực hiện tội phạm, các yếu tố cấu thành tội phạm, những văn bản hướng dẫn liên quan, không đọc, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá toàn diện hệ thống chứng cứ thì VKS rất khó phát hiện sai sót nêu trên. Chính vì vậy, khả năng chuyên môn và ý thức nghề nghiệp là hai đòi hỏi khách quan, tất yếu đối với các KSV trong quá trình THQCT. Cụ thể, trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2024 tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã khởi tố 39.273 vụ án về ma túy; trong số đó, VKSND đã ra quyết định khởi tố đối với 1.248 vụ án; thống nhất với 37.873 quyết định khởi tố vụ án của CQĐT và ra 140 quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án của CQĐT (**Phụ lục 1.6**) [60].

Từ số liệu thống kê cho thấy, hàng năm vẫn còn có trường hợp khởi tố chưa đúng căn cứ và trái pháp luật, một trong những dẫn chứng để chứng minh là số lượng các vụ án CQĐT khởi tố sau đó bị VKS ra quyết định hủy quyết định khởi tố vụ án. Điển hình như một vụ án xảy ra tại huyện T, tỉnh TH năm 2020, CQĐT huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với P.Đ.H, bị bắt tại một khu đất trống khi đang giao dịch với P.V.C một gói bột trắng nghi vấn là ma túy. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ, VKS huyện T nhận thấy toàn bộ chứng cứ chỉ dựa vào lời khai trùng khớp của những người tố giác khác nhau về việc đã nhiều lần thấy H và C giao dịch hàng nghi vấn là ma túy tại địa điểm nêu trên; không có biên bản thu giữ vật chứng, không có kết quả giám định và thời điểm bắt giữ không có sự chứng kiến hợp pháp. Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ, VKS đã yêu cầu CQĐT tiến hành trưng cầu giám định thì kết luận giám định cho thấy túi bột đó là một loại caffeine tinh thể (một chất kích thích hợp pháp có trong cà phê hoặc nước tăng lực), nhưng không thuộc danh mục các chất ma túy theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu cấu thành tội phạm và căn cứ pháp lý liên quan, VKS đã ra quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố do không cấu thành tội phạm. Trường hợp này là minh chứng rõ ràng cho vai trò then chốt của VKS trong việc THQCT đối với quyết định khởi tố, đồng thời cho thấy nếu thiếu sự thận trọng, việc khởi tố sai có thể dẫn đến hệ lụy nghiêm trọng đối với quyền con người và công lý.

Kết quả thực tiễn đã chứng minh chất lượng công tác THQCT trong giai đoạn khởi tố vụ án ma túy trong thời gian qua trên địa bàn có chiều sâu và thực chất, là một trong những biện pháp quan trọng để hạn chế oan, sai trong tố tụng hình sự. Đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của hoạt động THQCT, thể hiện sự kiên quyết, tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS. Tuy nhiên, thực trạng đó cũng cho thấy những hạn chế nhất định của CQĐT trong việc khởi

tố vụ án hình sự, khi hàng năm đều có số lượng nhất định các vụ án hình sự khởi tố không có căn cứ và trái pháp luật. Điều đó không những làm hao tổn tiền của, nhân lực của nhà nước trong các hoạt động tố tụng mà còn là xuất phát điểm của tình trạng oan sai, làm ảnh hưởng nhất định đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng và giảm sút niềm tin của nhân dân về tính hiệu quả và đúng đắn của các cơ quan thực thi pháp luật. Chính vì vậy, bảo đảm chất lượng hoạt động THQCT của VKS trong khởi tố vụ án chính là thiết lập một cơ chế mang tính giám sát nhà nước đối với giai đoạn đầu tiên trong tố tụng hình sự.

*b) Thực hành quyền công tố đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự*

Hoạt động THQCT đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT và các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố vụ án là một trong những nhiệm vụ quan trọng của VKS và là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm chống bỏ lọt tội phạm. Chính vì vậy, VKS hai cấp trên địa bàn các tỉnh có đường biên giới giáp Lào đã luôn chú trọng đến hoạt động này, bảo đảm các quyết định không khởi tố vụ án được ban hành đúng căn cứ và hợp pháp. Đối với các trường hợp đã quá thời hạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, nếu dấu hiệu tội phạm đã rõ thì VKS kiên quyết yêu cầu khởi tố. Hoạt động yêu cầu khởi tố vụ án của VKS được thực hiện dựa trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ ban đầu có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với các quy định pháp luật liên quan để xác định hành vi đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm ma túy hay chưa, nếu là tội phạm thì thuộc tội danh nào trong các tội phạm về ma túy của BLHS.

Trong trường hợp CQĐT và các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự ra quyết định không khởi tố vụ án, VKS phải bảo đảm việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố vụ án là có căn cứ. Trường hợp xét thấy đúng quy định của pháp luật và có căn cứ thì VKS có văn bản thể hiện quan điểm đồng ý với kết quả giải quyết. Nếu xác định rõ là có dấu hiệu tội phạm thì VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định không khởi tố, nếu CQĐT không đồng ý thì VKS trực tiếp hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án. Thực hiện chức năng THQCT trong hoạt động này, VKS hai cấp trên địa bàn nghiên cứu đã thể hiện sự kiên quyết và tinh thần trách nhiệm cao, yêu cầu khởi tố với những vụ việc có dấu hiệu tội phạm nhưng CQĐT không khởi tố.

Chẳng hạn như vụ việc xảy ra tại huyện V., tỉnh Hà Tĩnh năm 2021, lực lượng biên phòng phát hiện một đối tượng vứt bỏ túi hàng rồi bỏ chạy khi bị yêu cầu kiểm tra hành chính tại khu vực gần đường biên giới. Sau khi kiểm tra, phát hiện trong túi có hơn 100 viên nén nghi là ma túy tổng hợp, nhưng do đối tượng đã bỏ chạy theo hướng đường biên giới về phía lãnh thổ Lào, CQĐT cho rằng nghi vấn đối tượng có quốc tịch Lào, khó (gần như không thể) xác minh danh tính và đánh giá rằng chưa đủ điều kiện khởi tố vụ án nên đã ra quyết định không khởi tố vụ án. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu hồ sơ, VKSND huyện V. nhận thấy dấu hiệu tội phạm đã rõ: hiện trường có camera ghi nhận đối tượng vứt bỏ tang vật, có dấu vết sinh học thu giữ được tại túi hàng, có kết luận giám định khẳng định các viên nén là ma túy MDMA. Trên cơ sở đó, VKS huyện V. đã yêu cầu CQĐT

hủy bỏ quyết định không khởi tố, đồng thời ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “vận chuyển trái phép chất ma túy” theo Điều 250 BLHS. Trường hợp này là ví dụ điển hình cho thấy vai trò chủ động, bản lĩnh nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm cao của VKSND huyện V. Việc kiên quyết khởi tố và yêu cầu mở rộng điều tra trong tình huống đối tượng bỏ trốn qua biên giới không chỉ ngăn ngừa nguy cơ bỏ lọt tội phạm, mà còn thể hiện rõ vai trò trung tâm, độc lập và chủ động của VKS trong THQCT ngay từ giai đoạn đầu của quá trình TTHS.

Để thực hiện tốt hoạt động này, VKS cần nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá đúng mức độ, tính chất nguy hiểm, hậu quả của hành vi, đối chiếu với quy định pháp luật và các yếu tố cấu thành tội phạm. Khi thấy dấu hiệu tội phạm đã rõ mà CQĐT ra quyết định không khởi tố vụ án thì phải kiên quyết hủy bỏ, trực tiếp ra quyết định khởi tố nhằm chống bỏ lọt tội phạm vào bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật. Việc nghiên cứu các tài liệu ban đầu để xác định hành vi có phải là tội phạm hay không trong nhiều trường hợp rất phức tạp, bởi thông thường trong giai đoạn ban đầu tài liệu chứng cứ chưa thật sự đầy đủ, việc phân định vi phạm hành chính, dân sự, kinh tế với hành vi tội phạm trong nhiều trường hợp rất khó khăn. Tuy nhiên, với tinh thần, trách nhiệm cao, VKSND hai cấp trên địa bàn đã thực hiện có hiệu quả hoạt động THQCT đối với các trường hợp không khởi tố vụ án. Tính từ năm 2018 đến năm 2024, VKSND hai cấp trên địa bàn nghiên cứu đã yêu cầu khởi tố 917 vụ án hình sự, hủy quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố đối với 84 vụ án, trong đó, yêu cầu khởi tố 132 vụ án hình sự về ma túy, hủy quyết định không khởi tố và ra quyết định khởi tố đối với 17 vụ án về ma túy. Tất cả các trường hợp yêu cầu khởi tố hoặc VKS trực tiếp khởi tố nêu trên đều có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Số liệu cụ thể cũng như chất lượng hoạt động của VKSND hai cấp trên địa bàn các tỉnh Việt Nam – Lào được phản ánh qua xem xét toàn diện hệ thống chứng cứ và các tình tiết trong vụ án [60].

Do tính chất nghiêm trọng của các vụ án về ma túy, nên đối với việc quyết định khởi tố vụ án hình sự về ma túy, các VKSND đã chú trọng quan tâm cử lãnh đạo, KSV có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đảm nhiệm hoạt động THQCT trong việc khởi tố vụ án hình sự, không khởi tố vụ án hình sự, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với các tội phạm về ma túy. Khi có các tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm, KSV thực hiện việc nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ. Việc nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo các quy trình như: nghiên cứu theo thời gian, nghiên cứu theo hành vi, nghiên cứu theo đối tượng.... Việc đánh giá chứng cứ cũng rất thận trọng đảm bảo tính chính xác, khách quan. Đối với các vụ án khi có đủ căn cứ thì VKSND đã khẩn trương đồng ý quyết định khởi tố vụ án, yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Đối với các vụ án mà chứng cứ còn chưa được rõ ràng, VKSND trao đổi với CQĐT bổ sung tài liệu chứng cứ, nếu không có căn cứ thì kiên quyết hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án với tội danh khác.

Viện kiểm sát nhân dân các cấp cũng đã quán triệt về các quy trình báo cáo đối với các vụ án về các tội phạm ma túy rất cụ thể, chặt chẽ. Trước hết, KSV được giao

việc nghiên cứu đánh giá tài liệu, chứng cứ phục vụ việc quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can phải nghiên cứu, tổng hợp làm báo cáo đề xuất lãnh đạo phụ trách trực tiếp (ở cấp huyện và cấp tỉnh thường là Phó Viện trưởng); trong trường hợp có vướng mắc trong việc đánh giá chứng cứ thì có thể báo cáo đến tập thể lãnh đạo VKSND, Ủy ban kiểm sát hoặc trao đổi liên ngành với CQĐT, Tòa án cùng cấp để việc đánh giá tài liệu, chứng cứ được chính xác, tránh việc bỏ lọt tội phạm hoặc khởi tố oan sai dẫn đến phải đình chỉ hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án.

*3.3.2.2. Thực hành quyền công tố trong việc xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can.*

Sau khi khởi tố vụ án hình sự thì việc quan trọng CQTHTT là phải xác định được người có hành vi phạm tội, ra quyết định khởi tố bị can. Theo quy định tại Điều 126 BLTTHS năm 2003 (nay được quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015) thì trong giai đoạn điều tra, khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội, CQĐT có quyền ra quyết định khởi tố bị can. Viện kiểm sát có quyền ra quyết định khởi tố bị can trong trường hợp CQĐT đã kết luận điều tra mà Viện kiểm sát phát hiện thấy có người khác thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa được khởi tố.

Trong 07 năm qua, trên toàn quốc, Viện kiểm sát các cấp đã THQCT đối với đối với việc khởi tố 169.968 bị can về các phạm ma túy, trong đó phê chuẩn 169.560 quyết định khởi tố bị can về các tội ma túy (đạt 99,76%); ra 6.967 quyết định khởi tố bị can về các tội ma túy thuộc trường hợp VKSND phát hiện có người khác thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án mà CQĐT chưa khởi tố; trong đó, tại 10 tỉnh biên giới giáp Lào, Viện kiểm sát hai cấp đã THQCT đối với đối với việc khởi tố 48.094 bị can về các phạm ma túy, trong đó, trực tiếp khởi tố 1.380 bị can về các tội ma túy thuộc trường hợp VKSND phát hiện có người khác thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án mà CQĐT chưa khởi tố. Đối với 46.714 bị can do CQĐT khởi tố, VKSND đã phê chuẩn 46.684 quyết định khởi tố bị can về các tội ma túy (đạt 99,93%), không phê chuẩn đối với 30 quyết định khởi tố bị can (chiếm tỷ lệ 0,064%) (**Phụ lục 1.7**).

Thông qua công tác THQCT trong việc khởi tố bị can về tội phạm ma túy, VKSND hai cấp trên địa bàn cũng đã phát hiện và xử lý những thiếu sót, vi phạm của CQĐT trong hoạt động khởi tố bị can và yêu cầu điều tra bổ sung, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ trước khi quyết định phê chuẩn khởi tố 287 bị can; yêu cầu khởi tố bổ sung đối với 402 bị can do có tội phạm chưa được CQĐT khởi tố. Sau khi CQĐT bổ sung, thu thập thêm tài liệu chứng cứ thì VKSND mới phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, để đảm bảo việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can có căn cứ và chính xác. Kết quả thực tiễn cho thấy, hoạt động THQCT của VKS có vai trò rất quan trọng trong quá trình khởi tố bị can, quá trình xét phê chuẩn hay hủy bỏ quyết định khởi tố bị can. Làm tốt khâu công tác này chính là một trong những biện pháp thiết thực để hạn chế oan sai, chống bỏ lọt tội phạm và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự.

Như vụ án xảy ra tại huyện P, tỉnh QN vào đầu năm 2022. CQĐT khởi tố vụ án và đề nghị VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với hai đối tượng là N.N.H. và

B.N.B. với hành vi “vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ, KSV nhận thấy chưa làm rõ được vai trò cụ thể của bị can B.N.B., người dân tộc thiểu số Lào, chỉ bị bắt khi ngồi chung trên xe máy cùng đối tượng N.N.H. – người trực tiếp mang theo 0,5 kg ma túy đá giấu trong cốp xe. Hồ sơ không có lời khai rõ ràng của B., không có chứng cứ chứng minh B. biết trong cốp xe có ma túy, không có tài liệu thể hiện có dấu vết sinh học của B. trên tang vật, cũng không có chứng cứ điện tử, lời khai nhân chứng hoặc dữ liệu viễn thông cho thấy B. biết hoặc tham gia vào kế hoạch vận chuyển; cũng không có tài liệu nào thể hiện việc B. có mối quan hệ với đường dây buôn bán ma túy. Trên cơ sở đánh giá toàn diện hồ sơ, VKSND huyện P đã không vội vàng phê chuẩn khởi tố đối với B.N.B. mà yêu cầu CQĐT làm rõ lời khai, thu thập chứng cứ bổ sung, đặc biệt là các thông tin, chứng cứ, tài liệu quan trọng nêu trên. Sau khi nhận được yêu cầu, CQĐT đã tiến hành đối chất giữa các đối tượng, trưng cầu giám định dấu vết sinh học, đồng thời kiểm tra lại dữ liệu camera an ninh khu vực hiện trường... Tuy nhiên, kết quả xác minh bổ sung cho thấy không có căn cứ mới nào khẳng định B.N.B. biết trong cốp xe có ma túy hoặc tham gia vào việc vận chuyển. Các chứng cứ thu thập được tiếp tục cho thấy B. không có mối liên hệ trước đó với người vận chuyển ma túy. Việc B. ngồi sau xe máy chỉ thể hiện mối quan hệ đi cùng thời điểm, không đủ cơ sở pháp lý để xác định hành vi đồng phạm. Trên cơ sở đó, VKSND huyện P. đã ban hành quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với B.N.B. Quyết định này không chỉ thể hiện sự thận trọng, trách nhiệm của VKSND trong kiểm soát quyền lực tố tụng, mà còn góp phần quan trọng trong phòng ngừa oan, sai, bảo vệ quyền con người và bảo đảm tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật trong hoạt động TTHS, đặc biệt là trong các vụ án về ma túy có yếu tố phức tạp, dễ nhầm lẫn về vai trò của từng cá nhân liên quan.

### ***3.3.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế***

#### ***3.3.3.1. Thực hành quyền công tố trong việc xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp***

Trong những năm qua, VKSND hai cấp trên địa bàn đã chú trọng nâng cao hiệu quả của hoạt động phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. KSV đã tuân thủ đúng thời hạn ra quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, rất ít trường hợp vi phạm. Để xác định tính có căn cứ và hợp pháp của việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, KSV đã phối hợp với Điều tra viên để trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt.

Qua khảo sát ngẫu nhiên 462 trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội phạm ma túy, có 335 trường hợp (chiếm tỷ lệ 71,51%) KSV phối hợp với Điều tra viên để trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt trước khi xem xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Điều đó nói lên tinh thần, trách nhiệm cao của các KSV trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào trong hoạt động THQCT đối với việc phê chuẩn áp dụng biện pháp ngăn chặn này nhằm tránh tình trạng lạm dụng việc bắt người

bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bảo đảm việc áp dụng biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đúng quy định của pháp luật.

Xuất phát từ thực tế, vẫn còn một số ít trường hợp, CQĐT lạm dụng việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị bắt. Điển hình như một trường hợp xảy ra tại huyện B, tỉnh Q vào cuối năm 2015, CQĐT ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với D.H.S, một nam thanh niên dân tộc Vân Kiều, do nghi ngờ có liên quan đến một vụ giao dịch ma túy tại chợ phiên biên giới. Căn cứ bắt giữ chỉ dựa vào lời khai duy nhất của một người làm thuê từng thấy D.H.S đi cùng nhóm đối tượng đã bị bắt giữ trước đó. Khi chuyển hồ sơ sang VKS để đề nghị phê chuẩn lệnh giữ người, KSV đã yêu cầu gặp trực tiếp D.H.S để hỏi rõ về sự việc. Qua hỏi cung ban đầu, D.H.S khai đang đi cùng một số người bạn ra chợ mua đồ thì bị bắt, không liên quan gì đến vụ giao dịch ma túy. KSV thấy rằng hồ sơ thiếu các tài liệu chứng minh mối liên hệ trực tiếp của D.H.S với hành vi phạm tội, không có vật chứng, không có dữ liệu viễn thông hoặc kết luận giám định nào liên quan đến D.H.S. Trên cơ sở đó, VKSND huyện B đã ra quyết định không phê chuẩn lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đồng thời yêu cầu CQĐT trả tự do ngay cho D.H.S và tiếp tục xác minh lại vụ việc. Quyết định này đã góp phần kịp thời ngăn chặn một vụ bắt giữ sai người, bảo đảm quyền tự do cá nhân của công dân và thể hiện rõ vai trò bảo đảm quyền con người của VKS trong TTTHS.

Theo quy định tại Điều 110 BLTTHS năm 2015, chỉ được giữ người trong trường hợp khẩn cấp, chứ không được bắt người. Đây là một trong những điểm tiên bộ của BLTTHS, phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013 “*Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của VKS*” [34].

### *3.3.3.2. Thực hành quyền công tố trong việc xét phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, xét phê chuẩn lệnh tạm giam*

Do tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào và yêu cầu của quá trình điều tra là cần phải giảm thiểu tới mức thấp nhất những tình huống xấu xảy ra như bị can bỏ trốn hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm, gây khó khăn cho việc điều tra, thu thập chứng cứ nên biện pháp bắt bị can để tạm giam và tạm giam bị can là những biện pháp ngăn chặn được áp dụng phổ biến. VKSND đã rất chú trọng công tác đảm bảo chất lượng THQCT trong việc xét phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam. Khi nhận được hồ sơ đề nghị phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam hoặc lệnh tạm giam bị can về tội giết người, VKSND luôn khẩn trương xem xét, kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp, sự cần thiết phải tạm giam bị can thông qua việc nghiên cứu các tài liệu phản ánh về nhân thân bị can, về tính chất hành vi phạm tội của bị can, về các hành vi cản trở hay không cản trở các hoạt động điều tra. Trong 11.890 lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam được chuyển đến VKSND để phê chuẩn, sau khi xem xét, đánh giá, VKSND đã ra quyết định phê chuẩn 11.426/11.890 lệnh bắt tạm giam (chiếm tỷ lệ 96,1%); từ chối 464/11.890 (3,9%) trường hợp bắt, tạm giam và yêu cầu bổ sung hồ sơ, tài liệu sau đó mới xem xét, phê chuẩn. Do có sự thận trọng của VKSND, nên

sau khi được yêu cầu, CQĐT đã bổ sung đủ tài liệu làm rõ căn cứ tạm giam, để bắt tạm giam, đối với các trường hợp này, VKSND đã kịp thời phê chuẩn các lệnh tạm giam.

Tháng 11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N. (tỉnh TH) đề nghị VKSND phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam đối với T.V.Q, 23 tuổi, bị bắt quả tang khi vận chuyển 2 bánh heroin từ biên giới về nội địa. Q không có nơi cư trú ổn định và có dấu hiệu móc nối với đường dây ma túy xuyên quốc gia. Tuy nhiên, hồ sơ có thiếu sót về hình thức (thiếu thời gian cụ thể, nội dung hành vi và căn cứ của lệnh chưa đầy đủ). Kiểm tra viên giúp việc trọng vụ án có ý kiến đề xuất trả lại để yêu cầu bổ sung hồ sơ. Song, KSV đối chiếu biên bản phạm tội quả tang, lời khai, tang vật và nhận thấy có đủ căn cứ, cần thiết phải tạm giam. VKSND đã kịp thời phê chuẩn lệnh bắt tạm giam, đồng thời yêu cầu CQĐT bổ sung hồ sơ. Nhờ đó, Q. không có cơ hội bỏ trốn; sau này, lời khai của Q. giúp CQĐT làm rõ thêm 3 đối tượng trong cùng đường dây. Đây là ví dụ điển hình cho thấy vai trò chủ động, bản lĩnh nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của KSV trong việc đánh giá toàn diện hồ sơ, đảm bảo áp dụng biện pháp ngăn chặn đúng pháp luật, kịp thời, vừa ngăn ngừa nguy cơ bỏ trốn, vừa tạo điều kiện mở rộng điều tra, làm rõ bản chất toàn diện của vụ án ma túy có yếu tố xuyên quốc gia.

Hay như vụ án diễn ra vào tháng 8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện X. (tỉnh Q) ra quyết định khởi tố bị can đối với N.T.H, sinh năm 2000, về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, thu giữ tại hiện trường 0,8kg ma túy đá. CQĐT lập tức đề nghị VKS phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra hồ sơ, KSV phát hiện bị can H. là phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi – một trong những trường hợp pháp luật quy định không áp dụng biện pháp tạm giam, trừ trường hợp đặc biệt. Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu liên quan, VKS nhận thấy bị can H. tuy nhân thân xấu, từng có tiền sự về ma túy, nhưng trong vụ án lần này không có dấu hiệu tổ chức đường dây, không có nguy cơ bỏ trốn (cư trú ổn định, hợp tác khai báo, có người bảo lãnh), và hành vi không thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng. Trên cơ sở đó, VKSND huyện X. đã ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, đồng thời yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn khác phù hợp là bảo lãnh kết hợp cấm đi khỏi nơi cư trú. Quyết định này không chỉ đảm bảo đúng quy định tại Điều 119 BLTTHS mà còn thể hiện rõ vai trò kiểm tra, giám sát của VKS đối với việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, tránh việc lạm dụng tạm giam trong khi vẫn giữ được hiệu quả điều tra.

Tuy nhiên, trong thực tiễn thực hiện hoạt động phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam các vụ án về ma túy có một số hạn chế, vướng mắc như:

- Quy định không áp dụng biện pháp tạm giam với phụ nữ đang có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi hay bị lạm dụng trong thực tế và gây khó khăn trong hoạt động điều tra đối các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như các vụ án về các tội phạm ma túy. Quy định chỉ áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can, có khung hình phạt từ trên hai năm tù, không áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là không phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho hoạt

động điều tra, truy tố, xét xử. Vì có nhiều bị can phạm tội trong những trường hợp này, nhưng có nhân thân xấu, khai báo gian dối, đã bỏ trốn bị bắt theo lệnh truy nã, không có nơi cư trú rõ ràng, đặc biệt trong các vụ án về các tội phạm ma túy có tính chất phức tạp, có nhiều người tham gia, nếu không áp dụng biện pháp tạm giam, sau này chứng minh các bị can phạm tội, thì các bị can này đã bỏ trốn sẽ gây nhiều khó khăn quá trình điều tra mở rộng vụ án.

- Một số KSV còn “cứng nhắc” trong việc phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam. Thực tế có trường hợp, các tài liệu trong hồ sơ tuy đã đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị can, nhưng có thiếu sót về hình thức văn bản như: Lệnh bắt, lệnh tạm giam không ghi số, nội dung hành vi phạm tội...nhưng do quá “cứng nhắc”, KSV đã đề nghị không phê chuẩn, làm ảnh hưởng đến yêu cầu phải nhanh chóng bắt, giữ đối tượng, thậm chí đã vô tình tạo ra khoảng thời gian trống cho đối tượng bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ, gây khó khăn cho việc xử lý vụ án.

*3.3.3.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam, gia hạn tạm giam để điều tra*

Trong những năm vừa qua, VKSND các cấp rất quan tâm đến chất lượng hoạt động quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, trong đó đặc biệt chú trọng đến biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam để điều tra. Từ khi có Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị về một số công việc cấp bách các cơ quan tư pháp cần thực hiện, đó là: “*Tăng cường trách nhiệm pháp lý của VKSND đối với công tác bắt, giam, giữ đã có tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến căn bản cả về nhận thức và hoạt động của VKSND các cấp*” [4]. Do vậy tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, KSV và lãnh đạo VKSND các cấp đối với hoạt động quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam để điều tra đã được nâng lên đáng kể. VKSND tối cao thường xuyên có hướng dẫn, chỉ đạo đối với VKSND cấp tỉnh về công tác tạm giam. VKSND cấp tỉnh đã chỉ đạo VKSND cấp huyện nắm chắc đối với từng trường hợp quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam để điều tra, thực hiện quy chế thông tin báo cáo của VKSND tối cao, định kỳ hàng tuần VKSND cấp huyện phải báo cáo cụ thể lên VKSND tỉnh để theo dõi và chỉ đạo. Vì vậy hoạt động THQCT trong hoạt động quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam để điều tra tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào đã đạt được nhiều tiến bộ, khắc phục cơ bản tình trạng sai sót trong việc tạm giam.

**3.3.4. Thực hành quyền công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra và trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết**

*3.3.4.1. Đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT tiến hành một số hoạt động điều tra*

Yêu cầu điều tra là một quyền năng quan trọng và cơ bản trong hoạt động THQCT của KSV. Trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, một bản Yêu cầu điều tra có chất lượng giúp ích rất nhiều cho CQĐT trong việc thu thập, củng cố chứng cứ và hoàn thiện thủ tục tố tụng, góp phần tích cực vào việc giải quyết vụ án. Điều này được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 112

BLTTHS năm 2003; điểm e khoản 1 Điều 42 và khoản 6 Điều 165 BLTTHS năm 2015 và Chỉ thị 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của VKSND tối cao về việc “*Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*”. Toàn bộ những việc cần làm của một bản yêu cầu điều tra, đó là: “Bản yêu cầu điều tra là một văn bản tố tụng do KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra thực hiện, nêu rõ những vấn đề điều tra cần thu thập, củng cố chứng cứ, hoàn thiện các thủ tục tố tụng bảo đảm cho việc điều tra, truy tố được toàn diện, khách quan và triệt để theo đúng quy định của pháp luật”. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành hoạt động điều tra là một hoạt động tố tụng quan trọng trong thi hành quyền công tố của VKS. Đây là một quyền năng quan trọng và cơ bản, đồng thời nó cũng thể hiện trình độ, năng lực của KSV khi THQCT trong điều tra vụ án hình sự. Hoạt động điều tra có đúng hướng, đầy đủ hay không, có kịp thời, hiệu quả hay không một phần rất lớn phụ thuộc vào việc đề ra các yêu cầu điều tra của KSV, vì yêu cầu điều tra có tính định hướng cho hoạt động điều tra. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, nếu KSV có trình độ, năng lực, bám sát tiến độ điều tra nắm chắc hồ sơ vụ án thì đề ra được yêu cầu điều tra có chất lượng, giúp ích rất nhiều cho Điều tra viên nhằm giải quyết vụ án khách quan, toàn diện và triệt để, góp phần hạn chế oan, sai hoặc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm kéo dài việc giải quyết vụ án, qua đó uy tín của KSV đối với Điều tra viên và CQĐT được nâng cao. Ngược lại, nếu KSV có trình độ, năng lực hạn chế, không nắm chắc tiến độ vụ án thì chỉ đề ra những yêu cầu chung chung, thậm chí không cần thiết làm cho Điều tra viên không thực hiện được, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và kết quả điều tra vụ án.

Trong những năm qua, việc đề ra các yêu cầu điều tra, đặc biệt là đề ra yêu cầu điều tra đối với vụ án hình sự về các tội phạm ma túy được các KSV quan tâm và hiệu quả của bản yêu cầu điều tra từng bước được nâng lên. Ngay từ khi tiếp nhận thông tin về tội phạm, các tài liệu xác minh do CQĐT chuyển đến, VKSND đã cử KSV nghiên cứu, đánh giá thông tin cùng các tài liệu để đề ra các yêu cầu điều tra nhằm làm rõ đối tượng phạm tội, hành vi phạm tội, tính chất, mức độ của hành vi, các tình tiết làm cơ sở cho việc định tội danh... Trong quá trình điều tra, VKSND thường xuyên cập nhật kết quả thu thập chứng cứ của CQĐT. Trong trường hợp việc điều tra không được thực hiện tích cực, VKSND đôn đốc CQĐT tích cực thực hiện. Qua nghiên cứu, đánh giá các chứng cứ thu thập, xét thấy cần thiết phải thu thập, thêm các tài liệu chứng cứ khác, VKSND tiếp tục có yêu cầu điều tra để CQĐT thu thập tiếp các chứng cứ cần thiết. Nội dung các bản yêu cầu điều tra được xây dựng trên thực tế khách quan tội phạm xảy ra, nêu được những vấn đề cần thiết phải điều tra để làm rõ tội phạm, trong đó tập trung vào các yêu cầu điều tra làm rõ hành vi của người phạm tội, các tình tiết quan trọng nhằm phân biệt giữa các tội danh về ma túy. Khi xây dựng các bản yêu cầu điều tra các tội phạm ma túy, các KSV đều tập trung theo hướng đó, do vậy các yêu cầu điều tra đều có tính khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật, thực sự đã định hướng cho CQĐT thực hiện việc điều tra đối với các vụ án về các tội phạm ma túy đúng hướng, có hiệu quả, đảm bảo thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị can trong vụ án.

Đơn cử như vụ án xảy ra tại huyện V, tỉnh S năm 2023, CQĐT bắt quả tang P.V.T. mang theo 12 gói heroin trong ba lô và tiến hành khởi tố về tội “vận chuyển trái phép chất ma túy” theo Điều 250 BLHS. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu hồ sơ, VKSND huyện V nhận thấy nhiều điểm chưa rõ ràng: P.V.T. bị bắt gần khu vực biên giới, không có nơi cư trú rõ ràng, và các vật chứng được gói riêng lẻ, có dán ký hiệu. Một số tin nhắn trên điện thoại của P.V.T. cho thấy có liên hệ bằng tiếng Lào với người bên kia biên giới, nghi là để giao dịch ma túy. Tuy nhiên, CQĐT chưa thu thập lời khai người liên quan, chưa trưng cầu giám định dữ liệu điện thoại, cũng chưa làm rõ mục đích mang theo số heroin này là để sử dụng hay để bán. Trên cơ sở đó, KSV đã lập bản yêu cầu điều tra, đề nghị CQĐT làm rõ: (1) mục đích thực sự của hành vi cất giữ, mang theo heroin trong người; (2) nội dung các tin nhắn trong điện thoại bằng tiếng Lào cụ thể là gì; (3) các mối quan hệ qua liên lạc trong điện thoại; (4) trưng cầu giám định dấu vết trên bao bì heroin. Sau khi thực hiện yêu cầu điều tra, CQĐT thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh P.V.T. có hành vi “mua bán” chứ không phải là “vận chuyển” và đã tiến hành thay đổi quyết định khởi tố sang tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 BLHS. Việc định tội danh chính xác không chỉ ảnh hưởng đến khung hình phạt mà còn phản ánh đúng bản chất hành vi, từ đó bảo đảm tính nghiêm minh, khách quan trong giải quyết vụ án; mặt khác, có cơ sở để mở rộng điều tra, xử lý triệt để vụ án. Trường hợp này cho thấy hiệu quả thiết thực của hoạt động đề ra yêu cầu điều tra, một công cụ tố tụng quan trọng “trong tay” KSV để định hướng điều tra đúng trọng tâm, tránh sai sót trong việc xác định đúng tội danh cũng như mức độ nguy hiểm hành vi và những vấn đề liên quan.

Theo số liệu thống kê, từ năm 2018 đến năm 2024, tại các tỉnh biên giới giáp Lào, VKSND các cấp đã ban hành 149.080 bản yêu cầu điều tra đối với các vụ án về ma túy, đạt tỉ lệ trung bình 284%/năm so với tổng số vụ án khởi tố, theo xu hướng tỷ lệ năm sau cao hơn năm trước (**Phụ lục 1.8**). Trong thực tiễn giải quyết các vụ án ma túy y trên địa bàn thời gian qua, các vụ án ma túy thường là bắt quả tang, thu giữ vật vật chứng, chứng cứ phạm tội, lấy đó làm cơ sở để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, do đó, chủ yếu việc đề ra yêu cầu điều tra là để làm rõ hành vi của người phạm tội nhằm phân biệt giữa các tội danh, làm rõ vai trò của người phạm tội trong các vụ án phạm tội có tổ chức... [46].

Từ số liệu trên cho thấy, VKSND các cấp rất chú trọng công tác đề ra yêu cầu điều tra, để CQĐT tiến hành điều tra làm rõ hành vi phạm tội. Tỷ lệ phần trăm giữa số lượng bản yêu cầu điều tra và số lượng vụ án đã khởi tố là 284%, như vậy trung bình mỗi vụ án, KSV đã đề ra từ 02 đến 03 Bản yêu cầu điều tra.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc đề ra yêu cầu điều tra vẫn còn hạn chế như: chưa nắm chắc các bước quan trọng trong việc xây dựng bản yêu cầu điều tra. Cụ thể: Chưa nghiên cứu kỹ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nắm vững các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan để áp dụng giải quyết các vấn đề cụ thể. Chưa đặt các giả thuyết để hình dung toàn bộ diễn biến của vụ án, việc đặt ra các câu hỏi và câu trả lời về những vấn đề cần chứng minh trong vụ án còn chung chung (đánh giá chứng cứ để xác định về câu hỏi đó có thể trả lời được không? Có chắc chắn đủ căn cứ không? Nếu

không, thì phải làm gì để có câu trả lời chính xác?...). Chưa xem xét kỹ những nội dung nào về thủ tục tố tụng chưa thực hiện hay đã thực hiện nhưng chưa đúng quy định của BLTTHS để yêu cầu CQĐT thực hiện và khắc phục bổ sung. Bản yêu cầu điều tra còn chung chung, sơ sài, chưa bám sát các quy định của BLTTHS và chưa theo mẫu do VKSND tối cao ban hành. Mục đích gắn công tố với hoạt động điều tra chưa thu được kết quả cao như Chỉ thị, kế hoạch công tác của ngành Kiểm sát đề ra hàng năm.

#### *3.3.4.2. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết*

Theo quy định của BLTTHS thì CQĐT thực hiện việc điều tra, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm. Tuy nhiên BLTTHS cũng quy định cho VKSND được thực hiện một số hoạt động điều tra trực tiếp như hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... Trong thời gian qua, VKSND các cấp đã tiến hành thực hiện tốt hoạt động này phục vụ cho hoạt động THQCT trong điều tra vụ án về các tội phạm ma túy đạt hiệu quả cao. Những trường hợp cần thiết VKSND thực hiện các hoạt động điều tra trực tiếp đối với các vụ án ma túy đó là những trường hợp: trực tiếp như hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... Trong 07 năm qua, đã có hàng nghìn vụ án VKSND trực tiếp tiến hành nhiều hoạt động điều tra phục vụ chứng minh tội phạm. Qua nghiên cứu các hồ sơ vụ án hình sự về các tội ma túy, nhận thấy, Viện kiểm sát đã trực tiếp ban hành 623 quyết định trưng cầu giám định lại, yêu cầu người giám định giải thích các kết luận giám định để làm rõ hàm lượng ma túy, các thông tin liên quan đến công cụ, phương tiện phạm tội... Việc trực tiếp tiến hành điều tra như: hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, trưng cầu giám định... đã giúp bổ sung chứng cứ, giải quyết tốt một số vụ án về các tội ma túy nghiêm trọng, phức tạp.

Vào tháng 6 năm 2023, tại địa bàn huyện B, tỉnh SL, lực lượng chức năng phát hiện và bắt giữ một nhóm gồm ba đối tượng đang vận chuyển hơn 4.000 viên ma túy tổng hợp từ khu vực giáp biên giới về nội địa. CQĐT nhanh chóng khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố bị can đối với hai đối tượng trực tiếp vận chuyển là M.V.H. và T.C.T. Tuy nhiên, đối tượng thứ ba tên N.Q.H, là người bị bắt cùng tại hiện trường nhưng không có ma túy trong người lại chỉ bị xử lý hành chính do cả hai bị can đều khai “H. chỉ đi nhờ xe, không liên quan đến vụ việc”. Khi tiếp nhận hồ sơ vụ án, KSV nhận thấy có nhiều tình tiết chưa rõ ràng: theo biên bản kiểm tra, điện thoại của H. có lưu nhiều tin nhắn trao đổi lộ trình với các bị can khác; qua kiểm tra định vị, trước thời điểm bị bắt, H. từng di chuyển đến khu vực rừng giáp biên giới, nghi ngờ là điểm giao nhận “hàng”. Tuy nhiên, CQĐT chưa làm rõ những nội dung này mà chỉ dựa vào lời khai để không khởi tố H. Trước nguy cơ bỏ lọt vai trò đồng phạm cầm đầu, VKSND tỉnh đã quyết định trực tiếp hỏi cung các bị can và lấy lời khai độc lập của người làm chứng là người lái xe tải bị dừng kiểm tra cùng thời điểm. Trong buổi hỏi cung có ghi hình theo quy định của BLTTHS, bị can T.C.T. sau khi đối chất với dữ liệu tin nhắn và hình ảnh camera tại một trạm xăng đã thay đổi lời khai, thừa nhận rằng H. mới là người chủ động liên hệ lấy “hàng” và ra lệnh cho hai bị can đi cùng thực hiện việc vận chuyển. Từ kết quả trực tiếp điều tra này, VKS đã yêu cầu khởi tố bổ sung đối với N.Q.H. về tội “mua bán trái phép

chất ma túy”, đồng thời đề nghị CQĐT mở rộng điều tra về đường dây cung cấp ở bên kia biên giới.

Vụ việc này cho thấy, nếu không có sự chủ động, sắc bén của KSV trong việc trực tiếp điều tra, rất có thể H, đối tượng chủ mưu, cầm đầu đã bị bỏ lọt, đồng thời ảnh hưởng đến toàn bộ kết quả điều tra, truy tố vụ án. Đây là minh chứng rõ rệt cho kết quả thực tiễn về vai trò đặc biệt quan trọng của quyền năng điều tra trực tiếp trong THQCT, đặc biệt đối với các vụ án ma túy có tổ chức, nhiều đối tượng tham gia và có yếu tố xuyên quốc gia.

Thực tiễn VKSND trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra, gặp khó khăn, vướng mắc sau: trước khi BLTTHS có hiệu lực, pháp luật tố tụng hình sự không quy định hình thức hỏi cung bị can được quay lại bằng camera nên việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong hoạt động hỏi cung nhằm tránh các vi phạm pháp luật của ĐTV, KSV trong khi hỏi cung và bác bỏ bị can, bị cáo phản cung, khai bị ép cung trong quá trình điều tra không được thực hiện. Nay, BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được điều này. Khoản 6 Điều 183 BLTTHS năm 2015 quy định: Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở CQĐT phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Việc hỏi cung bị can tại các địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng [25], [46].

### **3.3.5. Thực hành quyền công tố trong việc kết thúc điều tra**

- Đối với việc kết thúc điều tra: sau khi kết thúc điều tra, CQĐT đưa ra một trong các quyết định: Đề nghị truy tố bị can, tạm đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra hoặc quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Trong 07 năm (2018 đến hết năm 2024), CQĐT đã đề nghị truy tố 38.271 vụ án về các tội phạm về ma túy, chiếm tỷ lệ 97,45%; kết thúc điều tra và quyết định đình chỉ 181 vụ án, chiếm tỷ lệ 0,46%; tạm đình chỉ điều tra 821 vụ án, chiếm tỷ lệ 2,09%. CQĐT đã đề nghị truy tố 47.387 bị can phạm các tội phạm về ma túy, chiếm 98,5%; kết thúc điều tra và quyết định đình chỉ 222 bị can, chiếm tỷ lệ 0,42%; tạm đình chỉ điều tra đối với 566 bị can, chiếm 1,08% (**Phụ lục 1.9**) [46].

Theo số liệu thống kê trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào từ năm 2018 đến hết năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp đã đình chỉ 51/39.273 vụ án về các tội ma túy (chiếm tỷ lệ khoảng 0,13%), đình chỉ 68/52.474 bị can về các tội phạm ma túy (chiếm tỷ lệ 0,13%). Các vụ án, bị can đình chỉ điều tra chủ yếu thuộc trường hợp bị can chết hoặc không có năng lực trách nhiệm hình sự (đình chỉ vụ án và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh). Các căn cứ đình chỉ đều được VKSND áp dụng đúng luật, thủ tục ra quyết định bảo đảm [46].

THQCT khi kết thúc điều tra chủ yếu là việc xem xét quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra. Trong thời gian vừa qua, VKSND đã thực hiện tốt hoạt động này theo nhiệm vụ, quyền hạn được BLTTHS quy định. Các vụ án, bị can đình chỉ điều tra chủ yếu thuộc trường hợp bị can có bệnh, chết hoặc hành vi không cấu thành tội phạm. Khi THQCT nếu thấy quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ, VKSND đã kịp thời hủy bỏ quyết định điều tra và yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra; nếu thấy đủ căn cứ để truy tố thì hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố. Ví dụ như vụ án

xảy ra vào đầu năm 2023 tại huyện B, tỉnh H. Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can N.T.T, là người từng bị bắt quả tang khi giao nhận một gói hàng nghi là ma túy cùng một đối tượng khác tại khu vực giáp ranh biên giới. Lý do đình chỉ được nêu trong quyết định là “*không đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội*”, với lập luận rằng tang vật ma túy thu giữ chỉ nằm trong balô của đối tượng còn lại, trong khi N.T.T. không trực tiếp cầm giữ và phủ nhận hoàn toàn việc liên quan đến gói hàng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ kết thúc điều tra, KSV được phân công đã nghiên cứu kỹ lời khai ban đầu, so sánh dữ liệu thu giữ từ camera gần hiện trường và tin nhắn giữa hai đối tượng. Qua đó, phát hiện N.T.T. là người chủ động hẹn địa điểm và hướng dẫn đường đi để thực hiện giao nhận ma túy. Ngoài ra, bị can còn từng có tiền án liên quan đến ma túy, điều này cho thấy động cơ và tính chất có tổ chức của vụ việc. Trước những tài liệu chứng cứ có giá trị buộc tội này, VKSND huyện B. đã ra quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra, yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra và tiếp tục làm rõ vai trò đồng phạm tích cực của N.T.T. Sau gần 1 tháng điều tra bổ sung, CQĐT đã đề nghị truy tố N.T.T về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 BLHS. Vụ việc sau đó được đưa ra truy tố và xét xử công khai, đúng người, đúng tội.

Các vụ án, các bị can bị tạm đình chỉ đều có lý do tạm đình chỉ đúng theo căn cứ của BLTTHS. Việc tạm đình chỉ đều được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát áp dụng đúng luật, thủ tục ra quyết định bảo đảm; các bị can bị tạm đình chỉ, do mắc bệnh hiểm nghèo hoặc tâm thần đều đã có quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc ngay sau đó, các bị can trốn đều có quyết định truy nã và có thông báo kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Như năm 2022, tại tỉnh S, một vụ án mua bán trái phép chất ma túy được khởi tố đối với hai bị can, trong đó một bị can tên H.V.T. đã bỏ trốn ngay sau khi bị khởi tố và có lệnh bắt tạm giam. CQĐT đã ra quyết định truy nã toàn quốc và đồng thời ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can này, bảo đảm đúng quy định tại khoản 1 Điều 229 BLTTHS. Trường hợp khác xảy ra tại tỉnh Quảng Bình năm 2021, bị can N.V.M. trong quá trình điều tra có biểu hiện rối loạn tâm thần, thường xuyên hoang tưởng và không nhận thức được hành vi. Sau khi có kết luận giám định pháp y tâm thần xác định bị can mất năng lực trách nhiệm hình sự tạm thời, VKS đã thống nhất với CQĐT ban hành quyết định tạm đình chỉ điều tra và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo đúng trình tự quy định. Hai trường hợp nêu trên cho thấy việc áp dụng chế định tạm đình chỉ điều tra được thực hiện đúng căn cứ pháp luật, vừa bảo đảm quyền lợi của bị can, vừa tránh kéo dài tố tụng không cần thiết, góp phần ổn định tiến trình xử lý vụ án.

Bên cạnh sự điều chỉnh của pháp luật đối với vấn đề THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy, tác giả nhận thấy còn có các yếu tố xã hội tác động đến hoạt động THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy như những quy định của hệ thống pháp luật hình sự, tố tụng hình sự của nước ta đến nay phải nói là đã được hoàn thiện ở mức độ rất cao, đầy đủ và toàn diện hơn các hệ thống pháp luật dân sự, tố tụng, hành chính... Quy định của pháp luật về hoạt động THQCT trong điều tra các tội ma túy đã có và càng ngày càng được hoàn thiện, việc đang ngày càng hoàn thiện không có nghĩa là việc thực thi được tốt mà nó còn phụ thuộc và nhiều yếu tố khác như: hướng dẫn áp dụng pháp

luật thiếu thống nhất, không kịp thời; nhận thức áp dụng pháp luật của những người thi hành pháp luật đối với tội phạm ma túy còn có những quan điểm khác nhau, nhất là trong việc định tội danh; ảnh hưởng của tập tục của địa phương, của vùng miền, nhất là các địa phương vùng núi, khu vực sát biên giới; sự tác động của gia đình bị can, người thân của gia đình người tiến hành tố tụng, rồi mặt trái của kinh tế thị trường ...đây là những yếu tố tác động không nhỏ đến kết quả của hoạt động THQCT trong điều tra các tội ma túy dẫn đến những những hạn chế và gặp những khó khăn nhất định.

### **3.4. Nhận xét, đánh giá những ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào**

#### **3.4.1. Ưu điểm**

Việc THQCT của VKSND trong điều tra các tội phạm về ma túy từ năm 2018 đến hết năm 2024 trên địa bàn các tỉnh biên giới giáp Lào có những ưu điểm như sau:

*Thứ nhất*, hầu hết cán bộ, KSV làm công tác THQCT trong hoạt động điều tra các tội phạm về ma túy được đào tạo bài bản, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, am hiểu pháp luật; nhận thức, đánh giá đúng vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ được phân công, nắm vững chức năng, trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

*Thứ hai*, VKSND các cấp đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, yêu cầu điều tra, nâng cao chất lượng điều tra các tội phạm về ma túy, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội. VKSND các cấp đã có nhiều cố gắng trong việc khắc phục tình trạng khởi tố, bắt giữ, tạm giam thiếu căn cứ, vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân. Đã thực hiện và quản lý tốt việc phê chuẩn bắt giữ, tạm giam, bảo đảm việc phê chuẩn bắt giam có đủ căn cứ, đúng pháp luật. Nhờ phê chuẩn việc bắt giữ, tạm giam thận trọng, kiên quyết từ chối phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, bắt tạm giam những trường hợp không có căn cứ hoặc xét thấy không cần thiết; đã khắc phục được một bước quan trọng trong việc lạm dụng bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam không đúng pháp luật, bắt oan, sai. VKSND nhiều địa phương đã chủ động đề ra yêu cầu điều tra ngay từ khi khởi tố vụ án các tội phạm về ma túy, đồng thời phối hợp chặt chẽ với CQĐT để thu thập đầy đủ chứng cứ của vụ án, thận trọng trong đánh giá chứng cứ, hoàn chỉnh hồ sơ. Sau khi kết thúc điều tra, để bảo đảm việc truy tố vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, VKSND các cấp đã trả hồ sơ điều tra bổ sung và nêu rõ yêu cầu điều tra. Phần lớn các yêu cầu điều tra đều bám sát quá trình điều tra vụ án, có chất lượng và được CQĐT chấp nhận thực hiện. Để đảm bảo việc THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy có đủ căn cứ và đúng pháp luật, VKSND các cấp đã kiên quyết trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung. Từ năm 2018 đến nay, VKSND các cấp đã thực hiện tốt văn bản hướng dẫn về trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, bám sát hoạt động điều tra, kịp thời đưa ra yêu cầu điều tra đã góp phần giảm đáng kể tỷ lệ trả hồ sơ điều tra bổ sung, bước đầu khắc phục được tình trạng kéo dài việc giải quyết vụ án.

*Thứ ba*, khi THQCT trong hoạt động điều tra các tội phạm về ma túy, VKSND các cấp luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng trong chính sách hình sự đối với các tội phạm về ma túy, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. VKSND các cấp tích cực yêu cầu CQĐT mở rộng điều tra đối với những vụ án về ma túy có manh mối về đồng phạm hoặc các đường dây ma túy lớn, xuyên quốc gia, tích cực truy bắt các đối tượng côn đồ, phạm tội có tính chuyên nghiệp, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, sử dụng vũ khí nóng để hoạt động phạm tội theo kiểu “xã hội đen” và chống người thi hành công vụ. Qua đó, các trọng án về ma túy được đẩy mạnh xử lý, tập trung điều tra, truy tố khẩn trương, làm rõ được hành vi, động cơ, mục đích phạm tội, nguyên nhân dẫn đến tội phạm và những sơ hở, thiếu sót trong quản lý của các cấp, các ngành để có biện pháp khắc phục, ngăn ngừa.

*Thứ tư*, hoạt động THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy của VKSND các cấp đã từng bước khắc phục tư duy pháp lý thuần túy, bảo đảm yêu cầu chính trị, gắn với yêu cầu pháp luật trong công tác xử lý các tội phạm về ma túy tại các địa phương là “điểm nóng” của tội phạm về ma túy. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, ngày càng nảy sinh những vấn đề mới, phức tạp về quản lý kinh tế, xã hội đó. Để vận dụng đúng chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước khi đánh giá tính chất tội phạm đối với các tội phạm về ma túy và xác định tội danh, ngoài việc căn cứ vào hành vi phạm tội của bị can, VKSND các cấp đã chú ý đến đặc điểm, tình hình chính trị của địa phương, hoàn cảnh đưa bị can đến phạm tội; cơ bản khắc phục được tình trạng đơn thuần căn cứ vào hành vi để quy tội khách quan; đồng thời chú trọng bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân.

*Thứ năm*, VKSND đã có sự phối hợp chặt chẽ với CQĐT cũng như các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, các cơ quan đã tạo điều kiện để cùng thực hiện đúng quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi ngành, cơ quan, đơn vị, cùng hướng tới mục tiêu chung trong đấu tranh phòng, chống tội phạm phạm về ma túy góp phần giữ vững an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt thông qua công tác THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy, VKSND các cấp đã chú trọng việc tổng hợp các vi phạm của CQĐT để ban hành kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, hướng dẫn các hoạt động điều tra tuân thủ đúng nội dung, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Hầu hết các kiến nghị của VKSND các cấp đều được CQĐT và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chấp nhận và nhanh chóng khắc phục. Từ đó, góp phần tạo niềm tin để CQĐT tập trung, chủ động tấn công tội phạm, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm về ma túy kịp thời, chính xác, đạt hiệu quả cao.

*Thứ sáu*, bên cạnh việc chú trọng giải quyết các vụ án về các tội phạm cụ thể về ma túy nhằm đảm bảo đúng pháp luật, VKSND các cấp chú trọng công tác phòng ngừa thông qua việc THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy. Những vụ án về các tội phạm ma túy đặc biệt nghiêm trọng và dư luận xã hội quan tâm được chọn làm án trọng điểm để điều tra, truy tố, xét xử nhanh phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương; chú ý phân tích tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội để từ đó tập hợp kiến nghị với các cơ quan hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục cũng như nhằm xây dựng các

sơ kết, chuyên đề phòng ngừa. VKSND các cấp sau khi tập hợp các vi phạm và nguyên nhân của vi phạm và tội phạm đã kịp thời tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương mở nhiều hội nghị chuyên đề phòng chống tội phạm về ma túy.

### **3.4.2. Tồn tại hạn chế**

*3.4.2.1. Trong thực hành quyền công tố tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm*

Hoạt động THQCT trong giải quyết tin báo tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố các vụ án ma túy tuy đã đạt nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn hạn chế như:

*Thứ nhất*, một số trường hợp bắt khẩn cấp sau đó trả tự do vì không đủ căn cứ khởi tố, xử lý hình sự; tạm giữ, gia hạn tạm giữ không có căn cứ vẫn còn xảy ra. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2024, trên địa bàn được nghiên cứu, vẫn còn một số ít trường hợp tạm giữ hình sự sau đó trả tự do và không khởi tố.

*Thứ hai*, việc đề ra yêu cầu tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết; yêu cầu kiểm tra, xác minh; yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; việc hủy bỏ quyết định tạm giữ, quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm và các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của Cơ quan có thẩm quyền điều tra; việc trực tiếp tiến hành kiểm tra, xác minh; cũng như số lần kiến nghị xử lý vi phạm... của VKSND các cấp đối với các Cơ quan có thẩm quyền điều tra, ĐTV, Cán bộ điều tra còn ít so với yêu cầu thực tiễn; đồng thời đối với những trường hợp VKSND trực tiếp tiến hành kiểm tra, xác minh, thì kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, xác minh của KSV, KTV còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

*Thứ ba*, thực tiễn việc trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản trong một số trường hợp còn bị chậm trễ hoặc chưa đầy đủ nên vẫn còn để xảy ra tình trạng tồn đọng, kéo dài hoặc quá hạn giải quyết TG, TBTP, KNKT.

*Thứ tư*, hoạt động giải quyết TG, TBTP, KNKT của một số VKSND trên địa bàn còn chưa thực sự đạt hiệu quả cao, bởi hoạt động phát hiện vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm tra, xác minh TG, TBTP, KNKT hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm của VKSND trên thực tế còn ít; khi phát hiện có vi phạm lại không có đủ lực lượng, kinh nghiệm trực tiếp kiểm tra, xác minh, thu thập, củng cố chứng cứ, tài liệu, đồ vật để làm rõ những tình tiết quan trọng liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong các vụ án ma túy.

*Thứ năm*, việc đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh hoặc xác minh và phát hiện khó khăn, vướng mắc trong tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT còn có hạn chế, chưa bảo đảm tính thường xuyên, chất lượng chưa cao do khi THQCT, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT, các KSV, KTV còn phụ trách nhiều công việc khác nên chưa thể nghiên cứu kỹ các nội dung trong TG, TBTP, KNKT và các tài liệu có liên quan.

*3.4.2.2. Trong hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can*

*a) Về hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều*

*Thứ nhất*, việc yêu cầu cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để có căn cứ trước khi khởi tố vụ án hoặc yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự còn chưa thực sự hiệu quả. Một số vụ việc Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đã không ra quyết định trưng cầu giám định chất ma túy trước khi quyết định khởi tố vụ án hình sự theo đúng quy định của BLTTHS về trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định chất ma túy, đây là căn cứ quan trọng quyết định cho việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Có trường hợp Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án với một tội danh, nhưng sau khi chuyển hồ sơ sang Cơ quan có thẩm quyền điều tra thì CQĐT lại phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án về một tội danh khác.

Điển hình như vụ án do Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế N Bộ đội biên phòng tỉnh NA phát hiện, bắt giữ. Sau khi thu giữ vật chứng nghi là chất ma túy, Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế N không ra quyết định trưng cầu giám định để xác định loại, khối lượng chất ma túy để làm căn cứ khởi tố vụ án mà chỉ dựa trên lời khai của người bị tạm giữ để ra quyết định khởi tố vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 143; Khoản 1, Điều 205; Khoản 5, Điều 206 BLTTHS. Mặt khác, mặc dù tài liệu, chứng cứ ban đầu thể hiện M.N.V (người Lào) mang ma túy từ Lào sang Việt Nam để bán cho một người Việt Nam lấy số tiền 14.000.000 kíp Lào. Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế N ra quyết định khởi tố vụ án về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4, Điều 250 BLHS là không đúng tội danh. Sau khi chuyển vụ án đến cấp tỉnh điều tra theo thẩm quyền, CQĐT tỉnh Nghệ An đã ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4 Điều 251 BLHS. Trong vụ án này, trong quá trình THQCT, VKSND đã không bám sát các hoạt động của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để kịp thời yêu cầu Đoàn Biên phòng thực hiện việc trưng cầu giám định trước khi khởi tố vụ án; không kịp thời phát hiện, yêu cầu thay đổi quyết định khởi tố vụ án trước khi ra quyết định chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền.

*Thứ hai*, một số vụ việc có dấu hiệu của tội phạm về ma túy nhưng CQĐT không khởi tố, khởi tố chậm hoặc khởi tố không có căn cứ, không đúng với hành vi mà các đối tượng đã thực hiện hoặc có trường hợp CQĐT ra quyết định khởi tố bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự không đúng với quy định của BLTTHS nhưng VKSND không phát hiện được, hoặc có phát hiện nhưng không kịp thời, không sử dụng triệt để và có hiệu quả các quyền năng pháp lý thuộc nội dung THQCT để khởi tố hoặc yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc hủy bỏ các quyết định khởi tố không có căn cứ của CQĐT, điển hình như việc ra quyết định khởi tố bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 156 của BLTTHS của CQĐT huyện Sông Mã trong vụ án Q.V.N và L.V.N về tội mua bán trái phép chất ma túy:

Ngày 20/12/2022, tổ công tác Công an huyện SM phát hiện, bắt quả tang Q.V.N có hành vi cất giữ trái phép 0,13 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Quá trình điều tra, Nam khai nhận nguồn gốc số ma túy trên do mua của L.V.N, thời điểm triệu tập L.V.N không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền không

biết L.V.N đi đâu, làm gì. Ngày 27/12/2022, CQĐT huyện Sông Mã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Q.V.N về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Ngày 25/02/2022, Lò Văn Ngọc đến CQĐT huyện SM đầu thú về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Q.V.N. Ngày 26/02/2022, CQĐT huyện SM ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự (khởi tố bổ sung vụ án đã khởi tố theo Quyết định vào ngày 27/12/2022 nêu trên) và Quyết định khởi tố bị can đối với Lò Văn Ngọc về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Trong vụ này, xác định nguồn gốc 0,13 gam Methamphetamine thu giữ trong vụ án là do L.V.N bán cho Q.V.N. Hành vi này đã được CQĐT huyện SM ra Quyết định khởi tố vụ án vào ngày 27/12/2022 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Nên việc CQĐT huyện SM ra Quyết định khởi tố bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự vào ngày 26/02/2023 là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 BLTTHS. Tuy nhiên, VKSND huyện SM đã không phát hiện, không có ý kiến đối với nội dung thiếu sót này, đến ngày 01/4/2023, VKSND huyện SM đã ban hành Cáo trạng truy tố các bị can Q.V.N và L.V.N ra trước Tòa án nhân dân huyện SM để xét xử theo tội danh như đã nêu trên.

*Thứ ba*, trong hoạt động khởi tố vụ án, đối với các trường hợp không khởi tố vụ án hình sự, mặc dù VKS các cấp đã có nhiều cố gắng để hạn chế việc bỏ lọt tội phạm nhưng hiệu quả thực tiễn vẫn chưa được như mong muốn.

Trong hoạt động khởi tố vụ án, mặc dù VKS các cấp đã có nhiều cố gắng để hạn chế bỏ lọt tội phạm, nhưng thực tiễn cho thấy vẫn còn một số vụ việc điển hình cho thấy việc nhận diện tội phạm chưa toàn diện. Đơn cử là vụ án xảy ra tại thị xã HM, tỉnh NA ngày 03/3/2022: CQĐT thị xã HM bắt quả tang H.T.L đang bán ma túy. Tang vật thu giữ gồm 07 viên hồng phiến và 01 gói ma túy đá (0,93 gam Methamphetamine). L.T. khai thực hiện theo chỉ đạo của P.V.H được hứa trả công 200.000đ. Khám xét nơi ở của P.V.H, CQĐT thu giữ hơn 221 gam Methamphetamine, cùng nhiều loại ma túy khác và phát hiện H.Đ.T đang tàng trữ ma túy trong người. Điều tra cho thấy, P.V.H chỉ đạo H.Đ.T mang ma túy đi bán khi mình vắng nhà. Sau đó, H.Đ.T còn rủ H.T.L sử dụng ma túy tại nhà của P.V.H. Đáng chú ý, sau khi sử dụng, H.T.L vẫn tiếp tục mang ma túy đi bán thì bị bắt quả tang.

Ban đầu, CQĐT thị xã HM chỉ khởi tố vụ án về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; khởi tố bị can đối với H.T.L. về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS; khởi tố bị can đối với H.Đ.T. về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 BLHS; khởi tố bị can đối với P.V.H. về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 4 Điều 251 BLHS. Tuy nhiên, chưa xem xét hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của H.Đ.T, cũng như lần phạm tội thứ hai của H.T.L, mặc dù chứng cứ cho thấy đủ căn cứ xác định cả hai hành vi này. Sau đó, vụ án được chuyển đến Cơ quan CSĐT (PC04) CA tỉnh NA để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền. Đến ngày 29/5/2022, CQĐT tỉnh NA ban hành QĐ khởi tố bổ sung vụ án và bị can, trong đó xác định H.Đ.T. phạm thêm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”,

còn H.T.L. thực hiện hành vi mua bán ma túy 2 lần, tình tiết định khung tăng nặng theo khoản 2 Điều 251 BLHS.

Trong vụ án nêu trên, mặc dù có nhiều bị can, thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhưng trong quá trình THQCT, KSV được phân công giải quyết vụ án lại không xây dựng Kế hoạch THQCT, kiểm sát điều tra (theo mẫu Số 15/HS); Báo cáo tiến độ điều tra vụ án (theo mẫu số 10/HS); không đề ra bản yêu cầu điều tra theo Quy chế Công tác THQCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao. KSV chưa nghiên cứu kỹ, chữa đánh giá kỹ lưỡng các tài liệu, chứng cứ về các hành vi của Hoàng Đình Tuấn, Hồ Trọng Lượng để xác định đầy đủ tội phạm và xác định tình tiết định khung tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

Thực tiễn hoạt động điều tra phá án cho thấy, không phải mọi trường hợp, việc xác định tội phạm và người phạm tội đều dễ dàng. Có những trường hợp ngay từ đầu đã xác định được vụ việc có dấu hiệu tội phạm và CQĐT đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để tiến hành điều tra nhưng vẫn không xác định được đối tượng phạm tội. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 229 BLTTHS về tạm đình chỉ điều tra thì: *“... Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án...”*; điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS cũng quy định căn cứ đình chỉ điều tra là *“... Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm”* [33]. Thực tiễn đó dẫn đến việc CQĐT “ngại” khởi tố vụ án đối với những vụ việc xảy ra nhưng chưa xác định rõ đối tượng phạm tội về ma túy, điển hình như các trường hợp mặc dù đã thu giữ được ma túy đang trên đường vận chuyển bởi bên trung gian, nhưng không rõ thông tin người gửi cũng như người nhận, mặc dù vụ việc có dấu hiệu tội phạm để hạn chế các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án do không chứng minh được đối tượng phạm tội, ảnh hưởng đến thành tích và tỷ lệ giải quyết chung. Mặt khác, thực tiễn vẫn còn nhiều trường hợp *“tội phạm đã xảy ra trên thực tế, cán bộ hoặc cơ quan chức năng đã nắm bắt được vụ việc nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà vụ án không được thụ lý, xử lý hình sự”* [78]. Ngoài ra còn nhiều trường hợp *“tội phạm ẩn”*, nghĩa là vụ việc có dấu hiệu tội phạm *“đã xảy ra trên thực tiễn nhưng do nguyên nhân khách quan, cơ quan chức năng không phát hiện ra hành vi phạm tội - không có thông tin về vụ án”* [80]. Vì không nắm bắt được thông tin về tội phạm nên cơ quan chức năng không biết đề ra quyết định khởi tố, và dĩ nhiên, những trường hợp này VKS cũng không thể có thông tin để yêu cầu khởi tố. Do đó, ngoài các trường hợp VKS yêu cầu hoặc trực tiếp khởi tố như đã thống kê ở phần trên, thực tế còn nhiều trường hợp có dấu hiệu tội phạm, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, cơ quan có thẩm quyền đã không khởi tố vụ án hoặc không biết đề ra quyết định khởi tố vụ án. Vì vậy, nhiệm vụ của VKS là phải nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực này, mặt khác cần phải có những quy định pháp luật đủ “mạnh” để VKS có đủ quyền năng cần thiết trong việc nắm bắt đầy đủ thông tin vụ việc, trên cơ sở đó mới có thể thực hiện tốt nhiệm vụ THQCT việc khởi tố vụ án, qua đó thực hiện hiệu quả nhiệm vụ *“không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội”* mà BLTTHS đã quy định.

*b) Trong hoạt động THQCT việc khởi tố bị can các vụ án ma túy vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót.*

Việc nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn đầu có những lúc chưa chặt chẽ, dẫn đến phê chuẩn khởi tố bị can chưa đủ căn cứ, không chính xác hoặc không thống nhất với việc khởi tố vụ án, quyết định truy tố không đúng tội danh, bỏ lọt tội phạm... Nhiều KSV chưa nhận thức đúng đắn vai trò của VKS trong việc bảo đảm cho việc khởi tố bị can đúng pháp luật và có căn cứ, còn có nhiều trường hợp chủ quan và ỷ lại vào quan điểm của CQĐT khi xét phê chuẩn khởi tố bị can, khởi tố oan, sai tội danh nhưng không phát hiện ra, dẫn đến phải đình chỉ điều tra do không phạm tội hoặc phải thay đổi quyết định khởi tố bị can theo hướng thay đổi tội danh. Điển hình như vụ án sau:

Ngày 31/7/2018, tại nhà ông G (chồng) và bà B (vợ), CQĐT huyện K, tỉnh NA bắt quả tang C đang có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy; cùng lúc này trong nhà có mặt của ông G, bà B và T. C khai nhận đến nhà ông G để mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi, thấy ông G và bà B đang ở nhà nên hỏi mua ma túy. C đưa cho ông G 800.000 đồng, ông G cầm tiền rồi vào buồng ngủ, sau đó đi ra đưa cho C một cục heroin và 01 viên ma túy tổng hợp. C sử dụng viên ma túy, còn gói heroin thì bị bắt giữ. CQĐT huyện K khám xét khẩn cấp nơi ở của G và B, thu giữ trong buồng ngủ 34 gam chất bột nén màu trắng, 161,4 gam tinh thể màu trắng, 1 khẩu súng tự chế và 17 viên đạn các loại. Kết luận giám định xác định: các mẫu vật thu giữ của G và B là Heroin (34 gam) và Methamphetamine (61,4 gam); thu giữ của C là Heroin (1,1 gam). Ngày 07/8/2018, CQĐT huyện K ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can, tạm giam đối với C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 BLHS; B và G về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 4 Điều 251 và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 BLHS. VKSND huyện K đã phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can và lệnh tạm giam nêu trên. Trong vụ án này tồn tại một số vấn đề như sau:

*Thứ nhất*, Biên bản khám xét khẩn cấp nhà không ghi cụ thể thu giữ ma túy tại vị trí nào trong nhà (trong tủ, giường, gùi chứa đồ...) mà chỉ ghi chung chung là thu trong buồng ngủ, trong khi đây là căn cứ quan trọng, có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của B. Mặt khác, đề nghị phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với B không nêu được hành vi phạm tội (diễn ra như thế nào, phạm tội gì, có đồng phạm hay không, nếu đồng phạm thì đồng phạm với ai, đồng phạm về tội gì...). Biên bản lấy lời khai của các đối tượng có nhiều sự mâu thuẫn giữa lời khai của các đối tượng với nhau và có sự mâu thuẫn giữa lời khai của từng đối tượng; Biên bản ghi lời khai cũng không thể hiện được các nội dung trọng tâm về việc xác định các dấu hiệu cấu thành tội phạm của B và vai trò của B đối với nguồn gốc ma túy thu giữ được (có hay không việc góp tiền để mua, thống nhất với chồng mua về để bán, biết và cùng cất giấu ma túy, cùng cất giữ tiền bán ma túy...), các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án cũng không đủ cơ sở để chứng minh hành vi của B cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy và vai trò đồng phạm của B với hành vi phạm tội của G. Tuy nhiên, theo Quyết định khởi tố bị can đối với B của CQĐT được phê chuẩn bởi VKSND thì cho rằng B phải chịu trách nhiệm với toàn bộ số tang vật thu giữ

được của G để khởi tố đối với B về 02 tội danh là tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; ra lệnh tạm giam 113 ngày đối với B về 02 tội danh nêu trên là không có căn cứ.

*Thứ hai*, mặc dù các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ để xác định B có hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng đã có căn cứ chứng minh được bà B biết chồng mình là G lấy ma túy về để bán, và biết là đã bán cho một số đối tượng, nhưng không báo với cơ quan chức năng để xử lý tội phạm đối với G. Như vậy, B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS; nhưng lại không khởi tố để điều tra đối với bà B về tội phạm này là đã bỏ lọt tội phạm.

Như vậy, quá trình THQCT, VKSND huyện K không kịp thời phát hiện được những vi phạm, mâu thuẫn nêu trên để đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can và phê chuẩn lệnh tạm giam đối với B, nhưng vẫn phê chuẩn là chưa làm đúng trách nhiệm.

Việc nghiên cứu để quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đòi hỏi phải thận trọng, khách quan; đòi hỏi phải nghiên cứu chi tiết, toàn diện hệ thống các văn bản pháp luật cũng như các chủ trương về chế độ chính sách của nhà nước về tội phạm ma túy mới có thể xác định rõ bản chất của vụ án, từ đó đưa ra quyết định chính xác về việc phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Thực tiễn cho thấy, hàng năm vẫn còn có trường hợp khởi tố bị can oan, sai tội danh, không có căn cứ, trái pháp luật, VKS trong quá trình nghiên cứu, xét phê chuẩn không phát hiện ra dẫn đến sau đó phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội (*Phụ lục 1.9*).

Những trường hợp phải đình chỉ điều tra do không phạm tội không chỉ có trong giai đoạn điều tra mà còn có trong giai đoạn truy tố, nhưng xét đến cùng là do quá trình khởi tố ban đầu của CQĐT và quá trình xét phê chuẩn quyết định khởi tố của VKS còn có thiếu sót, sai lầm. Các trường hợp này chủ yếu là do sai sót trong việc đánh giá chứng cứ; trong việc nhận thức, xác định hành vi của người bị buộc tội hoặc xác định hành vi, vai trò của người bị buộc tội trong vụ án về ma túy có nhiều bị can. Cũng có những trường hợp khởi tố đối với người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện hoặc khởi tố đối với hành vi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, khởi tố đối với người thực hiện hành vi đã có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật... Những sai sót như trên của CQĐT không được VKS phát hiện kịp thời, dẫn đến hậu quả không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín và các quyền cơ bản của công dân mà còn làm giảm bớt uy tín, niềm tin của nhân dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng.

#### *3.4.2.3. Việc đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu CQĐT thực hiện một số hoạt động điều tra*

Trong việc đề ra yêu cầu điều tra, vẫn còn một số trường hợp KSV chưa chú trọng việc đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói để bảo đảm kịp thời thu thập các dấu vết, vật chứng, tài liệu và các thông tin khác có ý nghĩa quan trọng trong vụ án. Theo quy định của Thông tư liên tịch số 04/2018, KSV có thể đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói trong

trường hợp trực tiếp tham gia các hoạt động điều tra để THQCT, kiểm sát điều tra (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại, đương sự, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, nhận biết giọng nói), tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn một số trường hợp KSV chưa chú trọng việc đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói để bảo đảm kịp thời thu thập các dấu vết, vật chứng, tài liệu và các thông tin khác có ý nghĩa quan trọng trong vụ án.

Một số trường hợp KSV đề ra yêu cầu điều tra mang tính hình thức hoặc trong một số trường hợp án trọng điểm, phức tạp; vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm hoặc có thể phải thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can thì trước khi ký văn bản đề ra yêu cầu điều tra, nhưng do chủ quan và còn xem nhẹ tầm quan trọng của việc đề ra yêu cầu điều tra, KSV đã không báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo Viện dẫn đến một số trường hợp nội dung yêu cầu điều tra chưa cụ thể, rõ ràng, chưa sát với nội dung vụ án; chưa nêu được cụ thể những vấn đề cần điều tra mà chưa được làm rõ hoặc còn có mâu thuẫn cũng như chưa định hướng được cho việc thu thập chứng cứ để làm rõ cấu thành tội phạm hoặc những vấn đề phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 85 và Điều 441 BLTTHS.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số trường hợp ĐTV, Cán bộ điều tra không thực hiện được đầy đủ yêu cầu điều tra của KSV nhưng KSV vẫn không yêu cầu ĐTV, Cán bộ điều tra giải thích, nêu rõ lý do trong bản kết luận điều tra; hay điển hình có trường hợp KSV không đề ra yêu cầu điều tra triệt để yêu cầu CQĐT thực hiện những hoạt động điều tra cần thiết nên không thu thập đầy đủ chứng cứ, thông tin về tội phạm dẫn đến bỏ lọt tội phạm, như vụ án D và Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 3, Điều 249 BLHS. Trong vụ án này, sau khi bị bắt giữ và bị thu giữ 97,03 gam ma túy Methamphetamine, các đối tượng D và Q đều khai nhận phù hợp với nhau về thời gian, không gian, địa điểm và số lượng 05 gói ma túy hồng phiến mua của một người đàn ông tên T ở bản Đ. Ngày 10/12/2022, CQĐT đã tiến hành xác minh người đàn ông T, thì xác định có một người có tên thật là L, tên thường gọi là T, có đặc điểm, ngoại hình giống với thông tin như D và Q mô tả nhưng CQĐT không tiến hành và KSV cũng không yêu cầu CQĐT tiến hành cho D và Q nhận dạng đối với L, và không khởi tố đối với L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mặc dù có hai lời khai trực tiếp của D và S (chứng cứ kép) về việc mua ma túy của L và số ma túy này đã thu giữ được. Phải đến ngày 14/4/2023, Công an huyện TD bắt quả tang L về hành vi tàng trữ trái phép 0,3 gam ma túy (Heroin), L khai nhận hành vi bán ma túy cho D và Q trước đó. Lúc này, CQĐT tiến hành cho L nhận dạng đối với Q và D, và mới khởi tố L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Việc KSV không đề ra yêu cầu điều tra đối với CQĐT huyện TD để tiến hành cho D và Q nhận dạng đối với L trong vụ án nêu trên nhằm củng cố tài liệu, chứng cứ khởi tố L (thường gọi là T) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” dẫn đến bỏ lọt tội phạm là một thiếu sót quan trọng trong quá trình THQCT, chưa bảo đảm gắn công tố với hoạt động điều tra, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 19 BLTTHS và khoản 1 Điều 190 BLTTHS để giải quyết triệt để vụ án.

#### 3.4.2.4. Trong việc thu thập chứng cứ; khám xét, tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét

##### a) Trong việc thu thập chứng cứ

Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, hoạt động điều tra thu thập chứng cứ trong một số vụ án vụ án ma túy vẫn còn hạn chế do hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy chủ yếu được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền điều tra; với đặc thù của loại tội phạm này, nhiều trường hợp hoạt động thu thập chứng cứ không có sự tham gia trực tiếp của KSV, hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra của VKS trong một số trường hợp được thực hiện chưa theo sát được quá trình điều tra dẫn đến vẫn còn tồn tại vi phạm trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ nhưng chậm được khắc phục, chủ yếu là các vi phạm về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ, thu thập dấu vết, vật chứng, lập hồ sơ vụ án, bảo đảm các quyền của những người bị buộc tội trong quá trình bắt giữ, thu thập chứng cứ; việc thu thập tài liệu, chứng cứ ở một số vụ án chưa khoa học, chưa đầy đủ, như việc lập biên bản phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng; có vụ án nội dung, chứng cứ, tài liệu phản ánh chưa đầy đủ với thực tế của sự việc dẫn đến việc khó khăn cho việc đấu tranh, điều tra sau này, điển hình như một số vụ án do CQĐT tỉnh TH thụ lý, điều tra: (1) việc lập biên bản phạm tội quả tang trong các vụ án: (i) vụ án T và M, phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, Quyết định khởi tố vụ án số 59/PC47 ngày 03/6/2018; (ii) vụ án D và P phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; khởi tố vụ án số 89/PC47 ngày 26/9/2018; (iii) vụ án Q phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, Quyết định khởi tố vụ án số 42/PC47 ngày 08/3/2019; (2) việc niêm phong vật chứng (ma túy), trong vụ án T và Ê; phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, Quyết định khởi tố vụ án số 56/PC47 ngày 16/5/2018.

Việc yêu cầu CQĐT thu thập chứng cứ vẫn còn hạn chế, một số KSV còn thụ động, khi thực hiện nhiệm vụ, chưa làm đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của BLTTHS như: yêu cầu điều tra, thu thập chứng cứ chưa kịp thời, không THQCT ngay từ khi khởi tố vụ án để đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp của hoạt động này, làm cơ sở, tiền đề cho các hoạt động tiếp theo; việc ban hành bản yêu cầu điều tra, yêu cầu thu thập chứng cứ còn mang tính “*chiếu lệ*” do đây nội dung này là một trong những chỉ tiêu đánh giá của VKS, chất lượng yêu cầu điều tra chưa cao, yêu cầu không sát với việc chứng minh tội phạm và người phạm tội, thậm chí có những yêu cầu điều tra không khả thi, gây ra những khó khăn phức tạp cho việc điều tra, xử lý vụ án.

Bên cạnh đó, qua quá trình điều tra các vụ án ma túy, việc thu thập tài liệu chứng cứ, đấu tranh với tội phạm có nhiều khó khăn do tính chất của loại tội phạm này, nổi lên là việc điều tra các vụ án truy xét, đây là loại án điều tra có tính chất đặc thù, chỉ căn cứ cơ bản vào hệ thống lời khai để đấu tranh xử lý, tuy nhiên việc đấu tranh và thu thập tài liệu của loại án này có vụ chưa đầy đủ và chưa đảm bảo giá trị về chứng cứ, chứng minh, nhưng CQĐT vẫn ra các quyết định pháp lý đề nghị VKS phê chuẩn, qua nghiên cứu VKS thấy chưa đủ căn cứ nên đã yêu cầu CQĐT tiếp tục xác minh, thu thập củng cố hồ sơ tài liệu như các vụ án: (1) vụ án Mua bán trái phép chất ma túy, Quyết định khởi tố vụ án số 70/PC47 ngày 27/7/2018; (2) vụ án Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, Quyết định khởi tố vụ án 71/PC47 ngày 25/7/2018 tại vũ trường khách sạn Lam Kinh, tỉnh T.

*b) Trong việc khám xét, tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét*

Có trường hợp có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án nhưng KSV lại không yêu cầu CQĐT tiến hành khám xét, như trường hợp vụ án Lê Đức X phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 2, Điều 251 BLHS và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4, Điều 249 BLHS. Ngày 20/12/2019, X bị tổ công tác Công an thành phố V phát hiện, bắt quả tang, thu giữ của X 01 gói ma túy có khối lượng 0,8 gam. Sau khi bị bắt quả tang, mặc dù Lê Đức D khai nhận còn đang cất giấu ma túy tại phòng trọ và tự nguyện giao nộp 116,925 gam ma túy các loại đang cất giấu tại phòng trọ, trong vụ án này, KSV không yêu cầu CQĐT tiến hành khám xét chỗ ở để xác định còn có những vật chứng khác hay không, như vậy là chưa bảo đảm chặt chẽ trong hoạt động điều tra, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 192 và Điều 195 BLTTHS.

Hay như vụ án Vàng Thị T thuê Sử Thị M “Vận chuyển ma túy”, M cất gói ma túy vào cốp xe máy BKS 27B1-975.XX của mình đi trước và T đi chiếc xe máy của T đi sau trong quá trình di chuyển để vận chuyển ma túy thì bị tổ công tác phát hiện, bắt giữ. Quá trình thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Vàng Thị T và Sử Thị M, CQĐT tạm giữ 02 xe máy BKS 27B1-975.XX (của Sử Thị M), BKS 26K1-134.XX (của Vàng Thị T), thu giữ 01 túi giấy màu đen bên trong có 4.753 viên Methamphetamine (thu giữ tại hộp đựng đồ dưới yên xe máy do Sử Thị M điều khiển). Trên cơ sở nội dung vụ án nêu trên, có thể nhận định 02 xe máy trên là phương tiện phạm tội, có liên quan đến vụ án, việc khám xét phương tiện là cần thiết để củng cố chứng cứ, hành vi phạm tội của các đối tượng, tuy nhiên trong quá trình điều tra, KSV đã không yêu cầu CQĐT không tiến hành khám xét 02 xe máy trên.

Một số trường hợp KSV chỉ quan tâm vào việc xác định, chứng minh hành vi phạm tội của người phạm tội, trong quá trình bắt giữ, khám xét còn chưa chú trọng đối với những vật chứng cần phải thu giữ, dẫn đến không kịp thời yêu cầu CQĐT tiến hành thu giữ hoặc có trường hợp thu giữ vật chứng trong quá trình khám xét nhưng KSV không yêu cầu CQĐT lập biên bản thu giữ, điển hình như vụ án Vi Văn D và đồng phạm phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 4 Điều 251 BLHS do VKSND huyện ML, tỉnh T giải quyết, theo các Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can của Vi Văn D, Vi Văn S do CQĐT huyện ML thực hiện trước đó và việc thực hiện hỏi cung của CSĐT tỉnh và VKSND tỉnh T ngày 28/6/2022 thì Vi Văn S vẫn khai nhận việc S đến nhà D lấy chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS đi trước đến nơi chờ hẹn khách để cảnh giới lực lượng chức năng, còn Duẩn đã điều khiển xe máy YAMAHA biển số 36K1-049.XX đi sau để đưa ma túy cho khách là có căn cứ khách quan. Tuy nhiên, tại hồ sơ do CQĐT huyện ML chuyển cho CSĐT tỉnh T điều tra theo thẩm quyền thì không có bất cứ tài liệu, biên bản nào thể hiện về việc thu giữ chiếc xe máy mà S điều khiển và tang vật chuyển cùng hồ sơ cũng không có chiếc xe máy này. Phải đến ngày 08/7/2022, VKSND tỉnh T đã ban hành Kiến Nghị số 02/KN-VKS-PI đối với CQĐT huyện ML về khắc phục vi phạm trong việc thu giữ tang vật vụ án theo

qui định của pháp luật thì đến ngày 15/7/2022, CQĐT huyện ML, tỉnh T mới có Văn bản số 342/CV-CSĐT trả lời, tiếp thu kiến nghị và chuyển chiếc xe máy là tang vật của vụ án CQĐT tỉnh T để điều tra xử lý theo qui định của pháp luật. Như vậy, Qua nội dung trong vụ án nêu trên xét thấy KSV khi THQCT trong việc khám xét trong quá trình điều tra cần phải kiểm sát kỹ càng, chặt chẽ và kịp thời về các hoạt động tố tụng của CQĐT để đưa ra những yêu cầu kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật, trách để xảy ra tình trạng như vụ án nêu trên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 192 BLTTHS, “*việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án*” [33]. Tuy nhiên, có trường hợp trong quá trình ra lệnh khám xét CQĐT ra lệnh khám xét đồ vật, tài sản của một người nhưng lại tiến hành tại địa điểm và đối với tài sản, đồ vật của người khác, không liên quan và thuộc phạm vi quản lý của người bị khám xét trong lệnh, như Lệnh khám xét khẩn cấp số 10/PC47 ngày 12/01/2018 trong vụ án Nguyễn Thanh B và đồng bọn phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Quyết định khởi tố vụ án số 04/PC47 ngày 13/01/2018, trong Lệnh khám xét tiến hành khám xét đồ vật, tài sản đối với B, nhưng khi thực hiện lệnh khám xét đã khám xét và thu giữ đồ vật, tài sản tại khu bếp ăn của nhà nghỉ “Huỳnh Đệ” thuộc quyền sở hữu và sự quản lý của người khác (chủ nhà nghỉ) chứ không phải của đối tượng Nguyễn Thanh B, như vậy là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 192 BLTTHS nêu trên và đã ảnh hưởng đến quyền về tài sản của người khác.

*3.4.2.5. Việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn của CQĐT vẫn còn một số hạn chế*

Việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn của CQĐT vẫn còn nhiều hạn chế, trong đó có một phần hạn chế từ hoạt động THQCT của VKS. Nhiều VKSND các địa phương chưa thực hiện tốt, còn để xảy ra tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp, lạm dụng tạm giữ hình sự nhưng sau đó phải trả tự do. Nhiều vụ án CQĐT đã ra lệnh bắt khẩn cấp, Viện kiểm sát đã phê chuẩn, nhưng sau đó phải trả tự do cho đối tượng bị bắt vì không có đủ căn cứ để khởi tố bị can về tội phạm liên quan đến ma túy. Ngoài ra, còn có trường hợp đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, lẽ ra CQĐT phải đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt, tạm giam bị can, nhưng CQĐT đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối tượng. Có nhiều trường hợp đã tạm giữ 3 ngày, sau đó vừa xin phê chuẩn gia hạn tạm giữ, vừa xin phê chuẩn bắt khẩn cấp hoặc có vụ án do khởi tố sai tội danh, xác định sai loại tội phạm từ tội phạm ít nghiêm trọng thành tội phạm nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng, ví dụ như vụ án G và đồng phạm phạm các tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, từ khởi tố sai tội danh dẫn đến ra lệnh tạm giam sai, B phạm tội ít nghiêm trọng, trong thời hạn tạm giam chỉ 02 tháng nhưng lại ra lệnh tạm giam 04 tháng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bị can. Mặt khác, trong

vụ án này, Quyết định gia hạn tạm giam đối với V và B đến ngày 09/8/2018 mới hết lệnh, nhưng ngày 07/8/2018 CQĐT ra lệnh tạm giam đối với 02 bị can này, ngày 07/8/2018, VKSND phê chuẩn các lệnh nhưng không có Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam (ngày tạm giam trùng ngày tạm giữ 02 ngày), như vậy là vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại khoản 2 Điều 125 BLTTHS.

Có những trường hợp CQĐT đề nghị phê chuẩn lệnh tạm giam đối với người đang bị tạm giữ bị khởi tố bị can, mặc dù trong hồ sơ chưa có đủ các tài liệu, chứng cứ đề nghị xét phê chuẩn lệnh tạm giam, quyết định khởi tố bị can theo quy định tại khoản 5 Điều 10 và khoản 4 Điều 16 TTLT số 04/2018 hoặc có đủ nhưng chưa bảo đảm đúng căn cứ, điều kiện tạm giam và thời hạn tạm giam bị can để điều tra theo quy định tại các điều 113, 119, khoản 1 Điều 173 BLTTHS và khoản 1 Điều 17 Quy chế số 111; tính sai thời hạn tạm giam, ghi sai thời hạn tạm giam; nhưng KSV vẫn báo cáo, đề xuất lãnh đạo xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can để tiến hành cùng với việc xét phê chuẩn lệnh tạm giam bị can, bao gồm cả những trường hợp bị can đã bị tạm giữ trước đó. Điển hình như trong vụ án Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS; Lệnh tạm giam và Đề nghị phê chuẩn lệnh tạm giam của CQĐT tính sai và ghi sai thời hạn tạm giam trong trường hợp Lò Văn T đã bị tạm giữ trước đó, cụ thể: Lò Văn T bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam, Quyết định gia hạn tạm giữ lần 2 đã được VKS phê chuẩn ghi gia hạn tạm giữ lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày, kể từ 09 giờ 00 phút ngày 09/02/2023 đến 09 giờ 00 phút ngày 12/02/2023. Tuy nhiên, lệnh tạm giam và Đề nghị phê chuẩn lệnh tạm giam của CQĐT ghi tạm giam trong thời hạn 02 tháng 21 ngày, kể từ ngày 13/02/2023 đến ngày 04/5/2023. Như vậy, thời hạn tạm giam không liên tục với thời hạn tạm giữ, vi phạm khoản 1 Điều 134 BLTTHS và Điều 17 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC- BCA-BQP ngày 19/10/2018 quy định về phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS.

Hay như vụ án Giàng A C và Chai Thị D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Mua bán trái phép chất ma túy tại huyện NL, tỉnh T. Sau khi tạm giữ và gia hạn tạm giữ lần thứ nhất, lần thứ hai đối với Chai Thị D và Giàng A C. Ngày 30/5/2022, CQĐT huyện ML ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”; Quyết định khởi tố bị can số 33,34/QĐ-KTBC và Lệnh tạm giam số 30,31/LTG-CSĐT đối với Chai Thị D về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Giàng A C về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS trong thời hạn 2 tháng 21 ngày thời gian tính từ ngày 30/5/2022 đến ngày 21/8/2022. Tổng số ngày từ 30/5/2022 đến ngày 21/8/2022 là 54 ngày, đổi ra tháng tạm giam là bằng 2 tháng 24 ngày tạm giam, như vậy là thừa 3 ngày tạm giam theo Lệnh tạm giam số 30,31/LTG-CSĐT của CQĐT huyện ML Việc tính thời hạn tạm giam nêu trên là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 134 BLTTHS và khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch 04/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC.

Bên cạnh đó, điển hình còn có một số vụ án áp dụng sai căn cứ tạm giam, như các bị can Vàng A T và Lò Văn H đều bị khởi tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm (tội phạm nghiêm trọng). Nhưng tại phần căn cứ của các Lệnh tạm giam và Đề nghị phê

chuẩn Lệnh tạm giam của CQĐT huyện ĐBĐ, tỉnh Đ đối với các bị can Vàng A T và Lò Văn H đều ghi căn cứ khoản 1 Điều BLTTHS. Trong khi đó khoản 1 Điều 119 BLTTHS quy định “*tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng*” [33].

*3.4.2.6. Chất lượng thực hành quyền công tố trong việc trưng cầu giám định vẫn còn một số tồn tại hạn chế*

Mặc dù hoạt động THQCT trong việc trưng cầu giám định trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn còn một số tồn tại, hạn chế dẫn đến những vi phạm nghiêm trọng tố tụng như bỏ lọt tội phạm. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung, giám định lại theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 BLTTHS; Cấp trưởng, Cấp phó Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định trưng cầu giám định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 BLTTHS; Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS quyết định trưng cầu giám định theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 41 BLTTHS trong các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 36 Quy chế số 111, gồm: (i) VKS trực tiếp giải quyết TG, TBTP, KNKT; (ii) VKS đã yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra quyết định trưng cầu giám định nhưng Cơ quan có thẩm quyền điều tra không thực hiện mà nếu không giám định thì không đủ chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Tuy nhiên, vẫn còn có trường hợp bắt buộc phải giám định để làm căn cứ xác định chất ma túy trước khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, là căn cứ quan trọng quyết định cho việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án hình sự; mặc dù Cơ quan có thẩm quyền không ra quyết định trưng cầu giám định nhưng VKS không kịp thời yêu cầu tiến hành trưng cầu giám định, cũng không trực tiếp ra quyết định trưng cầu giám định theo thẩm quyền thuộc các quy định nêu trên điển hình như vụ án M.N.V bị Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế N bắt quả tang, bắt giữ về hành vi mang 380,72 gam ma túy Methamphetamine dạng viên nén màu hồng từ Lào sang Việt Nam để bán cho một người Việt Nam. Sau khi thu giữ vật chứng nghi là chất ma túy, Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế N không ra quyết định trưng cầu giám định và VKS cũng không yêu cầu Cơ quan này ra quyết định trưng cầu giám định để xác định loại, khối lượng chất ma túy để làm căn cứ khởi tố vụ án mà chỉ dựa trên lời khai của người bị tạm giữ để ra quyết định khởi tố vụ án là chưa thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền nêu trên và các quy định tại Điều 143; Khoản 1, Điều 205; Khoản 5, Điều 206 BLTTHS.

Ngược lại, mặc dù theo quy định điểm i khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, chỉ giám định hàm lượng chất ma túy trong “*Trường hợp chất thu giữ được nghi là chất ma túy ở thể rắn đã được hòa thành dung dịch thì phải xác định hàm lượng chất ma túy làm cơ sở để xác định khối lượng hoặc thể tích chất ma túy thu giữ được...*”. Tuy nhiên, có một số trường hợp không thuộc trường hợp buộc phải giám định nhưng VKS vẫn yêu cầu CQĐT tiến hành trưng cầu giám định, như trong vụ án B.T.T bị bắt quả tang đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói nhỏ nghi là ma túy, Công an huyện C tỉnh Thanh Hoá tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ vật chứng: 01 cục (tép) bên ngoài được bọc bằng giấy thiếc

màu vàng, bên trong là chất màu trắng (ở thể rắn, dạng bột), không xác định hình dạng, hình thái bột ướt được thu giữ trong miệng của B.T.T. VKS đã yêu cầu CQĐT tiến hành trưng cầu giám định trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định chất ma túy. Tại bản kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu cục chất bột màu trắng phong bì gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng mẫu là 0,307g. Như vậy, căn cứ vào quy định của pháp luật nêu trên thì số ma túy thu được trong vụ án này là 0,307g chất bột màu trắng đã được Cơ quan giám định xác định là ma túy loại Heroine, không thuộc trường hợp phải giám định hàm lượng để xác định khối lượng chất ma túy trong vụ án nhưng VKS vẫn yêu cầu CQĐT tiến hành trưng cầu giám định, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án cũng như tiêu tốn về các chi phí, nguồn lực liên quan để bảo đảm cho việc giám định.

Hay có trường hợp VKS đã không yêu cầu CQĐT trưng cầu giám định đầy đủ các vật chứng có khả năng cao chứa chất ma túy, chẳng hạn như giám định nước bên trong chai, trong các vật dụng mà người phạm tội sử dụng làm công cụ sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Như vụ án M.T.T.T bị bắt quả tang đang sử dụng ma túy cùng một số cá nhân khác. Các vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm: 01 chai nhựa màu trắng có nắp đậy màu đỏ bên trong có nước, trên miệng chai nhựa có gắn một ống hút màu vàng và gắn một cái phễu làm bằng thủy tinh màu trắng kèm thêm ống hút màu xanh: một máy lửa màu đỏ. Quá trình làm việc M.T.T.T đã tự nguyện giao nộp 01 gói ni lông màu đen bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng. Tú khai cất giấu để sử dụng. CQĐT đã trưng cầu giám định để xác định chất tinh thể rắn màu trắng thu giữ trong túi ni lông mà Tú tự nguyện giao nộp. Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H đã có kết luận: chất tinh thể rắn có khối lượng 0,1228gam, là ma túy, loại Methamphetamine. Tuy nhiên, khi bắt quả tang Tú và nhóm bạn đang sử dụng ma túy, có thu giữ dụng cụ để sử dụng ma túy, trong đó có chai nước được gắn với phễu thủy tinh, nhưng CQĐT không trưng cầu giám định và VKS cũng không yêu cầu giám định đối với lượng nước bên trong chai đó có chứa ma túy hay không và nếu có thì loại ma túy gì để có thêm chứng cứ xử lý mà chỉ trưng cầu giám định gói ma túy do Tú giao nộp, như vậy là chưa đảm bảo việc xử lý toàn diện vụ án; chưa thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 206 BLTTHS là các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định. Sau đó, thiếu sót này của CQĐT cũng không được KSV phát hiện kịp thời để yêu cầu giám định bổ sung.

#### *3.4.2.7. Vẫn còn trường hợp vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.*

Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung có thể do những nguyên nhân khách quan như: xuất hiện tình tiết mới; sau khi kết thúc điều tra bị can phản cung hoặc cung cấp chứng cứ mới về tội phạm, người đồng phạm khác; xuất hiện chứng cứ mới về tuổi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị can mà trước đó không thể biết được... Tuy nhiên, bên cạnh những nguyên nhân khách quan nêu trên, thực tế cho thấy tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn, trong đó có một phần lỗi của các KSV không bám sát hoạt động cũng như tiến độ điều tra, không kịp thời phát hiện thiếu sót, vi phạm để đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT khắc phục, dẫn đến

phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, thậm chí có nhiều vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần. Số liệu án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thể hiện qua bảng thống kê sau:

Nội dung \ Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	Tổng
Số vụ án bị trả hồ sơ điều tra bổ sung	5	12	8	10	12	11	6	64

**Bảng 3.2. Số vụ Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào**

Các vụ án trả hồ sơ điều tra bổ sung một phần là do ý thức, trách nhiệm của KSV chưa cao, chưa thực hiện các hoạt động tố tụng chặt chẽ ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, chưa nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra để phát hiện các vi phạm, thiếu sót, đề ra yêu cầu điều tra. Đến khi vụ án đã kết thúc điều tra, thậm chí chuyển hồ sơ sang Tòa án xét xử mới phát hiện chứng cứ thu thập không đầy đủ, để lọt đồng phạm, bỏ lọt hành vi phạm tội hoặc vi phạm thủ tục tố tụng.

Diễn hình như trong vụ án “vận chuyển trái phép chất ma túy” được CQĐT tỉnh S. kết luận điều tra và đề nghị truy tố vào đầu năm 2023, bị can L.V.H. bị bắt quả tang khi đang vận chuyển 3 bánh heroin từ khu vực biên giới giáp Lào về nội địa. Quá trình điều tra, CQĐT chỉ làm rõ hành vi vận chuyển của H. và xác định đây là hành vi thực hiện đơn lẻ, không có đồng phạm. Hồ sơ sau đó được chuyển sang VKS và truy tố ra Tòa án. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử sơ thẩm, bị cáo bất ngờ phản cung, khai nhận mình chỉ là người được thuê vận chuyển hàng, và người trực tiếp giao ma túy cho bị cáo là một đối tượng tên B, người từng liên hệ nhiều lần qua điện thoại. Bên cạnh đó, dữ liệu trích xuất từ điện thoại của bị cáo cũng cho thấy có nhiều tin nhắn liên quan đến một người tên B nhưng trước đó CQĐT chưa làm rõ. Tòa án sau khi xét thấy có căn cứ xác thực lời khai mới, đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm làm rõ vai trò của người liên quan, đồng thời xác định có hay không đồng phạm trong vụ án. Qua kiểm tra, nhận thấy CQĐT đã không trích xuất và phân tích toàn diện dữ liệu điện thoại ngay từ đầu, trong khi KSV phụ trách vụ án cũng không phát hiện thiếu sót trong hồ sơ điều tra hoặc đề ra yêu cầu điều tra bổ sung kịp thời. Vụ án buộc phải trả hồ sơ để điều tra lại, gây kéo dài thời gian tố tụng gần 4 tháng, làm ảnh hưởng quyền lợi tố tụng của bị cáo, đồng thời gây lãng phí các nguồn lực của các CQTHTT.

Mặc dù số lượng án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong các vụ án ma túy thấp hơn so với các loại tội phạm khác hoặc so với số liệu tổng thể án hình sự, mặt khác, có nhiều vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung do nguyên nhân khách quan, tuy nhiên, vẫn cần phải xác định và ghi nhận về mặt tồn tại hạn chế này, điều đó một phần phản ánh chất lượng công tác THQCT còn hạn chế, nhiều trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần, kéo dài việc giải quyết vụ án, làm mất thời gian và lãng phí, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan...

### **3.5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

#### ***3.5.1. Nguyên nhân từ hạn chế về trình độ, nhận thức và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên***

Thời gian qua, phần lớn cán bộ, KSV VKSND hai cấp trên địa bàn các tỉnh biên giới giáp Lào đã không ngừng nỗ lực học hỏi, rèn luyện, phấn đấu, vươn lên trong quá trình công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận cán bộ, KSV chưa nhận thức được đầy đủ, đúng đắn vị trí, vai trò, thẩm quyền của VKSND trong hoạt động tố tụng hình sự nói chung cũng như trong hoạt động THQCT trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng. thiếu kinh nghiệm thực tiễn, lúng túng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nói chung cũng như THQCT trong các vụ án về ma túy, một số KSV do còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức về quản lý kinh tế, xã hội và chủ quan không thực hiện đầy đủ quy trình nghiệp vụ nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hiện nay, vẫn còn một số cán bộ, KSV còn yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thể hiện qua một số mặt sau:

*Thứ nhất*, trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật và khả năng vận dụng pháp luật thực tiễn của một số KSV còn hạn chế. Trong bối cảnh hệ thống pháp luật không ngừng bổ sung, sửa đổi, đặc biệt là các văn bản pháp luật liên quan đến ma túy có tính kỹ thuật cao và thay đổi liên tục, nhiều KSV vẫn chưa thường xuyên cập nhật kiến thức mới, dẫn đến việc áp dụng pháp luật còn mang tính máy móc, thiếu linh hoạt. Có trường hợp, KSV khi giải quyết vụ án ma túy không phân biệt chính xác giữa các tội danh như “mua bán trái phép chất ma túy” với “vận chuyển” hoặc “tàng trữ trái phép chất ma túy”, ảnh hưởng đến việc định tội, truy tố và xét xử sau này. Ngoài ra, khả năng vận dụng tổng hợp nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau trong cùng một vụ án vẫn là điểm yếu. Một KSV thuộc VKSND cấp huyện tại tỉnh Q cho biết: “*Có vụ án tôi phải rà đến 5-10 loại văn bản, bao gồm cả hướng dẫn liên ngành, nhưng do không nắm chắc văn bản mới, dẫn đến lúng túng trong việc đề xuất hướng xử lý*”.

*Thứ hai*, thao tác nghiệp vụ của một số KSV còn nặng tính kinh nghiệm, thiếu tính hệ thống và khoa học (*qua khảo sát thực tế, tồn tại, hạn chế này chủ yếu nằm ở các KSV ở độ tuổi khoảng trên 35 tuổi, không giữ chức vụ*). Một số KSV khi thực hiện THQCT trong điều tra vụ án ma túy vẫn còn biểu hiện làm việc theo lối mòn, kinh nghiệm cá nhân, chưa tuân thủ đầy đủ quy trình nghiệp vụ của Ngành. Việc lập hồ sơ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, chưa chú ý đến các tình tiết gỡ tội hoặc yếu tố làm thay đổi bản chất hành vi vi phạm. Theo báo cáo tổng kết năm 2023 của một VKSND tỉnh trên địa bàn, có đến 14 vụ án bị trả hồ sơ điều tra bổ sung, trong đó có các vụ án về ma túy, mà nguyên nhân chủ yếu là do cáo trạng thiếu cơ sở chứng minh tội phạm hoặc chưa làm rõ các mâu thuẫn về lời khai, vật chứng.

*Thứ ba*, năng lực nhận diện yếu tố cấu thành tội phạm, khả năng phân tích, tổng hợp chứng cứ của một số KSV còn hạn chế. Có những vụ án ma túy, hành vi phạm tội không rõ ràng, tình tiết khách quan và chủ quan đan xen, đòi hỏi KSV phải có khả năng phân tích sâu sắc các yếu tố cấu thành tội phạm để đánh giá đúng tính chất, mức độ hành

vi phạm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy một số KSV vẫn còn lúng túng khi phân tích yếu tố “mục đích mua bán” hay “ý chí đồng phạm”, dẫn đến đánh giá chưa toàn diện. Có vụ án chỉ tập trung thu thập chứng cứ buộc tội mà bỏ qua việc chứng minh các điều kiện loại trừ trách nhiệm hình sự, khiến việc giải quyết án thiếu khách quan.

*Thứ tư, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần chủ động của một số KSV còn chưa cao. Bên cạnh những khó khăn khách quan, vẫn tồn tại tình trạng né tránh vụ án khó, tâm lý e ngại va chạm, đặc biệt trong các vụ án có bị can kêu oan, luật sư tham gia bảo vệ hoặc có nhiều quan điểm pháp lý khác nhau. Trong cuộc khảo sát phi chính thức đối với 12 KSV tại 4 tỉnh biên giới phía Bắc, có tới 8 KSV cho rằng họ cảm thấy áp lực lớn hơn khi giải quyết các vụ án ma túy có luật sư hoặc có truyền thông quan tâm, và thường mất nhiều thời gian chuẩn bị hơn nhưng vẫn thiếu tự tin.*

Ngoài ra, vẫn còn hiện tượng KSV thiếu chủ động trong nắm tiến độ vụ án, không kịp thời phát hiện các mâu thuẫn trong chứng cứ, dẫn đến việc không đề xuất điều tra bổ sung kịp thời. Một số vụ án bị đình chỉ hoặc trả hồ sơ không phải do vụ án khó, mà vì KSV không nắm vững quy chế nghiệp vụ hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm là điều đã từng được phát hiện qua các đợt kiểm tra nội bộ của VKSND cấp tỉnh.

Như vậy, nguyên nhân đến từ hạn chế về trình độ, nhận thức và ý thức trách nhiệm của một bộ phận KSV mặc dù không phải là phổ biến nhưng đây không chỉ là vấn đề nghiệp vụ đơn lẻ, mà là một tồn tại mang tính hệ thống, đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ trong đào tạo, kiểm tra nghiệp vụ và cơ chế đánh giá, sàng lọc đội ngũ. Bên cạnh việc nâng cao kiến thức pháp luật, cần đặc biệt chú trọng bồi dưỡng kỹ năng phân tích chứng cứ, bản lĩnh nghề nghiệp và tinh thần chủ động trong xử lý các vụ án ma túy vốn rất phức tạp, dễ bị tác động bởi yếu tố ngoại cảnh.

### ***3.5.2. Hạn chế về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện kiểm sát nhân dân các cấp***

Hoạt động quản lý chỉ đạo điều hành và kiểm tra của một số VKSND còn chưa được quan tâm đúng mức, hoạt động chỉ đạo điều hành chủ yếu dựa trên việc xem xét các báo cáo kết quả công tác của VKSND cấp dưới. Việc kiểm tra hồ sơ, sổ sách chưa được tiến hành thường xuyên đối với các đơn vị, nhất là giữa VKSND tối cao với các VKSND địa phương. Ngoài ra, việc tổ chức, quản lý, chỉ đạo và kiểm tra của lãnh đạo VKSND đối với các hoạt động của KSV đôi khi chưa sâu sát, thiếu thận trọng, chủ quan; việc kiểm tra KSV thực hiện thao tác nghiệp vụ chưa thường xuyên, sâu sát, chưa phát hiện được thiếu sót của KSV trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án để chấn chỉnh kịp thời, thậm chí tại một số nơi vẫn còn có tư tưởng khoán trắng cho KSV theo kiểu “Lãnh đạo ký quyết định, KSV cấp dưới chịu trách nhiệm”, nên không nghiên cứu kỹ hồ sơ, không tỷ mỉ dẫn đến sai sót trong nhiều trường hợp. Điển hình như vụ án Nguyễn Văn H đã được phân tích trong Luận án.

Mặt khác, trong công tác quản lý, chỉ đạo nghiệp vụ cũng chưa thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm... dẫn đến trên thực tế, các thiếu sót, hạn chế chậm được khắc phục sửa chữa. Việc phân công, bố trí công việc giữa các KSV tại một số VKS địa phương vẫn chưa thực sự hợp lý, không phù hợp với sở trường và năng lực của từng

người, dẫn đến không phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động THQCT trong các vụ án về ma túy. Ngành kiểm sát chưa có chính sách phân công KSV chuyên trách THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy, đặc biệt là các địa phương có tỉ lệ tội phạm về ma túy cao như các tỉnh có đường biên giới tiếp giáp Lào. Tại các VKSND cấp huyện, hầu hết KSV được phân công thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ, đối với nhiều loại vụ án khác nhau. Thực tế cho thấy, nếu không có sự tập trung, chuyên sâu trong một lĩnh vực hoạt động thì hiệu quả công tác sẽ không cao. Mặt khác, công tác rà soát, đánh giá cán bộ, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ chưa thực sự đạt hiệu quả cao, chưa kịp thời phát hiện, bồi dưỡng những cán bộ có năng lực, nhất là những cán bộ có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo. Chưa có biện pháp xử lý phù hợp, hiệu quả đối với những cán bộ, KSV có ý thức trách nhiệm chưa cao khi thực hiện nhiệm vụ.

### ***3.5.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy cho Kiểm sát viên còn một số hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức***

Trong bối cảnh tội phạm về ma túy ngày càng diễn biến phức tạp, với nhiều thủ đoạn tinh vi, xuyên quốc gia và có yếu tố công nghệ cao, yêu cầu đặt ra đối với KSV không chỉ dừng lại ở việc nắm chắc quy định pháp luật mà còn cần được trang bị kỹ năng nghiệp vụ đặc thù, tư duy sắc bén, khả năng phân tích chứng cứ và bản lĩnh xử lý tình huống thực tiễn. Tuy nhiên, thực tiễn tại nhiều địa phương giáp biên giới Việt Nam – Lào cho thấy công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ THQCT trong điều tra các vụ án về ma túy còn một số hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu và tính chất đặc thù của loại tội phạm này.

*Thứ nhất*, nội dung đào tạo, bồi dưỡng còn nặng về lý thuyết, thiếu cập nhật tình huống thực tiễn. Các chương trình tập huấn nghiệp vụ hiện nay phần lớn được xây dựng theo hình thức truyền thống, thiếu bài giảng mô phỏng, nghiên cứu tình huống điển hình. Điều này khiến cho việc tiếp thu kiến thức trở nên thụ động, khó giúp KSV hình thành kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra tội phạm về ma túy vốn có nhiều điểm đặc thù so với các loại án khác. Một số KSV chia sẻ rằng họ “*chưa từng được tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật đánh giá chứng cứ điện tử trong các vụ án ma túy có sử dụng công nghệ cao, một dạng án đang có xu hướng gia tăng tại các tỉnh biên giới*”.

*Thứ hai*, các chương trình đào tạo chuyên biệt, phân tầng theo trình độ và vị trí công tác còn chưa đáp ứng. Nhiều chương trình đào tạo vẫn mang tính phổ thông, chưa phân biệt giữa KSV sơ cấp – trung cấp – cao cấp; giữa cán bộ làm công tác quản lý với người trực tiếp THQCT. Đặc biệt, tại các địa bàn trọng điểm như Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Thanh Hoá – nơi có tỉ lệ án ma túy cao – việc tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu hoặc các lớp tập huấn “*cầm tay chỉ việc*” vẫn còn rất hiếm. Điều này dẫn đến thực tế là KSV trẻ, nhất là ở cấp huyện, phần lớn vẫn phải tự học hoặc học qua “*truyền nghề*”, thiếu sự hỗ trợ bài bản từ hệ thống đào tạo của Ngành.

*Thứ ba*, công tác tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn giữa các địa phương còn rời rạc. Việc đúc rút bài học từ những vụ án điển hình, vụ án phức tạp để phổ biến cho đội

ngũ KSV cả nước chưa được thực hiện một cách hệ thống. Các hội nghị tập huấn thường mang tính báo cáo chung, thiếu những chuyên đề chuyên sâu có tính đối thoại, thảo luận kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phản biện thực tiễn. Một KSV tại tỉnh T chia sẻ: “*Kể từ khi trở thành KSV, tôi chưa từng được tập huấn chuyên sâu, bài bản cách đặt câu hỏi trong hỏi cung bị can về ma túy, phần lớn là tự mày mò qua hồ sơ cũ hoặc hỏi đồng nghiệp*”.

*Thứ tư*, thiếu đội ngũ giảng viên có năng lực thực tiễn cao, đặc biệt trong lĩnh vực ma túy. Việc giảng dạy nghiệp vụ THQCT cho các vụ án về ma túy đòi hỏi phải có người có kinh nghiệm trực tiếp xử lý án, am hiểu về các phương thức thủ đoạn phạm tội, và đặc biệt là có khả năng phân tích tình huống pháp lý phức tạp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy lực lượng giảng viên hiện nay còn mỏng, chủ yếu là cán bộ quản lý hoặc giảng viên lý luận. Việc mời các KSV dày dặn kinh nghiệm đứng lớp vẫn chưa nhiều, phần nào làm giảm hiệu quả truyền đạt và dẫn đến khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

*Thứ năm*, hoạt động đánh giá sau đào tạo chưa thực sự hiệu quả. Sau các lớp tập huấn, hầu như không có cơ chế đánh giá năng lực thực tế hoặc kiểm tra việc áp dụng kiến thức vào công tác THQCT của KSV. Thiếu vắng cơ chế này dẫn đến tình trạng “học để điểm danh”, “tập huấn mang tính hình thức” mà không tạo được động lực thực sự cho cán bộ học hỏi và nâng cao trình độ.

Có thể khẳng định rằng: hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ là một trong những nguyên nhân mang tính nền tảng và lâu dài ảnh hưởng đến chất lượng THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy. Để khắc phục, cần thay đổi tư duy tổ chức tập huấn từ bị động sang chủ động, từ hình thức sang thực chất, hướng đến xây dựng hệ thống đào tạo đa tầng, chuyên sâu, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận – thực tiễn – nghiệp vụ kỹ thuật, đặc biệt là đối với các địa phương có tỉ lệ án ma túy cao, tính chất án phức tạp và biên chế “mỏng”.

#### ***3.5.4. Hoạt động phối hợp liên ngành trong hoạt động điều tra và THQCT việc khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy còn hạn chế.***

Trong quá trình điều tra và giải quyết các vụ án ma túy, đặc biệt là những vụ án có tính chất phức tạp, xuyên quốc gia, có yếu tố nước ngoài hoặc có bị can kêu oan, phủ nhận hành vi phạm tội, sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả giữa các CQTHTT, bao gồm CQĐT, VKS và Tòa án đóng vai trò đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm việc áp dụng đúng đắn pháp luật, xử lý kịp thời, khách quan và toàn diện các hành vi phạm tội. Tuy nhiên, thực tiễn tại nhiều địa phương trên tuyến biên giới Việt Nam – Lào cho thấy hoạt động phối hợp liên ngành còn thiếu đồng bộ, chưa thống nhất trong tổ chức thực hiện, dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng và tiến độ giải quyết án.

*Thứ nhất*, một số nơi còn thiếu sự chủ động, linh hoạt và nhất quán trong phối hợp giữa các cơ quan tố tụng. Việc phối hợp liên ngành, đặc biệt giữa CQĐT và VKS, vẫn còn mang tính hình thức, không gắn với thực tiễn và nhu cầu cụ thể của từng vụ án. Có trường hợp, hoạt động khởi tố, bắt giữ, khám xét, lấy lời khai ban đầu do CQĐT thực hiện mà không có sự tham gia kịp thời của KSV, làm ảnh hưởng đến việc THQCT ngay từ đầu.

*Thứ hai*, còn tồn tại sự khác biệt về nhận thức pháp lý và cách vận dụng pháp luật giữa các CQTHTT. Không ít trường hợp, việc không thống nhất trong việc xác định tội danh, tình tiết định khung, hay áp dụng các biện pháp tố tụng đặc biệt như bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giam, trưng cầu giám định... đã dẫn đến tranh luận kéo dài, làm chậm tiến độ xử lý vụ án. Ví dụ, trong một số vụ án ma túy có yếu tố cấu kết chặt chẽ, KSV cho rằng đủ căn cứ để khởi tố theo tội danh “mua bán trái phép chất ma túy” nhưng CQĐT lại cho rằng chỉ đủ yếu tố cấu thành hành vi “tàng trữ” hoặc “vận chuyển”. Việc thiếu thống nhất này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng hồ sơ mà còn khiến các cuộc họp liên ngành bị kéo dài.

*Thứ ba*, trong một số trường hợp, hoạt động phối hợp bị chi phối bởi tâm lý nể nang, thiếu phản biện và kiểm soát lẫn nhau. Do quan hệ phối hợp không được thể chế hóa rõ ràng, nên tại một số địa phương, việc KSV tham gia vào các cuộc họp liên ngành chỉ mang tính chất “xác nhận”, không có điều kiện để phản biện, đề xuất hướng điều tra hoặc xử lý độc lập. Điều này khiến chức năng THQCT của VKS không được phát huy triệt để, làm giảm hiệu lực của hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra.

### ***3.5.5. Cán bộ, Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy còn thiếu rất nhiều so với số lượng án phải thụ lý,***

Cán bộ, KSV làm nhiệm vụ THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy còn thiếu rất nhiều so với số lượng án phải thụ lý hàng năm. Trong 07 năm qua, số lượng án ma túy trung bình tăng 6,79%/năm (**Phụ lục 1.3**); tỷ lệ án ma túy tăng giữa năm 2024 so với năm 2018 là 47,37%, trong khi số lượng cán bộ, KSV trong thời gian này không tăng lên, thậm trí, từ năm 2015 cho đến hết năm 2021, toàn ngành Kiểm sát phải tinh giản 10% biên chế theo Quyết định số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Phải đến ngày 28/9/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam mới ban hành Nghị quyết số 610/NQ-UBTVQH15 về việc điều chỉnh biên chế cho ngành Kiểm sát nhân dân trong giai đoạn 2022-2026. Theo đó, tổng biên chế của ngành Kiểm sát nhân dân là 15.860 người, bao gồm 15.616 cán bộ, công chức và 244 viên chức. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng khó khăn trong phân công cán bộ, KSV của các VKSND trên địa bàn nói chung, bao gồm phân công THQCT, giải quyết các vụ án về ma túy trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2022.

Mặt khác, Ở hầu hết các VKSND trên địa bàn, nhất là tại các VKSND cấp huyện, không có KSV chuyên trách làm công tác THQCT đối với các tội phạm về ma túy, tình trạng một KSV được giao THQCT một số lượng vụ án quá lớn dẫn đến quá tải về công việc nên khó có thể đáp ứng yêu cầu về chất lượng công tác THQCT đối với tất cả các vụ án về ma túy.

### ***3.5.6. Chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy còn hạn chế***

KSV là công chức làm việc trong lĩnh vực đặc thù: áp lực công việc cao, mỗi quyết định có khả năng ảnh hưởng đến quyền con người, danh dự, uy tín... của con người (liên quan trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người được Hiến pháp ghi nhận và bảo vệ như: quyền bất khả xâm phạm về thân thể, đời tư, quyền tự do đi lại, cư trú,

các quyền về tài sản...), vì vậy đòi hỏi có sự công tâm, minh bạch, sáng suốt và khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Theo quy định pháp luật hiện hành, trách nhiệm của KSV trong hoạt động tố tụng hình sự rất nặng nề. VKS là cơ quan giám sát toàn bộ hoạt động khởi tố, điều tra, xét xử và là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm truy tố và buộc tội người phạm tội. Tuy nhiên, chế độ tiền lương, phụ cấp, đãi ngộ lại hoàn toàn không tương xứng, mức lương chưa có sự khác biệt căn bản với các đơn vị hành chính khác, không tính đến đặc thù nghề nghiệp cũng như trách nhiệm mà đội ngũ cán bộ, KSV đang gánh vác. Thực tiễn đó dẫn đến việc một bộ phận cán bộ KSV có năng lực không yên tâm gắn bó lâu dài với Ngành, thậm trí có thể dẫn đến một điều đáng lo ngại là KSV bị sa ngã trước những cám dỗ, bất chấp dẫn đến vi phạm nghiêm trọng trong giải quyết vụ án, nhất là đối với các tỉnh có điều kiện kinh tế còn chưa cao như Điện Biên, Sơn La, Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum... nhiều KSV ngoài giờ làm việc còn phải lao động ngoài để có thêm thu nhập, chưa có điều kiện để chuyên tâm học hỏi, nâng cao năng lực nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp.

Trong quá trình khảo sát thực tế phi chính thức tại các tỉnh này, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp một số KSV. Trong đó, một KSV trẻ đang công tác tại VKSND huyện N, tỉnh Quảng Trị chia sẻ: *“Mức thu nhập hiện nay không đủ để trang trải cuộc sống, nhất là đối với những đồng chí có gia đình ở xa. Ngoài giờ làm việc, tôi phải tranh thủ bán hàng online hoặc phụ giúp gia đình làm kinh tế để có thêm thu nhập, vì vậy rất ít có thời gian đọc thêm tài liệu chuyên ngành hay cập nhật các văn bản mới”*. Tình trạng này không phải cá biệt, một KSV khác tại tỉnh Điện Biên cho biết: *“Nghề kiểm sát đòi hỏi kiến thức pháp lý chuyên sâu, toàn diện, kỹ năng tổng hợp và bản lĩnh vững vàng. Nhưng áp lực công việc lớn, trong khi chế độ đãi ngộ chưa tương xứng, cá nhân tôi cũng từng cân nhắc việc chuyển công tác về nơi có điều kiện tốt hơn. Mặc dù vậy, đến nay tôi vẫn quyết tâm kiên trì, nỗ lực để tiếp tục công tác tại đây vì những lý tưởng của Đảng, của Ngành, đồng thời, tôi nhận thức được đây là khó khăn chung, cần sự thay đổi lâu dài và mang tính hệ thống chứ không phải vấn đề của riêng cá nhân tôi”*. Bên cạnh đó, một KSV phụ trách án ma túy nhận định: *“Những vụ án lớn, phức tạp về ma túy ngày càng nhiều, thời gian để nghiên cứu chuyên sâu thì ngày càng ít. Có hôm tôi phải tranh thủ nghiên cứu hồ sơ vào ban đêm vì ban ngày còn thực hiện nhiều nhiệm vụ khác. Mong muốn được học tập nâng cao chuyên môn là có, nỗ lực, cố gắng cũng có, nhưng trong điều kiện này thì rất khó khăn và vất vả”*.

Những chia sẻ trên cho thấy thực trạng đáng quan ngại về điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ và áp lực nghề nghiệp đối với đội ngũ KSV tại các tỉnh biên giới còn nhiều khó khăn. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng THQCT, mà còn có nguy cơ làm suy giảm tinh thần cống hiến, đặc biệt trong bối cảnh các vụ án ma túy ngày càng gia tăng về số lượng, quy mô và tính chất.

Bên cạnh đó, điều kiện vật chất, phương tiện làm việc của VKSND các cấp còn rất khó khăn. Nhiều trụ sở làm việc đặc biệt là trụ sở làm việc của VKSND cấp huyện còn chật hẹp, phương tiện phục vụ công tác và công nghệ thông tin còn chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy hiện nay. KSV thường gặp nhiều khó khăn khi tác nghiệp những vụ án đòi hỏi ứng dụng công nghệ, kỹ

thuật trong quá trình điều tra các vụ án về ma túy, đặc biệt là trong thu thập, sử dụng, đánh giá chứng cứ điện tử trong các vụ án người phạm tội có sử dụng công nghệ cao, với những thủ đoạn mới, ngày càng tinh vi hay sử dụng tiền ảo để giao dịch... Trang thiết bị hiện tại không tương xứng với tốc độ phát triển công nghệ thông tin của xu thế công nghệ 4.0 hiện nay, do đó, nhiều KSV rất ngỡ ngàng trước việc ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng các yêu cầu công tác trong tình hình hiện nay. Đặc biệt, với sự phát triển đa dạng của đời sống kinh tế, xã hội hiện nay, tội phạm công nghệ cao đang diễn biến hết sức phức tạp thì việc KSV không được tiếp xúc và không sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại sẽ là hạn chế rất lớn đến quá trình tác nghiệp nói chung và hoạt động THQCT việc khởi tố, điều tra các vụ án ma túy nói riêng.

### ***3.5.7. Nguyên nhân từ những vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật hình sự***

Các quy định về tội phạm ma túy trong BLHS đã có nhiều điểm mới tiên bộ hơn so với BLHS năm 1999. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành thời gian qua đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập cụ thể như sau:

#### ***3.5.7.1. Chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về các tội phạm về ma túy***

Các văn bản hướng dẫn áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 liên quan đến tội phạm ma túy hiện đã hết hiệu lực; việc thiếu các văn bản thay thế cụ thể dẫn đến việc giải quyết các vụ án về ma túy thiếu thống nhất. Ví dụ, một số điều luật trong BLHS đề cập đến "*bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định*" nhưng lại chưa có hướng dẫn cụ thể, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Trong trường hợp thu giữ vật chứng là một phần của cây (nghi ngờ chứa chất ma túy thuộc danh mục của Chính phủ) thì câu hỏi đặt ra là liệu có cần yêu cầu giám định chất ma túy trong bộ phận đó hay chỉ cần xác định tên loại cây là đủ.

#### ***3.5.7.2. Một số văn bản có nội dung hướng dẫn không còn phù hợp với hành vi phát sinh trong xã hội, dẫn đến việc áp dụng BLHS còn có quan điểm không thống nhất cần được hướng dẫn***

Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, VKSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII "các tội phạm về ma túy" của BLHS năm 1999 (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 08) không phù hợp với quy định tại các điều 250, 251 của BLHS. Trong các điều luật chỉ quy định trọng lượng làm căn cứ định tội, định khung hình phạt. Vì vậy vấn đề giám định hàm lượng chất ma túy trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn. Do đó đề nghị cần bỏ hướng dẫn quy định giám định hàm lượng chất ma túy thu giữ mà chỉ giám định hàm lượng để tính trọng lượng đối với các chất ma túy pha vào dung dịch, xai thuốc phiện, thuốc có chứa chất gây nghiện.

3.5.7.3. Trong quá trình điều tra vụ án liên quan đến ma túy, CQĐT không thu được vật chứng là ma túy ở dạng viên nén có đặc điểm như: Hình hộp chữ nhật màu đen – xám, in chữ "RERBULL", hình "cái khiên" viên hình "viên kim cương" màu xanh,

viên hình con khi in chữ “NO SEE” hoặc gói “nước vui” ...Người mua, người bán, người sử dụng đều khai đó là ma túy nhưng không biết cụ thể tên chất ma túy gì như quy định của Chính phủ và không biết khối lượng. Hiện nay còn có quan điểm chưa thống nhất, cụ thể:

- Có quan điểm cho rằng vì không thu được vật chứng nên không giám định được, không xác định được loại ma túy như trong Danh mục các chất ma túy mà Chính phủ quy định tại Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định Danh mục các chất ma túy và tiền chất và Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Tuy nhiên, người mua, người bán, người sử dụng đều thừa nhận đó là chất ma túy. Tức là bị cáo ý thức được việc mua bán, vận chuyển chất đó là ma túy nên có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội liên quan đến ma túy và chỉ truy cứu về số lần, số viên thuốc đã bán không quy kết loại và khối lượng ma túy.

- Có quan điểm cho rằng để có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự một người về các tội liên quan đến ma túy thì phải xác định được chất ma túy và khối lượng các chất. Bởi vì theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08 thì *“Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng”*. Trong trường hợp này không thu giữ được vật chứng nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

*3.5.7.4. Vương mắc trong việc xác định khối lượng hoặc thể tích chất ma túy trong trường hợp chất ma túy gửi giám định có chứa thành phần của nhiều chất ma túy khác nhau không thể tách riêng từng chất*

- Vương mắc trong việc xác định khối lượng của từng chất ma túy trong trường hợp không thể tách riêng từng chất.

Sau khi BLHS có hiệu lực thi hành, Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của BLHS. Theo tinh thần của Nghị định này, về cơ bản vẫn dựa trên Thông tư liên tịch số 08. Tuy nhiên, Nghị định chỉ quy định cách tính khối lượng hoặc thể tích của một chất ma túy được giám định, chưa quy định trong trường hợp gửi giám định chất ma túy có chứa thành phần của nhiều chất ma túy khác nhau, không thể tách riêng từng chất ma túy thì tính tổng khối lượng hoặc thể tích được thực hiện như thế nào.

Hiện nay, có những vụ án, vật chứng thu được có ma túy thuộc loại Methamphetamine, vừa có ma túy ở thể rắn có nhiều chất hợp thành (ma túy tổng hợp) như: Methamphetamine + MDMA + Ketamine hoặc Methamphetamine + MDMA + Methylphenidate. Trường hợp này, Tòa án nhân dân tối cao đã có giải đáp tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 xác định chất ma túy tổng hợp nêu trên không thuộc

trường hợp phải giám định hàm lượng. Tuy nhiên, tại Công văn số 464/CV-V4 ngày 16/12/2019 của VKSND tối cao lại hướng dẫn trường hợp nêu trên phải yêu cầu CQĐT xác định tỷ trọng của từng chất ma túy trong chất ma túy hợp thành để xác định khối lượng từng chất ma túy. Việc xác định khối lượng của từng chất ma túy trong chất ma túy hợp thành là bắt buộc. Như vậy, trong trường hợp cấp sơ thẩm không giám định để xác định tỷ trọng từng chất ma túy trong chất ma túy hợp thành, VKS đề nghị hủy án thì xử lý thế nào. Hơn nữa, Nghị định 19/2018/NĐ-CP chỉ hướng dẫn cách tính tổng khối lượng của chất ma túy khi thu giữ giám định chỉ có thành phần một chất (01 loại) ma túy. Trường hợp nêu trên trong số ma túy thu giữ có loại ma túy chứa thành phần của 03 chất ma túy. Vậy cách tính tổng khối lượng của một chất ma túy trong trường hợp này như thế nào.

- Vương mắc trong việc định khung hình phạt khi thu giữ chất ma túy dạng MDMA, Methamphetamine và Methylphenidate.

Mục 4 Phần I của Công văn 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử có giải đáp: *“..trong trường hợp chất thu giữ đã được xác định là ma túy dạng MDMA, Methamphetamine và Methylphenidate thì không thuộc trường hợp phải giám định hàm lượng...”*.

Nhưng nếu theo hướng dẫn trên của Tòa án tối cao mà không giám định hàm lượng để xác định khối lượng của các chất ma túy nêu trên thì căn cứ vào đâu để xác định khung hình phạt và lượng hình.

Hơn nữa, theo quy định của BLHS thì việc xác định khung, khoản của điều luật căn cứ vào khối lượng của từng chất ma túy hay căn cứ vào khối lượng chung đã được quy đổi về một chất? Nếu quy đổi thì quy đổi về chất nào?

3.5.7.5. Về quy định *“đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi ...”* quy định tại các điều 249, 250, 252, 253, 254, 259 của BLHS còn có cách hiểu khác nhau. Có ý kiến cho rằng quy định này được hiểu là cả trong trường hợp đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; có ý kiến cho rằng quy định trên chỉ áp dụng trong trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Nội dung này chưa có hướng dẫn cụ thể nên chưa được áp dụng thống nhất trong xét xử.

#### 3.5.7.6. *Vướng mắc trong việc xác định người nghiện ma túy*

Chưa có văn bản pháp luật về hình sự hướng dẫn xác định như thế nào là người nghiện ma túy để làm căn cứ xử lý hình sự dẫn đến hiểu không thống nhất. Có ý kiến cho rằng khi bắt kiểm tra thấy đối tượng dương tính với ma túy thì xác định là nghiện ma túy; có ý kiến cho rằng phải xác minh tại địa phương xem đối tượng đó có phải đang cai nghiện ma túy không hoặc thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 của Bộ Y tế, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 17 nêu trên đã hết hiệu lực thì có được áp dụng không.

### 3.5.7.7. *Vướng mắc trong áp dụng quy định tại một số tội phạm cụ thể*

#### (1) Về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đề nghị hướng dẫn rõ hành vi “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” để phân biệt với hành vi sử dụng chất ma túy. Bởi lẽ khi BLHS năm 1999 còn tội danh “sử dụng trái phép chất ma túy” thì việc phân biệt giữa tội sử dụng trái phép chất ma túy và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là rất cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên, BLHS đã bỏ tội danh sử dụng trái phép chất ma túy nên thực tiễn áp dụng pháp luật còn có trường hợp bản chất là hành vi sử dụng chất ma túy nhưng lại bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, đề nghị hướng dẫn rõ để áp dụng thống nhất pháp luật.

Thực tế việc sử dụng ma túy chủ yếu là theo nhóm từ 02 đến 03 người trở lên. Trường hợp nếu những người này rủ nhau hùn tiền mua ma túy sử dụng mà trong đó có người nghiện ma túy, có người không phải là người nghiện ma túy thì có xử lý về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy không.

Trường hợp nhóm người này cùng góp tiền, phân công đi mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ sử dụng ma túy và khi đang sử dụng ma túy thì bị cơ quan chức năng bắt quả tang nhưng không thu được ma túy thì các đối tượng trên có bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy không hiện nay chưa có quan điểm thống nhất.

- Có quan điểm cho rằng hành vi này bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Việc không thu giữ được số ma túy các đối tượng đã sử dụng không làm ảnh hưởng đến việc định tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Có quan điểm cho rằng trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, không giám định được loại chất ma túy thì căn cứ nào để xác định chất mà các đối tượng vừa sử dụng là chất ma túy mà truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với tội tổ chức sử dụng chất ma túy cần có hướng dẫn làm rõ thế nào là “*Người cung cấp ma túy*”. Người có hành vi vừa cung cấp ma túy, vừa tham gia sử dụng ma túy với những người khác (lượng ma túy đảm bảo đủ yếu tố cấu thành của các tội) thì hành vi của người này sẽ cấu thành tội tổ chức sử dụng chất ma túy hay tội tàng trữ trái phép chất ma túy hay cả 02 tội.

Ngoài ra, việc hiểu và áp dụng như thế nào cho đúng tình tiết định khung “*đối với 02 người trở*” lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS.

#### (2) Về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngoài việc tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy thì khi bắt quả tang còn thu giữ một số lượng ma túy. Nếu số lượng ma túy thu giữ đủ định lượng để truy tố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy thì có truy tố thêm về tội này hay không. Hiện nay, còn có quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng chỉ xử lý về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Quan điểm khác cho rằng phải xử lý về 02 tội là tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bởi vì, điểm b Mục 6.2 Phần II của Thông tư liên tịch số 17 quy định:

“...b) Người nào thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mà còn thực hiện một hay nhiều hành vi phạm tội khác về ma túy quy định tại các điều luật tương ứng của BLHS, thì ngoài việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 197 của BLHS, tùy từng trường hợp còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm khác đã thực hiện quy định tại điều luật tương ứng của BLHS...”

Nếu như theo như hướng dẫn trên sẽ phải xử lý về 2 tội nhưng Thông tư liên tịch 17 hết hiệu lực thì có được áp dụng quy định trên hay không.

(3) Về tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 254 của BLHS còn có cách hiểu chưa thống nhất về cách tính số lượng đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Có quan điểm cho rằng số lượng đơn vị dụng cụ ở đây được hiểu là bộ (Theo quy định tiểu mục c điểm 5.5 mục 5 phần II Văn bản hướng dẫn số 08/VBHD-BCA, ngày 31/12/2015 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999; và Thông tư số 17 và Thông tư số 08.

+ Có quan điểm cho rằng Điều 196 BLHS và các văn bản hướng dẫn quy định phương tiện, dụng cụ được xác định là **bộ** sẽ khó khăn cho việc áp dụng pháp luật để xử lý hành vi này, vì đã là **bộ** thì phải xác định đầy đủ từng thành phần để cấu thành một **bộ** dụng cụ, phương tiện thì mới truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người tàng trữ, vận chuyển, hoặc mua bán. Do đó Điều 254 BLHS đã sửa đổi cơ bản Điều 196 BLHS năm 1999 theo hướng quy định rõ hơn về cấu thành cơ bản của hành vi phạm tội như “điểm a. đã bị xử phạt vi phạm hành chính về trong các hành vi...; điểm b. Có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 **đơn vị** dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại”. Đến nay chưa có văn bản hướng dẫn các quy định trên, nên không thể xác định **đơn vị** ở đây là **bộ** dụng cụ như cách hiểu trên.

(4) Đối với tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 256 của BLHS, các CQTHTT vẫn đang vận dụng theo “tinh thần” hướng dẫn tại điểm đ, mục 2, phần II Nghị quyết số 02/2003/NQ- HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999; điểm b, tiết 7.3 mục 7, phần II Thông tư liên tịch số 17 và Thông tư liên tịch số 08.

### **3.5.8. Nguyên nhân từ những vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật tố tụng hình sự**

Qua hơn 05 năm triển khai thi hành BLTTHS, các quy định của BLTTHS đã là công cụ pháp lý quan trọng cho cơ quan, người THTT nói riêng cũng như toàn bộ các chủ thể trong hoạt động hoạt động TTHS ở giai đoạn khởi tố, điều tra thực hiện hiệu quả trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; quyền, nghĩa vụ và lợi ích... qua đó, giúp bảo đảm phát hiện hiệu quả, chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của

tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm về ma túy... Bên cạnh những kết quả tích cực, qua thực tiễn TH trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy thời gian qua, BLTTHS đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập, cụ thể như sau:

### *3.5.8.1. Về việc nhập tố giác, tin báo về tội phạm*

Điều 147 BLTTHS chưa có quy định về nhập tố giác, tin báo về tội phạm trong trường hợp kiểm tra, xác minh có căn cứ xác định trong các vụ việc khác nhau là do một người thực hiện; có dấu hiệu phạm tội nhiều lần; nhiều đối tượng cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với người phạm tội còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có...

Việc thiếu quy định về nhập tố giác, tin báo trong những trường hợp này khiến cho cơ quan có thẩm quyền phải mất nhiều thời gian, công sức và kinh phí để xử lý từng tố giác, tin báo riêng lẻ mà không thể hợp lại thành một vụ việc chung. Điều này không chỉ làm chậm trễ hơn tiến độ giải quyết, tăng áp lực công việc cho cơ quan có thẩm quyền mà còn ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Những trường hợp nêu trên có thể được phân công cho các cán bộ khác nhau thực hiện giải quyết gây tăng nguy cơ bỏ lọt tội phạm, bỏ sót các tình tiết quan trọng trong vụ việc, không phát hiện được hết các hành vi vi phạm pháp luật liên quan hoặc người có liên quan. Thậm chí, người phạm tội còn có thể lợi dụng để gây khó khăn cho quá trình xác minh, giải quyết như khai báo gian dối để trốn tránh trách nhiệm hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Ví dụ: Vào tháng 04/2022, Công an huyện T tỉnh QN nhận được nhiều tin báo từ các nguồn tin mật rằng có hoạt động mua bán trái phép ma túy diễn ra tại Thị trấn Y, huyện T tỉnh KT vào các thời điểm khác nhau. Qua kiểm tra, xác minh, có căn cứ xác định rằng các hoạt động này đều do K.Đ.L là chủ mưu thực hiện cùng sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau. Tuy nhiên, do thiếu quy định về việc nhập tố giác, tin báo, các vụ việc được xử lý riêng lẻ; các vụ việc được phân công cho các cán bộ khác nhau, dẫn đến việc xử lý không thống nhất; thông tin về người chủ mưu là K.Đ.L không được chia sẻ kịp thời giữa các cán bộ giải quyết; số lượng đối tượng, thành phần tham gia vào mỗi vụ việc không giống nhau dẫn đến việc giải quyết các vụ việc càng trở nên phức tạp hơn. Sau khi khởi tố các vụ án này, CQĐT huyện T mới ra quyết định nhập vụ án để điều tra và phát hiện thêm 03 đối tượng là H, M và T cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị khởi tố. Sau khi ra quyết định khởi tố bị can đối với 03 bị can nêu trên thì hai bị can là H và M đã bỏ trốn. Kết quả CQĐT huyện T phải ra quyết định truy nã và quyết định tạm đình chỉ đối với 02 bị can này. Như vậy, xuất phát từ việc không thể nhập tố giác, tin báo tội phạm để giải quyết đã gây ra rất nhiều những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và để bỏ lọt 03 đối tượng phạm tội ở giai đoạn khởi tố; phải tạm đình chỉ đối với 02 bị can ở giai đoạn điều tra.

*3.5.8.2. Về việc Cơ quan có thẩm quyền điều tra chuyển biên bản, tài liệu trong quá trình kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của cho Viện kiểm sát*

BLTTHS chưa quy định rõ trách nhiệm của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Cơ quan có thẩm quyền điều tra) trong việc chuyển biên bản, tài liệu liên quan trong quá trình kiểm tra, xác TG, TBTP, KNKT cho VKS.

Khoản 5 Điều 88 BLTTHS quy định: “*Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về **hoạt động điều tra, thu thập**, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà KSV không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộ luật này thì CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho VKS để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án...*” [33]. Quy định này có thể hiểu rằng, Cơ quan có thẩm quyền điều tra chỉ có trách nhiệm chuyển những biên bản, tài liệu về hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ cho VKS. Tuy nhiên, trong giai đoạn khởi tố có thể có rất nhiều biên bản, tài liệu về hoạt động kiểm tra, xác minh (chứ chưa hẳn là hoạt động điều tra) liên quan đến việc xác minh TG, TBTP, KNKT. Nếu không có quy định cụ thể về trách nhiệm chuyển những biên bản, tài liệu này của Cơ quan có thẩm quyền điều tra thì VKS có thể không kịp thời nắm bắt các thông tin, ảnh hưởng đến chất lượng THQCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra. Thực tế cho thấy, nhiều địa phương cũng đang gặp lúng túng trong công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động này [51].

#### 3.5.8.3. Về xử lý vật chứng

BLTTHS chưa có quy định để giải quyết đối với một số trường hợp cần thiết phát sinh trong thực tiễn nhằm bảo đảm chặt chẽ trong xử lý vật chứng ở giai đoạn khởi tố, điều tra. Khoản 1 Điều 106 BLTTHS quy định: “*Việc xử lý vật chứng do CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra...*” [33]. Thực tiễn thi hành BLTTHS trong thời gian qua còn gặp một số khó khăn khi Cơ quan có thẩm quyền điều tra xử lý vật chứng như: (1) chưa có quy định để giải quyết trường hợp VKS xét thấy việc xử lý vật chứng của Cơ quan có thẩm quyền điều tra chưa đảm bảo căn cứ; (2) chưa có quy định để giải quyết trường hợp VKS xét thấy cần thiết thu hồi vật chứng đã xử lý vì việc xử lý vật chứng của Cơ quan có thẩm quyền điều tra không đúng căn cứ; (3) chưa có quy định về thời hạn Cơ quan có thẩm quyền điều tra phải gửi quyết định xử lý vật chứng đến VKS sau khi xử lý vật chứng. Do vậy, cần thiết sửa đổi, bổ sung Điều 106 BLTTHS để giải quyết các trường hợp nêu trên nhằm bảo đảm việc xử lý vật chứng trong các vụ án về ma túy cũng như các vụ án hình sự nói chung được chặt chẽ, có căn cứ và đúng pháp luật.

3.5.8.4. Về thẩm quyền quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Viện kiểm sát

BLTTHS chưa quy định thẩm quyền quyết định phục hồi giải quyết TG, TBTP, KNKT cho VKS. Theo quy định tại khoản 3 Điều 145 BLTTHS thì CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số điều tra và VKS có thẩm quyền giải quyết TG, TBTP, KNKT. Tuy nhiên, Điều 149 BLTTHS chỉ quy định Cơ quan có thẩm quyền điều tra mới có thẩm quyền ra quyết định phục hồi giải quyết TG, TBTP, KNKT. Việc không có quy định thẩm quyền này cho VKS là chưa thống nhất, chưa đầy đủ, gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng [77].

*3.5.8.5. Về bắt cập trong việc quy định căn cứ tạm đình chỉ và phục hồi điều tra trong trường hợp hết thời hạn điều tra nhưng chưa có kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài*

Điều c khoản 1 Điều 229 BLTTHS cho phép CQTHTT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra với lý do thời hạn điều tra đã hết mà chưa nhận được kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài. Trong trường hợp này CQTHTT vẫn tiếp tục chờ cho đến khi có kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài. Quy định này chưa thực sự phù hợp với thực tiễn bởi không phải tất cả các trường hợp ủy thác tư pháp ra nước ngoài đều có kết quả, nhiều trường hợp bị nước ngoài từ chối thực hiện, không trả lời hoặc trả lời không thể thực hiện được [33].

Theo thống kê của VKSND tối cao, mặc dù việc lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và bảo đảm về thời hạn, tuy nhiên, kết quả thực hiện tương trợ của nước ngoài cho Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế ... Trong đó, nhiều trường hợp bị từ chối thực hiện hoặc không có phản hồi bởi nhiều nguyên nhân khách quan như việc áp nguyên tắc tội phạm kép của các quốc gia; việc đưa người THTT tham gia việc thực hiện tương trợ tại nước ngoài còn thiếu cơ sở pháp lý và thông lệ quốc tế; rào cản ngôn ngữ... Ví dụ: Về yêu cầu hợp tác quốc tế của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra về các tội liên quan đến động vật hoang dã, từ năm 2017 đến năm 2021, Hải quan Việt Nam đã gửi 16 yêu cầu hỗ trợ tư pháp liên quan đến hàng hóa thuộc danh mục CITES tới các cơ quan hải quan khu vực Châu Phi. Tuy nhiên, theo số liệu tính đến tháng 10/2022 vẫn chưa nhận được bất kỳ phản hồi nào về kết quả đối với những yêu cầu này [92a].

Như vậy, thực tiễn phát sinh trường hợp sau khi ban hành quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can trong một thời gian dài nhưng CQTHTT không có căn cứ để phục hồi điều tra, phục hồi vụ án vì không nhận được kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài. BLTTHS hiện hành không quy định cách thức giải quyết trong trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp ra nước ngoài không thực hiện được hoặc không có kết quả là chưa phù hợp và chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn trong việc giải quyết các vụ án hình sự thuộc trường hợp nêu trên.

*3.5.8.6. Về thủ tục chuyển tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố*

BLTTHS chưa quy định về thủ tục chuyển TG, TBTP, KNKT, dẫn đến quá trình THQCT, kiểm sát đối với việc giải quyết TG, TBTP, KNKT trong thực tế còn gặp khó khăn, có nhiều cách hiểu và nhận thức khác nhau, chưa thống nhất về hình thức văn bản chuyển TG, TBTP, KNKT. Một số cơ quan cho rằng cần sử dụng văn bản chính thức, có chữ ký của lãnh đạo cơ quan, đơn vị và đóng dấu đỏ để bảo đảm tính pháp lý. Trong khi một số cơ quan yêu cầu phải có cán bộ của các cơ quan trực tiếp giao, nhận và lập biên bản giao nhận để bảo đảm tính chặt chẽ; một số cơ quan khác lại thực hiện với hình thức chuyển bằng các văn bản không chính thức hoặc không sử dụng bất kỳ văn bản nào. Điều này dẫn đến sự lúng túng của các cơ quan có thẩm quyền THTT; không nhất quán trong việc chuyển, tiếp nhận và xử lý thông tin tội phạm, có nguy cơ ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án cũng như quá trình phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền THTT trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

### 3.5.8.7. Về bảo quản, xử lý đồ vật, tài liệu thu thập được trong giai đoạn xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

BLTTHS chưa quy định việc bảo quản, xử lý đồ vật, tài liệu thu thập được trong giai đoạn xác minh TG, TBTP, KNKT dẫn đến khó khăn trong thực tiễn công tác bảo quản, xử lý vật chứng, nhất là vật chứng trong các vụ việc tạm đình chỉ, cụ thể như: khó khăn trong việc xác định trách nhiệm, thủ tục, hình thức và cách thức bảo quản, xử lý; dẫn đến tình trạng hư hỏng, mất mát hoặc bị thay đổi, ảnh hưởng đến tính toàn vẹn và giá trị pháp lý của vật chứng; thiếu nhất quán và minh bạch trong quá trình bảo quản, xử lý đồ vật, tài liệu cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Việc không có quy định cụ thể về vấn đề này cũng có thể dẫn đến tình trạng bảo quản, xử lý đồ vật, tài liệu theo những cách khác nhau, thiếu nhất quán và minh bạch trong giai đoạn khởi tố, điều tra, vô hình chung tạo ra lỗ hổng pháp lý mà người phạm tội có thể lợi dụng để trốn tránh, giảm nhẹ trách nhiệm pháp lý hoặc gây khó khăn quá trình giải quyết vụ án. Đặc biệt là trong trường hợp vụ việc bị tạm đình chỉ, việc không có quy định rõ ràng về việc bảo quản, xử lý vật chứng thu thập được có thể dẫn đến tình trạng vật chứng bị bỏ quên hoặc không được bảo quản, xử lý kịp thời. Điều này không chỉ gây khó khăn cho quá trình điều tra khi vụ việc được phục hồi mà còn có thể vi phạm quyền lợi của các bên liên quan nếu vật chứng không được bảo quản và xử lý kịp thời, đúng cách.

### 3.5.8.8. Về căn cứ áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp

BLTTHS chưa quy định căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp trong trường hợp qua hình ảnh camera, video clip xác định chính xác người thực hiện tội phạm, có thể sử dụng làm căn cứ, cơ sở vững chắc cho biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Điểm b khoản 1 Điều 110 BLTTHS quy định về căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp mới chỉ quy định trường hợp “*Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm*” [33]. Tuy nhiên, trong thực tiễn THQCT các vụ án hình sự thời gian qua đã có nhiều trường hợp qua hình ảnh camera, video clip xác định chính xác người thực hiện tội phạm, có thể sử dụng làm căn cứ cho biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp nhưng BLTTHS chưa quy định về căn cứ này, vì vậy, nhiều trường hợp mặc dù xét thấy cần thiết nhưng CQTHTT không có căn cứ áp dụng, có nguy cơ cao dẫn đến trường hợp người phạm tội bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ hoặc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điển hình như vụ án vận chuyển trái phép chất ma túy tại tỉnh TH. Sau khi vụ việc xảy ra, CQĐT huyện T đã vào cuộc và thu thập được các đoạn video clip từ camera an ninh của cửa hàng. Thông qua video clip ghi lại toàn bộ quá trình phạm tội của đối tượng, dáng người, khuôn mặt, trang phục và phương tiện di chuyển của đối tượng, CQĐT đã xác định được danh tính của người thực hiện tội phạm là H.H.Y. Tuy nhiên, căn cứ để giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải dựa vào điểm b khoản 1 Điều 110 BLTTHS nêu trên; không đề cập đến việc sử dụng hình ảnh từ camera hoặc video clip làm căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp nên không thể ngay lập tức áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, điều này đã tạo ra khoảng thời gian trống cho đối tượng H.H.Y bỏ trốn, mang theo toàn bộ số tài sản có được do phạm tội mà có (theo thông tin xác minh, điều tra ban đầu, đối tượng đã bỏ trốn

sang Lào). Việc không thể giữ người kịp thời đã làm kéo dài thời gian xác minh, điều tra, gây áp lực và khó khăn cho các CQTHTT trong việc giải quyết vụ án một cách nhanh chóng và hiệu quả. Vụ án vận chuyển trái phép chất ma túy của đối tượng H.H.Y xảy ra tại tỉnh TH là một ví dụ điển hình cho thấy sự thiếu sót trong quy định pháp luật hiện hành về việc sử dụng hình ảnh, video clip làm căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp trong trường hợp qua hình ảnh, video clip có thể xác định chính xác người thực hiện tội phạm, có thể sử dụng làm căn cứ, cơ sở vững chắc cho biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Sự bổ sung và hoàn thiện quy định pháp lý trong trường hợp này là cần thiết để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả trong hoạt động khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm.

#### 3.5.8.9. Về áp dụng thủ tục rút gọn

BLTTHS chưa quy định chưa có quy định cụ thể đối với nội dung “*sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng*” và “*người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng*” cũng như cách tính thời hạn ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn để bảo đảm áp dụng thống nhất và hiệu quả trong thực tiễn. Điều này đã gây ra những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng:

*Thứ nhất*, khó khăn trong việc đánh giá tính chất sự việc. Các CQTHTT gặp khó khăn trong việc đánh giá thế nào là “*sự việc phạm tội đơn giản*” và “*chứng cứ rõ ràng*”. Các khái niệm này mang tính chủ quan và không có tiêu chí cụ thể, dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan và người có thẩm quyền THTT.

*Thứ hai*, việc xác định thế nào là “*người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng*” cũng gặp nhiều khó khăn do không có tiêu chí cụ thể [77]. Điều này dẫn đến tính chủ quan trong đánh giá; mỗi người, mỗi cơ quan có thể có những quan điểm khác nhau, nhiều trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa các CQTHTT. Ví dụ như: có cơ quan cho rằng người có nơi cư trú rõ ràng là người phạm tội đã đăng ký hộ khẩu thường trú, địa chỉ này được ghi rõ trên các giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân, căn cước công dân; có cơ quan cho rằng chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là không đủ, mà phải là nơi người phạm tội thực sự sinh sống, tức là địa chỉ nơi họ thường xuyên ở và có thể liên hệ được hay có cơ quan lại cho rằng người có đăng ký tạm trú cũng được coi là có nơi cư trú rõ ràng vì đã được đăng ký với cơ quan chức năng và đây cũng là nơi ở trong thời gian gần nhất với thời điểm được xác định nơi cư trú rõ ràng... điều này gây ra sự không nhất quán và có nguy cơ dẫn đến thiếu khách quan trong quá trình áp dụng.

*Thứ ba*, việc không quy định rõ thời hạn ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn dẫn đến các CQTHTT có thể tính toán thời hạn khác nhau, không thống nhất [77]. Mặt khác, khi thời hạn ra quyết định không rõ ràng và không nhất quán, các bên liên quan có thể cho rằng quyền và lợi ích của họ bị xâm phạm, dẫn đến việc gia tăng các vụ khiếu nại, tố cáo các bên liên quan trong quá trình tố tụng, điều này làm tăng áp lực cho hệ thống CQTHTT khi phải giải quyết khiếu nại, tố cáo; cũng có thể khiến quá trình giải quyết vụ án trở nên phức tạp hơn khi sự “*hợp tác*” của các bên với CQTHTT trong quá

trình giải quyết vụ án bị giảm sút. Bên cạnh đó, điều này cũng có thể làm giảm hiệu quả của thủ tục rút gọn.

Do những khó khăn nêu trên, việc áp dụng thủ tục rút gọn trong thực tiễn còn hạn chế và chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Số lượng vụ án áp dụng thủ tục rút gọn còn ít [77], do các tiêu chí xác định căn cứ áp dụng không rõ ràng dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá, các CQTHTT thường thận trọng và ít áp dụng thủ tục rút gọn để tránh sai sót. Điều này làm giảm tính hiệu quả của thủ tục này, vốn được thiết kế để xử lý nhanh chóng các vụ án đơn giản. Mặt khác, do phải đảm bảo tính chính xác và tránh sai sót, nhiều vụ án lẽ ra có thể áp dụng thủ tục rút gọn lại phải xử lý theo thủ tục thông thường, làm kéo dài thời gian giải quyết và gia tăng khối lượng công việc cho các CQTHTT cũng như lãng phí các nguồn lực của hệ thống tư pháp nói chung.

*3.5.8.10. Một số quy định còn mâu thuẫn, chưa thống nhất về thẩm quyền của Cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra*

Về thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền THTT trong giai đoạn khởi tố, điều tra, BLTTHS còn tồn tại một số quy định mâu thuẫn, chưa thống nhất như:

*Thứ nhất*, Chưa có sự thống nhất trong quy định về thẩm quyền của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thẩm quyền ra quyết định tạm giữ. Theo quy định tại Điều 110 BLTTHS, có các chức danh trong cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và có quyền ra quyết định tạm giữ gồm: *Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển* [33]. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 39 BLTTHS về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì lại không quy định nhiệm vụ, quyền hạn này cho các chủ thể trên đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp. Việc quy định như trên là thiếu thống nhất về phạm vi nội hàm về nhiệm vụ, quyền hạn giữa các quy định của BLTTHS. Mặt khác, việc quy định như vậy chưa đáp ứng được thực tiễn đối với các tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng nhưng phức tạp bởi các lý do sau: (1) Việc quy định thiếu thống nhất gây ra những khó khăn, lúng túng cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc xác định thẩm quyền và trách nhiệm của mình trong quá trình thực thi pháp luật; (2) Các cơ quan Bộ đội Biên phòng, Hải Quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển và Kiểm ngư hoạt động trong các lĩnh vực ngành và vị trí địa lý có tính đặc thù cao, thường phải đối mặt với các tình huống khẩn cấp, phức tạp [77]; (3) Trên thực tế, các vụ án phạm tội

ng nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thường có tính chất vụ án phức tạp và tính chống đối cao từ phía người phạm tội, do đó, đòi hỏi sự can thiệp nhanh chóng và quyết liệt từ các cơ quan chức năng để bảo đảm các yếu tố, tình tiết quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án để bảo đảm khởi tố đúng người, đúng tội; tránh người phạm tội bỏ trốn, tiêu huỷ chứng cứ, tiêu huỷ dấu vết phạm tội hoặc có các hành vi khác cản trở quá trình giải quyết vụ án.

Như vậy, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với trường hợp nêu trên tại khoản 3 Điều 39 và Điều 110 BLTTHS là chưa thống nhất và chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với các tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng nhưng phức tạp.

*Thứ hai*, BLTTHS quy định chưa thống nhất về thẩm quyền ra quyết định tạm giữ của người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng. Theo đó, khoản 2 Điều 117 BLTTHS quy định: “*Những người có thẩm quyền ra lệnh giữ người quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra quyết định tạm giữ*” [33] (bao gồm người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng); tuy nhiên, khoản 4 Điều 110 BLTTHS quy định theo hướng người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến CQĐT nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về để CQĐT đó ra quyết định tạm giữ (quy định này được hiểu là người chỉ huy tàu bay, tàu biển **không có quyền ra quyết định tạm giữ**). Như vậy, về một loại thẩm quyền cụ thể của cùng một chủ thể trong cùng một trường hợp nhưng lại được quy định theo hai hướng trái ngược nhau tại khoản 2 Điều 117 BLTTHS (có thẩm quyền) và khoản 4 Điều 110 BLTTHS (không có thẩm quyền) là mâu thuẫn, chưa thống nhất.

*Thứ ba*, BLTTHS quy định chưa thống nhất về thẩm quyền kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra; quyết định tạm đình chỉ điều tra; quyết định phục hồi điều tra của người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội Biên phòng, Hải Quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển và Kiểm ngư. Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 39 BLTTHS thì khi tiến hành điều tra các vụ tội phạm ít nghiêm trọng, quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội Biên phòng, Hải Quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển và Kiểm ngư có quyền kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra; quyết định tạm đình chỉ điều tra; quyết định phục hồi điều tra. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 229 về tạm đình chỉ điều tra, Điều 230 về đình chỉ điều tra, Điều 233 và Điều 234 về bản kết luận điều tra và Điều 235 về phục hồi điều tra thì chỉ quy định chủ thể thực hiện các quyền này là CQĐT mà không quy định cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là chưa thống nhất, gây lúng túng và thiếu nhất quán trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

*Thứ tư*, BLTTHS quy định chưa thống nhất về thẩm quyền của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc khởi tố bị can đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng. Theo đó, điểm a khoản 1 Điều 164 BLTTHS quy định Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được khởi tố bị can đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng. Tuy nhiên, tại Chương XI BLTTHS quy định về khởi tố bị can và hỏi cung bị can lại chỉ quy định nhiệm vụ, quyền hạn này cho CQĐT mà không quy định cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là chưa thống nhất.

*Thứ năm*, Về thẩm quyền ra quyết định thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

BLTTHS chưa có quy định việc Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (của Bộ đội Biên phòng, Hải Quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển và Kiểm ngư) có thẩm quyền ra quyết định thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Sự thiếu vắng quy định này chưa bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, chưa bảo đảm hiệu quả trong áp dụng pháp luật cũng như trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan trong TTHS: (1) từ góc độ nhất quán trong hệ thống pháp luật, các cơ quan này đã được trao thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, do đó, việc trao thẩm quyền thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp này là phù hợp và logic, bảo đảm tính liên tục và thống nhất trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với cùng một đối tượng trong cùng một vụ án. Tuy nhiên, tại điểm e khoản 2 Điều 39 BLTTHS chỉ quy định các cơ quan này có thẩm quyền “*Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này*” [33]. Đồng thời, Điều 125 BLTTHS cũng không quy định việc các cơ quan này có thẩm quyền ra quyết định thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Như vậy, quy định của BLTTHS chưa thực sự trao thẩm quyền đầy đủ cho các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để xử lý kịp thời các trường hợp có căn cứ thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn do các cơ quan này áp dụng trước đó; (2) từ góc độ hiệu quả của hoạt động điều tra, các cơ quan như Bộ đội Biên phòng, Hải Quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển và Kiểm ngư hoạt động trong các lĩnh vực có tính đặc thù cao và thường phải đối mặt với các tình huống khẩn cấp, phức tạp. Nếu không có thẩm quyền thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, các cơ quan này không linh hoạt và kịp thời phản ứng trước những biến đổi thực tế, gây ảnh hưởng tới hiệu quả và chất lượng công tác điều tra, gây chậm trễ và rườm rà trong quá trình giải quyết; (3) về góc độ bảo đảm quyền con người, quyền công dân, việc thiếu quy định về thẩm quyền thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thể ảnh hưởng không nhỏ đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn. Trong trường hợp có căn cứ xác định rằng biện pháp ngăn chặn không còn cần thiết, các cơ quan này không thể nhanh chóng đưa ra quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ. Do đó, việc bị áp dụng biện pháp ngăn chặn có thể gây thiệt hại không đáng có cho người bị buộc tội cũng như các chủ thể liên quan.

*Thứ sáu*, về thẩm quyền chỉ đạo khám nghiệm hiện trường của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

BLTTHS chưa có quy định về việc cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền chỉ đạo khám nghiệm hiện trường trong các trường hợp tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp. Cụ thể, Điều 39, Điều 164 và Điều 201 BLTTHS không quy định nhiệm vụ, quyền hạn này cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, dẫn đến trong nhiều trường hợp, hoạt động của các cơ quan này chưa thể chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả của quá trình giải quyết vụ án

Khám nghiệm hiện trường là hoạt động được tiến hành trong khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm (trước khi khởi tố vụ án), là hoạt động điều tra ban đầu đóng vai trò rất quan trọng trong phát hiện các thông tin, dấu vết của tội phạm, thu giữ vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử... có liên quan và làm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án [77]. Kết quả của hoạt động khám nghiệm hiện trường là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định khởi tố vụ án hình sự hay không. Việc cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của cơ quan Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư không có thẩm quyền chỉ đạo khám nghiệm hiện trường trong các trường hợp nêu trên còn gây ra những hạn chế, khó khăn trong thực tiễn như: (1) làm giảm hiệu quả của hoạt động phát hiện, thu thập, bảo quản chứng cứ: hiện trường vụ án là nơi lưu giữ nhiều chứng cứ quan trọng như dấu vết tội phạm, vật chứng, tài liệu, dữ liệu điện tử, dấu vân tay... Nếu không khám nghiệm hiện trường kịp thời có thể dẫn đến xáo trộn hiện trường, những chứng cứ quan trọng của vụ án có thể bị mất mát, hủy hoại do các yếu tố môi trường, sự can thiệp của con người hoặc thời gian, làm giảm hoặc mất khả năng thu thập thông tin chính xác, đầy đủ về vụ án, ảnh hưởng đến quá trình chứng minh quá trình điều tra cũng như chứng minh tội phạm; (2) làm tăng khả năng che giấu tội phạm và tiêu hủy chứng cứ của tội phạm: nếu hiện trường không được bảo vệ và khám nghiệm kịp thời, người phạm tội hoặc các chủ thể liên quan có thể có cơ hội che giấu, tiêu hủy hoặc làm giả chứng cứ, gây khó khăn lớn cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra trong việc thu thập chứng cứ chính xác và đầy đủ...

### ***3.5.9. Nguyên nhân từ những khó khăn, vướng mắc khác***

**3.5.9.1.** Một số trường hợp án ma túy có bị can là người nước ngoài và cũng đang liên quan đến vụ án khác đang được điều tra tại nước ngoài. Do đó, các cơ quan ngoại giao của quốc gia mà bị can có quốc tịch yêu cầu tạm đình chỉ chờ kết quả điều tra, truy tố, xét xử tại nước đó hoặc chuyển giao bị can về nước để truy cứu trách nhiệm hình sự, điều này dẫn đến quá trình giải quyết vụ án tại Việt Nam bị chậm trễ, không đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật.

**3.5.9.2.** BLHS bỏ tội sử dụng trái phép chất ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính, điều này không làm giảm tội phạm về ma túy mà càng ngày càng có nhiều đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, không xử lý triệt

đề được loại tội phạm này; làm gia tăng các loại tội phạm khác như mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy.

3.5.9.3. Một phần lớn các bị can trong vụ án về ma túy là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên đi lang thang. Do đó, trong quá trình điều tra các CQTHTT gặp khó khăn trong việc triệu tập các đối tượng này để giải quyết vụ án.

3.5.9.4. Đối với các vụ án về ma túy, khi mở niêm phong vật chứng bàn giao cho tổ chức giám định phải có mặt của bị can để xác nhận và ký vào biên bản bàn giao, đây cũng là vấn đề khó khăn đối với CQĐT ở xa tổ chức giám định, phải đưa bị can đi cùng với vật chứng cần giám định.

3.5.9.5. Khó khăn trong điều tra làm rõ được đối tượng chủ mưu, cầm đầu.

Khi xét xử các bị cáo phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, nhất là bị can có vai trò chính trong vụ án. Bị can khai vận chuyển ma túy thuê cho một đối tượng có họ, tên, địa chỉ rõ ràng. CQĐT cho nhận dạng người qua ảnh bị can nhận ra người thuê mình vận chuyển ma túy. Khi cho đối chất, người vận chuyển thuê giữ nguyên lời khai còn đối tượng thuê vận chuyển (theo lời khai của bị can) khẳng định không có việc thuê vận chuyển ma túy. Do không có chứng cứ nào khác chứng minh là đối tượng thuê bị can vận chuyển ma túy nên việc quyết định hình phạt đối với bị can vận chuyển thuê mức án cao nhất là chưa phù hợp.

### **Tiểu kết Chương 3**

Chương 3 của luận án đã tập trung phân tích một cách toàn diện cả phương diện pháp lý và thực tiễn của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào. Về mặt pháp lý, chương đã làm rõ nền tảng hiến định, pháp luật tổ chức và TTHTS làm cơ sở cho hoạt động THQCT. Các quy định pháp luật hiện hành đã thiết lập khuôn khổ đầy đủ, tương thích và có tính khả thi cao cho việc thực thi QCT trong bối cảnh phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực nhạy cảm về địa lý và an ninh. Về thực tiễn, chương đã khái quát rõ đặc điểm tình hình tội phạm ma túy diễn biến phức tạp tại khu vực biên giới, đặc biệt là ở các tỉnh trọng điểm như Sơn La, Nghệ An, Điện Biên và Thanh Hóa, qua đó cho thấy áp lực rất lớn đối với các cơ quan tố tụng, nhất là đối với KSV khi THQCT. Thực tiễn cũng cho thấy hoạt động THQCT đã phát huy rất tốt vai trò của mình. Tuy vậy, thực tiễn vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cả chủ quan lẫn khách quan, đòi hỏi cần có các giải pháp khắc phục mang tính hệ thống và lâu dài. Những kết quả và phân tích trong chương này không chỉ giúp xác định tính đầy đủ, tương thích và hiệu quả của hệ thống pháp lý hiện hành, mà còn phản ánh rõ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, từ đó đặt nền móng quan trọng cho việc xác định các yêu cầu và đề xuất các giải pháp bảo đảm toàn diện, khả thi ở chương tiếp theo.

## CHƯƠNG 4

### **YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO**

#### **4.1. Yêu cầu thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào trong bối cảnh cải cách tổ chức bộ máy và tình hình mới**

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, phân tích thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào giai đoạn từ năm 2018 đến ngày 30/6/2025 đã được trình bày tại Chương 3, luận án cho thấy hoạt động THQCT của VKSND và KSV đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập cả về nhận thức, tổ chức thực hiện và điều kiện bảo đảm thực hiện trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực biên giới. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/7/2025, bối cảnh tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng đã có những thay đổi căn bản, mang tính cấu trúc, gắn liền với việc triển khai các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Trong đó, mô hình tổ chức chính quyền địa phương được điều chỉnh theo hướng chỉ còn hai cấp là cấp tỉnh và cấp xã; cơ quan điều tra ở địa phương không còn tổ chức ở cấp huyện mà được tập trung ở cấp tỉnh, trong khi Công an cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến bảo đảm an ninh, trật tự và tiếp nhận, xử lý ban đầu thông tin về tội phạm; VKSND được tổ chức theo mô hình mới, với việc hình thành VKSND khu vực, lược bỏ VKSND cấp huyện.

Những thay đổi nêu trên đã và sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án hình sự nói chung và các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào nói riêng. Việc mở rộng địa bàn quản lý, thay đổi đầu mối phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, điều chỉnh phương thức tiếp nhận, xử lý nguồn tin về tội phạm, cũng như sự gia tăng yêu cầu kiểm soát quyền lực tư pháp trong điều kiện tập trung thẩm quyền điều tra ở cấp tỉnh, đặt ra những đòi hỏi mới đối với vai trò, trách nhiệm và phương thức thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên ngay từ giai đoạn khởi tố, điều tra.

Trong bối cảnh đó, luận án không đặt mục tiêu đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố sau khi thực hiện cải cách tổ chức bộ máy từ ngày 01/7/2025, mà trên cơ sở phân tích bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đặc biệt là những thay đổi mang tính cấu trúc về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và các cơ quan tiến hành tố tụng, luận án tập trung xác định các yêu cầu mới đặt ra đối với hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào. Theo đó, việc xác định các yêu cầu đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy cần được đặt trong điều kiện tổ chức bộ máy mới, phương thức phối hợp liên ngành mới và yêu cầu kiểm soát quyền lực tư pháp ngày càng cao, nhằm bảo đảm vừa nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm ma

túy, vừa bảo đảm quyền con người, quyền công dân và trách nhiệm của VKSND, trực tiếp là KSV, trong bối cảnh cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế hiện nay.

#### **4.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp**

Cải cách tư pháp là một yêu cầu tất yếu khách quan của việc mở rộng và phát huy quyền dân chủ, là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước quyết tâm thực hiện, với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là chúng ta tiếp tục đổi mới hệ thống các cơ quan tư pháp, trong đó có VKSND.

Nâng cao chất lượng THQCT gắn liền với nhiệm vụ giảm thiểu oan, sai và tránh bỏ lọt tội phạm là nội dung có tính thời sự trong giai đoạn hiện nay, với nhiều vụ án oan, sai có tính chất nghiêm trọng, để lại hậu quả nặng nề cho cá nhân và sự bức xúc trong dư luận xã hội. Chính vì lẽ đó, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm chỉ đạo hoạt động của ngành Kiểm sát nói chung, hoạt động THQCT nói riêng. Các chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, tiêu biểu là yêu cầu *“tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”*, đã trở thành định hướng xuyên suốt cho việc đổi mới hoạt động thực hành quyền công tố. Tuy nhiên, trong bối cảnh cải cách tổ chức bộ máy nhà nước từ ngày 01/7/2025, yêu cầu này không chỉ dừng lại ở phương diện nhận thức và phương thức hoạt động truyền thống, mà còn đặt ra những đòi hỏi mới gắn với việc tinh gọn bộ máy, điều chỉnh mô hình tổ chức và phân công thẩm quyền giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Cụ thể, việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp; việc không còn cơ quan điều tra ở cấp huyện, tập trung thẩm quyền điều tra ở cấp tỉnh; cùng với việc tổ chức VKSND theo mô hình mới, hình thành VKSND khu vực thay thế cho VKSND cấp huyện trước đây, đã làm thay đổi căn bản điều kiện tổ chức và phương thức thực hiện hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Trong điều kiện đó, cải cách tư pháp đặt ra yêu cầu hoạt động THQCT phải chủ động hơn, thực chất hơn, không phụ thuộc vào các “cấp trung gian” như trong mô hình tổ chức cũ, đồng thời phải thích ứng với địa bàn quản lý rộng hơn, tính chất vụ việc phức tạp hơn và mối quan hệ phối hợp liên ngành được tái cấu trúc.

Đối với các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào, yêu cầu cải cách tư pháp càng trở nên cấp thiết, bởi đây là loại tội phạm có tính chất nguy hiểm, phức tạp, thường xuyên gắn với yếu tố xuyên biên giới, người nước ngoài, người dân tộc thiểu số và trong nhiều trường hợp có sự tham gia của người chưa thành niên. Trong bối cảnh đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra đòi hỏi Kiểm sát viên phải nắm chắc tình hình tội phạm, chủ động tham gia ngay từ khâu tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, định hướng hoạt động điều tra, kiểm soát chặt chẽ căn cứ khởi tố, cũng như kịp thời phát hiện và khắc phục các vi phạm pháp luật tố tụng.

Đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong điều kiện tổ chức bộ máy mới, hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án hình sự nói chung

và các vụ án về ma túy nói riêng phải bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên, phát huy vai trò trung tâm của công tố trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời thực hiện hiệu quả chức năng kiểm soát quyền lực tư pháp thông qua việc không phê chuẩn hoặc kịp thời hủy bỏ các quyết định không có căn cứ, trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Qua đó, góp phần bảo đảm không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

#### ***4.1.2. Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào***

Tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào trong thời gian gần đây diễn biến phức tạp, loại tội phạm này trước đây được các đối tượng thực hiện theo phương thức, thủ đoạn truyền thống và ít tinh vi, phức tạp, nay lại tăng lên đáng kể về số vụ và số người phạm tội, với tính chất ngày càng nghiêm trọng, nhất là các hành vi mua bán trái phép, tàng trữ trái phép và sản xuất trái phép chất ma túy, thậm trí nhiều vụ án còn liên quan đến hành vi giết người, cướp tài sản, hiếp dâm. Ví dụ điển hình là vụ án nữ sinh giao gà tại Điện Biên vào dịp Tết Nguyên đán năm 2019, trong vụ án này, nhóm tội phạm do Vi Văn Toán cầm đầu, bao gồm các bị can Bùi Văn Công, Phạm Văn Nhiệm, Lường Văn Hùng, Lường Văn Lả và nhiều đối tượng khác đã thực hiện hành vi bắt cóc, giam giữ, cưỡng hiếp và sát hại nữ sinh Cao Mỹ Duyên. Hành vi tàn bạo của các bị cáo không chỉ dừng lại ở việc liên quan đến ma túy mà còn thể hiện sự man rợ, khi họ đã lên kế hoạch tỉ mỉ để bắt cóc nạn nhân nhằm ép mẹ cô trả nợ liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy; những đối tượng này đã nhiều lần hiếp dâm và hành hạ nạn nhân trong nhiều ngày. Sau khi không đạt được mục đích, nhóm đối tượng đã quyết định giết hại nạn nhân để bịt đầu mối, đây là vụ án khiến dư luận vô cùng phẫn nộ và lên án mạnh mẽ về tính chất, mức độ dã man của các hành vi phạm tội trong vụ án.

Trong điều kiện phát triển vô cùng mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và xu hướng toàn cầu hóa mọi mặt, các tội phạm về ma túy còn liên quan đến các hành vi tội phạm công nghệ cao, rửa tiền... các vụ án phạm tội về ma túy xuyên quốc gia, xảy ra ngày càng nhiều, phức tạp và diễn biến khó lường.

VKS thực hiện hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm thông qua hoạt động THQCT trong phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm về ma túy nhanh chóng, chính xác, kịp thời theo nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng hình sự. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phòng, chống tội phạm về ma túy, VKS phải không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động THQCT, với tinh thần không để xảy ra oan, sai nhưng cũng không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động THQCT, VKS có trách nhiệm làm rõ nguyên nhân và điều kiện phạm tội để tổng hợp, kiến nghị áp dụng các biện pháp phòng ngừa qua từng vụ án, đối với từng tội danh cụ thể và từng địa phương nhất định. Để đạt được mục tiêu trên, thông qua hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, VKS phải tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, có hay không sự xúi giục, tính chất, mức độ tội phạm thực tế đã gây ra để quyết định trách nhiệm hình sự cụ thể đối với người phạm tội. Hoạt động THQCT phải tập trung xử lý

tội phạm nghiêm minh, kịp thời, vừa đúng pháp luật vừa chú trọng tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Thông qua hoạt động THQCT, VKS kiến nghị các ngành hữu quan có những biện pháp quản lý, giáo dục và phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

#### **4.1.3. Yêu cầu bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự**

Mục tiêu quan trọng của Hiến pháp 2013 là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ. Tất cả quyền Nhà nước thuộc về nhân dân....”* [34]. Điều 14 Hiến pháp 2013 cũng đã khẳng định: *“nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng bảo vệ, đảm bảo theo Hiến pháp và pháp luật”* [34]. Điều 14 Hiến pháp năm 2013 cũng đã bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, đó là *“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”* [34].

Quyền con người trong tố tụng hình sự rất dễ bị xâm phạm, bị tổn thương và hậu quả để lại vô cùng nghiêm trọng vì nó tác động trực tiếp đến quyền được sống, quyền tự do và sinh mệnh chính trị của một cá nhân. Khi tiến hành biện pháp ngăn chặn cũng như các hành vi, quyết định tố tụng trong khởi tố, điều tra đối với một người bị coi là thực hiện hành vi phạm tội về ma túy luôn thể hiện tính quyền lực và sức mạnh cưỡng chế nhà nước, sự yếu thế luôn thuộc về những người bị buộc tội. Chính vì vậy, hoạt động tố tụng hình sự, trong bất cứ nhà nước và thể chế chính trị nào đều luôn xuất hiện nguy cơ xâm phạm đến quyền con người và luôn đặt ra vấn đề bảo vệ quyền con người.

Vì vậy, hoạt động của VKSND hai cấp trên địa bàn các tỉnh biên giới giáp Lào trong thời gian tới phải hướng tới việc nâng cao quyền năng pháp lý của VKS để bảo đảm hiệu quả của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra nhằm phát hiện và ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền con người, khôi phục kịp thời quyền, lợi ích chính đáng bị xâm phạm, đề cao nguyên tắc suy đoán vô tội. Với vị trí, chức năng và nhiệm vụ của mình trong tố tụng hình sự, VKS có khả năng to lớn trong việc bảo vệ quyền con người. Trong quá trình thực hiện chức năng THQCT, nếu thấy quyết định khởi tố, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cũng như các hành vi, quyết định tố tụng khác của CQĐT không có căn cứ hoặc trái pháp luật, xâm phạm đến quyền cơ bản của bị can và những người tham gia tố tụng khác, VKS có quyền không phê chuẩn, hủy bỏ các quyết định đó hoặc kiến nghị theo thẩm quyền.

#### **4.1.4. Yêu cầu gắn với nội dung tăng cường hơn nữa trách nhiệm của Viện kiểm sát mà trực tiếp là cán bộ, Kiểm sát viên**

Trong hoạt động tố tụng hình sự, cho dù hệ thống pháp luật có đầy đủ, cơ chế phối hợp liên ngành được thiết lập tương đối chặt chẽ, tổ chức bộ máy được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nhưng nếu ý thức trách nhiệm của người tiến hành tố

tụng không cao thì chất lượng giải quyết vụ án nói chung và chất lượng thực hành quyền công tố nói riêng vẫn khó có thể được bảo đảm. Thực tiễn cho thấy, con người luôn là yếu tố mang tính quyết định trong hoạt động tố tụng hình sự, trong đó, đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm cho hoạt động thực hành quyền công tố được thực hiện đúng pháp luật, khách quan, kịp thời và hiệu quả.

Những hạn chế, tồn tại trong hoạt động thực hành quyền công tố xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, song một trong những nguyên nhân quan trọng là yếu tố chủ quan của người thi hành công vụ, thể hiện ở tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc và mức độ chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng. Do đó, việc nâng cao ý thức trách nhiệm của ngành Kiểm sát nhân dân nói chung và của từng cán bộ, Kiểm sát viên nói riêng trong hoạt động thực hành quyền công tố là yêu cầu mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng giải quyết các vụ án hình sự, trong đó có các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào.

Yêu cầu này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh tổ chức bộ máy của ngành Kiểm sát nhân dân được sắp xếp theo mô hình mới, với việc hình thành Viện kiểm sát nhân dân khu vực, địa bàn quản lý rộng hơn, phạm vi trách nhiệm bao trùm nhiều đơn vị hành chính cấp xã. Đồng thời, mô hình tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng khác cũng có sự thay đổi căn bản, khi cơ quan điều tra không còn được tổ chức ở cấp huyện, trong khi công an cấp xã đảm nhiệm vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận, xử lý ban đầu các nguồn tin về tội phạm. Những thay đổi này đặt ra yêu cầu khách quan là Kiểm sát viên phải chủ động hơn, sâu sát hơn ngay từ khâu đầu của quá trình tố tụng, đặc biệt là trong việc kiểm sát hoạt động tiếp nhận, phân loại, xác minh nguồn tin về tội phạm và định hướng điều tra đối với các vụ án về ma túy.

Trong điều kiện địa bàn rộng, tính chất tội phạm phức tạp, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi và có yếu tố xuyên biên giới, nếu Kiểm sát viên không trực tiếp bám sát hoạt động điều tra ngay từ giai đoạn khởi tố, điều tra ban đầu, không kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những vi phạm hoặc thiếu sót trong hoạt động của cơ quan điều tra thì nguy cơ xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm là hiện hữu. Vì vậy, yêu cầu tăng cường trách nhiệm không chỉ được đặt ra đối với Viện kiểm sát với tư cách là một cơ quan trong bộ máy tư pháp, mà cần được cụ thể hóa thành trách nhiệm cá nhân rõ ràng của từng Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra đối với từng vụ án, từng loại việc cụ thể.

Việc tổ chức thực hành quyền công tố theo mô hình Viện kiểm sát khu vực đòi hỏi phải tránh tình trạng trách nhiệm tập thể không được gắn chặt với trách nhiệm cá nhân, dẫn đến tâm lý ỷ lại, thiếu chủ động trong thực hiện nhiệm vụ. Ngược lại, cần xác định rõ trách nhiệm của Kiểm sát viên trong từng khâu tố tụng, từ việc nắm bắt thông tin ban đầu do công an cấp xã cung cấp, phối hợp với cơ quan điều tra cấp tỉnh trong việc định hướng điều tra, đến việc kiểm sát chặt chẽ các quyết định tố tụng, bảo đảm việc khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy được tiến hành đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Chỉ khi nâng cao được ý thức trách nhiệm của từng cán bộ, Kiểm sát viên trong bối cảnh tổ chức bộ máy mới thì ngành Kiểm sát nhân dân mới có thể thực hiện tốt nhiệm vụ hiến định là *“bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội”* [77].

#### **4.1.5. Yêu cầu hoạt động thực hành quyền công tố phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bảo đảm tính khả thi**

Trong bối cảnh tổ chức bộ máy của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và ngành KSND nói riêng có sự thay đổi căn bản theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, yêu cầu tổng kết thực tiễn càng cần được đặt trong điều kiện tổ chức mới. Việc hình thành mô hình VKSND khu vực, địa bàn quản lý rộng hơn, trong khi mô hình tổ chức của cơ quan điều tra cũng có sự điều chỉnh, đòi hỏi các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động THQCT không thể tiếp tục được xây dựng trên nền tảng của mô hình tổ chức cũ. Nếu không nhận diện đầy đủ những tác động của sự thay đổi này, việc áp dụng máy móc các kinh nghiệm, phương thức thực hiện trước đây sẽ khó bảo đảm hiệu quả, thậm chí có thể làm gia tăng khoảng cách giữa yêu cầu lý luận và khả năng thực hiện trong thực tiễn.

Mặt khác, việc xác định các yêu cầu đối với hoạt động thực hành quyền công tố phải luôn gắn liền với tính khả thi trong điều kiện nguồn lực thực tế của ngành Kiểm sát nhân dân và của từng địa phương. Tính khả thi của các yêu cầu không chỉ phụ thuộc vào sự phù hợp về mặt pháp lý, mà còn chịu sự chi phối trực tiếp của các yếu tố như nguồn nhân lực, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, điều kiện về ngân sách, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiệp vụ. Do đó, trong quá trình xây dựng và đề xuất các yêu cầu, cần cân nhắc một cách toàn diện các nguồn lực hiện có, gắn với chủ trương chung của Đảng và Nhà nước về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Cụ thể, đối với nguồn lực cán bộ, việc đặt ra các yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố phải phù hợp với thực trạng biên chế, cơ cấu đội ngũ và khả năng điều động, luân chuyển cán bộ trong mô hình tổ chức mới. Thay vì đề xuất tăng biên chế một cách dàn trải, cần ưu tiên việc sắp xếp, bố trí cán bộ hợp lý giữa các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực và các phòng nghiệp vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của cán bộ, KSV làm công tác thực hành quyền công tố trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy. Khi xây dựng các yêu cầu liên quan đến công tác cán bộ, cũng cần tính đến các yếu tố tác động đến đời sống, tâm lý của cán bộ, Kiểm sát viên, nhất là trong trường hợp phải công tác tại địa bàn xa nơi cư trú, địa bàn biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, các yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố cũng phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với điều kiện cơ sở vật chất, trang

thiết bị kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ hoạt động nghiệp vụ. Trong điều kiện địa bàn rộng, giao thông khó khăn, khoảng cách địa lý giữa Viện kiểm sát khu vực với các đơn vị công an cấp xã và cơ quan điều tra cấp tỉnh có thể kéo dài, nếu không bảo đảm đầy đủ về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc và hạ tầng công nghệ thông tin thì việc triển khai các yêu cầu đặt ra sẽ gặp nhiều hạn chế. Vì vậy, việc tổng kết thực tiễn và xác định yêu cầu đối với hoạt động thực hành quyền công tố cần tính đến khả năng đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương thức làm việc phù hợp với mô hình tổ chức mới.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, các yêu cầu đối với hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào chỉ thực sự có giá trị khoa học và thực tiễn khi được xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn một cách nghiêm túc, toàn diện và được thiết kế phù hợp với điều kiện tổ chức, nguồn lực cán bộ và cơ sở vật chất trong bối cảnh mới; qua đó tránh tình trạng sao chép, áp dụng máy móc mô hình cũ cho tổ chức mới, làm giảm hiệu quả của hoạt động thực hành quyền công tố trong thực tiễn.

#### ***4.1.6. Yêu cầu tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hành quyền công tố đối với các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào***

Tội phạm về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào không còn là hiện tượng thuần túy nội địa, mà đã mang bản chất xuyên quốc gia với tính tổ chức cao, liên quan đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Các đối tượng phạm tội thường lợi dụng đặc điểm địa hình hiểm trở, mạng lưới dân cư hai bên biên giới có quan hệ thân tộc lâu đời, cũng như sự chênh lệch trong chính sách pháp luật, trình độ quản lý giữa các quốc gia để vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy với số lượng lớn. Nhiều vụ án lớn về ma túy phát hiện tại Việt Nam có nguồn ma túy vận chuyển từ khu vực Tam giác vàng qua Lào, rồi vào Việt Nam và tiếp tục chuyển đi nước thứ ba. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy là phải gắn chặt với yêu cầu tăng cường hợp tác quốc tế, nhằm bảo đảm việc phát hiện, xử lý tội phạm không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia, đồng thời tăng cường hiệu quả truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng chủ mưu, cầm đầu thường xuyên lợi dụng sự thiếu phối hợp giữa các quốc gia để trốn tránh pháp luật.

Thực tiễn cho thấy, trong quá trình THQCT, nhiều vụ án đòi hỏi VKS phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của nước bạn Lào trong xác minh lai lịch bị can, thu thập chứng cứ có nguồn gốc từ nước ngoài, hoặc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự. Nếu không có sự phối hợp kịp thời, sẽ dẫn đến chậm trễ trong điều tra, không thể làm rõ hành vi phạm tội xuyên biên giới, thậm chí bỏ lọt tội phạm, người phạm tội. Ví dụ điển hình là vụ án xảy ra tại huyện MN, tỉnh Đ vào cuối năm 2022, trong đó các đối tượng người Việt Nam cấu kết với nhóm người Lào để đưa ma túy từ tỉnh Phong Sa Ly (Lào) qua Việt Nam. Tuy nhiên, do không có thông tin pháp lý rõ ràng về đối tượng người Lào và không có cơ chế phối hợp hiệu quả trong thu thập chứng cứ từ phía bạn, quá trình điều tra kéo dài, một số đối tượng chủ chốt không bị truy cứu. Vụ

án cho thấy vai trò then chốt của hợp tác quốc tế trong khâu THQCT đối với các vụ án ma túy tại địa bàn giáp biên.

Ngoài yêu cầu thực tiễn, hợp tác quốc tế còn là nghĩa vụ pháp lý của Việt Nam khi tham gia các điều ước quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp chất ma túy và các chất hướng thần năm 1988 (Công ước Viên 1988), cũng như các thỏa thuận song phương và đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực ASEAN. Các văn kiện này đều nhấn mạnh nghĩa vụ phối hợp giữa các quốc gia thành viên trong điều tra, truy tố, dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự và kiểm soát tiền chất.

Về mặt tổ chức thực hiện, hoạt động THQCT trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào phải được tiến hành trên cơ sở hiểu biết và áp dụng hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, nhất là phối hợp chặt chẽ với lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an cửa khẩu, các đơn vị liên ngành và các tổ chức quốc tế như Cơ quan Phòng chống tội phạm và ma túy của Liên Hợp quốc (UNODC). KSV được phân công THQCT các vụ án ma túy xuyên biên giới phải được bồi dưỡng kiến thức pháp lý quốc tế, kỹ năng xử lý hồ sơ có yếu tố nước ngoài và sử dụng thành thạo các quy trình tương trợ tư pháp.

#### **4.2. Giải pháp về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào**

##### ***4.2.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổng kết rút kinh nghiệm nghiệp vụ về thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy***

Quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy là một trong những yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện chức năng của ngành Kiểm sát. Hoạt động này không chỉ đơn thuần trong nội bộ ngành Kiểm sát, mà còn liên quan mật thiết đến quan hệ phối hợp công tác với CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và các cơ quan khác, tổ chức và công dân, nên càng đòi hỏi người lãnh đạo, quản lý phải là những KSV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời phải là những người có khả năng chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động của đơn vị nghiệp vụ; phải có tâm, có tầm, sự am hiểu chính trị, pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp và tình hình thực tiễn khi giải quyết công việc. Hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án về các tội giết người được hiểu là hoạt động của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và những người có thẩm quyền trong ngành Kiểm sát tổ chức, phân công, điều hành các đơn vị và KSV, cán bộ dưới quyền THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra các tội giết người, nhằm bảo đảm việc phát hiện, khởi tố, điều tra tội phạm phạm về ma túy được tiến hành nhanh chóng, kịp thời đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Để thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác thực hành quyền công tố trong hoạt động điều tra các tội phạm về ma túy thì lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân hai cấp cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý việc thụ lý, giải quyết các vụ án, không để án tồn đọng kéo dài hoặc không có quyết định xử lý. Hoạt động quản lý trước hết phải hướng đến những lĩnh vực quan trọng như quản lý về tiếp nhận, xử lý về TG, TBTP, KNKT; quản lý vấn đề khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; áp dụng hay không áp dụng các biện pháp ngăn chặn... bởi đây là những lĩnh vực công tác phức tạp, nhạy cảm, nếu không quản lý chặt chẽ rất dễ xảy ra tình trạng tiêu cực. Mỗi đơn vị kiểm sát cần chủ động nghiên cứu, đề xuất các biện pháp để quản lý chặt chẽ án hình sự theo nguyên tắc tập trung thống nhất, phù hợp với vị trí, trách nhiệm của mỗi cấp, đáp ứng yêu cầu gắn chỉ đạo thực tiễn với tổng kết nghiệp vụ. Viện kiểm sát các cấp phải vào sổ, theo dõi chặt chẽ việc thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự, không để án tồn đọng kéo dài hoặc án không có quyết định xử lý (quên án, thất lạc hồ sơ); quản lý và thường xuyên kiểm tra chặt chẽ các trường hợp trả tự do, đình chỉ điều tra do không phạm tội và các trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên không phạm tội. Nếu có sai phạm phải có tổ chức chỉ đạo giải quyết dứt điểm, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo, cá nhân theo quy định của pháp luật và Quy chế nghiệp vụ THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự .

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả các mặt công tác được giao phụ trách. Đối với các vụ án về ma túy lớn, phức tạp, vụ án ma túy truy xét không có chứng cứ vật chất hoặc các vụ án được dư luận quần chúng quan tâm, lãnh đạo Viện phải trực tiếp cùng KSV tham gia vào các hoạt động THQCT quan trọng trong giai đoạn khởi tố, điều tra như đối với các trường hợp phải khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án (nếu thấy cần thiết); vụ án phức tạp về nhận định, đánh giá chứng cứ để buộc tội, trường hợp xác định khối lượng, lấy mẫu vật ma túy gửi giám định; trường hợp phải đề ra yêu cầu điều tra; việc phê chuẩn khởi tố bị can gặp khó khăn, người bị tạm giữ không nhận tội hoặc khó khăn trong việc phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn thì Lãnh đạo Viện phải trực tiếp xem xét hồ sơ trước khi quyết định phê chuẩn; đối với trường hợp VKS ra quyết định khởi tố vụ án, hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can... thì lãnh đạo VKS phải trực tiếp xem xét, quyết định nhằm bảo đảm các quyết định pháp lý được ban hành đúng đắn, khách quan, hợp pháp và có căn cứ.

- Quán triệt, yêu cầu KSV phải nắm chắc quy định của pháp luật và có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm công tố trong điều tra các tội ma túy, gắn công tố với hoạt động điều tra các tội phạm về ma túy. Theo đó, quán triệt và yêu cầu KSV nắm chắc quy định của Luật Tổ chức VKSND; Bộ luật TTHS; BLHS; Luật phòng, chống ma túy và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, hướng dẫn của ngành nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án tội phạm ma túy trên địa bàn. Bên cạnh đó, phải nhận thức đầy đủ vị trí, tầm quan trọng của công tác THQCT trong hoạt động điều tra các tội giết người. Từ đó, KSV phải có sự đầu tư thích hợp về mặt thời gian cũng như kiến thức chuyên môn, các điều kiện khác để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra các tội giết người là sự chủ động của Viện Kiểm sát đối với hoạt động điều tra các tội giết người. Để tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra, KSV cần

chủ động thực hiện đầy đủ các thẩm quyền do luật định, coi trọng việc phối hợp chặt chẽ với CQĐT ngay từ đầu và trong suốt quá trình điều tra; khắc phục tình trạng thụ động chờ CQĐT chuyển hồ sơ đến mới nghiên cứu, xét phê chuẩn hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Các biện pháp, phương thức THQCT không được chung chung, hình thức, ngoài việc áp dụng biện pháp THQCT gián tiếp qua hồ sơ do CQĐT thu thập KSV cần tăng cường nhiều hơn nữa phương pháp THQCT trực tiếp, chủ động thực hiện công tác THQCT trong một số hoạt động điều tra thu thập chứng cứ như: khám xét, đối chất, nhận dạng, trực tiếp lấy lời khai. Trong quan hệ phối hợp cần xác định rõ nhiệm vụ nào KSV phải làm theo chức năng, việc gì phối hợp với CQĐT. Tránh khuynh hướng phối hợp một chiều; khắc phục tư tưởng hữu khuynh né tránh, không xử lý triệt để vụ án hoặc xử quá nhẹ, bỏ qua vi phạm của CQĐT dẫn đến xử lý vụ án oan sai. Đối với nhiệm vụ được giao, KSV phải nhận thức đúng đắn bản chất pháp lý của vụ việc đang được điều tra, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các quy chế nghiệp vụ của Ngành. Khi THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy, KSV phải hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ của mình để đề xuất các quyết định tố tụng đúng thẩm quyền của Viện kiểm sát một cách chính xác, kịp thời, đúng bản chất sự việc.

- Đổi mới công tác cán bộ, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và tăng cường công tác quản lý cán bộ. xây dựng định mức chỉ tiêu cụ thể cho công chức, THQCT gắn với công tác thi đua của đơn vị. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, xây dựng đội ngũ KSV giàu kinh nghiệm; tạo động lực để đội ngũ công chức cống hiến, tận tụy, phát huy năng lực, sở trường công tác. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cán bộ, bởi cán bộ, KSV làm việc trong môi trường nhạy cảm, với nhiều cám dỗ vật chất, do đó lãnh đạo VKS các cấp phải tăng cường quản lý về mặt đạo đức, lối sống, sinh hoạt, chỉnh đốn ngay từ đầu đối với các biểu hiện sinh hoạt thiếu lành mạnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm xảy ra. Bên cạnh đó, cần tăng cường hoạt động quản lý, chỉ đạo trong các lĩnh vực chuyên môn, bảo đảm nắm chắc, đầy đủ các hoạt động nghiệp vụ diễn ra, chỉ đạo kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra công tác THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy, bảo đảm các hoạt động của KSV, các quyết định tố tụng hình sự, các kiến nghị, yêu cầu ban hành trong quá trình phối hợp với CQĐT đúng quy định của pháp luật. Tạo điều kiện thuận lợi về mặt phối hợp để CQĐT tiến hành nhanh chóng khám phá người phạm tội, thu thập đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Hàng tuần, lãnh đạo phải yêu cầu KSV thụ lý báo cáo tình hình; những biện pháp tố tụng áp dụng trong hoạt động điều tra vụ án có chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật hay không, nếu có vi phạm thì cách khắc phục như thế nào; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án về các tội phạm ma túy để kịp thời chỉ đạo. Các báo cáo, đề xuất của KSV phải bằng văn bản, nêu rõ quan điểm cá nhân về đánh giá chứng cứ, có tội hay không? nếu có thì là tội gì? Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và đường lối giải quyết vụ án. Tất cả các đề xuất của KSV trong quá trình kiểm sát điều tra phải được lãnh đạo phê duyệt cụ thể để đề cao trách nhiệm cá nhân. Thường xuyên hoặc bất thường kiểm tra hồ sơ kiểm sát điều

tra vụ án của KSV để phát hiện những thiếu sót, vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, tổng hợp rút kinh nghiệm chung trong công tác.

- Chú trọng việc đi sâu phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tình trạng phạm tội về ma túy; qua đó cần tăng cường công tác phòng ngừa tội phạm qua giải quyết án hình sự ở cả hai cấp kiểm sát, gắn thống kê tội phạm với phân tích tội phạm để có cơ sở tham mưu cho Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm; bên cạnh đó, cần gắn đấu tranh phòng chống tội phạm với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương cũng như trên quy mô toàn quốc.

- Bên cạnh hoạt động chỉ đạo, điều hành, VKSND tối cao và VKSND cấp tỉnh phải thường xuyên tổng kết, bổ sung, hoàn thiện lý luận về tội phạm ma túy, tăng cường tổ chức rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc đối với những thiếu sót của KSV trong quá trình THQCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án về ma túy đã không phát hiện ra những thiếu sót, vi phạm của CQĐT hoặc có vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung do lỗi của KSV nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của KSV khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tổng hợp những kinh nghiệm, cách làm hay để thông báo cho cán bộ, KSV VKS hai cấp học tập, vận dụng; thường xuyên quan tâm, chỉ đạo tổ chức các hội nghị, hội thảo cho các Điều tra viên, KSV, Thẩm phán học tập, trao đổi, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ nhận thức, phương pháp, nội dung và quy trình thực hiện nhiệm vụ.

- Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy chế tổ chức, hoạt động của đơn vị đảm bảo đúng các quy định của pháp luật, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Ngành; xác định cụ thể quyền hạn, nhiệm vụ của từng chức danh, vị trí công tác, vị trí việc làm; mối quan hệ hành chính và mối quan hệ trong hoạt động tư pháp giữa các chủ thể, đối tượng quản lý, chỉ đạo, điều hành; phương thức làm việc, phối hợp giữa cấp trên, cấp dưới và cách thức giải quyết trong những trường hợp có mâu thuẫn quan điểm xử lý vụ án về các tội phạm ma túy giữa hai cơ quan, giữa KSV với lãnh đạo phòng, lãnh đạo Viện. Qua nghiên cứu quy chế tổ chức, làm việc của các VKSND cấp tỉnh, nhận thấy mô hình quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp tỉnh đối với công tác THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy có hiệu quả hiện nay là Viện trưởng ủy quyền cho Phó viện trưởng trực tiếp quản lý, chỉ đạo điều hành phòng 1 (có nhiệm vụ THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án hình sự về ma túy và một hoặc một số loại tội phạm khác) Viện trưởng chỉ đạo trực tiếp những vụ án phức tạp, dư luận xã hội quan tâm; vụ án có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Xây dựng chương trình hoặc kế hoạch công tác cụ thể, trên cơ sở chỉ thị công tác hàng năm của Viện trưởng VKSND tối cao, kế hoạch công tác của VKSND cấp tỉnh, bám sát tình hình và dự báo tội phạm về ma túy xảy ra tại địa bàn công tác và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương. Kế hoạch công tác phải nêu rõ các nhiệm vụ thực hiện THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy. Hoàn thiện hệ thống các tiêu chí (hệ chuẩn) như: Không bỏ lọt tội, không làm oan, sai; tham gia kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường 100%; tỷ lệ trả hồ sơ điều tra bổ sung dưới 3%;... để đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác THQCT trong hoạt động điều tra vụ án ma túy, chú trọng những tác động của KSV trong công tác đã góp phần cùng CQĐT phát hiện điều tra, thu thập chứng cứ

một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, đúng quy định của pháp trong vụ án về các tội giết người, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra. Để thực hiện các chỉ tiêu, cần phải đưa ra các giải pháp cụ thể, phân công cán bộ, KSV thực hiện và theo dõi.

- Tổ chức, thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong chương trình hoặc kế hoạch công tác. Phân công, bố trí cán bộ quản lý, KSV thì phải “vì việc mà chọn người”, phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của từng người; khuyến khích, phát huy năng lực sở trường, tính năng động, vận dụng sáng tạo các biện pháp, cách thức thực hiện kỹ năng nghề nghiệp nhằm thực hiện nhiệm vụ trong từng vụ án. Đồng thời, phải tăng cường vai trò của lãnh đạo VKSND đó là nâng cao trách nhiệm trong việc trực tiếp thực hiện công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra các tội phạm về ma túy.

- Lãnh đạo VKSND các cấp cần quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự của CQĐT cùng cấp, bảo đảm 100% khiếu nại, tố cáo đều được xem xét, giải quyết theo quy định. Làm tốt công tác này sẽ giúp Viện kiểm sát thực hiện hiệu quả hơn công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kịp thời ngăn ngừa các trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm; đồng thời giúp nâng cao vị thế của Ngành.

- Lãnh đạo VKSND các cấp cần ứng dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý án hình sự, trong đó có các vụ án về các tội giết người để theo dõi quản lý tình hình tội phạm, tiến độ điều tra, kiểm sát điều tra, không để xảy ra việc vi phạm thời hạn điều tra, thời hạn tạm giữ, tạm giam hoặc KSV không thực hiện tốt việc THQCT trong điều tra các tội giết người.

#### **4.2.2. Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ của ngành Kiểm sát nhân dân**

Công tác tổ chức - cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân là khâu then chốt, có tính đột phá đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THQCT các vụ án hình sự nói chung và hoạt động THQCT các vụ án về các phạm ma túy nói riêng. Đổi mới công tác tổ chức cán bộ, đòi hỏi phải có những chủ trương, chính sách đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Việc tổ chức hợp lý các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, các cán bộ cụ thể với lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ cụ thể, là những điều kiện quan trọng để thúc đẩy chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy.

Từ thực tiễn cho thấy, lực lượng cán bộ làm công tác THQCT hiện nay còn quá mỏng, dàn trải, kiêm nhiệm nhiều việc, trong tội phạm về ma túy ngày một tăng lên cả về số lượng, quy mô và tính chất phức tạp, nhất là những địa bàn có đường biên giới, bao gồm biên giới giáp Lào mà đặc biệt là tỉnh Điện Biên là tỉnh có đường biên giới giáp cả 2 nước Lào và Trung Quốc. Do vậy, không đủ khả năng để đảm đương THQCT từ đầu đối với án hình sự nói chung và án ma túy nói riêng. Để tổ chức có hiệu quả công tác THQCT nói chung, công tác THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy nói riêng đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao ở VKSND. Các cán bộ, KSV làm công tác này phải thực sự vững vàng về chính trị, trong

sáng về chất đạo đức, có bản lĩnh về nghề nghiệp, chuyên sâu về nghiệp vụ, đồng thời phải có kinh nghiệm trong công tác.

Để thực hiện tốt công tác tổ chức - cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân, đòi hỏi VKSND các cấp thực hiện tốt các quy định của Luật Tổ chức VKSND năm 2014, thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá cán bộ, luân chuyển cán bộ, đảm bảo yêu cầu công tác kiểm sát hình sự ở từng khâu, từng cấp đều có những KSV có năng lực và phẩm chất tốt, mạnh về trí và về lực, đủ sức đảm đương trách nhiệm, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cần có những chính sách đãi ngộ hết sức hợp lý, nhằm động viên, phát huy được khả năng của cán bộ trong việc nâng cao chất lượng THQCT đối với các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về các tội phạm ma túy nói riêng.

Từ nay đến năm 2027, cần có chủ trương tiếp tục bảo đảm số lượng biên chế cho ngành KSND; bổ sung chỉ tiêu biên chế cán bộ, KSV cho Vụ 4 VKSND tối cao; Phòng THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự về ma túy ở VKSND cấp tỉnh, nhất là các tỉnh có đường biên giới để đảm đương, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành. Số lượng, chất lượng cán bộ, KSV công tác tại các đơn vị này phải đủ mới có điều kiện nghiên cứu hồ sơ, tham gia trực tiếp một số hoạt động điều tra, kiểm sát trực tiếp, thường xuyên tiến độ điều tra, kịp thời phát hiện những vi phạm trong hoạt động khởi tố, điều tra để kiến nghị CQĐT khắc phục và đề ra yêu cầu điều tra đảm bảo thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm.

VKSND các cấp cần quan tâm công tác quy hoạch cán bộ nhằm tạo nguồn lực cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như về lâu dài, đảm bảo tính liên tục và kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt. Vì vậy, phải hết sức coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch, trước hết là lực lượng cán bộ, KSV trẻ. Công tác quy hoạch cán bộ phải được thực hiện một cách khách quan, toàn diện; chú trọng cả phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tiễn.

#### ***4.2.3. Tăng cường và đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy***

*Thứ nhất*, VKSND các cấp phải tạo môi trường thuận lợi, động viên KSV phải có ý thức tự học tập, nghiên cứu tài liệu nâng cao năng lực, trình độ của mình, kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật, nắm vững các quy định của BLHS, BLTTHS, Luật Tổ chức VKSND, các văn bản hướng dẫn thi hành, nhất là Nghị quyết hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các quy định của BLHS và các Thông tư liên tịch của các cơ quan tư pháp trong quan hệ phối hợp thực hiện các quy định BLTTHS; tích lũy kinh nghiệm, trau dồi, học hỏi nghiệp vụ điều tra, kiểm sát điều tra của các Điều tra viên, KSV có nhiều năm làm công tác này để tổng hợp rút ra thành kỹ năng nghề nghiệp, làm căn cứ để thực hiện tốt công tác THQCT trong khởi tố, điều tra vụ án về các tội phạm ma túy. Đào tạo theo hướng chú trọng nghiệp vụ điều tra cho KSV để KSV có thể thực hiện tốt nhiệm vụ gắn công tố với hoạt động điều tra. Ngoài việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Ngành, cần tăng cường tự đào tạo, bồi dưỡng tại VKSND

các địa phương thông qua việc trao đổi, tọa đàm, rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án về các tội phạm ma túy điển hình đã làm tốt các hoạt động trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Đặc biệt cần đưa các vụ án có vi phạm trong hoạt động khởi tố, điều tra, hoạt động kiểm sát điều tra để các KSV rút kinh nghiệm, không mắc phải các lỗi đã xảy ra nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Tổ chức cho các cán bộ, KSV tham dự các phiên tòa xét xử các vụ án về các tội phạm ma túy có luật sư bào chữa, để nghe nhiều ý kiến phản biện trái chiều nhau, từ đó tổng kết tích lũy kỹ năng nghề nghiệp.

*Thứ hai*, KSV phải tích cực tự học tập nâng cao năng lực nghiệp vụ, để nắm vững quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật giải quyết vụ án, thao tác nghiệp vụ. Nâng cao trình độ lý luận, phương pháp đánh giá chứng cứ, định tội danh, đề đề xuất lãnh đạo đường lối xử lý phê chuẩn các quyết định của CQĐT, quyết định truy tố cũng như việc tham mưu đề xuất lãnh đạo kiến nghị những thiếu sót, vi phạm của CQĐT và kiến nghị các cơ quan, đơn vị hữu quan khắc phục nguyên nhân nảy sinh tội phạm. Nâng cao chất lượng và chủ động trong hoạt động THQCT đối với các vụ án về các tội phạm ma túy, chú ý tập trung nghiên cứu tổng hợp khách quan tất cả các tình tiết buộc tội, tình tiết gỡ tội, không thoả mãn ý lại vào bản kết luận điều tra. Thực hiện tốt việc lập hồ sơ kiểm sát, việc trích hồ sơ phải phản ánh đúng và đầy đủ diễn biến lời khai của bị can, bị cáo, nhân chứng... Hồ sơ kiểm sát phải phản ánh được đầy đủ nội dung chủ yếu của vụ án, thể hiện và phản ánh rõ hoạt động của KSV trong quá trình THQCT và các ý kiến chỉ đạo của các cấp lãnh đạo khi giải quyết vụ án.

*Thứ ba*, tăng cường tổ chức tập huấn chuyên sâu về công tác THQCT đối với các vụ án giết theo hướng tổng kết thực tiễn THQCT đối với các vụ án về các tội phạm ma túy, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập nảy sinh từ thực tiễn; đồng thời phổ biến, nhân rộng kinh nghiệm trong toàn ngành. Các đơn vị THQCT và kiểm sát điều tra trực thuộc VKSND tối cao quan tâm đẩy mạnh việc nghiên cứu, tổng hợp những biện pháp giải quyết khó khăn vướng mắc trong thực tế chỉ đạo địa phương; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kinh nghiệm về kỹ năng và phương pháp THQCT đối với vụ án về các tội phạm ma túy, nâng cao kiến thức chuyên ngành khác liên quan, nhất là những tri thức về điều tra tội phạm, tội phạm học; in sách bồi dưỡng nghiệp vụ dành cho cán bộ THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án về các tội phạm ma túy trong toàn ngành và tổ chức tập huấn.

*Thứ tư*, bên cạnh việc nắm vững những quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, KSV phải được trang bị kiến thức về điều tra tội phạm ma túy người bằng các khóa học ngắn hạn, ít nhất là 2 tháng trở lên, góp phần nâng cao năng lực trình độ THQCT đối với các phạm về ma túy người để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong giai đoạn công nghệ thông tin phát triển như hiện nay, KSV cần phải được tiếp cận, sử dụng thành thạo về tin học, ngoại ngữ, các kiến thức xã hội mới đáp ứng được với những yêu cầu của chức năng nhiệm vụ trong tình hình mới. Yêu cầu này, đòi hỏi cán bộ, KSV phải tham gia các lớp tin học, sử dụng thành thạo các loại phần mềm, làm chủ các phương tiện kỹ thuật về công nghệ thông tin; cập nhật đầy đủ, thường xuyên, kịp thời và khai thác có hiệu quả các thông tin, dữ liệu về chính sách của Đảng, Nhà nước, về hệ thống pháp luật của Việt Nam và quốc tế; quản lý chặt chẽ, chính xác các

vụ án về các tội giết người bằng phần mềm máy vi tính từ khi có vụ án về ma túy xảy ra cho đến khi kết thúc điều tra vụ án.

*Thứ năm*, đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV làm nhiệm vụ THQCT đối với các vụ án về các tội phạm về ma túy:

- Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phải xuất phát từ đối tượng đào tạo, bồi dưỡng. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát là cán bộ, KSV đã có trình độ cử nhân luật và đã qua công tác thực tiễn trên chương trình đào tạo, bồi dưỡng tập trung hướng tới các kỹ năng nghề nghiệp; cập nhật các kiến thức mới về pháp luật, về chính trị, kinh tế - xã hội và kiến thức hội nhập quốc tế.

- Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng thông qua việc thuyết giảng, báo cáo thực tế, báo cáo chuyên đề để cập nhật các kiến thức mới; tăng cường tổ chức thảo luận, thực hành diễn án tình huống, về các vấn đề liên quan đến nội dung THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy, đưa ra các vụ án về các tội phạm về ma túy để trao đổi, thảo luận nhằm chia sẻ kinh nghiệm giải quyết án ma túy.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tăng cường kỹ năng công tác nghiệp vụ, đào tạo chuyên sâu về nhiệm vụ THQCT đối với các vụ án về các tội phạm ma túy. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát phải được đầu tư, quan tâm đúng mức, các tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng phải trở thành một trong các điều kiện bắt buộc bổ nhiệm chức danh KSV, chức danh quản lý lãnh đạo của Ngành. Biên soạn Tập bài giảng chuyên sâu về THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án về các tội phạm ma túy dưới dạng chuyên đề với nội dung phong phú, đa dạng dùng làm tài liệu học tập, nghiên cứu cho học viên không chỉ tại trường mà còn sử dụng trong cả quá trình công tác. Kết hợp giảng dạy lý luận với báo cáo thực tế về các vụ án về các tội phạm ma túy điển hình, trọng điểm được dư luận quan tâm; tăng cường thảo luận, trao đổi, tọa đàm về những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong hoạt động khởi tố, điều tra, kiểm sát điều tra nhằm rút ra bài học kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết các vụ án về các tội phạm ma túy. Phối hợp với các cơ sở đào tạo của Bộ Công an tổ chức mở các lớp học về phương pháp, chiến thuật điều tra tội phạm và kỹ thuật hình sự cho các KSV. Quá trình bồi dưỡng cho các KSV thực hành khám nghiệm hiện trường, lấy dấu vết, viết biên bản khám nghiệm hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường, viết báo cáo kết quả khám nghiệm nhằm trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động điều tra tội phạm về ma túy.

#### ***4.2.4. Nâng cao, đổi mới phương pháp thực hành quyền công tố***

Với vị trí là cơ quan THQCT trong điều tra các tội phạm ma túy, VKSND có trách nhiệm bảo đảm cho pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất, bảo đảm không để lọt người, lọt tội và không làm oan người vô tội. Do vậy, VKSND các cấp cần phải đổi mới nội dung, phương pháp công tác THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm ma túy, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, thực hiện tốt hoạt động nắm, quản lý, phân loại, xử lý tố giác, tin báo tội phạm ma túy.

Để làm tốt yêu cầu này, đòi hỏi Viện kiểm sát các cấp phải chủ động phối hợp với cơ quan điều tra ngay từ khi tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm ma túy của CQĐT cùng cấp; chủ động đề ra yêu cầu xác minh; khẩn trương và nâng cao chất lượng trong nghiên cứu những vụ việc do CQĐT trao đổi quan điểm xử lý,... bảo đảm mọi hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm ma túy và kiến nghị khởi tố của CQĐT đều được kiểm sát chắc chắn, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT- BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VKSND tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và các quy chế nghiệp vụ của ngành [47].

Để nâng cao trách nhiệm công tố ngay từ đầu, đòi hỏi Viện kiểm sát các cấp phải tích cực, chủ động trong công tác kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm ma túy. Trong đó, cần nhận định rõ CQĐT có trách nhiệm phát hiện tội phạm (rộng hơn trách nhiệm phát hiện, giải quyết), kiểm tra, xác minh mọi thông tin về tội phạm thuộc thẩm quyền của mình, còn Viện kiểm sát cùng cấp phải bảo đảm để mọi tội phạm xảy ra đều phải được CQĐT có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

KSV phải nắm được đầy đủ thông tin về tin báo về tội phạm ma túy, khi CQĐT chuyển hồ sơ đề nghị phê chuẩn bắt, tạm giữ hoặc phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can; kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra cho ĐTV để chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền cho người dân hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò của VKS trong việc tiếp nhận và kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm ma túy từ đó động viên nhân dân tích cực hơn trong việc tố giác tội phạm.

*Thứ hai*, bảo đảm việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội phạm ma túy có căn cứ pháp luật.

Sau khi nhận quyết định khởi tố vụ án về các tội phạm ma túy kèm theo tài liệu liên quan, KSV phải khẩn trương nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để khẳng định việc khởi tố vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật hay không (nếu chưa thống nhất với CQĐT trước khi khởi tố). Trong hoạt động này, cần kiên quyết, thận trọng, không chấp nhận việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án không có căn cứ và trái pháp luật; yêu cầu khởi tố bị can khi đã đủ căn cứ phạm tội nhưng kiên quyết từ chối phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật. Nếu thấy việc khởi tố vụ án rõ ràng là không có căn cứ, trái pháp luật thì Viện kiểm sát yêu cầu CQĐT hoặc tự mình ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án (Điều 161 BLTTHS).

Nếu quyết định khởi tố vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật thì yêu cầu điều tra, phối hợp thu thập chứng cứ nhằm xác định người phạm tội để khởi tố bị can. Trường hợp CQĐT khởi tố vụ án đồng thời với khởi tố bị can thì Viện kiểm sát phải khẩn trương nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quyết định phê chuẩn hoặc không

phê chuẩn; đồng thời đề ra yêu cầu điều tra để CQĐT thu thập, củng cố chứng cứ, điều tra mở rộng vụ án.

Để thực hiện tốt hoạt động quyết định việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội phạm ma túy KSV phải nắm vững các dấu hiệu đặc trưng của tội phạm ma túy hoặc phải phân biệt được sự khác nhau giữa các tội danh về ma túy để thống nhất hoặc không thống nhất với việc khởi tố vụ án. Chủ động, tích cực xây dựng yêu cầu điều tra, kế hoạch kiểm sát điều tra rà soát các thủ tục tố tụng đã áp dụng trước khi quyết định phê chuẩn khởi tố bị can, quyết định truy tố được chính xác không làm ảnh hưởng đến việc đấu tranh, bỏ lọt tội phạm.

*Thứ ba*, bảo đảm việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đúng luật. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự quy định là những biện pháp tước quyền tự do hoặc hạn chế các quyền tự do có thời hạn, cho nên đây là những biện pháp, hành vi tố tụng nghiêm khắc đối với bản thân người phạm tội. Do vậy, KSV phải kiểm sát chặt chẽ các căn cứ thực tế và căn cứ pháp luật của việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn. Khẩn trương phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn khi đã có đủ căn cứ và cần thiết để tạo cơ sở thuận lợi cho việc điều tra, khám phá vụ án. Kiên quyết không phê chuẩn việc gia hạn tạm giữ; phê chuẩn việc bắt bị can để tạm giam hoặc tạm giam bị can không có căn cứ hoặc xét thấy không cần thiết phải tạm giữ, tạm giam.

Đối với tất cả các vụ án, Viện kiểm sát phải tham gia THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật ngay từ đầu trong công tác bắt giữ, kịp thời phát hiện các trường hợp lạm dụng bắt khẩn cấp, không cả nể đồng tình với Điều tra viên có tư tưởng áp dụng biện pháp tạm giam thay cho hoạt động điều tra, có như thế mới hạn chế được một số vụ án ma túy bị hủy điều tra lại. Quá trình THQCT trong hoạt động điều tra các tội phạm ma túy, KSV phải bám sát tiến trình điều tra, không được buông lỏng việc giám sát các hoạt động điều tra hoặc định kiến theo ý chí chủ quan thiên về chứng cứ buộc tội vụ án phạm ma túy, mà chưa chú ý đến chứng cứ gỡ tội; khi phát hiện thấy Điều tra viên vi phạm các quy định của BLTTHS trong các hoạt động điều tra, phải kiên quyết yêu cầu Điều tra viên rút kinh nghiệm, khắc phục. Nếu không tiếp thu thì báo cáo lãnh đạo Viện yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi Điều tra viên khác để điều tra vụ án được khách quan.

Để đảm bảo thực hiện tốt hoạt động áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, trong điều tra các tội phạm ma túy đòi hỏi Viện kiểm sát phải nắm vững các quy định của BLTTHS, đặc biệt là các quy định về tạm giữ, tạm giam, giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Chống khuynh hướng bắt, tạm giữ, tạm giam thay cho điều tra, hoặc bắt tạm giam sau đó phải đình chỉ vụ án hoặc trả tự do... Cần chú ý khi phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp và lệnh tạm giam phải hết sức thận trọng, nghiên cứu thẩm định đầy đủ các chứng cứ, tài liệu. Trước hết phải quán triệt đầy đủ những quy định về căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110 BLTTHS) và bắt bị can, bị cáo để tạm giam (Điều 113 BLTTHS). Không được phê chuẩn những trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp không có căn cứ và không có căn cứ để áp dụng biện pháp tạm giam. Ngoài việc bảo đảm tính có căn cứ, còn phải bảo đảm tính hợp pháp của các quyết định này bởi lẽ, BLTTHS quy định chặt chẽ và cụ thể về

thẩm quyền, thủ tục và thời hạn của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nên việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định này là cần thiết.

Bên cạnh việc bảo đảm các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn có căn cứ và hợp pháp, thì việc hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn cũng rất quan trọng và cần thiết. Bởi lẽ nếu hủy bỏ hoặc thay thế các biện pháp ngăn chặn không đúng sẽ có ảnh hưởng không tốt về nhiều mặt trong quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ án. Do vậy, trong khi tiến hành hoạt động này VKSND cần căn cứ vào các quy định nêu trên của BLTTHS và BLHS để xem xét tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định trên để thực hiện thẩm quyền theo luật định.

Ngoài ra, KSV phải thận trọng khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế như khám xét, tạm giữ đồ vật, tiền hoặc tài sản khác trong quá trình điều tra. Trong mọi trường hợp khám xét có thu giữ tài sản, công cụ phương tiện gây án, vật chứng của vụ án, Viện kiểm sát đều phải yêu cầu CQĐT thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp tùy tiện xử lý vật chứng hoặc sử dụng tiền bạc, vật chứng vào mục đích cá nhân, trái pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước và công dân.

*Thứ tư*, bám sát các hoạt động điều tra, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, nhất là khám nghiệm hiện trường, khám xét và hỏi cung bị can.

Quá trình THQCT trong điều tra các tội phạm ma túy, KSV cần khắc phục ngay tình trạng thụ động ngồi chờ án, chỉ THQCT trên hồ sơ vụ án khi CQĐT kết thúc hồ sơ chuyển sang mà không bám sát vào quá trình điều tra. Cần phải làm tốt công tác THQCT từ đầu, tích cực bám sát vào quá trình điều tra thông qua các hành vi trực tiếp kiểm sát như kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám xét nơi ở, việc bắt, việc hỏi cung bị can, ghi lời khai của người làm chứng và những người liên quan. KSV phải chủ động nắm bắt diễn biến quá trình điều tra để kịp thời đề ra yêu cầu điều tra sát và đúng với những vấn đề cần chứng minh của vụ án, bảo đảm tính khả thi. Khi xét thấy cần thiết, KSV có thể trực tiếp hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị hại, người làm chứng; tham gia các hoạt động điều tra để bảo đảm việc xử lý vụ án về các tội phạm ma túy đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung của hoạt động THQCT bao gồm: Phát hiện tội phạm, làm rõ người phạm tội và các tình tiết khác để giải quyết đúng đắn vụ án thông qua việc thực hiện các biện pháp thuộc nội dung quyền công tố. Phương pháp THQCT có hai cách thường xuyên phải đi liền với nhau, một là nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do CQĐT thu thập để phát hiện đánh giá các hành vi phạm tội của người phạm tội và phát hiện đúng, sai của CQĐT; hai là trực tiếp tham gia một số hoạt động tố tụng chủ yếu của CQĐT như khám nghiệm hiện trường, hỏi cung bị can và trực tiếp tiến hành một số hoạt động nghiệp vụ để thu thập tài liệu chứng cứ, để kiểm tra độ tin cậy của các tài liệu, chứng cứ do CQĐT đã thu thập, hoặc KSV trực tiếp lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, hỏi cung bị can, nhất là đối với những vụ án về các tội phạm ma túy có đồng phạm, án phức tạp, tự mình xác minh các nguồn tin khác phát sinh trong quá trình điều tra vụ án khi xét thấy cần thiết. VKSND cấp dưới cần tranh thủ ý kiến và sự giúp đỡ của Viện kiểm sát cấp trên đối với những vụ án rất nghiêm trọng và phức tạp thuộc thẩm quyền cấp mình giải quyết theo chế

độ tỉnh thị án để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, nhanh chóng kết thúc vụ án. Thực hiện tốt công tác THQCT trong suốt quá trình điều tra vụ án, thường xuyên nắm chắc tiến độ điều tra để thu thập một cách khách quan đầy đủ các tài liệu, chứng cứ đối với vụ án. Nắm chắc những trường hợp CQĐT đình chỉ điều tra, phát hiện và hủy bỏ kịp thời các quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ, trái pháp luật để phục hồi điều tra vụ án.

*Thứ năm*, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chủ động phối hợp chặt chẽ với điều tra viên rà soát, đánh giá chứng cứ và các thủ tục, biện pháp tố tụng đã áp dụng trước khi kết thúc điều tra.

KSV phải nghiên cứu kỹ các tài liệu chứng cứ, đọc kỹ hồ sơ, yêu cầu trích cứu về những nội dung quan trọng; kịp thời phát hiện mâu thuẫn, nắm bắt và xử lý kịp thời những khiếu nại, tố cáo của người bị bắt, người bị tạm giữ, của bị can, của người bị hại và những người tham gia tố tụng điều tra khác; nắm bắt ý kiến của người bào chữa về vụ án, của dư luận về quá trình khởi tố, điều tra vụ án.

KSV chủ động phối hợp với điều tra viên rà soát, đánh giá chứng cứ tài liệu để kịp thời bổ sung những thiếu sót về thủ tục tố tụng, cũng như chứng cứ để tránh tình trạng phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Trong quá trình rà soát, nếu có những vấn đề vướng mắc mà Điều tra viên, KSV chưa thống nhất về tội danh, chứng cứ hoặc xem xét trách nhiệm hình sự của những đối tượng liên quan thì phải báo cáo kịp thời để lãnh đạo hai bên chỉ đạo giải quyết.

Trách nhiệm quan trọng của Viện kiểm sát chính là vai trò quyết định trong việc kết thúc điều tra hay tiếp tục điều tra, kết thúc điều tra theo hướng nào. Điều đó, đòi hỏi KSV phải chủ động phối hợp với điều tra viên và CQĐT, không để vụ án kết thúc điều tra mới phát hiện, yêu cầu điều tra bổ sung, thay đổi tội danh...

*Thứ sáu*, phối hợp tốt giữa hoạt động THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra các tội phạm ma túy

Để thực hiện tốt công tác THQCT đối với các tội phạm ma túy thì ngoài các biện pháp về nghiệp vụ, cần thực hiện tốt việc phối hợp, hỗ trợ giữa các khâu kiểm sát điều tra, kiểm sát giam giữ, đây là khâu công tác rất quan trọng và cần thiết. Mối quan hệ giữa các khâu nghiệp vụ không chỉ trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn mà trong cả công tác chỉ đạo, điều hành. Kiểm sát giam, giữ phải thông báo cho THQCT biết những trường hợp tạm giữ, tạm giam đã quá thời hạn theo lệnh. Ngoài ra, VKSND phải quán triệt và thực hiện tốt việc phối hợp giữa các khâu nghiệp vụ được quy định tại các Quy chế công tác THQCT, kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam.

#### ***4.2.5. Tăng cường trang bị cơ sở, vật chất và bảo đảm chế độ đãi ngộ cho ngành Kiểm sát nhân dân***

Tăng cường chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất cho ngành Kiểm sát nhân dân. Theo đó, mức lương và phụ cấp của KSV cần được xem xét tăng cường để đáp ứng đúng mức độ trách nhiệm và áp lực công việc phải đối mặt, nhất là trong khi các vụ án ma túy thường phức tạp và nguy hiểm, đòi hỏi KSV phải có năng lực và tinh thần làm việc cao. Chú trọng đến việc trang bị phương tiện, điều kiện cần và đủ đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ việc lưu trữ, quản lý dữ liệu, và

trao đổi thông tin giữa VKS các cấp, giữa VKS với các cơ quan liên quan; tập trung xây dựng phần mềm quản lý án hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân để giúp cải thiện tốc độ, độ chính xác trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và giảm bớt áp lực công việc cho KSV. Qua đó, đáp ứng yêu cầu của hoạt động THQCT việc khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy có tính đặc thù, áp lực cao; bảo đảm tương xứng với trách nhiệm nặng nề của KSV trong hoạt động này; góp phần cho cán bộ, KSV yên tâm gắn bó lâu dài với Ngành, nhất là tại các tỉnh có điều kiện kinh tế còn chưa cao như Điện Biên, Sơn La, Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum [3]; hạn chế việc cán bộ, KSV ngoài giờ làm việc còn phải lao động ngoài để có thêm thu nhập; cán bộ, KSV có điều kiện để chuyên tâm học hỏi, nâng cao năng lực nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp; bảo đảm KSV không bị sa ngã trước những cám dỗ, bất chấp pháp luật dẫn đến vi phạm nghiêm trọng trong giải quyết vụ án.

#### ***4.2.6. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra***

Trong mối quan hệ với CQĐT, VKSND cần quan tâm cả những mặt thuận lợi và khó khăn, cả tính chất chỉ đạo - chấp hành và tính chất phối hợp công tác để chủ động xây dựng mối quan hệ này theo hướng tích cực, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu cải cách tư pháp đặt ra. Do đó, biện pháp hiệu quả nhất vẫn là tăng cường phối hợp giữa Viện kiểm sát và CQĐT ngay trong quá trình tổ chức thực hiện từng hoạt động điều tra đối với các tội giết người, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, KSV phải kịp thời phối hợp, trao đổi với Điều tra viên để xử lý, đồng thời báo cáo lãnh đạo hai đơn vị cho ý kiến giải quyết.

Tuy nhiên, không vì bao biện “phối hợp” mà nê nang, nê trách; cần kiên quyết thực hiện đúng, áp dụng đầy đủ các trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát được quy định tại các Điều 165, 166 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình phối hợp, cần kiên định nguyên tắc “mềm dẻo nhưng cương quyết”, theo đó, lãnh đạo Viện kiểm sát và KSV cần thống nhất áp dụng một trong số các trường hợp cụ thể sau:

*Thứ nhất*, Tăng cường sự phối hợp trong giải quyết các TG, TBTP, KNKT

VKSND các cấp phối hợp với các cơ quan hữu quan tiên hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế phối hợp hiện có cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Lãnh đạo VKSND cần chủ động thực hiện Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VKSND tối cao hướng dẫn quy định của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Để thực hiện tốt quy định tại Thông tư số 06 nêu trên, đòi hỏi phải có sự phối hợp trong quá trình phân loại tin theo hướng khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự giữa VKS và CQĐT cùng cấp, bảo đảm để VKS nắm chắc nguồn tin, số lượng, kết quả giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trong trường hợp phát hiện có thông tin về tội phạm mà không được giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật thì yêu cầu thực hiện hoặc kiến nghị khắc phục. Hoạt động phối hợp được thực hiện kịp thời, chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả, đảm bảo mọi hành vi phạm tội

xảy ra phải được xử lý theo pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời không làm oan người vô tội. Hoạt động phối hợp tập trung vào những nội dung chính sau đây: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về dấu hiệu của tội phạm; phối hợp tổ chức, chỉ đạo, tham mưu hướng dẫn tổ chức tập huấn nghiệp vụ và cung cấp các văn bản tài liệu có liên quan; phối hợp trong hoạt động phân loại, kiểm tra, xác minh để việc xử lý tố giác, tin báo về tội phạm được thực hiện thuận lợi, kịp thời, đúng pháp luật.

*Thứ hai*, đối với các trường hợp KSV đã đề ra những yêu cầu điều tra có chất lượng (sát, đúng, cần thiết) nhưng điều tra viên không đủ năng lực thực hiện nhưng không trao đổi lại với KSV hoặc cố tình không thực hiện theo yêu cầu điều tra, thì tùy từng trường hợp cụ thể, lãnh đạo Viện kiểm sát phải kiên quyết vận dụng triệt để các biện pháp được quy định tại Điều 165 BLTTHS năm 2015.

*Thứ ba*, đối với trường hợp thay đổi Điều tra viên, cần lưu ý ngoài các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều 49 BLTTHS khi phát hiện điều tra viên “*không vô tư trong khi làm nhiệm vụ*” [33] theo quy định tại khoản 3 Điều 49 BLTTHS thì Viện kiểm sát kiên quyết kiến nghị thay đổi Điều tra viên. Trong trường hợp này, KSV cần trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra cần thiết để có căn cứ chứng minh Điều tra viên không khách quan trong điều tra vụ án. Ngoài ra, nếu hành vi của điều tra viên có dấu hiệu tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp cần báo cáo ngay về VKSNDTC để phân loại, xử lý (theo nguồn tin báo về tội phạm);

Viện kiểm sát các cấp cần tăng cường tổ chức rút kinh nghiệm về mối quan hệ phối hợp với CQĐT cùng cấp:

Đối với VKSND và các địa phương, cần tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy địa phương, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế (quy định) phối hợp theo hướng cụ thể hơn, nhưng không trái các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 19-10-2018 của VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; số 06/2018/TTLT-VKSTC- TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018 của VKSND tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tư pháp - Bộ Lao động thương binh - Xã hội hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên; Thông tư liên tịch số: 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTP-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của VKSND tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tư pháp - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT- BCA-VKSTC-TANDTC-BQP ngày 22/12/2017 của VKSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Đồng thời, định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm nghiêm túc việc thực hiện quan hệ phối hợp theo quy định.

#### ***4.2.7. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên toàn tuyến biên giới***

Quán triệt thực hiện hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền THPT. Trong đó, các cơ quan, bộ, ngành hữu quan cần thực hiện tốt nội dung sau: (1) hằng năm xây dựng kế hoạch hoặc quy chế phối hợp trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm ma túy giữa các cơ quan có thẩm quyền THPT, tạo sự thống nhất trong phối hợp và bảo đảm xử lý các vụ án về ma túy một cách nhanh chóng, thông suốt và hiệu quả; (2) hằng năm tổ chức Hội nghị liên ngành về tổng kết thực tiễn, chia sẻ kinh nghiệm, giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự về ma túy; (3) hằng năm rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hướng dẫn công tác THQCT, kiểm sát điều tra, truy tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm án ma túy nhằm kịp thời cập nhật các quy định của pháp luật cũng như đáp ứng tình hình thực tế; (4) phối hợp với các cơ quan chức năng của Lào thành lập thêm và tổ chức hoạt động có hiệu quả các Văn phòng liên lạc qua biên giới (BLO) để tăng cường công tác giao ban, trao đổi, chia sẻ thông tin, phối hợp xác minh thông tin, tình hình tội phạm, phối hợp điều tra, bắt giữ tội phạm giữa hai nước.

#### ***4.2.8. Tăng cường hợp tác quốc tế trong điều tra và thực hành quyền công tố đối với tội phạm ma túy xuyên biên giới***

Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, thiết lập đầu mối chuyên trách trong VKSND các cấp để xử lý các vụ án có yếu tố nước ngoài, phối hợp với cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng và các tổ chức quốc tế như UNODC trong trao đổi thông tin, truy vết tội phạm, thu thập chứng cứ và dẫn độ đối tượng.

*Thứ nhất*, tăng cường đào tạo chuyên sâu cho KSV về pháp luật quốc tế, kỹ năng tương trợ tư pháp hình sự, quy trình xử lý chứng cứ có yếu tố nước ngoài, đảm bảo năng lực xử lý những tình huống phức tạp trong các vụ án ma túy xuyên quốc gia.

*Thứ nhất*, chủ động triển khai các điều ước quốc tế và thỏa thuận song phương đã ký kết, đặc biệt là Bản ghi nhớ (MOU) giữa Việt Nam – Lào – Campuchia về hợp tác phòng, chống ma túy, Công ước Liên hợp quốc 1988 và các cơ chế trong ASEAN.

*Thứ nhất*, tổ chức hội thảo chuyên đề quốc tế về điều tra, truy tố tội phạm ma túy, có sự tham gia của đại diện các cơ quan tư pháp Lào và các quốc gia trong khu vực để trao đổi kinh nghiệm, thống nhất nhận thức, cách thức phối hợp giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử.

Việc nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế không chỉ là nhu cầu nội tại của ngành Kiểm sát trong điều kiện toàn cầu hóa, mà còn là biểu hiện cụ thể cho vai trò của Việt Nam trong mạng lưới phòng chống tội phạm ma túy khu vực và quốc tế. Từ đó, góp phần thực hiện tốt hoạt động THQCT đối với các vụ án ma túy phức tạp, nhiều đối tượng, liên quan đến nhiều quốc gia, bảo đảm tính toàn diện, khách quan và đúng pháp luật.

#### **4.2.9. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật và phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực biên giới**

Song song với các giải pháp nghiệp vụ trong hoạt động tố tụng, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật có vai trò phòng ngừa từ xa, góp phần ngăn chặn nguồn phát sinh tội phạm ma túy ngay từ cơ sở, đặc biệt tại các tỉnh biên giới có tình hình tội phạm diễn biến phức tạp. Trong đó, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: (i) VKSND hai cấp cần phối hợp với chính quyền, mặt trận tổ quốc, đoàn thể địa phương tổ chức tuyên truyền pháp luật về phòng, chống ma túy, tập trung vào các đối tượng có nguy cơ cao vi phạm pháp luật như thanh thiếu niên, người dân sống tại khu vực giáp biên, dân tộc thiểu số, người có tiền án, tiền sự về ma túy...; (ii) Đổi mới hình thức tuyên truyền, đa dạng hóa phương tiện truyền thông (loa phát thanh xã, mạng xã hội, clip tình huống, tọa đàm pháp luật...) để nâng cao khả năng tiếp cận và hiểu biết pháp luật của người dân, giúp họ nhận thức rõ về hậu quả, mức xử lý nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội ma túy; (iii) tăng cường tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm và phiên tòa xét xử lưu động tại địa bàn phức tạp, qua đó giúp người dân hiểu rõ quy trình xử lý tội phạm, từ đó nâng cao niềm tin pháp luật và phòng ngừa vi phạm; (iv) gắn công tác tuyên truyền pháp luật với việc khuyến nghị, kiến nghị phòng ngừa tội phạm từ các vụ án cụ thể mà VKS đã THQCT, thông qua đó cảnh báo sớm các thủ đoạn, hành vi phạm tội mới, đặc biệt là các hình thức lợi dụng công nghệ cao để mua bán, vận chuyển ma túy; (v) thường xuyên tổng hợp các dạng điển hình tội phạm ma túy tại địa phương để phân tích, dự báo xu hướng tội phạm, làm cơ sở cho công tác tuyên truyền, cảnh báo rủi ro pháp lý cho các nhóm dân cư dễ bị dụ dỗ, lôi kéo.

Đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật, từ góc độ phòng ngừa tội phạm, chính là sự mở rộng vai trò xã hội của VKS trong giai đoạn khởi tố, điều tra, đồng thời góp phần xây dựng “vùng đệm an toàn pháp lý” tại khu vực có nguy cơ cao về tội phạm ma túy, một trong những ưu tiên đặc biệt tại tuyến biên giới Việt Nam – Lào.

#### **4.2.10. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm ma túy**

Thực tiễn THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào 10 năm qua cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng thường nhầm lẫn việc định tội danh giữa các tội danh; ví dụ như cùng một hành vi, tính chất tương tự nhau, có nơi định tội danh về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, có nơi lại định tội về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; hay việc xác định đồng phạm và cá thể hóa trách nhiệm hình sự mỗi địa phương xử lý một cách khác nhau. BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã có nhiều điểm mới tiến bộ hơn so với BLHS năm 1999. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số bất cập. Do vậy cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các điều trong BLHS và hướng dẫn chi tiết một số nội dung như sau:

- Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định tại Chương XX về các tội phạm ma túy của BLHS, giải quyết những tranh chấp và xung đột trong định tội danh. Đồng thời, cần giải thích rõ các quy định chung, chưa cụ thể, còn gây ra nhiều cách hiểu khác nhau, chẳng hạn như quy định “...*bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định...*” để đảm bảo việc áp dụng pháp luật được thống nhất.

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về cách tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy đối với gói ma túy (viên ma túy) hoặc lọ dung dịch ma túy (bình dung dịch ma túy) thu giữ được gửi giám định có chứa thành phần của nhiều chất ma túy.

- Ban hành văn bản hướng dẫn đối với trường hợp chất ma túy được tẩm vào sợi khô của thuốc lá, thuốc lào thì có cần giám định hàm lượng chất ma túy không?

- Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 256 BLHS để thống nhất việc áp dụng pháp luật đối với tội này.

- Đối với tội mua bán trái phép chất ma túy, nên quy định rõ hành vi “*mua bán trái phép chất ma túy*” phải diễn ra trên thực tế (phải có hành vi tìm người mua, thỏa thuận giá, địa điểm giao nhận...). Bởi lẽ theo quy định của BLHS, thì chỉ hành vi nguy hiểm cho xã hội mới là tội phạm, ý thức chủ quan (ý nghĩ, suy nghĩ) của người phạm tội chỉ làm rõ hành vi phạm tội...mặt khác đối với quy định này thì không có trường hợp phạm tội chưa đạt (bởi chỉ có ý thức bán trái phép chất ma túy thì tội phạm đã hoàn thành), nên gây bất lợi đối với người phạm tội này... và thực tế rất khó khăn cho việc xác định giữa hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy như đã nói ở trên.

#### **4.2.11. Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong giai đoạn khởi tố, điều tra**

Từ những vướng mắc, bất cập đã nêu tại Chuyên đề 2, tác giả xin đưa ra một số đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLTTHS như sau:

Từ những vướng mắc, bất cập đã nêu trên, tác giả đưa ra một số đề xuất hoàn thiện quy định của BLTTHS như sau:

##### **4.2.11.1. Về việc nhập tố giác, tin báo về tội phạm**

Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định của BLTTHS hoặc ban hành văn bản hướng dẫn về việc thực hiện nhập tố giác, tin báo về tội phạm. Trong đó:

- Căn cứ để nhập tố giác, tin báo về tội phạm là: trong trường hợp kiểm tra, xác minh có căn cứ xác định trong các vụ việc khác nhau là do một người thực hiện hoặc có dấu hiệu phạm tội nhiều lần hoặc nhiều đối tượng cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với người phạm tội còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

- Thẩm quyền ra quyết định nhập tố giác, tin báo về tội phạm là VKSND cùng cấp, trên cơ sở đề nghị của Cơ quan có thẩm quyền điều tra cùng cấp.

##### **4.2.11.2. Về việc Cơ quan có thẩm quyền điều tra chuyển biên bản, tài liệu trong quá trình kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cho Viện kiểm sát**

Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 88 BLTTHS theo hướng: “*Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động xác minh, điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án, vụ việc mà KSV không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộ luật này thì CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho VKS để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án...*” Sửa đổi này nhằm bảo đảm trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền điều

tra trong việc chuyển biên bản, tài liệu liên quan vụ việc về xác minh TG, TBTP, KNKT cho VKS. Qua đó, VKS có thể kịp thời nắm bắt các thông tin, biên bản, tài liệu... để THQCT đối với việc xác minh TG, TBTP, KNKT.

#### 4.2.11.3. Về xử lý vật chứng

Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 106 BLTTHS theo hướng: (1) bổ sung quy định về giải quyết trường hợp VKS xét thấy việc xử lý vật chứng của Cơ quan có thẩm quyền điều tra chưa đúng căn cứ; (2) bổ sung quy định Viện kiểm có thẩm quyền thu hồi vật chứng đã xử lý do việc xử lý vật chứng chưa đúng căn cứ; (3) bổ sung quy định về thời hạn Cơ quan có thẩm quyền điều tra phải gửi quyết định xử lý vật chứng đến VKS sau khi xử lý vật chứng.

#### 4.2.11.4. Về thẩm quyền quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Viện kiểm sát

Đề xuất sửa đổi Điều 149 BLTTHS theo hướng bổ sung thẩm quyền phục hồi giải quyết TG, TBTP, KNKT. Cụ thể khoản 1 Điều 149 BLTTHS cần quy định: “*Khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không còn, CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, VKS ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố*”.

#### 4.2.11.5. Về căn cứ tạm đình chỉ và phục hồi điều tra trong trường hợp hết thời hạn điều tra nhưng chưa có kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài

Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định của BLTTHS về việc giải quyết trong trường hợp tạm đình chỉ nhưng chưa nhận được kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài theo hướng: “*Trường hợp hết thời hạn điều tra nhưng chưa có kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài mà vẫn có căn cứ để giải quyết vụ án hoặc có căn cứ để truy cứu một phần trách nhiệm hình sự của người phạm tội thì cơ quan có thẩm quyền THPT không ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án mà vẫn tiếp tục giải quyết vụ án*”.

#### 4.2.11.6. Về thủ tục chuyển tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố

Sửa đổi, bổ sung quy định của BLTTHS hoặc ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về thủ tục chuyển TG, TBTP, KNKT giữa CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra cho VKS để thống nhất nhận thức, cách thức thực hiện, hình thức văn bản và thời hạn theo hướng như sau:

*Thứ nhất*, về hình thức văn bản chuyển: quy định rõ ràng rằng việc chuyển TG, TBTP, KNKT phải được thực hiện bằng văn bản chính thức, có chữ ký của lãnh đạo cơ quan, đơn vị và đóng dấu đỏ để đảm bảo tính pháp lý.

*Thứ hai*, về quy trình giao, nhận: quy định cán bộ của các cơ quan trực tiếp giao, nhận và lập biên bản giao nhận nhằm bảo đảm việc chuyển TG, TBTP, KNKT được thực hiện một cách chặt chẽ; bảo đảm tính xác thực và linh hoạt trong trường hợp có vấn đề cần trao đổi cũng như để tránh sai sót.

*Thứ ba*, về thời hạn chuyển: quy định cụ thể thời hạn tối đa. Ví dụ: “trong thời hạn 48 giờ kể từ khi thụ lý TG, TBTP, KNKT, cơ quan tiếp nhận phải chuyển ngay cho cơ quan có thẩm quyền THPT”.

Việc bổ sung và hoàn thiện các quy định về thủ tục chuyển TG, TBTP, KNKT trong BLTTHS là cần thiết để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và hiệu quả trong quá trình giải quyết vụ án. Điều này không chỉ giúp khắc phục những khó khăn, vướng mắc hiện tại mà còn góp phần nâng cao chất lượng công tác khởi tố, điều tra, truy tố và xử lý tội phạm, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể liên quan.

*4.2.11.7. Về bảo quản, xử lý đồ vật, tài liệu thu thập được trong giai đoạn xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố*

Sửa đổi, bổ sung BLTTHS theo hướng bổ sung quy định về bảo quản, xử lý đồ vật, tài liệu thu thập được trong giai đoạn xác minh TG, TBTP, KNKT, trong đó, cần bảo đảm một số nội dung cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 89 BLTTHS như sau:

**“Điều 89. Vật chứng**

*Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ việc, vụ án”.*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 90 BLTTHS như sau:

**“Điều 90. Bảo quản vật chứng**

*1. Vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng. Việc bảo quản vật chứng được thực hiện như sau:*

*a) Vật chứng cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập. Việc niêm phong, mở niêm phong được lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ việc, vụ án. Việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng được thực hiện theo quy định của Chính phủ;*

*b) Vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng phải được giám định ngay sau khi thu thập và phải chuyển ngay để bảo quản tại Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan chuyên trách khác. Nếu vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ lưu dấu vết của tội phạm thì tiến hành niêm phong theo quy định tại điểm a khoản này; vật chứng là vi khuẩn nguy hại, bộ phận cơ thể người, mẫu mô, mẫu máu và các mẫu vật khác của cơ thể người được bảo quản tại cơ quan chuyên trách theo quy định của pháp luật;*

*c) Vật chứng không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT để bảo quản thì cơ quan có thẩm quyền THPT giao vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản;*

*d) Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản thì cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi quyền hạn của mình quyết định bán theo quy định của pháp luật và chuyển tiền đến tài khoản tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền tại Kho bạc Nhà nước để quản lý;*

*đ) Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy*

tố; cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

2. Người có trách nhiệm bảo quản vật chứng mà để mất mát, hư hỏng, phá hủy niêm phong, tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng của **vụ việc**, vụ án thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

Trường hợp thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy, làm hư hỏng vật chứng của vụ án nhằm làm sai lệch hồ sơ **vụ việc**, vụ án thì phải chịu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của luật”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 106 BLTTHS như sau:

### **“Điều 106. Xử lý vật chứng**

1. Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu **vụ việc được đình chỉ ở giai đoạn khởi tố**, vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản.

2. Vật chứng được xử lý như sau:

a) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy;

b) Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

c) Vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy.

3. Trong quá trình **khởi tố**, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó;

b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;

c) Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản thì có thể được bán theo quy định của pháp luật; trường hợp không bán được thì tiêu hủy;

d) Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự”.

#### **4.2.11.8. Về căn cứ áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp**

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 110 BLTTHS theo hướng bổ sung việc sử dụng hình ảnh từ camera hoặc video clip làm căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn

cấp, cụ thể như sau: “*Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm, hoặc qua hình ảnh camera, video clip xác định được chính xác người thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn*” nhằm bảo đảm tính kịp thời và hiệu quả trong quá trình khởi tố, điều tra và xử lý tội phạm, giúp CQTTT có thể hành động nhanh chóng và chính xác hơn trong việc giữ người khẩn cấp, tránh tình trạng tội phạm bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ hoặc gây khó khăn cho quá trình điều tra; giúp bảo vệ tính toàn vẹn và giá trị pháp lý của chứng cứ trong quá trình tố tụng. Việc sửa đổi, bổ sung quy định này cũng phù hợp với xu hướng phát triển và ứng dụng công nghệ trong xử lý tội phạm ở giai đoạn khởi tố, điều tra, giúp nâng cao hiệu quả và độ chính xác của quá trình điều tra.

#### *4.2.11.9. Về áp dụng thủ tục rút gọn*

Ban hành văn bản hướng dẫn với các nội dung tại Điều 456 BLTTHS về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn: “*sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng*”, “*người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng*” theo hướng sau:

*Thứ nhất, về “sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng”:*

- “*Sự việc phạm tội đơn giản*” là sự việc phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng do vô ý; không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

- “*Chứng cứ rõ ràng*” là chứng cứ bảo đảm các thuộc tính và giá trị chứng minh theo quy định tại Điều 86 BLTTHS và đủ căn cứ để chứng minh các vấn đề cần phải chứng minh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 85 BLTTHS.

*Thứ hai, về “người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng”:*

- “*Người phạm tội có nơi cư trú rõ ràng*” là người phạm tội có địa chỉ cư trú cụ thể, cố định và được đăng ký hoặc xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền tại địa phương. Nơi cư trú này có thể là nơi ở thường xuyên, nơi tạm trú hoặc nơi làm việc lâu dài mà người phạm tội thường xuyên sinh sống hoặc làm việc tại đó. Thông tin về nơi cư trú phải rõ ràng, cụ thể và có thể sử dụng để xác định và kiểm tra được vị trí cụ thể trên thực tế.

- “*Người phạm tội có lý lịch rõ ràng*” là người phạm tội có đầy đủ các thông tin cá nhân theo Biểu mẫu số 210 về lý lịch bị can ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08/12/2021 của Bộ Công an. Các thông tin này phải được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền tại địa phương hoặc được chứng minh bằng giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ.

*4.2.11.10. Về một số quy định còn mâu thuẫn, chưa thống nhất về thẩm quyền của Cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra*

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 BLTTHS theo hướng quy định quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và quyền ra quyết định tạm giữ đối với các vụ án nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và các vụ án ít nghiêm trọng nhưng phức tạp cho cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để bảo đảm tính nhất quán và hiệu quả trong quá

trình áp dụng pháp luật, khắc phục những bất cập hiện tại và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tiễn đối với các loại tội này, đề cao trách nhiệm của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 110 BLTTHS theo hướng quy định thẩm quyền ra quyết định tạm giữ cho người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng để bảo đảm thống nhất với khoản 2 Điều 117 BLTTHS; rõ ràng về thẩm quyền của người chỉ huy tàu bay, tàu biển trong việc ra quyết định tạm giữ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định của BLTTHS tại Điều 229 về tạm đình chỉ điều tra, Điều 230 về đình chỉ điều tra, Điều 233 và Điều 234 về bản kết luận điều tra và Điều 235 về phục hồi điều tra theo hướng quy định bổ sung thẩm quyền cho tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, kết luận điều tra và phục hồi điều tra cho người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội Biên phòng, Hải Quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển và Kiểm ngư khi thỏa mãn các điều kiện đã quy định tại điểm g khoản 2 Điều 39 BLTTHS để bảo đảm thống nhất với khoản 2 Điều 39 BLTTHS.

- Sửa đổi, bổ sung khoản Chương XI BLTTHS về khởi tố bị can và hỏi cung bị can theo hướng bổ sung quy định thẩm quyền khởi tố bị can đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng cho Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để bảo đảm thống nhất với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 164 BLTTHS.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 125 BLTTHS theo hướng quy định việc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

- Đề xuất nghiên cứu, bổ sung nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc khám nghiệm hiện trường của Cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư khi tiến hành TTHS đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp tại khoản 3 Điều 39 BLTTHS. Việc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện khám nghiệm hiện trường trong các trường hợp tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp là rất cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả của hoạt động phát hiện, thu thập, bảo quản chứng cứ, dấu vết tội phạm, vật chứng, tài liệu, dữ liệu điện tử, dấu vân tay... không để hiện trường bị xáo trộn, bảo đảm khả năng thu thập thông tin chính xác, đầy đủ về vụ án, giảm khả năng che giấu tội phạm và tiêu hủy chứng cứ của tội phạm, qua đó tạo điều kiện cho quá trình điều tra cũng như chứng minh tội phạm được hiệu quả.

Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 164 và Điều 201 BLTTHS theo hướng thống nhất với đề xuất sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 39 nêu trên. Việc sửa đổi này cũng để bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể này được quy định tại khoản 1 các điều 37, 38 và 39 Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015.

#### **Tiểu kết Chương 4**

Để nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, cần đặt ra các yêu cầu toàn diện cả về phương diện lý luận, pháp lý, tổ chức và thực tiễn thi hành. Những yêu cầu này không chỉ xuất phát từ chủ trương cải cách tư pháp và bảo đảm quyền con người, mà còn gắn liền với yêu cầu đấu tranh hiệu quả với loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Hệ thống giải pháp được đề xuất bao quát từ tăng cường lãnh đạo, hoàn thiện tổ chức – cán bộ, đổi mới phương pháp THQCT, nâng cao năng lực và kỹ năng cho KSV, mở rộng hợp tác quốc tế đến tăng cường cơ sở vật chất và cơ chế bảo đảm... Đặc biệt, việc tăng cường phối hợp với CQĐT, tổ chức BLO (văn phòng liên lạc biên giới), triển khai các điều ước quốc tế, kết hợp giữa pháp luật và giải pháp tuyên truyền – giáo dục pháp lý tại vùng biên giới có ý nghĩa rất lớn trong việc phòng ngừa và xử lý hiệu quả tội phạm ma túy xuyên quốc gia. Những giải pháp này không chỉ giải quyết các tồn tại đã được chỉ ra ở chương trước, mà còn mang tính định hướng lâu dài, bảo đảm cho hoạt động THQCT vừa tuân thủ pháp luật, vừa thích ứng linh hoạt với yêu cầu thực tiễn và bối cảnh đặc thù của địa bàn biên giới Việt Nam – Lào.

## KẾT LUẬN

Luận án “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào*” đã nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu, có hệ thống các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn liên quan đến hoạt động THQCT, một giai đoạn tố tụng mang tính nền tảng, có ý nghĩa quyết định đến tính đúng đắn, hợp pháp và hiệu quả của toàn bộ quá trình xử lý vụ án hình sự, đặc biệt trong các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới giáp Lào, một địa bàn trọng điểm, nhạy cảm, phức tạp và có tính xuyên quốc gia.

Luận án đã xác lập được nền tảng lý luận rõ ràng về THQCT trong TTHS nói chung và trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy nói riêng. Trên cơ sở tiếp cận đa chiều, chúng tôi đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, bản chất, phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức, phương thức và chủ thể của hoạt động THQCT. Đồng thời, luận án cũng đã làm rõ khái niệm, đặc điểm của tội phạm ma túy, tính chất phức tạp của các vụ án về ma túy, nhất là các vụ án có yếu tố nước ngoài, có tổ chức, có sự cấu kết xuyên biên giới. Đồng thời, luận án cũng đã đối chiếu, so sánh chính sách pháp luật giữa Việt Nam và Lào về tội phạm ma túy, một yếu tố tác động sâu sắc đến hoạt động THQCT đối với các tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào. Từ đó xác định những yêu cầu đặc thù đối với hoạt động THQCT trong bối cảnh khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Về phương diện pháp lý, luận án đã hệ thống hóa, phân tích và đánh giá toàn diện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về tổ chức và hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án hình sự, trong đó có án ma túy.

Trên cơ sở khảo sát thực tiễn hoạt động của VKSND hai cấp trên địa bàn..., luận án đã chỉ ra được những kết quả tích cực, cũng như những tồn tại, hạn chế trong THQCT. Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: cả khách quan như sự gia tăng phức tạp của tội phạm, điều kiện địa bàn, thiếu cơ chế phối hợp quốc tế hiệu quả; và chủ quan như sự chênh lệch về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, áp lực biên chế, hạn chế về cơ sở vật chất, hay chưa có chính sách chuyên sâu về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho KSV chuyên trách trong lĩnh vực này. Việc phân tích nguyên nhân được luận án thực hiện một cách khoa học, khách quan và có căn cứ thực tiễn sâu sát, tạo cơ sở chặt chẽ cho phần giải pháp.

Một trong những đóng góp quan trọng nhất của luận án là hệ thống giải pháp toàn diện, thực tiễn và khả thi nhằm nâng cao chất lượng hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào. Các giải pháp không chỉ giới hạn trong phạm vi hoàn thiện pháp luật mà còn chú trọng đến yếu tố tổ

chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ KSV, đổi mới phương pháp công tác, tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin và cải thiện điều kiện bảo đảm cho hoạt động nghiệp vụ. Đặc biệt, luận án đã đưa ra những kiến nghị cụ thể gắn với điều kiện thực tế về biên chế, chính sách đãi ngộ, chế độ tập huấn và phân công cán bộ theo hướng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu chất lượng công tố trong điều tra các vụ án ma túy, vốn đòi hỏi trình độ pháp lý, năng lực phân tích chứng cứ và bản lĩnh chính trị cao.

Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ có giá trị lý luận trong việc làm rõ những khía cạnh lý luận cốt lõi và đặc thù của THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy, mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc đối với VKSND cũng như các cơ quan thực thi pháp luật, nhất là trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đang quyết liệt triển khai đồng bộ, mạnh mẽ các chiến lược to lớn để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, trong đó có chiến lược cải cách tư pháp, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia cùng với yêu cầu đảm bảo tốt hơn quyền con người trong TTHS.

## DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Vy Quốc Phát (2021), *Đánh giá sự phù hợp của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự và một số kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 05, tr. 62-68.
2. Vy Quốc Phát (2024), *Một số vướng mắc, bất cập của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về giai đoạn khởi tố, điều tra và đề xuất sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 07, tr. 26-30.
3. Vy Quốc Phát (2024), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về khởi tố, điều tra vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, số 16, tr. 3-8.
4. Vy Quốc Phát (đồng tác giả) (2024), *Quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về hình phạt tử hình, thi hành án tử hình và khuyến nghị đối với Việt Nam*, Tạp chí Kiểm sát, số 09, tr. 46-56.
5. Vy Quốc Phát (2024), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 09, tr. 28-33.
6. Vy Quốc Phát (2024), *Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra – những bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Kiểm sát, số chuyên đề tháng 11, tr. 28-34.
7. Vy Quốc Phát (đồng tác giả) (2025), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Hình sự về hình phạt và biện pháp tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát, số 08, tr. 23-28.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài (2018), Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
2. Huỳnh Đông Bắc (2018), Kỹ năng kiểm sát việc đổi chất và hỏi cung bị can trong các vụ án ma túy, Tạp chí Kiểm sát, số 01/2018, tr. 12 - 17.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Văn kiện Đảng, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2000), Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị về một số công việc cấp bách các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận số 132-KL/TW ngày 18/3/2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy xác định tội phạm và tệ nạn ma túy*, Kết luận của Bộ Chính trị, Hà Nội.
6. Bộ tư pháp - Viện khoa học pháp lý (2006), Từ điển luật học, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Cừ (Chủ biên) (2006), *Từ điển Luật học*, Từ điển, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
8. Đài Phát thanh – Truyền hình Sơn La. 2024. *Sơn La bắt giữ hơn 1.100 đối tượng phạm tội về ma túy*, <https://sonlatv.vn/son-la-bat-giu-hon-1-100-doi-tuong-pham-toi-ve-ma-tuy-21908.html>, (truy cập ngày 25/01/2025).
9. Đài Tiếng nói Việt Nam. 2023. *Sơn La – từ địa bàn “nóng” về ma túy đến những rẻo cao bình yên*, <https://vov.vn/phap-luat/son-la-tu-dia-ban-nong-ve-ma-tuy-den-nhung-reo-cao-binh-yen-post1048784.vov>, (truy cập ngày 25/01/2025).
10. Hoàng Xuân Đàn (2018), Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2021), *Nghị quyết Đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ XI*, Nghị quyết, Vientiane.
12. Đoàn Nam Đàn (2021), Phòng, chống tội phạm và ma túy ở nước ta hiện nay, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 05/2021.

13. Hoàng Nguyên Đán (2019), *Thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự từ thực tiễn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
14. Đảng cộng sản Việt Nam (2022), Nghị quyết 27-NQ/TW, ngày 9/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, Hà Nội.
15. Lê Ngọc Điệp (2023), *Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố bị can về tội mua bán trái phép chất ma túy từ thực tiễn quận Ba Đình, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Hà Nội.
16. Trần Văn Độ (1999), Một số vấn đề về quyền công tố, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”, trang 48, Hà Nội.
17. Trần Minh Đông (2018), *Xây dựng, sử dụng công tác viên mật trong phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội Biên phòng các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào*, Luận án tiến sĩ, Học viện Biên phòng, Hà Nội.
18. Nguyễn Minh Đức (2015) Những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vụ án ma túy, Tạp chí Kiểm sát, số 20/2015, tr. 7 - 12.
19. Trần Minh Hào (2019), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội phạm về ma túy từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
20. Phan Thị Mỹ Hạnh (2019), *Những vấn đề về công tác phòng, chống ma túy ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
21. Phan Thị Mỹ Hạnh (2015), *Quản lý nhà nước về công tác phòng, chống ma túy ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*, Luận án tiến sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Quốc Hân (2019), *Thực hành quyền công tố trong điều tra các tội giết người theo pháp luật TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Trần Minh Hưởng, Đặng Thu Hiền (2015), Một số vướng mắc, bất cập trong áp dụng chương các tội phạm về ma túy và các văn bản hướng dẫn thi hành, Tạp chí Kiểm sát, số 11/2015, tr. 43 - 47.
24. Ngô Long Khánh (2017), *Vai trò của VKSND với việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Thái Bình*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Tư pháp, Hà Nội.

25. Hà Minh Loan (2018), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội phạm về ma túy trên địa bàn Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
26. Nhà xuất bản Công an nhân dân (2021), *Tình hình ma túy thế giới và khu vực - Những xu hướng mới*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
27. Trần Công Phàn (2019), *Điều tra và truy tố các tội phạm về ma túy theo pháp luật mới*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
28. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Sách tham khảo, Nxb. chính trị Quốc gia, Hà Nội
29. Tôn Thiện Phương (2017), *THQCT trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
35. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
36. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
37. Nguyễn Tiến Sơn (2012) Hà Nội, *Mối quan hệ Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
38. Nguyễn Tiến Sơn (2014), *Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và mối quan hệ giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra trong điều kiện cải cách tư pháp*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 1.
39. Nguyễn Trần Thanh (2019), *Thực hành quyền công tố trong các vụ án ma túy theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
40. Lê Hữu Thế (Chủ nhiệm) (2006), *Cơ quan công tố một số nước: Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Úc, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan*, Sách chuyên khảo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

41. Lê Hữu Thê (Chủ biên) (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
42. Lê Hữu Thê (Chủ biên) (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
43. Nguyễn Ngọc Tinh (2019), *Thực hành quyền công tố trong giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
44. Đỗ Thành Trường (2017), *Các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
45. Tạp chí cảnh sát phòng, chống tội phạm (2015), Tăng cường phối hợp đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam- Lào, số 12/2015.
46. Tạp chí Cảnh sát phòng, chống tội phạm (2015), Những đề xuất để làm tốt công tác hợp tác phòng, chống ma túy ở Nghệ An, số 12/2015.
47. Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, Bản án số 48/2020/HS-ST ngày 21/8/2020.
48. Từ điển tiếng Việt (2000), Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học.
49. Từ điển luật học (2006), Nxb. Từ điển Bách khoa - Nxb. Tư pháp.
50. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025*, Nghị quyết, Văn phòng Quốc hội, Hà Nội.
51. Ủy ban Quốc gia Phòng, chống Ma túy Lào (2021), *Chiến lược quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2021–2025*, Chính sách quốc gia, Vientiane.
52. Viện Châu Á và Viễn Đông của Liên Hợp Quốc về Phòng chống Tội phạm và Xử lý Người phạm tội (Unafei) (2008), Báo cáo về tư pháp hình sự Nhật Bản, Tokyo.
53. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (2022), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 03/KN-VKSST ngày 25/4/2022.
54. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (2022), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 32/KN-VKSTPKT ngày 22/11/2022.

55. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (2022), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 214/KN-VKSNH ngày 17/4/2022.
56. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An (2011- 2015), Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024.
57. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018), (2019), (2020), (2021), (2022), (2024), (2024), Báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024.
58. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”.
59. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), (2014), (2015), (2016), (2017), (2018), (2019), (2020), (2021), (2022), (2024), (2024), Số liệu trong giai đoạn khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy trên toàn quốc (2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024), Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Cục 2).
60. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), (2014), (2015), (2016), (2017), (2018), (2019), (2020), (2021), (2022), (2024), (2024), Số liệu trong giai đoạn khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào (2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024), Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Cục 2).
61. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố (Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao). Thông tin Khoa học Kiểm sát – Tập 2/2018, Hà Nội.
62. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2018), Thông tư liên tịch số: 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTP-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 quy định việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
63. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2022), Tài liệu tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, VKS các cấp trong 03 năm (2020-2022), Hà Nội.
64. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.

65. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2002), Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Nga.
66. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), Lịch sử Viện kiểm sát nhân dân (sơ khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), Nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới, Viện Khoa học kiểm sát - Thông tin khoa học kiểm sát, (số Chuyên đề 05+06), Hà Nội.
68. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp (2017), Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 22/12/2017 hướng dẫn các quy định của của BLTTHS về trả hồ sơ điều tra bổ sung.
69. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), Lịch sử Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), Tổng kết 50 năm Công tác thực hành Quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự của Viện kiểm sát nhân dân (1960 - 2010).
71. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp, Chuyên đề nghiệp vụ.
72. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2017), Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn thi hành quy định của của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
73. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), Các bài nói, bài viết của lãnh đạo Đảng và Nhà nước về Viện kiểm sát nhân dân, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1968), Kết luận về công tác kiểm sát, Nội san Công tác kiểm sát, số 3/1968, Hà Nội.
75. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác của Viện kiểm sát nhân dân qua 55 năm tổ chức và hoạt động.
76. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018), *Quyền công tố và thực hiện quyền công tố ở Việt Nam trong giai đoạn mới – Nhận thức và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
77. Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố: Long An, Kon Tum, Lâm Đồng, Cần Thơ, Thanh Hoá, Quảng Bình, Nghệ An... (2023), Báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS năm 2015.

78. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên (2018), Kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động khởi tố, điều tra số 128/KN-VKS-P1 ngày 08/3/2018.
79. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên (2018), Kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra số 63/KN-VKS-P1 ngày 11/12/2018.
80. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên (2019), Thông báo rút kinh nghiệm về công tác THQCT, kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự số 460/TB-VKSĐB-P1 ngày 11/12/2019.
81. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên (2020), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật số 430/KN-VKS-P1 ngày 12/10/2020.
82. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên (2021) Thông báo rút kinh nghiệm về công tác THQCT, kiểm sát trong giải quyết vụ án hình sự số 133/TB-VKSĐB-P1 ngày 08/3/2021.
83. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên (2022), Kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động khởi tố, điều tra số 461/KN-VKSĐB-P1 ngày 11/12/2022.
84. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum (2019), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 01/KN-VKS ngày 13/11/2019.
85. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum (2021), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 46/KN-VKS ngày 13/11/2021.
86. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum (2022), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 04/KN-VKSKT-P1 ngày 16/11/2022.
87. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An (2023), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong vụ án hình sự về ma túy từ thực tiễn công tác của VKSND tỉnh Nghệ An*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Hà Nội.
88. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (2020), Kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật trong việc đóng dấu bút lục trên biên bản, tài liệu trong hồ sơ vụ án hình sự số 143/KN-VKSQN-P1 ngày 12/12/2020.
89. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (2021), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 85/KN-VKSQN-P1 ngày 15/9/2021.

90. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (2021), Kiến nghị áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật số 11/KN-VKSQN-P1 ngày 12/11/2021.
91. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (2021), Thông báo rút kinh nghiệm về việc xác định điểm, khoản của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, số 14/TB-VKS ngày 15/3/2021.
92. Võ Văn Ta (2019), *Tình hình tội phạm về ma túy tại tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- 92a. Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ Tư pháp về Hình sự, VKSND tối cao (2023), Báo cáo tại Hội thảo “*Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống buôn bán DVHD*” tại Quảng Bình ngày 22-23/6/2023.
93. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học VKSND tối cao (2018), *Đổi mới công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của VKSND theo quy định của BLTTHS năm 2015*, Đề tài khoa học cấp Bộ, VKSND tối cao.
94. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học VKSND tối cao (2018), *Quyền công tố và thực hiện quyền công tố ở Việt Nam trong giai đoạn mới - Nhận thức và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp Bộ, VKSND tối cao, Hà Nội.
95. Vụ THQCT và kiểm sát điều tra án ma túy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018 - 2024), Báo cáo công tác năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 về công tác THQCT và kiểm sát điều tra án ma túy, Hà Nội.
96. Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án ma túy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018), *Tình hình tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt - Lào - Những giải pháp đấu tranh phòng, chống*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
97. Viện kiểm sát Quân sự Trung ương (2014), Đề tài khoa học cấp bộ: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát quân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp, Hà Nội.
98. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Sách tham khảo, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

## TÀI LIỆU TIẾNG ANH

99. Boyne, Shawn Marie (2014), *The German Prosecution Service: Guardians of the Law?*, Springer, Berlin.
100. William E Buttler (2010) “Japan Final Report”, Research studies on the organization and functioning of the justice system in five selected countries (China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation) for United Nations Development Program, Vietnam, UNDP, Vietnam.
101. Council of Europe (Author) (1998), *The Role of the Public Prosecution Office in a Democratic Society*, Publisher: Council of Europe.
102. Fionda, Julia (1995), *Public Prosecutors and Discretion: A Comparative Study*, Oxford University Press, Oxford.
103. Angela J. Davis (2009), *Arbitrary Justice: The Power of the American Prosecutor*, Publisher: Oxford University Press, New York.
104. Dean Doran and John Jackson (2000) *The judicial role in criminal proceedings*, Publisher: Oxford-Portland Oregon.
105. Kalman Gyorgy (1996) *The public prosecutor’s office in the transitional period*, printed in book: “The transformation of the Prokuratura into a body compatible with the democratic principles of law”, Publisher: Council Of Europe Publishing.
106. Kroger, John (2008), *Convictions: A Prosecutor's Battles Against Mafia Killers, Drug Kingpins, and Enron Thieves*, Farrar, Straus and Giroux, New York.
107. Minoru Shikita (2000), *Chỉ dẫn về công tác công tố*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
108. Reichel, Philip L. (2002), *Comparative Criminal Justice Systems: A Topical Approach* (3rd ed.), Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ.
109. McBride, Jeremy (2009), *Human Rights and Criminal Procedure: The Case Law of the European Court of Human Rights*, Council of Europe Publishing, Strasbourg.
110. Worrall, John L. & Nugent-Borakove, M. Elaine (2008), *The Changing Role of the American Prosecutor*, State University of New York Press, Albany.

**PHỤ LỤC**  
**Hệ thống các bảng số liệu**

**Phụ lục 1.1. Bảng số liệu vụ án khởi tố của toàn quốc và các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào và trên toàn quốc giai đoạn 2013-2017**

<b>Tỉnh</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>Trung bình</b>
<b>Điện Biên</b>	619	596	562	732	729	647.6
<b>Sơn La</b>	877	924	930	996	1.141	973.6
<b>Thanh Hoá</b>	559	588	556	593	579	575
<b>Nghệ An</b>	776	846	882	1042	966	902.4
<b>Hà Tĩnh</b>	77	81	75	66	100	79.8
<b>Quảng Bình</b>	42	53	47	53	54	49.8
<b>Quảng Trị</b>	47	48	50	50	45	48
<b>Thừa Thiên Huế</b>	67	60	51	60	66	60.8
<b>Quảng Nam</b>	100	87	90	102	120	99.8
<b>Kon Tum</b>	68	62	33	48	35	49.2
<b>Tổng cộng</b>	<b>3232</b>	<b>3345</b>	<b>3276</b>	<b>3742</b>	<b>3835</b>	<b>3486</b>
<b>Toàn quốc</b>	<b>17.527</b>	<b>17.566</b>	<b>17.134</b>	<b>18.742</b>	<b>19.836</b>	<b>18161</b>

**Phụ lục 1.2. Bảng số liệu bị can khởi tố của toàn quốc và các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào và trên toàn quốc giai đoạn 2013-2017**

<b>Tỉnh</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>Trung bình</b>
<b>Điện Biên</b>	765	776	670	887	888	797.2
<b>Sơn La</b>	1.182	1.227	1.244	1.239	1.454	1269.2
<b>Thanh Hoá</b>	687	752	647	704	690	696
<b>Nghệ An</b>	923	1023	1026	1197	1099	1053.6
<b>Hà Tĩnh</b>	91	103	87	79	129	97.8
<b>Quảng Bình</b>	59	82	56	62	64	64.6
<b>Quảng Trị</b>	74	90	74	73	68	75.8
<b>Thừa Thiên Huế</b>	100	87	67	72	84	82
<b>Quảng Nam</b>	137	113	119	147	164	136
<b>Kon Tum</b>	96	97	53	63	50	71.8
<b>Tổng cộng</b>	<b>4114</b>	<b>4350</b>	<b>4043</b>	<b>4523</b>	<b>4690</b>	<b>4344</b>
<b>Toàn quốc</b>	<b>23.394</b>	<b>23.261</b>	<b>22.203</b>	<b>24.021</b>	<b>24.876</b>	<b>23551</b>

**Phụ lục 1.3. Số vụ án khởi tố của toàn quốc và các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào và trên toàn quốc giai đoạn 2018-2025**

<b>Tỉnh</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>6T 2025</b>	<b>Trung bình</b>
<b>Điện Biên</b>	710	783	865	1.007	1.053	1086	1118	581	973
<b>Sơn La</b>	1.211	1.126	1.288	1.325	1.377	1393	1408	718	1300
<b>Thanh Hoá</b>	674	744	837	946	939	966	993	526	8939
<b>Nghệ An</b>	1172	1354	1459	1529	1460	1486	1514	832	1454
<b>Hà Tĩnh</b>	112	156	193	177	197	206	216	112	185
<b>Quảng Bình</b>	91	139	180	213	217	232	250	147	202
<b>Quảng Trị</b>	96	170	184	286	277	305	335	187	253
<b>Thừa Thiên Huế</b>	85	129	139	161	198	213	229	121	174.5
<b>Quảng Nam</b>	127	162	198	220	202	210	218	120	197
<b>Kon Tum</b>	50	76	126	144	131	142	156	81	123
<b>Tổng cộng</b>	<b>4328</b>	<b>4839</b>	<b>5469</b>	<b>6008</b>	<b>6051</b>	<b>6200</b>	<b>6378</b>	<b>3444</b>	<b>2770</b>
<b>Toàn quốc</b>	<b>21.837</b>	<b>24.338</b>	<b>27.502</b>	<b>28.736</b>	<b>29.069</b>	<b>29755</b>	<b>30393</b>	<b>16716</b>	<b>11713</b>

**Phục lục 1.4. Bảng số liệu bị can bị khởi tố của toàn quốc và các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào và trên toàn quốc giai đoạn 2018-2025**

<b>Tỉnh</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>6T 2025</b>	<b>Trung bình</b>
<b>Điện Biên</b>	832	934	1.018	1.147	1.197	1229	1266	646	1114
<b>Sơn La</b>	1.528	1.473	1.620	1.705	1695	1710	1724	896	1656
<b>Thanh Hoá</b>	838	952	1.141	1.336	1.538	1617	1691	896	1363
<b>Nghệ An</b>	1388	1618	1909	1975	1866	1910	1954	1094	1851
<b>Hà Tĩnh</b>	131	184	224	229	297	319	342	181	261
<b>Quảng Bình</b>	106	195	261	337	354	393	435	248	322
<b>Quảng Trị</b>	143	238	249	396	417	458	503	272	368
<b>Thừa Thiên Huế</b>	106	186	184	301	386	436	492	271	329
<b>Quảng Nam</b>	189	216	257	316	426	457	488	254	357
<b>Kon Tum</b>	69	95	175	204	198	217	240	122	180
<b>Tổng cộng</b>	<b>5330</b>	<b>6091</b>	<b>7038</b>	<b>7946</b>	<b>8374</b>	<b>8689</b>	<b>9006</b>	<b>4773</b>	<b>7753</b>
<b>Toàn quốc</b>	<b>27.410</b>	<b>30.837</b>	<b>35.423</b>	<b>38.683</b>	<b>41.313</b>	<b>42718</b>	<b>44106</b>	<b>23817</b>	<b>38516</b>

**Phục lục 1.5. Bảng số liệu không phê chuẩn bất khẩn cấp, không phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định tạm giữ tại các tỉnh Biên giới Việt Nam – Lào và trên toàn quốc giai đoạn 2018-2025**

<b>Năm</b>	<b>Số người VKS không phê chuẩn bất khẩn cấp</b>	<b>Số người VKS không phê chuẩn hạn tạm giữ</b>	<b>Số người VKS hủy bỏ quyết định tạm giữ</b>	<b>Tổng số người bị tạm giữ</b>
<b>2018</b>	4	5	4	<b>5.875</b>
<b>2019</b>	6	3	4	<b>6.656</b>
<b>2020</b>	5	4	3	<b>7.408</b>
<b>2021</b>	7	5	3	<b>8.819</b>
<b>2022</b>	3	4	9	<b>9.676</b>
<b>2023</b>	3	5	2	<b>9.739</b>
<b>2024</b>	6	4	5	<b>5.875</b>
<b>6T 2025</b>	1	2	2	<b>7.212</b>
<b>Tổng số</b>	<b>35</b>	<b>33</b>	<b>32</b>	<b>63.814</b>

**Phụ lục 1.6. Bảng số liệu kết quả THQCT trong việc quyết định khởi tố vụ án về các tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào giai đoạn 2018-2025**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số vụ án đã khởi tố</b>	<b>Tổng số vụ án VKSND khởi tố</b>	<b>Tổng số vụ án CQĐT khởi tố</b>	<b>Tổng số vụ án CQĐT khởi tố VKSND Thống nhất</b>	<b>Tổng số vụ CQĐT khởi tố VKSND hủy bỏ</b>
<b>2018</b>	<b>4328</b>	153	4175	4162	13
<b>2019</b>	<b>4839</b>	147	4692	4667	25
<b>2020</b>	<b>5469</b>	164	5305	5291	14
<b>2021</b>	<b>6008</b>	197	5811	5793	18
<b>2022</b>	<b>6051</b>	186	5865	5842	23
<b>2023</b>	<b>6200</b>	195	6005	5979	26
<b>2024</b>	<b>6378</b>	206	6172	6151	21
<b>6T 2025</b>	<b>3317</b>	107	3209	3199	11
<b>Tổng</b>	<b>42590</b>	<b>1355</b>	<b>41234</b>	<b>41072</b>	<b>151</b>

**Phụ lục 1.7. Bảng số liệu kết quả THQCT trong việc quyết định khởi tố bị can về các tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào giai đoạn 2018-2025**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số bị can đã khởi tố</b>	<b>Tổng số bị can VKSND khởi tố</b>	<b>Tổng số bị can CQĐT khởi tố</b>	<b>Tổng số bị can CQĐT khởi tố, VKSND phê chuẩn</b>	<b>Tổng số bị can CQĐT khởi tố, VKSND hủy bỏ</b>
<b>2018</b>	5330	220	5110	5107	3
<b>2019</b>	6091	82	6009	6006	3
<b>2020</b>	7038	202	6836	6834	2
<b>2021</b>	7946	239	7707	7701	6
<b>2022</b>	8374	188	8186	8184	2
<b>2023</b>	8689	212	8477	8473	4
<b>2024</b>	9006	231	8775	8772	3
<b>6T 2025</b>	4683	120	4563	4561	2
<b>Tổng</b>	<b>52777</b>	<b>1500</b>	<b>51277</b>	<b>51245</b>	<b>32</b>

**Phụ lục 1.8. Bảng tổng hợp số liệu các bản yêu cầu điều tra về các tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào giai đoạn 2018-2025**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số Vụ án đã khởi tố</b>	<b>Tổng số các bản yêu cầu điều tra</b>	<b>Tỷ lệ số các bản yêu cầu điều tra/ số vụ án đã khởi tố</b>
<b>2018</b>	5330	14.444	271%
<b>2019</b>	6091	16.994	279%
<b>2020</b>	7038	19.777	281%
<b>2021</b>	7946	22.487	283%
<b>2022</b>	8374	23.447	280%
<b>2023</b>	8689	25.633	295%
<b>2024</b>	9006	26.298	292%
<b>6T 2025</b>	4592	13.506	294%
<b>Tổng/ Trung bình</b>	<b>52.474</b>	<b>149.080</b>	<b>284%</b>

**Phụ lục 1.9. Bảng số liệu kết quả kết luận điều tra về các tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào giai đoạn 2018-2025**

Năm	Kết quả kết luận điều tra về các tội phạm ma túy							
	Tổng số vụ án đã khởi tố	Tổng số bị can đã khởi tố	Số vụ án đề nghị truy tố	Số bị can đề nghị truy tố	Số vụ án đình chỉ điều tra	Số bị can đình chỉ điều tra	Số vụ án tạm đình chỉ điều tra	Số bị can tạm đình chỉ điều tra
<b>2018</b>	<b>4328</b>	<b>5330</b>	4260	5281	12	16	56	33
<b>2019</b>	<b>4839</b>	<b>6091</b>	4767	6045	8	12	64	34
<b>2020</b>	<b>5469</b>	<b>7038</b>	5376	7000	10	10	83	28
<b>2021</b>	<b>6008</b>	<b>7946</b>	5911	7915	19	14	78	17
<b>2022</b>	<b>6051</b>	<b>8374</b>	5944	8348	14	12	93	14
<b>2023</b>	<b>6200</b>	<b>8689</b>	6088	8664	17	14	95	11
<b>2024</b>	<b>6378</b>	<b>9006</b>	6263	8984	18	11	97	11
<b>6T 2025</b>	<b>3317</b>	<b>4683</b>	3257	4672	9	6	50	6
<b>Tổng</b>	<b>42590</b>	<b>57157</b>	<b>40270</b>	<b>52059</b>	<b>183</b>	<b>192</b>	<b>846</b>	<b>527</b>